BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

TRẦN THỊ QUỲNH LOAN

QUẢN LÝ DẠY HỌC Ở TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN THEO HƯỚNG XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Hà Nội, năm 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

TRẦN THỊ QUỲNH LOAN

QUẢN LÝ DẠY HỌC Ở TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN THEO HƯỚNG XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP

Chuyên ngành: Quản lý giáo dục
Mã số: 62.14.01.14

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học:
PGS,TS. Nguyễn Xuân Thức
PGS,TS. Dương Thị Hoàng Yến

Hà Nội, năm 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan, những vấn đề viết trong luận án là nghiên cứu của bản thân. Các số liệu được trình bày trong luận án là trung thực, khách quan. Kết quả nghiên cứu của luận án chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào khác.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về những gì đã cam đoan.

Tác giả

Trần Thị Quỳnh Loan

LỜI CẢM ƠN

Sau quá trình học tập, nghiên cứu với sự giúp đỡ tận tình của các thầy giáo, cô giáo, các cơ sở giáo dục và bạn bè đồng nghiệp, tôi đã hoàn thành luận án này.

Với tình cảm chân thành và lòng biết ơn sâu sắc, tôi xin trân trọng cảm ơn: Các Thầy Cô Khoa Quản lý giáo dục, phòng Sau đại học trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã tận tình giảng dạy, quan tâm và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Tôi vô cùng cảm ơn sự nhiệt tình giúp đỡ của các nhà khoa học, các chuyên gia nghiên cứu giáo dục, Sở Giáo dục - đào tạo Phú Thọ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Phú Thọ, phòng Giáo dục đào tạo thành phố Việt Trì, các đồng chí cán bộ quản lý, giáo viên các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện tỉnh Phú Thọ, cùng người thân, bạn bè, đồng nghiệp đã động viên, giúp đỡ, tạo mọi điều kiện thuận lợi và đóng góp ý kiến giúp tôi hoàn thành luận án.

Đặc biệt tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc và chân thành nhất đối với ***PGS.TS Nguyễn Xuân Thức, PGS.TS Dương Hoàng Yến*** *những người trực tiếp giảng dạy, giúp đỡ, cung cấp kiến thức, phương pháp luận và hướng dẫn tôi hoàn thành luận án này.*

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song chắc chắn không thể tránh khỏi thiếu sót, kính mong nhận được sự chỉ giáo, góp ý của các nhà khoa học, các bạn đồng nghiệp, để tôi hoàn thành tốt luận án này

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, tháng 8 năm 2016

Tác giả luận án

Trần Thị Quỳnh Loan

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

BDTX	:	Bồi dưỡng thường xuyên
BGĐ	:	Ban giám đốc
BGD&ĐT	:	Bộ Giáo dục và Đào tạo
BTVH	:	Bổ túc văn hóa
CB, GV, CNV	:	Cán bộ, giáo viên, công nhân viên
CBQL	:	Cán bộ quản lý
CM	:	Chuyên môn
CNH - HĐH	:	Công nghiệp hóa - hiện đại hóa
CNTT	:	Công nghệ thông tin
CSVC	:	Cơ sở vật chất
DHPH	:	Dạy học phân hóa
GDNN - GDTX	:	Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên
GV	:	Giáo viên
GVCN	:	Giáo viên chủ nhiệm
HS	:	Học sinh
HV	:	Học viên
KT-KN	:	Kiến thức – kỹ năng
KT-XH	:	Kinh tế - xã hội
LĐ-TB&XH	:	Lao động - thương binh và xã hội
THCS	:	Trung học cơ sở
THPT	:	Trung học phổ thông
TTHTCĐ	:	Trung tâm học tập cộng đồng
UBND	:	Ủy ban nhân dân
XH	:	Xã hội
XHH	:	Xã hội hóa
XHHT	:	Xã hội học tập

DANH MỤC BẢNG SỐ

Bảng 1.1. Hai triết lí giáo dục trong xã hội 31
Bảng 2.1a. Mẫu khách thể khảo sát.....52
Bảng 2.1b. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Thọ 52
Bảng 2.2. Mức độ thực hiện các nội dung chương trình dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên 55
Bảng 2.3. Mức độ thực hiện các hình thức dạy học ở trung tâm 56
Bảng 2.4. Mức độ đáp ứng về nguồn lực dạy học ở trung tâm.....58
Bảng 2.5. Thuận lợi khi tổ chức dạy học ở trung tâm.....60
Bảng 2.6. Khó khăn khi tổ chức dạy học ở trung tâm 61
Bảng 2.7. Đánh giá thực trạng quản lý chương trình nội dung dạy học ở trung tâm 62
Bảng 2.8. Đánh giá thực trạng quản lý người dạy ở trung tâm.....64
Bảng 2.9. Thực trạng quản lý người học ở trung tâm 65
Bảng 2.10. Đánh giá thực trạng quản lý tài chính, phương tiện cơ sở vật chất (các điều kiện đảm bảo) ở trung tâm 68
Bảng 2.11. Bảng tổng hợp quản lý các yếu tố đầu vào của dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở trung tâm.....70
Bảng 2.12. Đánh giá thực trạng quản lý quá trình giảng dạy của giáo viên ở trung tâm 72
Bảng 2.13. Thực trạng quản lý hoạt động học tập của người học ở trung tâm.....75
Bảng 2.14. Thực trạng quản lý kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở trung tâm.....77
Bảng 2.15. Bảng tổng hợp kết quả quản lý quá trình dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên 79
Bảng 2.16. Thực trạng quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ ở trung tâm 80
Bảng 2.17. Đánh giá thực trạng quản lý thông tin đầu ra của dạy học ở trung tâm .82
Bảng 2.18. Đánh giá phản hồi của các cơ sở sử dụng sản phẩm dạy học của trung tâm 84

Bảng 2.19. Đánh giá thực trạng phản hồi ý kiến của học viên về dạy học ở trung tâm 85
Bảng 2.20. Đánh giá thực trạng các vấn đề cần học thêm của người học ở trung tâm 86
Bảng 2.21. Đánh giá sự tác động của các thông tin phản hồi tới dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở trung tâm 87
Bảng 2.22. Bảng kết quả tổng hợp quản lý đầu ra dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập 88
Bảng 2.23. Tác động của các yếu tố bối cảnh đến quản lý dạy học ở trung tâm 89
Bảng 3.1. Mẫu khảo sát tính cần thiết và khả thi của biện pháp quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập 122
Bảng 3.2. Kết quả khảo nghiệm về nhận thức tính cần thiết của biện pháp quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập 123
Bảng 3.3. Kết quả khảo nghiệm về nhận thức tính khả thi của biện pháp quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập. 125
Bảng 3.4. Mối quan hệ giữa tính cần thiết và khả thi của biện pháp quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập 127
Bảng 3.5. Cơ cấu khách thể khảo sát trong mẫu thực nghiệm 130
Bảng 3.6a. Kết quả đo dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX trước thực nghiệm. 134
Bảng 3.6b. Kết quả đo biểu hiện của xã hội học tập thông qua dạy học trước thực nghiệm 136
Bảng 3.7a. Kết quả đo dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX sau thực nghiệm 139
Bảng 3.7b. Kết quả đo biểu hiện của xã hội học tập thông qua dạy học sau thực nghiệm 141

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Quản lý dạy học theo quá trình CIPO.....33
Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện tỉnh Phú Thọ 54
Biểu đồ 2.1. Quản lý các yếu tố đầu vào của dạy học ở trung tâm.....71
Biểu đồ 2.2. Quản lý quá trình dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.....80
Biểu đồ 2.3. Quản lý các yếu tố đầu ra của dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.....89
Biểu đồ 2.4. Mức độ tác động của các yếu tố bối cảnh đến quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.....92
Sơ đồ 3.1. Mối quan hệ giữa các nhóm biện pháp quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập 121
Biểu đồ 3.1. Mức độ cần thiết và khả thi của biện pháp quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập. 129
Biểu đồ 3.2. Kết quả đo dạy học ở Trung tâm GDNN-GDTX trước thực nghiệm 136
Biểu đồ 3.3. Kết quả đo biểu hiện của xã hội học tập thông qua dạy học trước thực nghiệm.....138
Biểu đồ 3.4. Kết quả đo dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX sau thực nghiệm..140
Biểu đồ 3.5. Kết quả đo biểu hiện của xã hội học tập thông qua dạy học sau thực nghiệm.....143

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

LỜI CẢM ƠN

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

DANH MỤC BẢNG SỐ

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

MỞ ĐẦU 1

1. Lý do chọn đề tài 1

2. Mục đích nghiên cứu 3

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu 3

4. Giả thuyết khoa học 3

5. Nhiệm vụ nghiên cứu 3

6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu 4

7. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu 5

8. Điểm mới của luận án 6

9. Luận điểm bảo vệ 7

10. Cấu trúc của luận án 7

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ DẠY HỌC Ở TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN THEO HƯỚNG XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP 8

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề 8

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về dạy học và dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên 8

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về quản lý dạy học và quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập 10

1.1.3. Các vấn đề các công trình đi trước đã nghiên cứu về quản lý dạy học ... 18

1.1.4. Vấn đề đặt ra cho đề tài nghiên cứu của luận án 19

1.2. Xã hội học tập 19

1.2.1. Khái niệm xã hội học tập 19

1.2.2. Đặc trưng xã hội học tập 22

1.3. Dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập 24
1.3.1. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trong hệ thống giáo dục quốc dân 24
1.3.2. Dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên .25
1.3.3. Dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập.....29
1.4. Quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập 32
1.4.1. Tiếp cận CIPO trong quản lý đào tạo 32
1.4.2. Vận dụng mô hình CIPO trong quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập....33
Kết luận chương 1 48
Chương 2: CƠ SỞ THỰC TIỄN QUẢN LÝ DẠY HỌC Ở TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP HUYỆN THEO HƯỚNG XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP.....49
2.1. Tổ chức khảo sát thực tiễn.....49
2.1.1. Mục đích khảo sát.....49
2.1.2. Nội dung khảo sát 49
2.1.3. Phương pháp khảo sát.....50
2.1.4. Tiêu chí và thang đánh giá.....50
2.1.5. Khái quát về Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Thọ.....52
2.2. Thực trạng dạy học ở các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện tỉnh Phú Thọ theo hướng xây dựng xã hội học tập.....54
2.2.1. Thực trạng mức độ thực hiện các nội dung chương trình dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.....54
2.2.2. Thực trạng mức độ thực hiện các hình thức dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.....56
2.2.3. Thực trạng mức độ đáp ứng về nguồn lực dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.....58

2.2.4. Thực trạng thuận lợi, khó khăn khi tổ chức dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên 60
2.3. Quản lý dạy học ở các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện tỉnh Phú Thọ theo hướng xây dựng xã hội học tập 62
2.3.1. Quản lý các yếu tố đầu vào dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên 62
2.3.2. Quản lý quá trình dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập 72
2.3.3. Quản lý các yếu tố đầu ra dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập 80
2.3.4. Quản lý các yếu tố bối cảnh dạy học 89
2.4. Đánh giá thực trạng quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập 92
2.4.1. Mặt mạnh 92
2.4.2. Mặt yếu 93
Kết luận chương 2 95
Chương 3: BIỆN PHÁP QUẢN LÝ DẠY HỌC Ở TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN THEO HƯỚNG XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP 96
3.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp 96
3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn 96
3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa 96
3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống 96
3.2. Biện pháp quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập 97
3.2.1. Nhóm biện pháp quản lý các yếu tố đầu vào dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập 97
3.2.2. Nhóm biện pháp quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập 102
3.2.3. Nhóm biện pháp quản lý các yếu tố đầu ra của dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập 110

3.2.4. Nhóm biện pháp điều tiết các tác động bối cảnh (môi trường) đến quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập 114
3.3. Mối quan hệ giữa các nhóm biện pháp.....119
3.4. Khảo sát nhận thức về sự cần thiết và mức độ khả thi của các biện pháp quản lý dạy học.....121
3.4.1. Mục đích khảo sát.....121
3.4.2. Mẫu và địa bàn khảo sát 121
3.4.3. Phương pháp khảo sát, tiêu chí và thang đánh giá khảo sát. 122
3.4.4. Kết quả khảo sát.....122
3.5. Thực nghiệm.....129
3.5.1. Mục đích thực nghiệm 129
3.5.2. Giả thuyết thực nghiệm.....129
3.5.3. Mẫu và địa bàn thực nghiệm 130
3.5.4. Tiêu chí và thang đánh giá thực nghiệm.....131
3.5.5. Các giai đoạn thực nghiệm 133
3.5.6. Phương pháp đánh giá thực nghiệm 133
3.5.7. Kết quả thực nghiệm.....134
Kết luận chương 3 145
KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ 147
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ
TÀI LIỆU THAM KHẢO
PHỤ LỤC

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

1.1. Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên ngày nay với các hình thức học tập đa dạng đã trở thành công cụ để mở rộng, tạo cơ hội học tập cho mọi người và xây dựng xã hội học tập. Việc coi Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên là một hệ thống thành phần của hệ thống giáo dục quốc dân cũng được ghi trong Quyết định 112/2005/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt Đề án "Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2005-2010". "Xây dựng cả nước trở thành xã hội học tập được dựa trên nền tảng phát triển đồng thời, gắn kết, liên thông của hai bộ phận cấu thành: Giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên của hệ thống giáo dục quốc dân, trong đó giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình học tập nhằm tạo điều kiện tốt nhất đáp ứng mọi yêu cầu học tập suốt đời, học tập liên tục của mọi công dân sẽ là một bộ phận có chức năng quan trọng, làm tiền đề xây dựng xã hội học tập". Nội dung hoạt động của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên bao gồm nhiều hoạt động, trong đó hoạt động cơ bản là hoạt động dạy học. Dạy học là con đường, nhân tố cơ bản để hướng đến xây dựng xã hội học tập.

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành TW Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng cũng chỉ rõ: *"Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp và hệ thống quản lý giáo dục…đẩy mạnh phong trào học tập trong nhân dân bằng những hình thức giáo dục chính qui và không chính qui, "thực hiện giáo dục cho mọi người", "cả nước thành một xã hội học tập"*[4]. Một lần nữa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng nêu rõ "chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập" nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nhân tài, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Gần đây nhất là Nghị quyết 29 - NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đã nêu: *"Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận*

gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội...Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo. Chuẩn hóa, hiện đại hóa giáo dục và đào tạo"[5]. Nghị quyết của Hội nghị TW Đảng đã thể hiện rõ tinh thần phát triển giáo dục gắn với nhu cầu thực tế đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, tạo điều kiện cho mọi người có thể học tập suốt đời, hướng tới một xã hội học tập. Rõ ràng, ở nước ta vấn đề xã hội học tập đang là một vấn đề thời sự. Để xây dựng được xã hội học tập theo tinh thần đó ở các cơ sở giáo dục, đặc biệt là ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thì vai trò của dạy học và quản lý dạy học vô cùng quan trọng. Quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập là con đường, cách thức vừa nâng cao chất lượng dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, đồng thời là con đường để xây dựng xã hội học tập.

1.2. Ở tỉnh Phú Thọ các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên đã phát triển nhanh chóng làm thành một mạng lưới rộng khắp và đạt được những thành tựu đáng kể về mọi mặt. Bên cạnh những thành tích đã đạt được của giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên cả nước thì giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên của một số địa phương vẫn còn những bất cập như chú trọng về số lượng, hạn chế về chất lượng, chưa có các biện pháp hữu hiệu nâng cao chất lượng dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

Dạy học ở trung tâm chưa hướng nhiều đến người học, chưa tạo hết cơ hội cho mọi người học tập suốt đời và chưa tạo được mọi điều kiện để người học có đủ điều kiện *"chớp"* lấy cơ hội học tập suốt đời cho cá nhân theo tinh thần xây dựng một xã hội học tập ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và môi trường xã hội rộng lớn.

1.3. Thực tế trong lĩnh vực quản lý giáo dục các nghiên cứu vấn đề cho thấy: cho đến hiện nay khi nhìn lại các công trình nghiên cứu về vấn đề nghiên cứu mà luận án lựa chọn, thì các nghiên cứu về xã hội học tập được tập trung nghiên cứu nhiều, các nghiên cứu về quản lý dạy học cũng có nhưng tập trung nhiều vào quản lý dạy học ở phổ thông, đại học. Còn các nghiên cứu quản lý dạy học cho người lớn

ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trong mối quan hệ với xây dựng xã hội học tập hầu như chưa được nghiên cứu.

Xuất phát từ lý do trên tôi lựa chọn đề tài nghiên cứu *"Quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập"*.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu các vấn đề về lý luận, thực trạng của quản lý dạy học tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện tỉnh Phú Thọ, đề xuất các biện pháp quản lý dạy học theo hướng xã hội học tập nhằm nâng cao chất lượng dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và góp phần xây dựng xã hội học tập trong giai đoạn hiện nay.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Quá trình dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập**.**

4. Giả thuyết khoa học

Quản lý dạy học ở trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập còn có những bất cập làm hạn chế chất lượng dạy học và xây dựng xã hội học tập. Đề xuất và áp dụng các biện pháp quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập: đa dạng hoá các loại hình học tập, đa dạng hoá người dạy, phát huy tính tích cực người học cao hơn gắn dạy học ở trung tâm với thực tiễn xã hội, địa phương... sẽ nâng cao được chất lượng dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, từ đó góp phần xây dựng được xã hội học tập.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập.

5.2. Khảo sát và đánh giá thực trạng quản lý dạy học của các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện tỉnh Phú Thọ theo hướng xây dựng xã hội học tập.

5.3. Đề xuất biện pháp quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập.

5.4. Khảo nghiệm và thực nghiệm biện pháp quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập.

6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

6.1. Giới hạn đối tượng nghiên cứu

- Quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập bao gồm nhiều chủ thể quản lý thuộc về trung tâm và các cơ sở xã hội ngoài trung tâm, nhưng chủ thể chính của quản lý dạy học trong luận án là *Ban giám đốc* Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

- Dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên bao gồm nhiều loại hình, nội dung nhưng luận án giới hạn chỉ nghiên cứu quản lý dạy học với các loại hình sau: *dạy hướng nghiệp, dạy nghề* lấy các chứng chỉ (học 03 tháng), *bồi dưỡng giáo viên* và bồi dưỡng các chuyên đề chuyên sâu theo nội dung cấp học.

6.2. Giới hạn địa bàn nghiên cứu

Các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên *cấp huyện* tỉnh Phú Thọ.

6.3. Khách thể khảo sát bao gồm

Khách thể khảo sát bao gồm: Cán bộ quản lý Sở, Phòng, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, giảng viên, giáo viên, cán bộ thuộc các cơ sở nghề nghiệp và học viên nên được chia thành 04 nhóm:

Nhóm 1: Khách thể chuẩn hóa bộ công cụ luận án *(62 khách thể)*.

Nhóm 2: Khách thể khảo sát thực trạng *(586 khách thể)*.

Nhóm 3: Khách thể khảo nghiệm *(315 khách thể)*.

Nhóm 4: Khách thể thực nghiệm *(2 nhóm đối chứng 78 khách thể và thực nghiệm 84 khách thể)*.

7. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp tiếp cận

7.1.1. Tiếp cận hệ thống

Tiếp cận hệ thống là quan niệm tất cả các thành tố đều nằm trong một hệ thống và có quan hệ biện chứng với nhau. Theo tiếp cận này luận án xác định được quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trong mối quan hệ của các thành tố trong quá trình dạy học (mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học...). Mối quan hệ giữa các chủ thể quá trình dạy học (Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, các phòng ban chức năng của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên...) trong quản lý dạy học. Mối quan hệ giữa các nội dung quản lý dạy học với nhau (quản lý dạy, quản lý học, quản lý các hoạt động hỗ trợ dạy học). Mối quan hệ giữa quản lý dạy học với việc xây dựng xã hội học tập ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên. Mối quan hệ và sự chi phối ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan, khách quan (môi trường, cơ chế chính sách...) đến quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên. Mối quan hệ giữa quản lý dạy học với tạo ra nguồn nhân lực giáo dục.

7.1.2. Tiếp cận thực tiễn

Tiếp cận thực tiễn trong luận án để thấy rõ thực trạng việc xây dựng xã hội học tập, thực trạng quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và thực trạng quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên. Xác định rõ những mặt mạnh, yếu, các yếu tố ảnh hưởng bên trong và bên ngoài đến quản lý dạy học của giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

7.1.3. Tiếp cận CIPO

Theo tiếp cận này, luận án thấy được đặc trưng quản lý các nhân tố đầu vào (Imput), đặc trưng các nhân tố đầu ra (Output), sự chi phối của hoàn cảnh (Context) tác động đến đầu vào, đầu ra và biểu hiện của động thái (Process), giúp người điều hành nhà trường vận hành các nhân tố trong động thái thay đổi do đó phải thấy các "Rào cản", các "Động lực" và các "Điều kiện" để đưa trung tâm tới mục tiêu xác định.

7.1.4. Tiếp cận cung - cầu (tiếp cận thị trường)

Đào tạo nói chung và dạy học nói riêng theo hướng xây dựng xã hội học tập xuất phát từ nhu cầu thực tiễn và nhu cầu xã hội. Cho nên các biện pháp quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập phải được xây dựng theo hướng tiếp cận thị trường và tuân thủ theo xu hướng, quy luật của thị trường như quy luật cung cầu, quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh và xu hướng hội nhập.

7.2. Phương pháp nghiên cứu

7.2.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lí luận

Sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh...các tài liệu lí luận có liên quan đến vấn đề nghiên cứu để xây dựng cơ sở lí luận của luận án về quản lý dạy học Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập.

7.2.2.Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Mục đích khảo sát thực trạng hoạt động dạy học và quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập; đánh giá thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

Phương pháp nghiên cứu: Điều tra bằng bảng phiếu, quan sát, tổng kết kinh nghiệm, phương pháp chuyên gia, phương pháp thực nghiệm.

7.2.3. Nhóm phương pháp xử lí thông tin

* *Mục đích nghiên cứu:* Xử lí thông tin, định lượng kết quả nghiên cứu lập nên các bảng số, biểu đồ, sơ đồ...của luận án, kiểm định độ tin cậy của phương pháp nghiên cứu, của kết quả thu thập về định lượng của luận án.

* *Công cụ xử lí thông tin*: Sử dụng các công thức toán học như số trung bình cộng, số trung vị, hệ số tương quan, phần mềm SPSS...để xử lý kết quả nghiên cứu thu được.

8. Điểm mới của luận án

8.1. Bổ sung và làm phong phú lý luận về quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập.

8.2. Phát hiện thực trạng quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện tỉnh Phú Thọ.

8.3. Đề xuất và khẳng định hiệu quả của biện pháp quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập.

9. Luận điểm bảo vệ

9.1. Dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường theo hướng xây dựng xã hội học tập là con đường vừa nâng cao chất lượng dạy học, vừa đưa trung tâm hòa nhập với địa phương, để xây dựng xã hội học tập.

9.2. Quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên hiện tại còn bộc lộ những hạn chế, bất cập như chất lượng đầu vào dạy học chưa đảm bảo, tổ chức dạy học nhiều khi chưa phù hợp, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, với hoàn cảnh địa phương, vì vậy làm hạn chế chất lượng dạy học ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập.

9.3. Quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo tiếp cận CIPO quản lý đầu vào, quá trình, đầu ra, bối cảnh sẽ nâng cao được chất lượng dạy học và tạo điều kiện xây dựng xã hội học tập ở cộng đồng xã hội, địa phương.

10. Cấu trúc của luận án

Luận án ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục còn gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập.

Chương 2: Cơ sở thực tiễn quản lý dạy học ở các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện tỉnh Phú Thọ theo hướng xây dựng xã hội học tập.

Chương 3: Biện pháp quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện tỉnh Phú Thọ theo hướng xây dựng xã hội học tập.

Chương 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ DẠY HỌC Ở TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN THEO HƯỚNG XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về dạy học và dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Dạy học và giáo dục là vấn dề cơ bản của xã hội, sự tồn tại xã hội cho nền trong khoa học nói chung và khoa học giáo dục nói riêng được nghiên cứu rất nhiều và tập trung các nhà khoa học giáo dục thuộc các lĩnh vực khác nhau. Các công trình nghiên cứu của các nhà khoc học tiêu biểu I.Ia Lecne, M I Macmutov, M N Xcatkin, V. Ô Kôn, Xavier Roegiers, X.I.Kixegof [65]... đã nêu bật vai trò quan trọng của dạy học với việc phát triển cho người học năng lực nghề nghiệp cần thiết và phát triển tính độc lập sáng tạo cho người học. Như trong tác phẩm "*Lí luận dạy học của trường phổ thông trung học*" (1982), các tác giả M I Macmutov, M N Xcatkin, V. Ô Kôn... đã nêu lên các "*Nét đặc trưng của hoạt động sáng tạo như độc lập chuyển các kiến thức và kĩ năng vào tình huống mới, khả năng nhìn thấy vấn đề mới trong tình huống mới, khả năng nhìn thấy cấu trúc của đối tượng, xây dựng được cách giải quyết mới về nguyên tắc khác với cách giải quyết đã biết và cũng không phải là tổ hợp các cách giải quyết đã biết... Tất cả điều đó đều được hình thành trong quá trình tổ chức dạy học*" [74].

Trong công trình nghiên cứu "*Hình thành các kĩ năng và kĩ xảo sư phạm cho sinh viên trong điều kiện nền giáo dục đại học*" Kixegof và các cộng sự đã thiết kế hơn 100 kĩ năng giảng dạy, trong đó có hơn 50 kĩ năng cần thiết để thiết kế bài giảng nhằm phát triển năng lực người học.

Ở các nước phương Tây theo tư tưởng thực tiễn, thực trạng các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học đã đề cập đến việc phát triển các năng lực, phẩm chất cần thiết cho người học trong quá trình tổ chức dạy học như các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học ở trường Đại học Stan Forts (Hoa Kì). Trong công trình nghiên cứu của tiến sĩ giáo dục người Ấn Độ Raja RohSingh "Nền giáo dục cho thế kỉ 21: Những triển vọng của châu Á - Thái Bình Dương" đã khẳng định các mục đích mà tổ

chức dạy học cần đạt được ở người học cũng như cách thức tổ chức dạy học như thế nào? [86].

Ngoài ra các nhà khoa học bàn rất nhiều về hình thức dạy học, nội dung dạy học, các điều kiện nguyên tắc dạy học... qua các tác phẩm, công trình nghiên cứu của Cômenxki, T.A.ILina, M I Kônđacốp (1985) *Giáo dục học* (1979). "*Phương pháp dạy học ở đại học*" của Sharma, G D Shakti, R.Ahmed (2001) [85], B.P.Exipốp (1997) "*Những cơ sở lí luận của dạy học*" [Dẫn theo 46].

Bàn về dạy học trong nhà trường đại học, các cấp phổ thông về các nội hàm khác nhau của dạy học... đã được nghiên cứu rất nhiều trong các công trình nghiên cứu của các nhà khoa học giáo dục Việt Nam ở các góc độ khoa học khác nhau. Có thể kể đến các công trình "*Lí luận dạy học đại cương*" của Nguyễn ngọc Quang (1996), "*Lí luận dạy học hiện đại*" của Lưu Xuân Mới (2000) [73], Hà Thế Ngữ (1980) với "*Quá trình sư phạm: Bản chất, cấu trúc và tính qui luật*", Đặng Vũ Hoạt - Hà Thị Đức (2010) "*Lí luận dạy học hiện đại*" [48], Vũ Trọng Rỹ (1994) "*Phương tiện dạy học với việc đổi mới phương pháp dạy học ở trường phổ thông*" [87], Thái Duy Tuyên (2005) với "*Tổ chức dạy học trên lớp để giúp sinh viên tự học*" [93]...

Các công trình nghiên cứu dạy học ở giáo dục thường xuyên và xây dựng xã hội học tập cũng được các tác giả nghiên cứu và công bố trên các công trình nghiên cứu khoa học...

Vấn đề dạy học người lớn ở các trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp là một vấn đề thời sự trong mọi thời kỳ lịch sử đặc biệt trong bối cảnh hiện nay một trong bảy xu hướng đổi mới giáo dục thế giới là xu hướng xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời. Các công trình nghiên cứu bàn về dạy học đối với người lớn rất đa dạng. Có thể kể ra một số công trình sau: Nguyễn Bích Liên (2005), "*Thực trạng phát triển giáo dục không chính qui ở Việt Nam*" [66], Nguyễn Thế Mỹ (2008), "*Phương pháp dạy học người lớn trong giáo dục thường xuyên*" [74], Đặng Thành Hưng (2003), "*Phương pháp dạy học trong giáo dục người lớn*" [53], Tô Bá Trượng (2004), "*Một số vấn đề về chất lượng giáo dục không chính qui*" [100], Nguyễn Ngọc Hùng (2006), "*Giáo dục thường xuyên trong xã hội học tập*" [50]...

Các công trình nghiên cứu trên khi bàn về dạy học cho người lớn bàn đến nhiều khía cạnh khác nhau: đặc điểm người lớn và dạy học cho người lớn; nội dung, hình thức, phương pháp dạy học cho người lớn; vấn đề kiểm tra đánh giá dạy học cho người lớn ở trung tâm giáo dục thường xuyên, giáo dục cộng đồng...

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về quản lý dạy học và quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

Quản lý dạy học được hình thành và phát triển cùng với lịch sử hình thành và phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội. Khổng Tử (551 - 479 trước CN) đã có quan điểm về phương pháp dạy học: "*dùng cách gợi mở, đi từ gần đến xa, từ đơn giản đến phức tạp, nhưng vẫn đòi hỏi người học phải tích cực suy nghĩ*", "*đòi hỏi học trò phải tập luyện, phải hình thành nề nếp, thói quen trong học tập*" [22].

Một số nhà giáo dục ở cả phương Tây đã có những tư tưởng về quản lý dạy học như Môngtênhơ, J.Rutxô, J.A.Komenski, Usinxki…đã đưa ra các vấn đề về dạy học và quản lý dạy học. Cômenxki (1592 - 1670) đã đưa ra các nguyên tắc về dạy học như: trực quan, nhất quán, đảm bảo tính khoa học và tính hệ thống…và tác giả đã đưa ra các nguyên tắc dạy học gợi ý cho chủ thể quản lý dạy học thấy rằng hiệu quả dạy học phụ thuộc vào trình độ vận dụng các nguyên tắc dạy học [22].

Trong công trình nghiên cứu về vấn đề quản lý trường học của tập thể các tác giả dưới sự chủ biên của P.V.Zimi, M.I.Konđakốp, N.I.Xaxerđôtốp đã xây dựng cơ sở lí luận khoa học quản lý giáo dục. Đây là công trình nghiên cứu tương đối đầy đủ về quản lý dạy học [64].

Năm 1990, Ramsay W. và Clark E. E. đã viết cuốn "New Ideas for Effective School Improvement"*(Những ý tưởng mới về nhà trường hiệu quả)* [118]. Các tác giả đã nêu nhiều tiêu chí định tính về hiệu quả nhà trường và các ý tưởng nhằm mang lại hiệu quả quản lý trường học, hiệu quả dạy học…

Wily H. (1991) trong cuốn "Management and its Linkages with School Effectiveness"*(Quản lý và những kết nối của nó với hiệu quả trường học)* [120]. Tác giả đã chỉ ra mối quan hệ giữa quản lý với các yếu tố mang lại hiệu quả giáo dục: Mục đích giáo dục, thiết chế giáo dục, trình độ giáo viên, tính tích cực của học sinh, cơ sở vật chất và môi trường giáo dục.

Trong lĩnh vực nghiên cứu về quản lý chất lượng dạy học có các tác giả: West-Burnham(1992) với nghiên cứu "Management Quality in schools" (*Quản lý chất lượng trong nhà trường*) [119]; Dorothy Myers và Robert Stonihill(1993) "School-based management" (Quản lý chất lượng lấy nhà trường làm cơ sở) [106]; Taylor. A, F. Hill(1997) "Quality management in education"*(Quản lý chất lượng trong giáo dục)* [117]. Các nghiên cứu này tập trung các quan điểm và các phương pháp vận dung nội dung quản lý chất lượng trong sản xuất vào đổi mới quản lý chất lượng trong lĩnh vực giáo dục.

Ngoài ra còn có các nghiên cứu khác như: Tác giả Cooper King (2008), với nghiên cứu "Managing teaching and learning"*(Quản lý dạy và học)* đã chỉ ra quản lý dạy và học là chức năng quan trọng của lãnh đạo nhà trường, đó là tạo điều kiện và môi trường hỗ trợ tốt nhất cho việc dạy và học [103]; nghiên cứu thực nghiệm kết quả học tập của học sinh của các tác giả Norbert Michel, John Cater, Otmar Varela (2009) với nghiên cứu "Active versus passive teaching styles: an impirical study of student learning outcomes" đã chỉ ra ý nghĩa của của các nguyên tắc học tập và giảng dạy tích cực có thể đem lại thành tích học tập cao và nhận định rằng để có được những tác động tích cực đến học sinh thì quản lý hoạt động giảng dạy phải áp dụng các nguyên tắc tích cực khi thực hiện các hoạt động sư phạm trong lớp học, thể hiện qua bốn khía cạnh: bối cảnh học tập, chuẩn bị bài, thể hiện trong khi giảng và nâng cao dần (tìm kiếm và sử dụng các ý kiến phản hồi) [115]; Nghiên cứu về vai trò của giáo viên trong quản lý tình huống dạy và học "Role of Teachers in Managing teaching Learning Situation" của các tác giả Dr. Ali Murtaza, Dr. Abdul Majeed Khan, nghiên cứu này xem xét lại vai trò của giáo viên trong các tình huống dạy và học, đánh giá vai trò của giáo viên trong quản lý tình huống dạy và học [108].

Ở Việt nam, quản lý dạy học là nhiệm vụ trọng tâm trong giáo dục nói chung và là quản lý giáo dục nhà trường nói riêng. Quản lý dạy học trong nhà trường là quản lý trực tiếp các hoạt động giáo dục diễn ra ở trường, nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo và nguyên lý giáo dục theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII của Đảng cộng sản Việt Nam *"Mục tiêu chủ yếu là thực hiện giáo dục toàn diện đức dục, trí dục, thể dục, mỹ dục ở tất cả các bậc học. Hết sức coi trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, nhân cách, khả năng tư duy sáng tạo, năng lực thực hành"* [3].

Khi nghiên cứu về quản lý dạy học có các nghiên cứu của các tác giả: Tác giả Nguyễn Ngọc Hùng (2006) với nghiên cứu *"Các biện pháp đổi mới quản lý dạy học thực hành theo tiếp cận năng lực thực hiện cho sinh viên sư phạm kĩ thuật"*, đã bàn về đổi mới mục tiêu, nội dung dạy học, đổi mới quản lý theo hướng phương tiện dạy học thực hành cho đội ngũ giáo viên các chuyên ngành kĩ thuật…[50].

Tác giả Mai Công Khanh (2009) trong nghiên cứu *"Quản lý dạy học ở trường dự bị đại học dân tộc theo yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi hiện nay "*chỉ ra *"Dạy học là hoạt động trọng tâm, con đường cơ bản để thực hiện mục đích giáo dục; thông qua dạy học hình thành hệ thống tri thức, kỹ năng, kỹ xảo làm cơ sở cho việc phát triển phẩm chất năng lực cho người học. Dạy học trong xã hội hiện đại có những đặc điểm khác với dạy học truyền thống về mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức"* [58]. Tác giả đã làm rõ được các nội dung quản lý dạy học với đặc điểm riêng của loại hình trường chuyên biệt. Trên cơ sở kế thừa các lý luận về quản lý dạy học trong nhà trường, tác giả đã bổ sung, làm rõ đặc trưng về mặt lý luận quản lý trường Dự bị đại học dân tộc trên các mặt: Quản lý chương trình; quản lý giảng dạy và đặc biệt là quảnh lý học tập của học sinh dân tộc học dự bị đại học. Chỉ ra được những bất cập trong quản lý dạy học ở các trường dự bị đại học và đề xuất được các biện pháp quản lý dạy học cho các trường Dự bị đại học dân tộc, các biện pháp đề xuất tập trung vào việc: Hoàn thiện nội dung chương trình bồi dưỡng dự bị đại học dân tộc theo yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi; tổ chức hoạt động giảng dạy của giáo viên trường Dự bị đại học dân tộc theo quan điểm dạy học tích cực; tổ chức hoạt động học tập cho học sinh dự bị đại học dân tộc theo tinh thần đề cao sự tự học; cải tiến phương thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của học sinh tiếp cận với yêu cầu kiểm tra - đánh giá ở đại học; tăng cường đầu tư thiết bị dạy học hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý dạy học ở trường Dự bị đại học dân tộc; đổi mới quản lý tài chính ở trường Dự bị đại học dân tộc tăng cường nguồn lực cho dạy học.

Tác giả Nguyễn Phúc Châu (2010), đã chú trọng phân tích quản lý dạy học là quản lý các thành tố mục tiêu, nội dung - chương trình, phương pháp - hình thức, cơ sở vật chất, lực lượng, đánh giá kết quả và môi trường dạy học. Tác giả đã chỉ ra những nội dung quản lý dạy học đó là: (1) quản lý quy chế chuyên môn; (2) quản lý tổ chức

nhân lực dạy học; (3) quản lý việc huy động và sử dụng tài lực, vật lực; (4) quản lý môi trường dạy học; (5) quản lý việc sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học [20].

Bàn về quản lý về hình thức dạy học, tác giả Lê Hoàng Hà (2012) [38], với nghiên cứu "*Quản lý dạy học theo quan điểm dạy học phân hoá ở trường THPT Việt Nam hiện nay*". Trên cơ sở kế thừa các thành tựu lý luận, tác giả đã đi sâu phân tích và hệ thống hoá một số khái niệm chủ yếu có liên quan đến đề tài. Đó là: Quản lý, quản lý nhà trường, quản lý dạy học; quản lý dạy học theo quan điểm phân hóa; đặc điểm người quản lý; dạy học phân hoá; các cơ sở của dạy học theo quan điểm dạy học phân hóa. Tác giả đã cụ thể hóa, làm rõ hơn quan điểm về dạy học phân hóa và quản lý dạy học theo quan điểm dạy học phân hóa ở trường THPT: *"Quản lý dạy học theo quan điểm dạy học phân hóa là khơi dậy, phát huy nội lực tự học của người học và khơi dậy, phát huy được lòng yêu nghề, trách nhiệm với nghề nghiệp của người dạy để dạy tốt, học tốt, tạo ra khát vọng và năng lực tự học suốt đời của người học. Nội dung quản lý dạy học theo quan điểm dạy học phân hóa cần bám sát vào bốn chức năng quản lý và tập trung vào nâng cao nhận thức về dạy học theo quan điểm dạy học phân hóa; quản lý việc thực hiện chương trình dạy học; quản lý hoạt động dạy của giáo viên; quản lý hoạt động học của HS và quản lý các khâu hỗ trợ hoạt động dạy học theo quan điểm dạy học phân hóa"* [38]. Để quản lý dạy học theo quan điểm dạy học phân hóa đạt kết quả, trong quản lý cần khơi dậy, phát huy nội lực tự học của người học và khơi dậy, phát huy được lòng yêu nghề, trách nhiệm với nghề nghiệp của người dạy để dạy tốt, học tốt, hình thành khả năng tự học và học suốt đời của người học. Đồng thời tác giả chỉ ra được những bất cập trong quản lý dạy học theo quan điểm dạy học phân hóa ở các trường THPT hiện nay. Đồng thời phát hiện được nguyên nhân của những bất cập đó là sự hạn chế về nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên... đối với việc đổi mới dạy học theo quan điểm dạy học phân hóa; đó là nội dung chương trình của một số môn đôi chỗ chưa phù hợp hoặc còn quá tải với trình độ của học sinh; đó là tổ bộ môn chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm của mình và giáo viên chưa được bồi dưỡng một cách có hệ thống về quy trình dạy học theo quan điểm dạy học phân hóa; đó là cơ sở vật chất trường học chưa đáp ứng được yêu cầu giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh…Tác giả đã đề xuất được các biện pháp có tính khoa học và tính thực tiễn về quản lý dạy học theo quan điểm

dạy học phân hóa ở trường THPT Việt Nam hiện nay (ở cấp vi mô), góp phần nâng cao chất lượng dạy học ở trường THPT nói riêng và góp phần thực hiện thành công mô hình dạy học phân hóa hiện tại và trong tương lai.

Phương pháp dạy học là một thành tố quan trọng trong dạy học, đổi mới phương pháp dạy học là một trọng tâm của đổi mới giáo dục. Bàn về quản lý phương pháp dạy học tác giả Đặng Quốc Bảo (2011) đã chỉ ra vấn đề đổi mới phương pháp dạy học cần tập trung vào: Phát huy cao độ tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học trong quá trình lĩnh hội tri thức; kết hợp một cách nhuần nhuyễn và sáng tạo các phương pháp dạy học khác nhau; phát triển khả năng tự học của người học; kết hợp cá nhân với hoạt động nhóm và phát huy khả năng của cá nhân; tăng cường kỹ năng thực hành; đổi mới cách kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học; đổi mới cách soạn giáo án, lập kế hoạch bài học và xây dựng mục tiêu bài học [6].

Bàn về quản lý chất lượng dạy học các tác giả: Phạm Quang Huân (2007) "*Quản lý quá trình dạy học ở trường phổ thông theo tiếp cận quản lí chất lượng tổng thể - TQM",* nghiên cứu về quản lý chất lượng quá trình dạy học ở trường phổ thông theo tiếp cận TQM, tác giả đã đề xuất mô hình bốn bước (PDCA): (1) hoạch định, định hướng chất lượng của nhà trường; (2) thực hiện chất lượng dạy học thông qua tổ, nhóm chuyên môn trong nhà trường; (3) kiểm tra, đánh giá chất lượng dạy học của giáo viên; (4) hoạt động cải tiến chất lượng. Quản lý chất lượng quá trình học trên lớp của giáo viên [49]. Tác giả Nguyễn Lộc (2010) trong bài viết "*TQM hay là quản lý chất lượng toàn thể trong giáo* dục" đã đề xuất ba giai đoạn phát triển của quản lý chất lượng đó là: Kiểm tra chất lượng; đảm bảo chất lượng và cải tiến liên tục. Tác giả nhận định: *"Nếu như giáo dục đã áp dụng thành công các giai đoạn đầu của quản lý giáo dục là kiểm tra và đảm bảo chất lượng thì trong giai đoạn sắp tới cần nghiêm túc xem xét việc triển khai TQM nhằm đưa quản lý chất lượng giáo dục lên tầm cao mới, đáp ứng đòi hỏi mới của thời đại"* [68].

Cũng bàn về vấn đề này, tác giả Võ Ngọc Vĩnh (2013) trong nghiên cứu *"Quản lý chất lượng dạy học ở trường trung học phổ thông theo tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể",* tác giả đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về dạy học, phân tích một số quan niệm về dạy học và dạy học tích cực, làm rõ cấu trúc quá

trình dạy học về mặt nội dung và mặt quá trình. Với quan điểm dạy học hướng vào người học, phát huy tính tích cực của học sinh rất phù hợp với TQM trong phương châm hướng vào khách hàng. Làm rõ được khái niệm về quản lý chất lượng và mô hình TQM; cụ thể hóa việc áp dụng TQM trong nhà trường THPT, đề xuất được mô hình TQM trong quản lý chất lượng trường THPT; đã phân tích và xác định rõ các hoạt động chính trong quản lý chất lượng dạy học với 3 chủ thể quản lý (hiệu trưởng, giáo viên, học sinh) trong quá trình dạy học; hình thành được các nhóm yếu tố tạo thành chất lượng dạy học. Xây dựng được mô hình quản lý chất lượng dạy học ở trường THPT theo tiếp cận TQM với các thành phần. Ngoài ra, tác giả đã phân tích và đánh giá chung về thực trạng quản lý chất lượng dạy học, khái quát được tình hình quản lý chất lượng giáo dục phổ thông ở Việt Nam và nêu một số tồn tại chung của quản lý chất lượng giáo dục phổ thông, từ đó tác giả đề xuất các nhóm biện pháp quản lý chất lượng dạy học ở trường THPT theo tiếp cận TQM [101].

Khi bàn về công tác quản lý của hiệu trưởng, tác giả Nguyễn Văn Châu (2011) trong nghiên cứu "*Những biện pháp tăng cường hiệu quả quản lý hoạt động dạy học của hiệu trưởng trường trung học phổ thông*" bàn về tăng cường quản lý hoạt động dạy học qua tiếp cận mối quan hệ biện chứng mục đích - phương tiện, góp phần làm phong phú thêm cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý hoạt động dạy học nhờ cách tiếp cận hoạt động dạy học bằng mối quan hệ biện chứng của cặp phạm trù *mục đích và phương tiện*; Tác giả cũng đã chỉ ra rằng: *"Một trong những mục đích phát triển giáo dục của nước nhà trong giai đoạn hiện nay là phải nâng cao rõ rệt hiệu quả giáo dục; Dạy học là con đường giáo dục cơ bản nhất, chuẩn tắc nhất để thực hiện mục đích giáo dục. Quản lý dạy học là một bộ phận của quá trình quản lý giáo dục tổng thể và là tiền đề để mang lại hiệu quả giáo dục và dạy học"* [21]. Ngoài ra, tác giả cũng đưa ra quan điểm và phương thức đánh giá hiệu quả quản lý dạy học của hiệu trưởng trường THPT trong giai đoạn hiện nay; khái quát hóa được thực trạng hoạt động dạy học, thực trạng các biện pháp quản lý dạy học, thực trạng hiệu quả quản lý dạy học và đề xuất 4 biện pháp tăng cường hiệu quả quản lý dạy học của hiệu trưởng trường THPT: *(1)* nâng cao hiệu lực của chế định Giáo dục và Đào tạo trong quản lý hoạt động dạy học; *(2)* tạo động lực cho bộ máy tổ chức và nhân lực dạy học của trường hoạt động có hiệu quả

hơn; *(3)* huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn tài lực và vật lực dạy học; *(4)* nâng cao chất lượng của hệ thống thông tin và môi trường dạy học.

Với các nghiên cứu về quản lý dạy học ở trung tâm giáo dục thường xuyên, các tác giả đã đưa ra một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học ở trung tâm giáo dục thường xuyên như:

Tác giả Ninh Văn Bình (2008) trong nghiên cứu về *"Biện pháp quản lý hoạt động dạy học ở trung tâm giáo dục thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng dạy học"*, đã góp phần làm phong phú lý luận về quản lý trung tâm giáo dục thường xuyên bằng cách bổ sung các phạm trù: - Bản chất trung tâm giáo dục thường xuyên, xem bản chất là nội dung bên trong của một sự vật, quá trình..., bao gồm: vị trí, chức năng, nhiệm vụ, thuộc tính, cấu trúc...; - Quản lý trung tâm giáo dục thường xuyên trong kinh tế thị trường qua việc trình bày: đặc điểm của giáo dục, dạy học trong điều kện hiện đại, các dạng quản lý dạy học theo chức năng, theo phương tiện và theo quá trình, yêu cầu người giám đốc trung tâm trong điều kiện kinh tế thị trường...Đồng thời tác giả cũng đã chỉ ra: Trong mỗi trường học hoạt động dạy học là trọng tâm, là hoạt động quan trọng nhất. Hoạt động này chiếm hầu hết thời gian trong các hoạt động giáo dục, chi phối các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường. Quản lý dạy học chính là quản lý quá trình dạy học: *"Quá trình dạy học là tập hợp những hành động liên tiếp của giáo viên và của học sinh được giáo viên hướng dẫn, những hành động này nhằm làm cho học sinh tự giác nắm vững hệ thống kiến thức, kỹ năng và kỹ xảo, và trong quá trình đó, phát triển được năng lực nhận thức, nắm được các yếu tố văn hóa của lao động trí óc và chân tay, hình thành những cơ sở thế giới quan khoa học"* [16].

Tác giả Nguyễn Khắc Hùng (2010) với nghiên cứu "*Giáo dục thường xuyên trong xã hội học tập ở Việt Nam"* đã hệ thống về *"Giáo dục thường xuyên"*, khái niệm, lịch sử xuất hiện, các hình thức biểu hiện, và vai trò ý nghĩa của *"Giáo dục thường xuyên"* trong từng thời kỳ lịch sử. Qua đó tác giả đã chỉ ra được tầm quan trọng của *"Giáo dục thường xuyên"* đối với sự nghiệp *"Trồng người"*, sự nghiệp đào tạo nguồn lực lao động cho đất nước. Đặc biệt là vai trò của "Giáo dục người lớn", các *"Trung tâm học tập cộng đồng"* nhằm củng cố và phát huy tối đa nguồn

nhân lực quốc gia, đáp ứng nhu cầu của nền *"kinh tế tri thức"* hiện tại và tương lai - nền kinh tế của xã hội học tập [51].

Năm 2013, với nghiên cứu *"Một số biện pháp quản lí nâng cao chất lượng hoạt động dạy học cấp trung học phổ thông ở Trung tâm Giáo dục thường xuyên Đống Đa, Hà Nội"* tác giả Nguyễn Thị Tuyết đã chỉ ra thực trạng hoạt động dạy - học tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên Quận Đống Đa - Hà Nội vẫn còn những hạn chế về cơ sở vật chất, về đổi mới phương pháp dạy học, công tác bồi dưỡng giáo viên giỏi…Từ đó tác giả đã đưa ra được một số biện pháp quản lí hoạt động học tập của học sinh ở Trung tâm GTDX Đống Đa đó là: Xây dựng và quản lí nề nếp học tập cho học sinh; bồi dưỡng HS giỏi và phụ đạo HS yếu, kém; phối hợp với phụ huynh trong việc quản lí hoạt động học tập của HS [94].

Tác giả Trần Thị Quỳnh Loan (2013) với nghiên cứu *"Biện pháp tăng cường quản lý hoạt động dạy ở Trung tâm Giáo dục thường xuyên thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ"*, đã đưa ra 7 biện pháp đó là: *(1)* nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên về vai trò của quản lý dạy học trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, xây dựng một xã hội học tập; *(2)* phát triển đội ngũ giáo viên của trung tâm giáo dục thường xuyên mạnh về chất lượng; *(3)* thực hiện nghiêm túc việc chỉ đạo tuân thủ lịch trình lên lớp và lập kế hoạch dạy học của cá nhân; *(4)* bảo đảm chất lượng sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn và bồi dưỡng năng lực quản lý của tổ trưởng chuyên môn; *(5)* tăng cường cải tiến và đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của học viên; *(6)* đổi mới công tác kiểm tra đánh giá, xếp loại chuyên môn của giáo viên; *(7)* quản lý chặt chẽ thường xuyên, nề nếp học tập, rèn luyện năng lực tự học, kỹ năng thực hành cho học viên [67].

Mới đây nhất, tác giả Phạm Huy Tư (2014) với nghiên cứu *"Quản lý dạy học theo hướng đảm bảo chất lượng tại trường tiểu học tỉnh Vĩnh Long"*, tác giả đã hệ thống hóa cơ sở lí luận về đảm bảo chất lượng dạy học cấp tiểu học, chỉ ra nội dung quản lý dạy học tiểu học theo hướng đảm bảo chất lượng bao gồm: Quản lý các yếu tố *"đầu vào"* (sức khỏe người học; tay nghề giáo viên; chương trình giáo dục; nguồn lực đầu tư); quản lý các yếu tố *"quá trình"* (hoạt động dạy học; quản lý dạy học; phương pháp dạy học; môi trường dạy học; hệ thống đánh giá; các thiết chế (quy định chuyên môn)); quản lý các yếu tố *"đầu ra"* (kết quả dạy học chuẩn KT-

KN; xét lên lớp; công nhận hoàn thành chương trình tiểu học, vào THCS) [95]. Tác giả cũng đã chỉ ra được thực trạng quản lý dạy học còn những tồn tại như: Việc quản lý thời gian học tập của mỗi học sinh chưa được quan tâm đúng mức; chất lượng quản lý hoạt động dự giờ, hoạt động của tổ chuyên môn còn nhiều bất cập, yếu kém; quản lý đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh chưa đạt yêu cầu, chưa thật sự là mục tiêu để động viên, khuyến khích giáo viên tiến hành đổi mới phương pháp dạy học hiệu quả; quản lý kết quả học tập của học sinh còn nhiều lúng túng; quản lý chất lượng tiết dạy và đánh giá tiết dạy chưa theo phiếu đánh giá một cách chính xác, khoa học làm ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dạy học. Từ đó, tác giả đã đề xuất 09 biện pháp cụ thể quản lý dạy học theo hướng đảm bảo chất lượng, chia thành ba nhóm biện pháp quản lý *"đầu vào"* (biện pháp quản lý chất lượng đầu vào của học sinh; đảm bảo chất lượng đội ngũ giáo viên; quản lý cơ sở vật chất, thiết bị dạy học), nhóm biện pháp quản lý *"quá trình"* (quản lý hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh; chỉ đạo thực hiện đổi mới phương pháp dạy học; đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn qua nghiên cứu bài học và theo chuyên đề; xây dựng văn hóa nhà trường) và nhóm biện pháp quản lý *"đầu ra"* (quản lý đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh; đảm bảo chất lượng học sinh vào học lớp 6 - cấp THCS) [95].

1.1.3. Các vấn đề các công trình đi trước đã nghiên cứu về quản lý dạy học

- Trong lĩnh vực quản lý giáo dục và giáo dục học, các công trình nghiên cứu về dạy học trong nhà trường phổ thông và đại học được tập trung nghiên cứu nhiều, còn nghiên cứu dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên còn ít được nghiên cứu. Các nghiên cứu đi theo các hướng về dạy học tập trung về vai trò của dạy học, hình thức, nội dung, phương pháp dạy học và bàn đến vấn đề người dạy và người học.

- Các đề tài về quản lý dạy học tập trung ở cấp độ thạc sĩ và tập trung ở các các cấp học phổ thông, đại học, ít được nghiên cứu ở quản lý dạy học ở trung tâm giáo dục thường xuyên. Cách tiếp cận trong quản lý dạy học trong các nhà trường thường đi theo tiếp cận quá trình (quản lý mục tiêu dạy học, nội dung dạy học, hình thức dạy học, phương pháp và phương tiện dạy học, người dạy và người học) hoặc theo tiếp cận chức năng (lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra dạy học).

- Các nghiên cứu về xã hội học tập cũng được đề cập nhiều trong các công trình nghiên cứu theo các hướng nghiên cứu lí luận và thực tiễn về khái niệm, bản chất, đặc trưng, mô hình và các con đường xây dựng xã hội học tập.

1.1.4. Vấn đề đặt ra cho đề tài nghiên cứu của luận án

- Các nghiên cứu quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên hầu như chưa được nghiên cứu ở cấp độ tiến sĩ. Nghiên cứu quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trong quan hệ với xây dựng xã hội học tập còn mỏng, ít được nghiên cứu.

- Vấn đề đặt ra là cần hệ thống hóa được lý luận và phát hiện được thực trạng quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập. Đánh giá thực trạng và đề xuất được các biện pháp quản lý dạy học đặc thù ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập nhằm nâng cao chất lượng dạy học ở trung tâm. Đồng thời góp phần, tạo điều kiện xây dựng trung tâm trở thành xã hội học tập và xây dựng xã hội học tập ở địa phương.

1.2. Xã hội học tập

1.2.1. Khái niệm xã hội học tập

Người đầu tiên đưa ra thuật ngữ "*xã hội học tập*" của thời kỳ mới - xã hội hậu công nghiệp là Edgar Faure trong tác phẩm nổi tiếng "Học tập để tồn tại" (Paris UNESCO, 1972) và sau này được nhiều tác giả khác tiếp tục phát triển như P.Jarvis chủ biên cuốn "Thời đại học tập, giáo dục và xã hội học tập", Lodon, 2001 [24].

Hướng tới thế kỷ XXI, Ủy ban quốc tế về phát triển giáo dục thế kỷ XXI (International Commisssion on Education for Twenty - first centerry) cho rằng, những cải cách từng mảng trong hệ thống giáo dục không thể mang lại sự thay đổi triệt để (hay một cuộc cách mạng triệt để trong giáo dục), do đó phải xây dựng *một tư duy giáo dục mới* trước một nền kinh tế công nghiệp đang dần dần được thay thế bằng một nền kinh tế mới - nền kinh tế hậu công nghiệp. Khái niệm cơ bản làm "vật liệu" chính cho tư duy giáo dục mới là *xã hội học tập* (Learning Society). Khi bàn về khái niệm xã hội học tập, người đầu tiên đưa ra khái niệm này là Donald schön đã nói ba lần trong 3 năm 1963, 1967, 1973 khi bàn đến giáo dục công lập và tư thục trong trong một xã hội đang có những thay đổi lớn lao và nhanh chóng [25].

Trong những năm 70, khái niệm về *xã hội học tập* được gắn với ý tưởng phục hưng nền kinh tế, là phương tiện giúp con người có được kỹ năng làm việc thích hợp. Thời kỳ này cùng với Robert Maynard Hutchins cũng có nhiều quan điểm khác nhau về xã hội học tập được đưa ra như: Quan điểm của Turten Husen Steward Ranson, Robert Boshier, Hughes và Tight, Richard Edwards, Coffield, Holford... Một trong những quan điểm được bàn đến nhiều là quan điểm của Richard Edwards [26].

Theo Richard Edwards: Xã hội học tập là một xã hội chuyên về giáo dục, cam kết thực hiện quyền công dân tích cực, dân chủ tự do và cơ hội đồng đều; xã hội học tập là thị trường học tập cho phép các thể chế giáo dục cung cấp dịch vụ cho các cá nhân nhằm hỗ trợ sức cạnh tranh của nền kinh tế; xã hội học tập là xã hội trong đó mọi người chấp nhận phương pháp học tập suốt đời, dựa trên nhiều nguồn lực nhằm giúp họ có được những thông lệ về phong cách sống. Xã hội ủng hộ quá trình học tập suốt đời như một điều kiện của các cá nhân trong giai đoạn hiện hành mà các chính sách cần đáp ứng. Quan điểm này cho rằng các chính sách chỉ là một loạt các hệ thống học tập chồng chéo, không rõ ràng trong các văn bản vào thời hậu hiện đại, chỉ nhấn mạnh tới những nhóm đặc trưng, dễ biến động và không đồng nhất. Những mục tiêu thực sự của một xã hội dân chủ tự do, một xã hội có giáo dục, một xã hội cạnh tranh kinh tế, một thị trường học tập đã, bị thay thế bằng quan niệm về sự tham gia trong học tập như một hành động qua đó các cá nhân và các nhóm theo đuổi những mục tiêu không đồng nhất.

Cũng bàn về vấn đề này, PakTeeNg [114] đã nêu: Một xã hội học tập là nơi hướng tới việc học tập và phát triển nguồn vốn trí tuệ một cách thường xuyên, liên tục.

Năm 1996, trong báo cáo gửi UNESCO "Học tập: Một kho báu tiềm ẩn" (Learning: The Treasure Within) của Ủy ban quốc tế về phát triển giáo dục thế kỷ XXI do Jacques Delos đứng đầu đã nhấn mạnh rằng khái niệm học tập suốt đời chính là chìa khóa của thế kỷ 21, và nó vượt xa hơn sự phân chia truyền thống giữa giáo dục ban đầu và giáo dục thường xuyên. Báo cáo Delors cũng chỉ rõ rằng khái niệm xã hội học tập trong suốt đời sẽ trực tiếp dẫn đường đến xã hội học tập, một xã hội tạo ra nhiều cơ hội học tập đa dạng, cả trong nhà trường lẫn trong đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa, tạo điều kiện cho mọi người phát triển nhận thức về chính bản

thân mình cũng như môi trường của mình, khuyến khích họ thực hiện vai trò xã hội của mỗi cá nhân trong công việc và trong cộng đồng. Ngoài ra, Jacques Delos cũng chỉ rõ nội dung của xã hội học tập và phân tích sâu sắc những đặc trưng của xã hội học tập [105].

Ở Việt Nam, nhiều nhà khoa học như Phạm Tất Dong [25], Nguyễn Minh Đường [35], Nguyễn Ngọc Phú [79], Tô Bá Trượng [100], Đặng Quốc Bảo [6]... đã có nhiều nghiên cứu về xu thế phát triển xã hội học tập của thế giới và những điều kiện xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam. Những công trình nghiên cứu về xã hội học tập ở nước ta có ba cách tiếp cận rõ rệt: *Một là,* đi từ vấn đề kinh tế tri thức mà đề xuất về những đổi mới nền giáo dục, trong đó nội dung cốt lõi là xã hội học tập; *hai là*, tiếp cận vấn đề nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa trước bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế mà đề xuất xã hội học tập; *ba là,* xuất phát từ việc phát triển những khoa học cụ thể, những ngành sản xuất trực tiếp mà nhà nghiên cứu nói đến một cuộc cải cách giáo dục theo hướng xây dựng xã hội học tập.

Tác giả Phạm Minh Hạc, Viện nghiên cứu con người cho rằng: "*Xã hội học tập là một xã hội mọi người đều lấy học tập là một công việc thường xuyên, suốt đời, học trong nhà trường và ngoài nhà trường, chính quy và không chính quy, như là một phần không thể thiếu được của đời mình, lấy học tập là phương pháp tiếp cận (cách nhìn, cách xử lí) của cuộc sống, nhằm phát triển con người bền vững - động lực cho toàn bộ sự tiến bộ xã hội*" [40].

Tác giả Phạm Tất Dong cho rằng: "*Trong xã hội học tập mỗi con người phải được giáo dục thường xuyên, đào tạo liên tục, học tập suốt đời, lấy sự học hỏi làm lẽ sống của mình. Mỗi người đều có nhiều cơ hội học tập: học tập ở trường, học tập trong đời sống kinh tế, xã hội và văn hóa, do đó, hệ thống giáo dục không chỉ bó hẹp trong các loại hình trường, mà còn trong các hình thức học ngoài nhà trường. Đó là hệ thống giáo dục mềm dẻo, tạo ra sự đa dạng của các ngành học, của các hình thức học, về những kênh liên thông giữa các loại hình giáo dục khác nhau*" [26].

Tác giả Nguyễn Minh Đường, Viện Chiến lược và chương trình giáo dục: "*Xã hội học tập là một xã hội mà mọi lứa tuổi đều học, mọi loại hình đào tạo đều học, học một cách tự nguyện, học thường xuyên, học suốt đời, học bằng nhiều hình thức để có thể lao động và sống trong một xã hội đang không ngừng biến đổi của*

quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước dưới tác động của khoa học - công nghệ, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế làm tiền đề cho việc bước sang một xã hội kinh tế tri thức" [35].

Tác giả Nguyễn Ngọc Phú cho rằng: "*Xã hội học tập là một xã hội hiếu học, có thị trường học tập với một hệ thống giáo dục linh hoạt, đa dạng, trong đó mọi người được thỏa mãn tối đa các nhu cầu và cơ hội học tập, lấy sự học làm gốc, coi việc học là suốt đời nhằm để biết, để làm, để cùng chung sống và tồn tại*" [79].

Tác giả Nguyễn Thị Tính cho rằng: "*Hiểu một cách tổng quát, xã hội học tập là xã hội ở đó mọi người đều được học tập, bằng mọi hình thức khác nhau, với 4 mục tiêu cơ bản: học để biết, học để làm, học để cùng chung sống và học để làm người. Học gắn với hành, người học được trí thức hóa, ai cũng được phát huy mọi tiềm năng của mình để có kỹ năng học tập, làm việc, cộng tác, thích ứng với một xã hội luôn luôn biến đổi*" [91].

Tác giả Đinh Hùng Tuấn: "*Xã hội học tập là một xã hội trong đó mọi người đều lấy học tập là một công việc thường xuyên, suốt đời, học trong nhà trường, ngoài nhà trường, chính quy và không chính quy như là một phần không thể thiếu được của đời mình, lấy học tập làm phương pháp tiếp cận cuộc sống, nhằm phát triển con người bền vững - động lực cho toàn bộ sự tiến bộ xã hội. Như vậy, cốt lõi của xã hội học tập đó là cá nhân từng người luôn có ý thức hướng việc tiếp tục lĩnh hội những tri thức, kỹ xảo, kỹ năng (kinh nghiệm lịch sử - xã hội) để phát triển thế giới tinh thần, năng lực thực tiễn của bản thân*" [dẫn theo 79].

Từ các quan niệm trên của các nhà khoa học về xã hội học tập, có thể hiểu xã hội học tập là: Xã hội học tập *là một xã hội mọi người đều có nhu cầu và nghĩa vụ học tập, đều lấy học tập là một công việc thường xuyên, suốt đời, học trong nhà trường và ngoài nhà trường, chính quy và không chính quy, như là một phần không thể thiếu được của đời mình, đều được cơ hội và điều kiện học tập.*

1.2.2. Đặc trưng xã hội học tập

a) Xã hội cộng đồng con người có liên kết với nhau. Mọi người trong xã hội ở tất cả các lứa tuổi khác nhau, các vị trí, giai tầng, giai cấp khác nhau và ở mọi địa điểm vùng miền với các điều kiện, hoàn cảnh kinh tế xã hội khác nhau đều có nhu cầu học tập, *đều được học và tự nguyện học tập*. Học tập không phải là "gánh nặng"

mỗi người phải chuyên chở mà là niềm vui, miềm hạnh phúc cho mọi người, mọi gia đình trong xã hội. Học tập tích lũy tri thức được thúc đẩy từ động cơ bên trong - nhu cầu học tập của mỗi người.

- Xã hội học tập là một xã hội mọi người đều học, một xã hội đảm bảo tính tích cực công dân ở mỗi người, bảo đảm tự do dân chủ và xã hội bình đẳng; bình đẳng nhất ở chỗ mọi người đều tự tạo cho mình khả năng tự học và tự học suốt đời; nhu cầu hoc tập, động cơ học tập và một nội lực quan trọng.

- Xã hội có nền kinh tế tri thức, một nền công nghệ thông tin phát triển: cộng đồng xã hội hiếu học, hướng vào và tạo mọi điều kiện cho việc học, lấy sự học làm gốc, coi việc học là suốt đời; cá nhân hiếu học, thực sự có nhu cầu học tập, say sưa với việc học tập suốt đời cho mình và cho đất nước; xã hội có nền giáo dục mở, đa dạng, linh hoạt, đại chúng hóa đại học, lấy người học và học suốt đời làm gốc.

b) Mọi người có nhu cầu học tập nhưng xã hội học tập là phải *tạo điều kiện, tạo cơ hội (bằng các hình thức, phương pháp...phù hợp) để mọi người đếu có điều kiện học tập*. Xã hội học tập là một xã hội tạo ra phong phú những cơ hội học tập, ở trong trường, ở ngoài trường cũng như trong các lực lượng xã hội, các tổ chức kinh tế, xã hội và văn hoá, mọi người được thừa hưởng sự bình đẳng về cơ hội học tập.

c) Xã hội học tập không chỉ tạo ra cơ hội cho thành nền xã hội học tập, mà còn phải tạo *điều kiện cho con người chớp các cơ hội đó để thỏa mãn nhu cầu học tập*, nhu cầu tích lũy tri thức để phát triển cá nhân và đóng góp cho xã hội nhiều hơn.

d) Xã hội học tập là *xã hội tôn trọng người học* thể hiện: Lấy sự phát triển của cá nhân con người trong xã hội là mục đích cao cả; lấy sự đóng góp của mỗi con người đối với xã hội là thước đo cá nhân, phát triển cá nhân; trong quá trình dạy học lấy người học là trung tâm, tôn trọng tính chủ động tích cực sáng tạo của người học. Vì vậy, tổ chức dạy học theo hướng người học tự hoạt động để lĩnh hội tri thức, quá trình học tập là quá trình người học "sáng tạo lại" tri thức của nhân loại là con đường đúng hướng để tạo nên xã hội học tập.

e) Xã hội học tập là học suốt đời, vì vậy hình thành *khả năng tự học, tự bồi dưỡng* tích lũy tri thức của người học, vừa là mục đích và vừa là điều kiện, con đường để hình thành xã hội học tập.

g) Xã hội học tập có nội dung *gắn cá nhân với cuộc sống xã hội* và *gắn nội dung dạy học với thực tiễn của xã hội* và xã hội học tập chính là tạo ra nguồn nhân lực cho xã hội, phù hợp với các điều kiện, các hoàn cảnh của từng địa phương trong xã hội.

Mọi lực lượng trong xã hội đều tham gia và có trách nhiệm đáp ứng nhu cầu học của cá nhân, mọi người.

h) Về kết quả tác động của xã hội học tập có tác động mạnh đến phát triển kinh tế - xã hội của xã hội nói chung và địa phương nói riêng. Học tập suốt đời có tác động thực sự cải thiện chất lượng cuộc sống của bản thân, gia đình và cộng đồng.

1.3. Dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

1.3.1. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trong hệ thống giáo dục quốc dân

1.3.1.1. Khái niệm

Luật giáo dục 2005 ghi rõ: "*Trung tâm Giáo dục thường xuyên là cơ sở giáo dục không chính quy trong hệ thống giáo dục quốc dân với mục tiêu giúp mọi người vừa làm vừa học, học liên tục, học suốt đời nhằm hoàn thiện nhân cách, mở rộng hiểu biết, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ để cải thiện chất lượng cuộc sống, tìm việc làm, tự tạo việc làm và thích nghi với đời sống xã hội hiện nay*" [69].

1.3.1.2. Vị trí

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên là cơ sở giáo dục thường xuyên của hệ thống giáo dục quốc dân.Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

1.3.1.3. Chức năng

- Hoạt động đào tạo nghề nghiệp ở trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp và Điều lệ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

- Hoạt động giáo dục thường xuyên thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên ban hành kèm theo Quyết định số 01/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hoạt động giáo dục hướng nghiệp thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 44/2008/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trên cơ sở các phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, điều tra, phát hiện các nhu cầu học tập của từng loại đối tượng người học, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên đề xuất với cơ quan quản lý giáo dục về kế hoạch tổ chức, phương pháp, nội dung, thời gian đối với từng loại đối tượng, thực hiện giáo dục cho mọi người, xây dựng xã hội học tập.

1.3.2. Dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

1.3.2.1. Khái niệm

"Dạy học là hoạt động có mục đích, có tổ chức, nhằm truyền đạt và lĩnh hội kiến thức, kinh nghiệm xã hội đã tích lũy được, nhằm biến kiến thức, kinh nghiệm xã hội thành phẩm chất và năng lực cá nhân".

"Dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên là hoạt động có mục đích, có tổ chức, nhằm cung cấp cho học viên những tri thức phổ thông, kĩ năng cơ bản giúp học viên có khả năng thích ứng với những đòi hỏi khác nhau của xã hội, cũng như của bản thân trong điều kiện nhất định của tiến bộ xã hội và tiến bộ khoa học công nghệ".

Dạy học ở Trung tâm GDNN-GDTX bao gồm các thành tố: mục tiêu dạy học, nội dung chương trình dạy học, hình thức dạy học, phương pháp dạy học, người dạy, người học và cơ sở vật chất phục vụ dạy học. Mục đích cơ bản của dạy học ở trung tâm là cung cấp cho học viên tri thức, kĩ năng, kĩ xảo.

Tri thức mà các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cần bồi dưỡng cho học viên phải phù hợp với tình hình thực tiễn ở địa phương và của đất nước để giúp học viên trở thành những người chủ tương lai của đất nước, tích cực xây dựng bảo vệ đất nước. Những tri thức phổ thông còn mang tính hệ thống, chuẩn mực, có nghĩa là phải đảm bảo mối liên hệ chặt chẽ giữa các tri thức của những môn học khác, nhất là những môn học tự nhiên và xã hội. Những tri thức học viên đã nắm được, học viên dần được rèn luyện và nắm vững một hệ thống những kĩ năng, kĩ xảo nhất định. Trong đó có những kĩ năng, kĩ xảo học tập có tầm

quan trọng đặc biệt đối với quá trình nắm vững tri thức khoa học. Do đó, hoạt động dạy học ở các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên là phát triển cho học viên năng lực hoạt động trí tuệ, năng lực tư duy sáng tạo, dưới tác động chỉ đạo của thầy, học viên tự học, tự rèn luyện các thao tác trí tuệ có hướng dẫn của thầy và dần hình thành, phát triển các phẩm chất của hoạt động trí tuệ. Thể hiện: tính định hướng, bề rộng hoạt động trí tuệ, chiều sâu của hoạt động trí tuệ, tính linh hoạt, nhanh nhẹn, nhạy bén, xử lý nhanh có hiệu quả khi có các tình huống xảy ra trong học tập và các hoạt động giao lưu đồng thời nảy sinh tính mềm dẻo về hoạt động trí tuệ, tính độc lập trong học tập ở học viên, tính nhất quán có nghĩa là học viên đảm bảo tính lôgic bài học. Các phẩm chất trên của hoạt động trí tuệ ở học viên có mối quan hệ chặt chẽ và thống nhất đảm bảo cho quá trình dạy học của giáo viên đến học viên đạt hiệu quả cao nhất, với sự tốn kém ít nhất về sức lực và thời gian phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của người học.

1.3.2.2. Đặc trưng dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

a) Mục tiêu dạy học

Thực hiện dạy học theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cung cấp kiến thức phổ thông, rèn luyện kỹ năng học tập, tình cảm, thái độ, tác phong, phát triển năng lực hoạt động trí tuệ, tư duy sáng tạo cho học viên.

Hoàn thiện nhân cách, mở rộng hiểu biết, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ, cải thiện chất lượng cuộc sống, tìm việc làm và thích nghi với đời sống xã hội cho mọi người. Đáp ứng nhu cầu cấp bách cho việc phát triển nguồn nhân lực của đất nước, đặc biệt có vai trò quan trọng đối với các địa phương, vùng sâu, vùng xa. Tạo cơ hội học tập cho tất cả mọi người, tạo điều kiện thuận lợi để có một xã hội học tập.

b) Nội dung, chương trình dạy học

- Thực hiện các chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp sau khi biết chữ.

- Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu người học, cập nhật kiến thức, kĩ năng, chuyển giao công nghệ.

- Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ bao gồm (chương trình bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học ứng dụng, công nghệ thông tin

truyền thông), chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ dạy tiếng dân tộc, miền núi theo kế hoạch hàng năm của địa phương.

- Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông.

- Tổ chức dạy và thực hành kĩ thuật nghề nghiệp các hoạt động lao động sản xuất và các hoạt động khác phục vụ học tập.

- Dạy các chuyên đề chuyên sâu, dạy nghề cho học viên theo yêu cầu của người học và nhu cầu của địa phương.

Chương trình đào tạo nghề bao gồm cả dạy lý thuyết và thực hành nghề, kiểm tra đánh giá kết quả học tập cũng chủ yếu đánh giá tay nghề của người học, đòi hỏi các yếu tố (năng lực thực hành của giáo viên, phương tiện và các nguyên, nhiên vật liệu phục vụ rèn luyện thực hành nghề…)

c) Phương pháp dạy học

Phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học viên, phát triển năng lực tự học và tư duy của học viên.

Nghị quyết Trung ương II khoá VIII cũng đã nhấn mạnh đến vấn đề đổi mới phương pháp dạy học và chỉ ra định hướng "*Đổi mới mạnh mẽ phương pháp Giáo dục - Đào tạo, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện thành một nếp tư duy sáng tạo của người học. Từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và các phương pháp hiện đại vào quá trình dạy học, đảm bảo điều kiện và thời gian tự học, tự nghiên cứu cho học sinh*" [3].

d) Hình thức dạy học

Học chính quy: học tập trung, học tại chức: vừa học vừa làm, học từ xa: tự học có hướng dẫn.

e) Người dạy

Người dạy ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên bao gồm: giáo viên giảng dạy, cơ hữu và thỉnh giảng được đào tạo bài bản về sư phạm và giáo viên giảng dạy là các kĩ sư nghề nghiệp, các chuyên gia, các nghệ nhân làng nghề... tham gia giảng dạy các chuyên đề của trung tâm.

- Hiện nay, mạng lưới cơ sở giáo dục của các trung tâm ngày càng ổn định và phát triển, nên cơ cấu đội ngũ cũng đầy đủ và ổn định hơn, bước đầu đáp ứng được

yêu cầu ngày càng cao của xã hội về chất lượng đội ngũ. Tuy nhiên, cơ cấu đội ngũ giáo viên trong biên chế chỉ đáp ứng khung các bộ môn, nên Ban giám đốc của các trung tâm còn phải hợp đồng thỉnh giảng giáo viên từ nhiều nguồn khác nhau. Vì vậy, việc phân công giảng dạy, xếp thời khóa biểu, quản lý chất lượng, nề nếp lớp học còn gặp không ít khó khăn. Đồng thời đội ngũ giáo viên thỉnh giảng là giáo viên các trường phổ thông, giảng viên các trường cao đẳng, đại học liên kết, không dạy thường xuyên các đối tượng học viên của giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên nên chưa hiểu hết đặc điểm, nhu cầu học tập, khả năng nhận thức của học viên... do đó hiệu quả giáo dục còn hạn chế. Một hạn chế nữa là đội ngũ giáo viên thỉnh giảng vì nhiều lý do chưa thực sự nhiệt tình, tận tâm, tận lực với công tác giáo dục ở các trung tâm nên ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả công tác giáo dục.

- Nhu cầu của người học rất đa dạng đặc biệt để phục vụ cho làm việc của người học, cho nhu cầu thực tiễn của địa phương cho nên đã hình thành nhiều lớp bồi dưỡng, các chuyên đề chuyên sâu gắn với thực tiễn của địa phương như: dạy nuôi cá lồng, dạy nghề cơ khí… Vì vậy, người dạy ở trung tâm còn bao gồm các kĩ sư thuộc các ngành nghề khác nhau như kĩ sư cơ khí, kĩ sư nông nghiệp, các nghệ nhân của các làng nghề… tham gia giảng dạy. Với lực lượng giảng dạy như trên sẽ giúp cho trung tâm đảm nhận được công tác dạy học và nâng cao chất lượng dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập.

g) Người học

Ngày 20/4/1994, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có thông tư số 03/TT hướng dẫn thi hành Nghị định 90/CP, theo thông tư này, đối tượng phục vụ của giáo dục thường xuyên là người ở mọi trình độ bao gồm:

- Người không có điều kiện học tập trong các nhà trường chính quy của các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp, giáo dục đại học.

- Người đã hoàn thành chương trình "Đào tạo ban đầu" trong các cơ sở giáo dục chính quy đã nêu trên, nay muốn được "Đào tạo tiếp tục" theo các hình thức tổ chức của giáo dục thường xuyên.

Nói một cách khái quát, người học ở các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên rất đa dạng, phong phú. Người học là những học viên có sự khác nhau về lứa tuổi, về nhu cầu học tập về yêu cầu trình độ và chương trình giáo

dục nghề nghiệp khác nhau. Ngành học giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên chủ trương mở rộng các loại hình học tập theo chức năng và nhiệm vụ được giao, nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của mọi đối tượng trong xã hội, bao gồm: người chưa biết chữ, người trình độ văn hóa còn thấp, từ học sinh, công chức nhà nước, người lao động...

Do đối tượng người học phong phú như vậy, nên nhu cầu học tập, trình độ văn hóa, khả năng nhận thức, điều kiện học tập, thời gian học tập của họ cũng khác nhau.

h) Cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật phục vụ dạy học

Cơ sở vật chất là điều kiện tiên quyết cho nhà trường hình thành và đi vào hoạt động, là điều kiện không thể thiếu được trong việc nâng cao chất lượng đào tạo.

Cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ chương trình dạy học trong trung tâm giáo dục thường xuyên bao gồm:

- Trường sở: Bao gồm các phòng học bộ, môn, phòng thư viện, phòng thí nghiệm, phòng chức năng, cơ sở thực hành, sân chơi, bãi tập…

- Thiết bị dạy học: Bao gồm vật liệu, mẫu vật, mô hình, tranh ảnh, bản đồ, dụng cụ thí nghiệm, sách báo, tài liệu… các trang thiết bị phục vụ dạy học.

- Nguồn kinh phí phục vụ dạy học.

1.3.3. Dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

Trên cơ sở khái niệm dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và xã hội học tập có thể hiểu dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo định hướng xây dựng xã hội học tập là *hoạt động có mục đích, có tổ chức cung cấp cho học viên tri thức phổ thông, kĩ năng nghề nghiệp cơ bản theo hướng xã hội học tập để giúp học viên có khả năng thích ứng với những yêu cầu khác nhau của xã hội và phát triển cá nhân trong điều kiện nhất định của tiến bộ xã hội và tiến bộ khoa học kĩ thuật.*

Dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thúc đẩy sự cởi mở của nền giáo dục, giảm thiểu rào cản về thời gian, địa điểm, hoàn cảnh kinh tế, tuổi tác và trình độ, nhấn mạnh khả năng tự chủ, tự đào tạo của người học. Với hình thức tổ chức dạy học ở các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, người học không bị ràng buộc bởi thời gian khi bận công tác hoặc do

hoàn cảnh gia đình. Với những người lao động do nhu cầu công việc cần phải được đào tạo và nâng cấp, cập nhật về kỹ năng nghề nghiệp, trau dồi kiến thức trong khi không đủ thời gian để theo học những lớp học tập trung thì học ở trung tâm giáo dục thường xuyên là một biện pháp phù hợp. Hình thức đào tạo mềm dẻo, linh hoạt này khẳng định các quan niệm học tập suốt đời và giáo dục cho mọi người, từ đó hình thành một xã hội học tập. Dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên hướng đến xây dựng xã hội học tập yêu cầu:

- Đổi mới cách thức giáo dục động cơ học tập, thái độ học tập cho người học, học tập suốt đời.

- Đổi mới phương pháp trong quá trình dạy học nhấn mạnh tính tích cực chủ động của người học trong việc lĩnh hội tri thức.

- Đổi mới cách thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học vừa đảm bảo đúng chương trình và vừa gắn với thực tiễn xã hội.

- Hình thành nhu cầu học tập trong quá trình học tập làm cho giáo dục suốt đời trở thành một nhiệm vụ cơ bản của xã hội. Hình thành một văn hóa học tập cho mọi người.

- Đa dạng hóa người dạy trong quá trình dạy học ở trung tâm để hình thành một đội ngũ đông đảo những người có khả năng và nhiệt tình để dạy những cái mà xã hội và cộng đồng đang cần.

- Xây dựng và phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học ở trung tâm để giúp cho người học có công cụ học tập và tự học trong mọi hoàn cảnh, mọi điều kiện và tự học suốt đời.

- Xã hội hóa cơ sở vật chất tài chính cho việc dạy học ở trung tâm. Tăng cường những điều kiện về cơ sở vật chất cần thiết cho việc triển khai một xã hội học tập.

- Đa dạng hóa các loại hình trường lớp, các hình thức dạy và học. Xây dựng và hoàn thiện các nội dung học tập phù hợp với đối tượng người học, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của địa phương.

- Đa dạng hóa, mềm hóa hệ thống giáo dục không chính quy. Xây dựng những nội dung phù hợp cho từng loại đối tượng, từng cấp trình độ, từng vùng miền, từng cộng đồng dân cư.

- Gắn quá trình dạy, học với thực tiễn và nhu cầu của xã hội, địa phương.

- Đa dạng hóa các hình thức học tập: Chính quy, không chính quy và phi chính quy.

- Đa dạng hóa phương thức học tập: Trong nhà trường, ngoài nhà trường, tại gia đình, học tại chức, học theo phương thức mở, học từ xa, tự học.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự chỉ đạo của các cấp chính quyền và sự tham gia của toàn xã hội đối với nhiệm vụ xây dựng xã hội học tập.

- Đa dạng hóa hình thức và phương tiện học tập: Xã hội học tập là một xã hội *"vì người học, của người học, lấy người học và việc học suốt đời làm trung tâm"*. Phát triển và ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong dạy học, đẩy mạnh hình thức học từ xa, học qua mạng.

Qua phân tích ở trên cho thấy dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập yêu cầu chuyển từ giáo dục cho số ít người sang giáo dục cho mọi người (Education for all) thể hiện ở bảng sau:

Bảng 1.1. Hai triết lí giáo dục trong xã hội

TT		**Triết lí giáo dục cho số ít người**	**Triết lí giáo dục cho mọi người**
1	Ai dạy	Người dạy phải đạt trình độ chuẩn qui định.	- Người dạy có trình độ chuẩn - Người có kiến thức và kĩ năng hơn người học là có thể là thầy, làm người hướng dẫn.
2	Ai học	Trong độ tuổi qui định, có trình độ học vấn qui định.	Ai muốn học đều có thể có cơ hội để học và có thể học được.
3	Dạy và học cái gì?	Theo nội dung chương trình được cơ quan quản lý nhà nước qui định.	Theo nhu cầu và khả năng của người học
4	Học để làm gì?	Có văn bằng để tìm việc làm, để có địa vị xã hội.	- Có văn bằng để tìm việc làm, để có địa vị xã hội. - Nâng cao kiến thức để thích ứng với sự biến đổi của công việc và xã hội
5	Dạy thế nào?	Dạy với các phương pháp sư phạm chuẩn mực, với các phương tiện, thiết bị được qui định.	Dạy với các phương pháp thầy có khả năng và với các phương tiện, thiết bị mà thầy, trò có thể có được.

1.4. Quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

1.4.1. Tiếp cận CIPO trong quản lý đào tạo

Hiện nay có nhiều cách tiếp cận trong quản lý đào tạo, quản lý dạy học như *tiếp cận chức năng*: lập kế hoạch, tổ chức (nhân sự, bộ máy), chỉ đạo lãnh đạo và kiểm tra dạy học; *tiếp cận quá trình*: quản lý mục tiêu dạy học, nội dung dạy học; người dạy và người học; phương tiện dạy học; phương pháp dạy học; cơ sở vật chất phục vụ hoạt động dạy học; *tiếp cận nội dung quản lý*: quản lý dạy học của giáo viên, quản lý học tập của học sinh và quản lý các hoạt động, điều kiện hỗ trợ cho dạy và học; *tiếp cận chu trình*: quản lý việc xác định nhu cầu học tập; quản lý việc lập kế hoạch và thiết kế dạy học; tổ chức hoạt động dạy học và đánh giá kết quả dạy học.

Đề tài luận án nghiên cứu quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập theo tiếp cận quá trình CIPO là phù hợp vì các lý do sau: *Một là*, với cách tiếp cận này đảm bảo sự toàn diện các mặt trong quản lý đối với hướng xây dựng xã hội học tập; *hai là,* mọi người, mọi lực lượng đều là chủ thể và đều là sản phẩm trong mô hình xã hội học tập; *ba là,* với cách tiếp cận này vừa làm rõ được đăc trưng quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, vừa làm rõ được đặc trưng của xã hội học tập và các điều kiện xây dựng xã hội học tập; *bốn là,* sẽ làm rõ được mối quan hệ giữa quản lý dạy học với xây dựng xã hội học tập mà các cách tiếp cận khác khó có thể làm rõ được; *năm là,* làm rõ được dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên như là con đường để xây dựng và tiến đến xã hội học tập; *sáu là,* với loại hình Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên sẽ có các yếu tố đầu vào, đầu ra và bối cảnh đặc trưng so với các cơ sở giáo dục nhà trường chính qui gắn với xã hội học tập hơn và sẽ được thể hiện theo tiếp cận này.

Mô hình đào tạo theo CIPO

Chất lượng giáo dục (dạy học) của cơ sở giáo dục được đánh giá qua 10 yếu tố [34]:

- Người học khỏe mạnh được nuôi dưỡng tốt, được khuyến khích thường xuyên để có động cơ học tập chủ động.
- Giáo viên thành thạo nghề nghiệp và được động viên đúng mức.
- Phương pháp dạy học tích cực.

- Chương trình dạy học thích hợp với người học và người dạy.
- Trang thiết bị, phương tiện, tài liệu dạy học phù hợp.
- Môi trường dạy học tốt.
- Hệ thống đánh giá chất lượng giáo dục thích hợp.
- Hệ thống quản lý giáo dục tốt.
- Thu hút được nguồn lực của địa phương và cộng đồng.
- Chính sách phù hợp với giáo dục.

Mười yếu tố trên được sắp xếp trong 04 thành phần cơ bản của giáo dục: đầu vào (Input), quá trình (Process), đầu ra (Output) và bối cảnh cụ thể (Context). Chất lượng giáo dục (dạy học) được hình thành từ chất lượng của 04 thành tố trên có thể mô tả bằng sơ đồ sau:

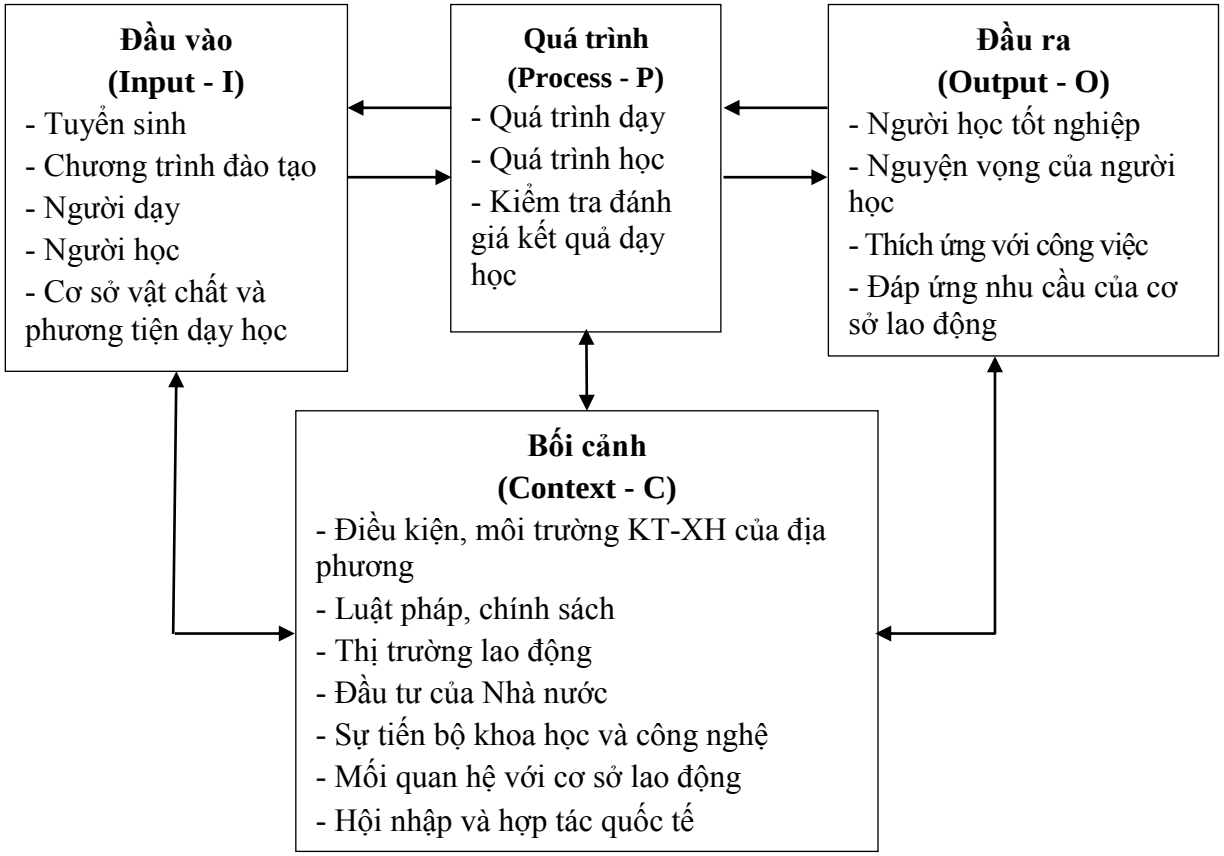

Sơ đồ 1.1. Đào tạo theo quá trình CIPO

1.4.2. Vận dụng mô hình CIPO trong quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập.

Quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên là tác động có mục đích, định hướng của các nhà quản lý (Ban giám đốc

trung tâm) thông qua quản lý đầu vào, quá trình, đầu ra trong một bối cảnh cụ thể đến đối tượng quản lý (quá trình dạy học cùng giáo viên và người học) nhằm đạt được mục tiêu quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên đã đặt ra.

Quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập là tác động có mục đích, định hướng của các nhà quản lý (Ban giám đốc trung tâm) thông qua quản lý đầu vào, quá trình, đầu ra trong một bối cảnh cụ thể đến đối tượng quản lý (quá trình dạy học cùng giáo viên và người học) nhằm đạt được mục đích nâng cao chất lượng dạy học ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập.

Nội dung quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyêntheo mô hình CIPO bao gồm:

Quản lý các yếu tố đầu vào của dạy học: Quản lý nội dung chương trình dạy học; quản lý người dạy ở trung tâm; quản lý người học ở trung tâm; quản lý cơ sở vật chất và tài chính ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập.

Quản lý quá trình dạy học: Quản lý hoạt động giảng dạy của giáo viên; quản lý học tập của người học; quản lý kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng xây dựng xã hội học tập.

Quản lý các yếu tố đầu ra của dạy học: Quản lý văn bằng, chứng chỉ của các loại hình dạy học (tổ chức cấp văn bằng chứng chỉ và tổ chức phát văn bằng chứng chỉ); quản lý thông tin đầu ra của dạy học; quản lý phản hồi của nhà sử dụng và học viên đã tốt nghiệp về dạy học ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập.

Quản lý các yếu tố thuộc về bối cảnh của dạy học: Đánh giá tác động của các thông tư, văn bản, nghị quyết pháp lý của dạy học ở trung tâm; đánh giá tác động của các yếu tố bối cảnh như sự phát triển khoa học kỹ thuật hiện nay; cơ chế chính sách, cơ chế quản lý của nhà nước đối với trung tâm; tác động của điều kiện kinh tế - văn hóa - xã hội của địa phương và tác động của môi trường trung tâm, mối quan hệ của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên với cơ sở giáo dục đến dạy học ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập.

1.4.2.1. Quản lý các yếu tố đầu vào của dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

a) Quản lý chương trình dạy học

Quản lý chương trình dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên là các hoạt động của Ban giám đốc đến chương trình, nội dung dạy học của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên nhằm đưa nội dung chương trình theo hướng xây dựng xã hội học tập.

Nội dung quản lý chương trình dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập bao gồm:

- Cụ thể hóa mục tiêu của chương trình theo hướng xây dựng xã hội học tập.

- Quán triệt tới các lực lượng thực hiện chương trình dạy học, cụ thể hóa bằng nội dung dạy học với mục tiêu là theo hướng và phục vụ xây dựng xã hội học tập.

- Với chương trình dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập sẽ bao gồm chương trình dạy học (phần cứng theo chương trình của Bộ giáo dục và đào tạo quy định) còn có tỷ lệ phần trăm được cải tiến, bổ sung mềm hóa gắn với người học và hoàn cảnh, nhu cầu thực tiễn của địa phương. Nhà quản lý cần chỉ đạo giáo viên khi thực hiện chương trình bên cạnh việc tuân thủ chương trình dạy học (phần cứng) cần "mềm hóa" chương trình bằng các chương trình phụ, các chuyên đề gắn với nhu cầu, thực tiễn địa phương cụ thể và phù hợp với đối tượng học tập.

- Với bản chất của xã hội học tập là phục vụ mọi người và xã hội hóa giáo dục, học tập cho nên khi "thiết kế" chương trình dạy học bằng các nội dung dạy học cụ thể cần có sự tham gia, đóng góp ý kiến không chỉ cán bộ quản lý và giáo viên của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên mà cần có mặt của các tổ chức xã hội, các chuyên gia nghề nghiệp khác nhau ở các cơ sở tuyển dụng, sử dụng sản phẩm dạy học của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

- Đặc biệt chương trình nội dung dạy học cần được rà soát, cập nhật và bổ sung nhằm đáp ứng với nhu cầu thực tiễn địa phương và phù hợp với nhu cầu của người học ở các loại đối tượng, lứa tuổi học tập khác nhau.

b) Quản lý người dạy

Quản lý người dạy ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên là tác động của Ban giám đốc trung tâm đến đội ngũ giảng dạy của trung tâm, nhằm nâng cao chất lượng người dạy theo hướng xây dựng xã hội học tập.

Nội dung quản lý người dạy theo hướng xây dựng xã hội học tập bao gồm:

- Dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập với bản chất của xã hội học tập là nội dung chương trình rất đa dạng, phù hợp với người học, phù hợp với lứa tuổi, nhu cầu xã hội của địa phương. Vì vậy, việc đầu tiên của quản lý người dạy là khảo sát chất lượng người tham gia giảng dạy (giảng dạy cơ hữu, thỉnh giảng mời theo chuyên đề) để có sự mời, phân công giảng dạy cho phù hợp, tạo ra sự phù hợp giữa người dạy với nội dung chương trình học, giúp cho người học được tốt nhất.

- Sau khi khảo sát đánh giá thực trạng trình độ người dạy về mặt mạnh, yếu, sở trường của người dạy cần tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ người dạy nhằm tăng cường, đảm bảo nhân lực xây dựng xã hội học tập.

- Tạo ra sự phù hợp tay ba: Người dạy - người học - nội dung chương trình dạy học theo nhu cầu người học, nhu cầu thực tiễn của địa phương theo hướng xây dựng xã hội học tập.

- Nội dung chương trình dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập vừa có phần "cứng" và "mềm" các chuyên đề theo nhu cầu địa phương, nhu cầu người học. Vì vậy, ở góc độ quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập cần đa dạng hóa, xã hội hóa người dạy ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo chuyên đề tạo điều kiện cho người học học được các chuyên đề chuyên sâu phục vụ nhu cầu xã hội.

c) Quản lý người học

Quản lý người học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên là tác động của Ban giám đốc đến đội ngũ người học ở Trung tâm nhằm nâng cao chất lượng người học theo hướng xây dựng xã hội học tập.

Nội dung quản lý người học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên bao gồm:

- Khảo sát đánh giá chất lượng đầu vào của người học, nhu cầu, trình độ người học để tạo điều kiện cho người dạy dạy sát đối tượng, phù hợp với người học và tôn trọng người học trong quá trình dạy học, khai thác được vốn kinh nghiệm sống, vốn tri thức của người học nhằm dạy tốt hơn và học tốt hơn.

- Đánh giá chất lượng người học nhằm tạo ra sự phù hợp giữa người học với chuyên ngành, chuyên đề học vận dụng vào thực tế cuộc sống đáp ứng nhu cầu cá nhân, nhu cầu xã hội nhiều nhất.

- Khảo sát nhu cầu nguyện vọng người học tạo điều kiện, tạo cơ hội cho người học học tập suốt đời.

- Bản chất của xã hội học tập là học tập suốt đời, vì vậy đánh giá đầu vào người học để trong quá trình dạy học hình thành phương pháp tự học, tự bồi dưỡng để người học cao công cụ, cơ hội, tự học tập suốt đời và có nhiều điều kiện phát huy vai trò cá nhân với xã hội và học tập suốt đời.

- Hiểu biết đúng về chất lượng người học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trong quá trình dạy học sẽ tạo được các điều kiện cho người học chớp được các thời cơ, cơ hội học tập trong cuộc đời mình.

d) Quản lý tài chính, phương tiện cơ sở vật chất (các điều kiện đảm bảo cho dạy học)

Quản lý các điều kiện đảm bảo cho dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên là tác động của Ban Giám đốc trung tâm đến hoạt động sử dụng nguồn lực phục vụ cho dạy học (tài chính, phương tiện, cơ sở vật chất) nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng của các nguồn lực phục vụ dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập.

Quản lý nguồn lực phục vụ dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập cần:

- Việc đầu tiên của nhà quản lý là khảo sát, đánh giá thực trạng nguồn vật lực (tài chính, phương tiện, cơ sở vật chất, phòng học, nhà xưởng...), trên cơ sở đó lập kế hoạch sử dụng nguồn vật lực phục vụ dạy học theo đúng hướng, đúng mục đích xây dựng xã hội học tập.

- Tổ chức sử dụng kinh phí tài chính, cơ sở vật chất đúng mục đích, tạo điều kiện cho việc tổ chức tốt hoạt động dạy của giáo viên, học của người học theo

hướng tạo điều kiện tốt nhất cho người học, phát huy được tính tích cực chủ động của người học trong học tập.

- Chỉ đạo sử dụng tài chính, cơ sở vật chất phục vụ tốt nhất cho việc đổi mới phương pháp dạy học (lấy người học làm trung tâm), chuyển từ truyền thụ tri thức sang phát triển tư duy sáng tạo cho người học.

- Kiểm tra, đánh giá việc sử dụng tài chính, phương tiện dạy học có làm được theo mục đích tạo cơ hội cho người học được học tập nhiều nhất và tốt nhất.

- Chỉ đạo tăng cường tự chủ và trách nhiệm xã hội trong việc quản lý tài chính nhằm nâng cao cơ hội cho người học, có trách nhiệm với người học trong việc học tập suốt đời.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng giáo viên trong việc sử dụng phương tiện dạy học, để tổ chức dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của người học.

1.4.2.2. Quản lý quá trình dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

a) Quản lý quá trình giảng dạy của giáo viên

Quản lý giảng dạy của giáo viên ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên là tác động quản lý của Ban giám đốc trung tâm thông qua lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra giảng dạy của giáo viên ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập nhằm mục đích nâng cao chất lượng giảng dạy theo hướng xây dựng xã hội học tập.

Quản lý giảng dạy của giáo viên ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập bao gồm các công việc quản lý sau:

- Việc đầu tiên của nhà quản lý xác định rõ và quán triệt cho người giáo viên mục tiêu của dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên có nhiều nhưng một trong các mục tiêu đó là theo hướng xã hội học tập để người giáo viên thể hiện trong các nội dung hoạt động giảng dạy và sản phẩm giảng dạy của mình (từ việc soạn bài, giảng dạy trên lớp và kiểm tra đánh giá người học).

- Bản chất của xây dựng xã hội học tập là lấy người học là trung tâm, người học sẽ được trang bị công cụ (tính cách, năng lực) để học tập suốt đời, vì vậy chỉ

đạo đổi mới phương pháp dạy học trên lớp của giáo viên lấy người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo cao nhất của người học là cần thiết.

- Tổ chức bồi dưỡng kĩ năng sử dụng phương tiện dạy học mới, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy (từ khâu chuẩn bị bài, tổ chức giảng dạy trên lớp, kiểm tra đánh giá người học; lưu giữ sản phẩm giảng dạy) để người giáo viên có thể tạo nhiều cơ hội cho người học lĩnh hội, làm chủ được nhiều tri thức để phát triển cá nhân mình và phát triển xây dựng xã hội học tập.

- Chỉ đạo giáo viên gắn bài giảng của mình (hình thức dạy học, nội dung dạy học) với thực tiễn địa phương và nhu cầu của địa phương để đưa lí thuyết gắn với thực tiễn và đặc biệt là làm cho người học thông qua bài giảng được thâm nhập, hòa mình vào trong thực tiễn, từ đó lĩnh hội tri thức tốt hơn, thực tế hơn và kiến thức sẽ phục vụ trực tiếp cho phát triển địa phương.

- Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng nghiên cứu bài học nhằm mục đích phát triển nghề nghiệp giáo viên tốt nhất, đáp ứng nhân lực giảng dạy với yêu cầu xây dựng xã hội học tập.

- Trong quá trình tổ chức hoạt động giảng dạy cho người giáo viên cần kiểm tra và điều chỉnh cần thiết hoạt động giảng dạy của giáo viên theo hướng tạo được nhiều cơ hội, điều kiện học tập cho người học (hình thành nhu cầu, nguyện vọng học tập, hình thành tính chủ động, tích cực cho người học).

- Chỉ đạo giảng dạy của giáo viên theo hướng hình thành được cho người học phương pháp tự học, tự bồi dưỡng để có điều kiện học tập suốt đời và học tập ở mọi điều kiện, mọi hoàn cảnh.

- Tổ chức mối liên hệ chặt chẽ giữa hoạt động giảng dạy của giáo viên với thực tiễn địa phương.

- Tổ chức dạy học khai thác và phát huy hết các điều kiện chủ quan của người học trong quá trình dạy học (tri thức, vốn sống, vốn kinh nghiệm).

- Xây dựng các nội dung bài giảng phù hợp với từng loại đối tượng học tập (lứa tuổi, trình độ, nhu cầu...), với các cộng đồng dân cư, vùng miền khác nhau của xã hội (địa phương).

b) Quản lý quá trình học tập của người học

Quản lý quá trình học tập của người học là tác động của Ban giám đốc trung tâm đến hoạt động học tập, người học nhằm nâng cao chất lượng học tập theo hướng xây dựng xã hội học tập.

Quản lý học tập của người học bao gồm:

- Xác định các nội dung học tập (chương trình cứng theo văn bản pháp qui của Bộ Giáo dục và Đào tạo) và đặc biệt nội dung học tập của các chuyên đề nghề nghiệp phù hợp với đối tượng học tập (lứa tuổi, nhu cầu, trình độ...) và theo nhu cầu thực tiễn của từng vùng miền khác nhau.

- Tổ chức học tập cho người học xuất phát từ nhu cầu của người học và phù hợp với trình độ, đặc điểm của người học.

- Trong quá trình tổ chức học tập chú ý bên cạnh việc lĩnh hội tri thức cần hình thành động cơ, thái độ và nhu cầu học tập suốt đời cho người học.

- Đổi mới cách thức tổ chức học tập, phương pháp học tập lấy người học làm trung tâm hình thành phương pháp tự học. Người học vừa là khách thể của dạy học nhưng đồng thời là chủ thể của học tập, của việc tiếp thu và lĩnh hội tri thức học tập.

- Chỉ đạo xây dựng gắn học tập của người học với thực tiễn địa phương và nhu cầu xã hội.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá học tập của người học theo hướng xây dựng xã hội học tập (vận dụng kiến thức, nhu cầu hoàn thiện cá nhân, nhu cầu học tập và phương pháp tự học...cho người học).

- Chương trình và nội dung dạy học sẽ được cụ thể hóa và thực hiện thông qua các hình thức học tập. Ở đây khi tổ chức học tập cho người học cần xác định và lựa chọn các hình thức học tập phù hợp với đối tượng.

c) Quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học

Quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học là tác động của Ban giám đốc trung tâm đến hoạt động kiểm tra, đánh giá người học ở trung tâm nhằm nâng cao chất lượng dạy và học ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập.

Nội dung quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập bao gồm:

- Xác định mục tiêu, các tiêu chí kiểm tra đánh giá dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập.

- Tổ chức bộ máy nhân sự (lực lượng tham gia kiểm tra đánh giá, cơ chế phối hợp làm việc) không chỉ là cán bộ, giáo viên cơ hữu của trung tâm mà còn có các lực lượng xã hội khác (các chuyên gia thuộc các lĩnh vực nghề nghiệp khác nhau) tham gia vào kiểm tra đánh giá người học và giúp người dạy, học vận dụng kiến thức vào xã hội.

- Chỉ đạo kiểm tra, đánh giá người học theo hướng nhấn mạnh đến hình thành phương pháp tự học của người học và nhu cầu thực tiễn của xã hội.

- Đánh giá người học theo hướng tạo điều kiện cho người học có cơ hội tham gia tiếp tục học tập và học tập suốt đời.

- Xác định các tiêu chuẩn kiểm tra, đánh giá cụ thể phù hợp với thực tiễn địa phương. Các tiêu chuẩn đầu ra của người học phù hợp với nhu cầu thực tiễn của xã hội.

- Gắn việc ra đề thi kiểm tra đánh giá, xây dựng ngân hàng đề thi với thực tiễn địa phương và theo hướng xã hội học tập.

1.4.2.3. Quản lý đầu ra của dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

a) Quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ

Quản lý hoạt động cấp phát văn bằng chứng chỉ ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường là tác động của Ban giám đốc đến hoạt động cấp phát văn bằng chứng chỉ theo hướng xây dựng xã hội học tập, nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tạo điều kiện xây dựng xã hội học tập.

Nội dung quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ bao gồm các công việc:

- Người học đi học để phát triển cá nhân bằng việc tiếp thu, lĩnh hội các tri thức học được trong quá trình học tập. Kết quả của việc học tập của cá nhân được xã hội ghi nhận bằng các chứng chỉ nghề nghiệp hoặc các văn bằng. Nhiệm vụ của nhà quản lý là tạo cơ hội việc làm cho người học bằng cách có kế hoạch cấp phát văn bằng, chứng chỉ kết quả học tập cho người học đúng "thời cơ", phù hợp với cơ hội việc làm của người học, có như vậy sẽ kích thích nhu cầu học tập và giúp người học chớp được các cơ hội học tập, việc làm trong cuộc đời cá nhân.

- Căn cứ vào nhu cầu, thực tiễn ngành nghề của địa phương (nghề hiện đại, nghề truyền thống) mà xác định các loại chứng chỉ phù hợp để tạo điều kiện cho người học áp dụng kiến thức vào thực tiễn phục vụ được tốt nhất cho xã hội, địa phương.

- Xác định các loại chứng chỉ nghề nghiệp đa dạng phù hợp với đối tượng người học và với ngành nghề địa phương.

- Tổ chức bộ máy cấp phát văn bằng, chứng chỉ đúng qui định và có tính đến sự đa dạng của các thành phần xã hội tham gia.

b) Quản lý thông tin đầu ra của dạy học

Quản lý thông tin đầu ra của dạy học là tác động của Ban giám đốc đối với các thông tin về sản phẩm của dạy học và đào tạo nhằm đánh giá, điều chỉnh quá trình dạy học để đưa lại sản phẩm tốt nhất được xã hội thừa nhận, phục vụ xã hội.

Quản lý thông tin đầu ra của quá trình dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập bao gồm các công việc:

- Tổ chức hội nghị khách hàng với các cơ sở sử dụng lao động để đánh giá mức độ đáp ứng của học viên với công việc của địa phương.

- Thiết lập được mối quan hệ giữa trung tâm và các cơ sở giáo dục sử dụng nhân lực của trung tâm để đánh giá đầu ra, điều chỉnh chương trình.

- Quản lý kết quả học tập (đối chiếu sản phẩm với mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình đào tạo).

- Chỉ đạo điều chỉnh nội dung, hình thức dạy học cho phù hợp với chuẩn đầu ra của người học. Người học tự đánh giá trình độ và có nhu cầu học tiếp tục để đáp ứng được nhu cầu xã hội.

- Tổ chức cho người học tự đánh giá trình độ và có nhu cầu học tiếp tục đáp ứng nhu cầu của địa phương.

c) Quản lý phản hồi từ cơ sở sử dụng lao động của học viên để điều chỉnh nhằm đảm bảo chất lượng dạy học

Quản lý thông tin phản hồi với nội dung:

- Nhà quản lý khảo sát thực trạng các thông tin phản hồi đối với sản phẩm của dạy học ở trung tâm từ phía cơ sở sử dụng lao động và học viên.

- Đánh giá tác động của thông tin phản hồi với tư cách là từ môi trường bên ngoài đến hoạt động dạy học ở trung tâm.

** Quản lý phản hồi của các cơ sở sử dụng sản phẩm dạy học của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên*

Cơ sở sử dụng khi tiếp nhận sản phẩm của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thông thường có các phản hồi về sản phẩm ở các khía cạnh: phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của người học; các kĩ năng, năng lực nghề nghiệp cơ bản của người học đem ra sử dụng trong thực tiễn hành nghề đạt mức độ nào và có phù hợp với hoạt động nghề nghiệp, đem lại hiệu quả cho hoạt động nghề nghiệp đến đâu; đánh giá phản hồi về mức độ đáp ứng của sản phẩm của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên với thị trường lao động sử dụng sản phẩm.

** Quản lý sự phản hồi của ý kiến học viên đã tốt nghiệp đối với dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên*

Học viên sản phẩm dạy học và đào tạo của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên sau khi học xong sẽ về các cơ sở lao động để hành nghề. Quá trình hoạt động nghề nghiệp tại các cơ sở lao động là quá trình ứng dụng tri thức, các điều kiện đã học được vào đóng góp cho xã hội, làm phong phú và sâu sắc hơn các điều kiện đã được học nhưng đồng thời thực tiễn hoạt động nghề nghiệp cũng là thước đo, tiêu chuẩn đánh giá dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên đạt mức độ nào, phù hợp với mức độ nào để từ đó có điều chỉnh, bổ sung làm hiện đại dạy học ở trung tâm thông qua sản phẩm dạy học của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

Quản lý sự phản hồi ý kiến của học viên về dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên có thể bao gồm: Mức độ đáp ứng được với yêu cầu của các cơ sở lao động; mức độ thỏa mãn và hài lòng với những điều đã học được; cảm giác áp lực công việc đến mức độ nào để cần tiếp tục học tập và nguyện vọng, mong muốn học tiếp ở trung tâm.

** Tổ chức các vấn đề cần học thêm của người học*

Những vấn đề cần học thêm của người học mà thực tiễn đặt ra: Tri thức lí luận và đặc biệt là tri thức ngành nghề chuyên sâu về một nghề nghiệp; hình thành các kĩ năng, năng lực chung, chủ yếu là các kĩ năng nghề nghiệp để hành nghề tốt hơn, phù hợp với thực tiễn hiện tại đang biến đổi và sôi động trong thời kỳ bùng nổ thông tin, thời kỳ công nghệ thông tin và khoa học kĩ thuật phát triển.

Khả năng vận dụng kiến thức, kiến thức đã học với thực tiễn, gắn liền học với hành, tri thức trong nhà trường được học với thực tế nghề nghiệp và thực tế cuộc sống. Có như vậy dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên mới là một cơ sở, con đường để hình thành nhu cầu học tập cho người học và có cơ sở để xây dựng được xã hội học tập.

1.4.2.4. Quản lý tác động của bối cảnh đến quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

Các yếu tố đầu vào, quá trình, đầu ra của dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên bao giờ cũng diễn ra trong một bối cảnh cụ thể. Ở đây luận án giới hạn quản lý tác động của bối cảnh dạy học với góc độ *đánh giá tác động của các yếu tố từ phía bối cảnh đến quản lý dạy học* ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (tác động của cơ chế chính sách, cơ chế quản lý của nhà nước đối với trung tâm, sự phát triển khoa học kỹ thuật hiện nay; tác động của điều kiện kinh tế - văn hóa - xã hội của địa phương và tác động của môi trường trung tâm; tác động của mối quan hệ giữa trung tâm với cơ sở lao động đến dạy học ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập).

a) Tác động của các yếu tố về chủ trương chính sách, cơ chế quản lý của nhà nước với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Chủ trương chính sách và cơ chế chính sách quản lý của nhà nước đối với loại hình Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên. Đây là yếu tố khách quan có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động dạy học ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập. Sự phát triển của trung tâm nói chung và các hoạt động cơ bản của trung tâm luôn gắn liền và chịu sự chỉ đạo trực tiếp từ các văn bản pháp qui của nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hệ thống văn bản pháp qui dành cho các Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm Giáo dục hướng nghiệp bao gồm các thông tư về việc tổ chức và hoạt động ở trung tâm, các quy chế quản lý hoạt động, quản lý đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, quy chế về dạy học, bồi dưỡng ở trung tâm và các thông tư hướng dẫn về một số vấn đề về tài chính, sử dụng tài chính ở trung tâm. Tất cả các quy chế, thông tư, văn bản đều mang tính chất pháp lý để các trung tâm tổ chức và thực hiện mọi hoạt động nói chung và dạy học nói riêng. Các thông tư, văn bản, nghị quyết của nhà nước, Bộ Giáo

dục và Đào tạo, Bộ Lao động Thương binh và xã hội và các Sở... có tác động, ảnh hưởng rất nhiều đến qúa trình dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập. Thiếu các văn bản đó hoặc hiểu chưa đúng sẽ dẫn đến việc tổ chức hoạt động nói chung và dạy học nói riêng ở trung tâm đi không đúng hướng sự phát triển của đất nước, theo mục đích hành động của trung tâm và hạn chế chất lượng, hiệu quả hoạt động ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

b) Tác động của sự phát triển khoa học công nghệ trong giai đoạn hiện nay và sự áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật hiện đại vào quản lý, kinh tế, xã hội

Đặc trưng của giai đoạn hiện nay là sự phát triển mạnh của công nghệ thông tin vào các lĩnh vực trong đó có giáo dục; sự phát triển của khoa học kĩ thuật và áp dụng ở tất cả các lĩnh vực nghề nghiệp. Điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến quản lý dạy học ở trung tâm với nội dung quản lý các chương trình học dài hạn và ngắn hạn đem lại các kiến thức nghề nghiệp trực tiếp cho người học, sẽ giúp cho người học lĩnh hội kiến thức nhanh hơn và vận dụng được các kiến thức nghề nghiệp trực tiếp vào thực tiến cuộc sống đáp ứng nhu cầu xã hội. Nhờ vậy việc quản lý dạy học theo hướng xã hội học tập sẽ có chất lượng và hiệu quả hơn.

c) Tác động của các yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

Điều kiện kinh tế văn hóa, xã hội ở địa phương; nhu cầu của địa phương về ngành nghề xã hội; sự ủng hộ và mối quan hệ gắn kết của các cấp chính quyền địa phương với trung tâm giáo dục thường xuyên; trình độ dân trí và nhu cầu học tập của cộng đồng dân cư nơi Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên đóng là các yếu tố khách quan trực tiếp ảnh hưởng đến hoạt động của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, đặc biệt là dạy học và quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập từ hình thức, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học và cơ sở vật chất phục vụ dạy học, chất lượng dạy học để đạt được các mục tiêu: phát triển người học tốt nhất, đưa tri thức vào thực tiễn nhanh nhất; dạy học phù hợp với người học, với địa phương và động viên mọi người đi học, hình thành nhu cầu học tập suốt đời cho mỗi thành viên của xã hội.

d) Tác động của các yếu tố thuộc về Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Điều đầu tiên bàn đến lãnh đạo của các nhà quản lý ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên: *nhận thức của các nhà quản lý ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên*. Nhận thức về tầm quan trọng của xã hội học tập và xây dựng xã hội học tập, nếu như không thấy được vai trò của việc xây dựng xã hội học tập thì thái độ và hành động tổ chức các hoạt động cơ bản ở trung tâm sẽ có hiệu quả và chất lượng khác. Nhận thức, hiểu biết về vị trí, vai trò, mối quan hệ của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên với xây dựng xã hội học tập, đặc biệt là dạy học như một con đường để xây dựng xã hội học tập, nếu tổ chức dạy học theo hướng xã hội học tập thì vừa đưa chất lượng dạy học đi lên, có chất lượng, có hiệu quả hơn, vừa gắn nhà trường (Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên) với thực tiễn xã hội, thực tiễn địa phương và vừa tạo cơ sở tiền đề cho việc xây dựng xã hội học tập ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và ở ngoài xã hội.

Muốn quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập nhà quản lý trung tâm cần phải có tri thức, kinh nghiệm quản lý, kĩ năng và năng lực quản lý dạy học. Ở đây cán bộ Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên phải có các phẩm chất nghề nghiệp của các nhà: nhà quản lý - nhà sư phạm - nhà hoạt động xã hội.

Một vấn đề cơ bản của xã hội học tập mà quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên hướng đến là đưa tri thức gắn với thực tiễn địa phương, thực tiễn cuộc sống; đưa cơ sở giáo dục Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên gắn với thị trường lao động, nhu cầu xã hội với các cơ sở lao động sử dụng thụ hưởng thành quả, sản phẩm của trung tâm. Muốn làm được điều này các nhà quản lý ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cần có năng lực thiết kế, năng lực xác lập quan hệ giữa lãnh đạo trung tâm và lãnh đạo địa phương, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và địa phương. Sự nhanh nhạy, sự linh hoạt, sáng tạo của nhà quản lý trung tâm khi hòa nhập với địa phương (xã hội thu nhỏ). Khả năng nhanh nhạy, nắm bắt, phân tích tình hình, đưa ra quyết định đúng đắn. Sự quyết đoán năng động của người lãnh đạo sẽ hạn chế được những mặt tồn đọng của đơn vị mình và trong quản lý quá trình dạy học đầu vào, đầu ra, qui trình mà còn nâng cao được chất lượng quản lý dạy học: làm cho quản lý chương trình dạy học, người dạy, người học, cơ

sở vật chất, tài chính; tổ chức hoạt động dạy và học tốt hơn, đa dạng hóa được người dạy, người học, hình thức và phương pháp dạy học phù hợp...để nâng cao được chất lượng dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập.

e) Yếu tố thuộc về môi trường Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Một yếu tố ảnh hưởng đến quản lý dạy học ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập thuộc về môi trường ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên. Yếu tố môi trường đó trước tiên phải kể đến môi trường tâm lý, sự hợp tác làm việc, sự đồng thuận của cán bộ giáo viên ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên với lãnh đạo trung tâm trong việc quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập; môi trường làm việc - xây dựng văn hóa tổ chức ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và môi trường vật chất - điều kiện cơ sở vật chất (công nghệ thông tin, phòng học,phòng máy, phương tiện dạy học...), phương tiện và cơ sở vật chất phù hợp với dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên vô cùng cần thiết giúp cho người học lĩnh hội nhanh chóng các kiến thức nghề nghiệp trong lĩnh vực nghề nghiệp của mình để nâng cao chất lượng dạy học và quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

g) Tác động từ mối quan hệ giữa Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên với các cơ sở giáo dục

Xây dựng mối quan hệ tốt giữa trung tâm với các cơ sở giáo dục, cơ sở lao động địa phương có ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xã hội học tập: Tạo nguồn đầu vào (người học) có số lượng và chất lượng thực hiện các nội dung dạy học đa dạng ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên. Đa dạng hóa người dạy, tạo điều kiện mọi người ở địa phương cùng tham gia dạy và học. Thiết kế, điều chỉnh nội dung, chương trình dạy học cho phù hợp với người học, nhu cầu thực tiễn địa phương. Điều tra chất lượng sản phẩm dạy học (người học) ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập.

Kết luận chương 1

1. Luận án trên cơ sở tổng quan theo các hướng: Các công trình nghiên cứu về dạy học; các công trình nghiên cứu về quản lý dạy học và quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập đã xác định được điểm mới của hướng nghiên cứu luận án là quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập.

2. Nội dung quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập theo mô hình CIPO bao gồm: Quản lý đầu vào *(quản lý nội dung chương trình dạy học; quản lý người dạy; quản lý người học; quản lý tài chính, phương tiện cơ sở vật chất)*; quản lý quá trình *(quản lý quá trình giảng dạy của giáo viên; quản lý hoạt động học tập của người học; quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập)* quản lý đầu ra *(quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ; quản lý thông tin đầu ra của dạy học; quản lý phản hồi của nhà tuyển dụng; quản lý sự phản hồi của ý kiến học viên về dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; các vấn đề cần học thêm của người học)*; quản lý tác động của bối cảnh *(đánh giá tác động của các yếu tố văn bản nghị quyết của nhà nước, sự tiến bộ khoa học công nghệ, điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương, môi trường Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, mối quan hệ giữa Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (cơ sở giáo dục) với các cơ sở giáo dục, thị trường lao động).*

Chương 2
CƠ SỞ THỰC TIỄN QUẢN LÝ DẠY HỌC Ở TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN CẤP HUYỆN THEO HƯỚNG XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP

(Khảo sát tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Phú Thọ)

2.1. Tổ chức khảo sát thực tiễn

2.1.1. Mục đích khảo sát

Tổ chức khảo sát thực trạng hoạt động dạy học và quản lý hoạt động dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên nhằm thu thập số liệu *cơ sở thực tiễn* cho việc đề xuất các biện pháp quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập.

2.1.2. Nội dung khảo sát

Luận án khảo sát thực tiễn các vấn đề sau:

1) Khảo sát thực trạng hoạt động dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

- Thực trạng nội dung chương trình dạy học, hình thức và phương pháp dạy học, các nguồn lực dạy học và mức độ đáp ứng của dạy học ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập.

- Đánh giá thực trạng những thuận lợi, khó khăn khi tổ chức dạy học ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập.

2) Khảo sát thực trạng công tác quản lý dạy học ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập

- Thực trạng quản lý các yếu tố đầu vào của dạy học (nội dung chương trình dạy học, người dạy, người học, cơ sở vật chất, phương tiện dạy học).

- Thực trạng quản lý quá trình dạy học (tổ chức giảng dạy của giáo viên; hoạt động học tập của học sinh và kiểm tra đánh giá kết quả dạy học).

- Thực trạng quản lý các yếu tố đầu ra của dạy học (công tác văn bằng chứng chỉ, quản lý các thông tin đầu ra của dạy học; quản lý các thông tin phản hồi từ phía cơ sở lao động và học viên).

- Thực trạng quản lý các yếu tố thuộc về bối cảnh (đánh giá tác động của các yếu tố thuộc về bối cảnh đến dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

2.1.3. Phương pháp khảo sát

Để khảo sát thực trạng các vấn đề dạy học và quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên luận án đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

a) Phương pháp điều tra bằng phiếu: Thiết kế 02 mẫu phiếu điều tra. Mẫu 1 điều tra thực trạng hoạt động dạy học ở trung tâm với 4 câu hỏi: Câu 1,2,3 đánh giá mức độ thực hiện, mức độ đáp ứng của hình thức, nội dung chương trình, nguồn lực dạy học ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập. Câu 4 đánh giá các thuận lợi và khó khăn khi tổ chức dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập (phụ lục 1).

Mẫu phiếu 2 gồm 14 câu hỏi điều tra về vấn đề quản lý hoạt động dạy học ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập. Trong đó câu 1,2,3,4 đánh giá thực trạng quản lý các yếu tố đầu vào của dạy học; câu 5,6,7 đánh giá quản lý quá trình dạy học. Câu 8,9,10,11,12,13 đánh giá quản lý các yếu tố đầu ra của dạy học; câu 14 đánh giá quản lý các yếu tố bối cảnh dạy học (phụ lục 2,3).

b) Phương pháp phỏng vấn: Phỏng vấn các chuyên gia về vấn đề quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập (phụ lục 4).

c) Phương pháp toán thống kê: Sử dụng các công thức toán thống kê để lập bảng định lượng kết quả nghiên cứu, tổng kết số liệu điều tra của luận án, để rút ra kết luận về các vấn đề nghiên cứu trong luận án.

2.1.4. Tiêu chí và thang đánh giá

2.1.4.1. Tiêu chí đánh giá

- Đánh giá nhận thức vị trí, vai trò dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập theo tiêu chí *quan trọng* với 04 mức độ: Rất quan trọng, quan trọng, bình thường, không quan trọng.

- Đánh giá mức độ thực hiện và mức độ đáp ứng của dạy học ở trung tâm (hình thức, phương pháp, nội dung chương trình dạy học, các nguồn lực phục vụ dạy học...) theo hướng xây dựng xã hội học tập theo: Tiêu chí thực hiện với 03 mức

độ tốt, bình thường, chưa tốt. Tiêu chí *đáp ứng* với 03 mức độ đáp ứng tốt, bình thường, chưa tốt.

- Đánh giá mức độ thực hiện quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập (nội dung chương trình, người dạy, người học, cơ sơ vật chất, cấp phát văn bằng chứng chỉ...) theo tiêu chí *thực hiện* với 03 mức độ: Tốt, bình thường, chưa tốt.

- Đánh giá tác động của các yếu bối cảnh đến quản lý dạy học theo tiêu chí *tác động nhiều* với 03 mức độ: Tác động nhiều, tác động ít và không tác động.

2.1.4.2. Thang đánh giá

Việc lựa chọn kết quả nghiên cứu được tiến hành theo 02 cách: Tính tần suất (%) và tính điểm trung bình.

- Thang đánh giá theo điểm trung bình:

Lượng hóa bằng điểm theo nguyên tắc 3-2-1

Mức độ tốt, đáp ứng tốt, tác động nhiều : 3 điểm

Bình thường, ít tác động : 2 điểm

Chưa tốt, chưa đáp ứng, không tác động : 1 điểm

- Thang đánh giá:

Mức 1 (tốt, đáp ứng tốt, tác động nhiều): $\overline{X}$ = 2,5 - 3,0

Mức 2 (thực hiện bình thường, ít tác động): $\overline{X}$ = 1,5 - 2,49

Mức 3 (thực hiện chưa tốt, chưa đáp ứng, không tác động): $\overline{X}$< 1,5

Cách thực hiện: Tính số lượng các ý kiến với tính tỉ lệ phần trăm và tính điểm trung bình.

$$\text{Điểm trung bình} = \frac{\text{Số lượng ý kiến x điểm (3,2,1)}}{\text{Tổng số ý kiến (khách thể điều tra)}} \left(\overline{\mathrm{X}} = \frac{\sum}{\mathrm{N}}\right)$$

2.1.4.3. Cách thức khảo sát và mẫu khảo sát

Dựa vào khung lí luận đã xây dựng về dạy học và quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập xây dựng 02 mẫu phiếu điều tra. Mẫu 1 - khảo sát dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập; Mẫu 2 - khảo sát quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập. Đưa phiếu xuống khảo sát tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Thọ để điều chỉnh câu hỏi và cách hỏi trong phiếu điều tra; chính xác hóa phiếu điều tra trên các đối tượng.

Chính xác hóa phiếu và điều tra chính thức phiếu trên các nhóm khách thể khảo sát cán bộ quản lý, giáo viên, người lao động và học viên đã tốt nghiệp ra trường sau khu học các lớp học với các nội dung học khác nhau ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

Thu phiếu về xử lí kết quả và định lượng lập các bảng số, số liệu của luận án. Xử lý bằng hai cách tính % và tính điểm trung bình.

Bảng 2.1a. Mẫu khách thể khảo sát

TT	Vị trí công tác	SL	%
1	Cán bộ quản lý trung tâm	44	7,6
2	Giáo viên	271	46,2
3	Học viên đã tốt nghiệp	271	46,2
Tổng số		586	100,0

2.1.5. Khái quát về Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Thọ

Bảng 2.1b. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp -
Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Thọ

TT	Tên trung tâm	Số lượng	Cơ cấu	
			Cán bộ quản lý	Giáo viên
1	TTGD nghề nghiệp - GDTX Cẩm Khê	32	4	28
2	TTGD nghề nghiệp - GDTX Đoan Hùng	28	5	23
3	TTGD nghề nghiệp - GDTX Hạ Hòa	22	4	18
4	TTGD nghề nghiệp - GDTX Lâm Thao	21	2	19
5	TTGD nghề nghiệp - GDTX Phù Ninh	30	4	26
6	TTGD nghề nghiệp - GDTX Thị xã Phú Thọ	26	4	22
7	TTGD nghề nghiệp - GDTX Tân Sơn	19	3	16
8	TTGD nghề nghiệp - GDTX Tam Nông	26	4	22
9	TTGD nghề nghiệp - GDTX Thanh Ba	12	2	10

TT	Tên trung tâm	Số lượng	Cơ cấu	
			Cán bộ quản lý	Giáo viên
10	TTGD nghề nghiệp - GDTX Thanh Sơn	23	3	20
11	TTGD nghề nghiệp - GDTX Thanh Thủy	22	3	19
12	TTGD nghề nghiệp - GDTX Yên Lập	30	4	26
13	TTGD nghề nghiệp - GDTX Việt Trì	24	2	22
Tổng		**315**	**44**	**271**

Toàn bộ tỉnh Phú Thọ hiện nay bao gồm 13 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện được chia thành các vùng:

Vùng 1: gồm các Trung tâm GDNN-GDTX: Việt Trì, Lâm Thao, Tam Nông, Thị xã Phú Thọ.

Vùng 2: gồm các Trung tâm GDNN-GDTX: Đoan Hùng, Phù Ninh, Cẩm Khê, Thanh Ba.

Vùng 3: gồm các Trung tâm GDNN-GDTX: Tân Sơn, Thanh Sơn, Yên lập, Thanh Thủy, Hạ Hòa.

Trong lịch sử hình thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện tỉnh Phú Thọ được gộp lại từ 03 loại trung tâm: Trung tâm dạy nghề, Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp (theo Kế hoạch số 5017/KH-UBND ngày 02/12/2015 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc sáp nhập Trung tâm dạy nghề, Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp công lập cấp huyện thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên).

Cơ cấu tổ chức của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Thọ:

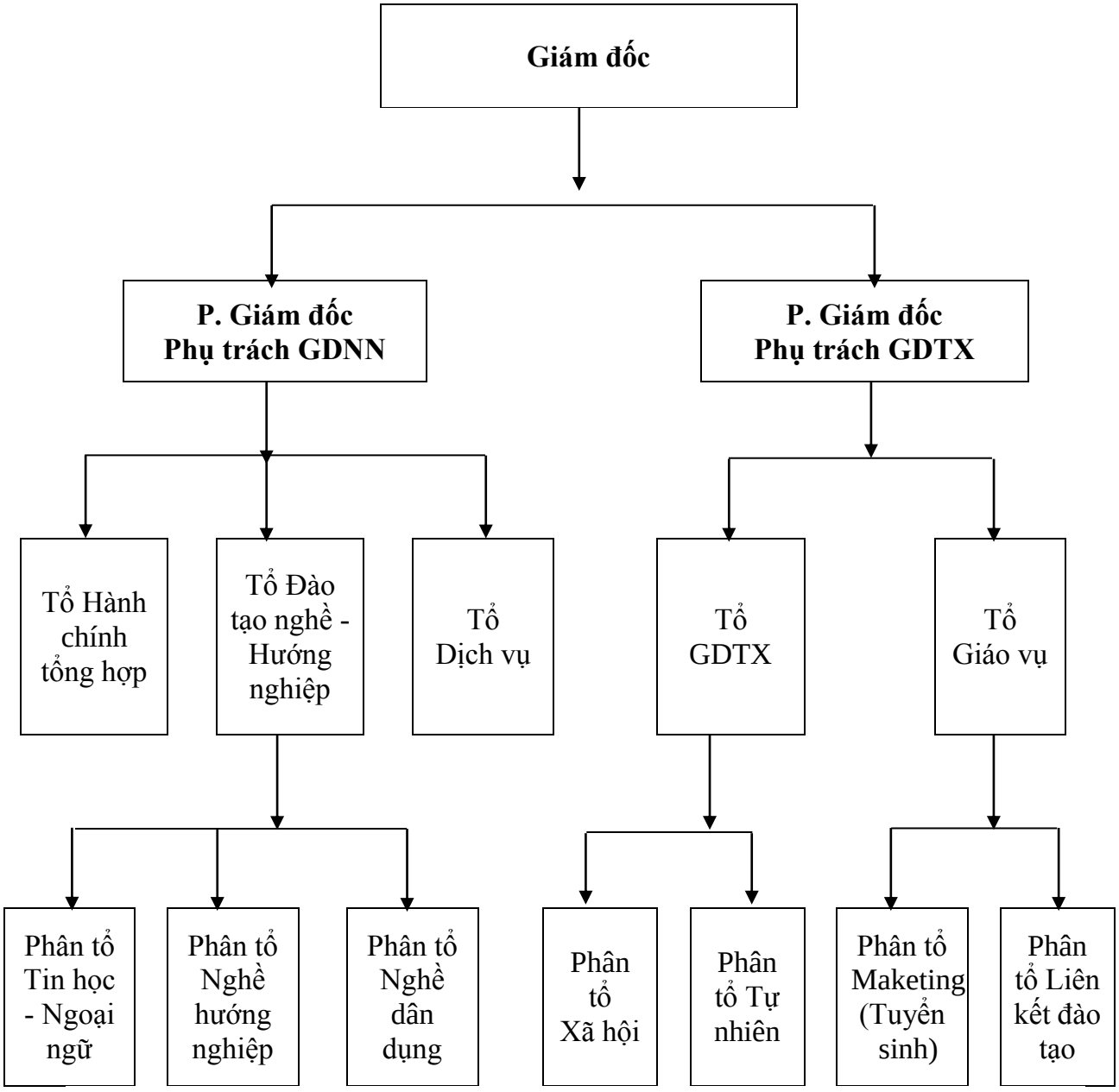

Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức của Trung tâm

Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện tỉnh Phú Thọ

2.2. Thực trạng dạy học ở các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện tỉnh Phú Thọ theo hướng xây dựng xã hội học tập

2.2.1. Thực trạng mức độ thực hiện các nội dung chương trình dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Bảng 2.2. Mức độ thực hiện các nội dung chương trình dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

TT	Các nội dung dạy học	Cán bộ quản lý			Giáo viên			Chung		
		Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc
1	Chương trình bồi dưỡng	97	2,2	3	528	1,9	4	625	2,0	3
2	Chương trình dạy hướng nghiệp	103	2,3	2	578	2,1	2	681	2,2	1
3	Chương trình dạy nghề	94	2,1	4	554	2,0	3	648	2,1	2
4	Chương trình dạy chuyên đề chuyên sâu	83	1,9	5	494	1,8	5	578	1,8	4
Trung bình			2,18			2,02			2,08	

Nhận xét:

Tất cả 4 nội dung dạy học ở trung tâm đều được cán bộ quản lý ở các trung tâm và các cơ sở lao động cùng giáo viên đánh giá thực hiện đầy đủ trên các loại đối tượng dạy học khác nhau và đạt ở mức độ *trung bình*, thể hiện điểm trung bình chung của cả 4 nội dung dạy học $\overline{X} = 2,08$ (min = 1; max = 3) và dao động điểm $1,8 \leq \overline{X} \leq 2,2$ và cả 4/4 nội dung dạy học chiếm 100% có điểm trung bình $\overline{X} < 2,5$. Điều này thể hiện đúng thực trạng dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên hiện nay ở Phú Thọ.

Mức độ thực hiện các nội dung chương trình dạy học *không đồng đều nhau* mà được đánh giá ở các mức độ cao thấp khác nhau. Nội dung "*Chương trình dạy hướng nghiệp*" cho học sinh được đánh giá mức độ khá tốt với thứ bậc 1/4 với điểm trung bình $\overline{X} = 2,2$. Các nội dung dạy học được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá mức độ thực hiện thấp hơn. "*Chương trình bồi dưỡng*" $\overline{X} = 2,0$, xếp bậc 3/4; "*Chương trình dạy chuyên đề chuyên sâu*" $\overline{X} = 1,8$, xếp bậc 4/4.

Tại sao? Qua quan sát có thể giải thích: *Một là,* chương trình dạy hướng nghiệp cho học sinh mới chỉ dừng lại ở khối BTVH thông qua các buổi sinh hoạt lớp của GVCN, một số buổi ngoại khóa và chủ yếu tập trung vào khối 12. Chương trình dạy bồi dưỡng, dạy chuyên đề mới dạy ở các nội dung BDTX, các chuyên đề theo yêu cầu của Sở GD&ĐT hoặc một số chuyên đề ở các TTHTCĐ mà giáo viên trung tâm tham gia. *Hai là,* chương trình dạy bồi dưỡng, dạy chuyên đề còn thụ

động theo kế hoạch, chương trình và hướng dẫn của Sở GD&ĐT. So sánh giữa hai luồng ý kiến đánh giá cán bộ quản lý và giáo viên về mức độ thực hiện các nội dung chương trình dạy học cho thấy có sự phù hợp và thống nhất giữa cán bộ quản lý và giáo viên đều đánh giá thực hiện các nội dung chương trình dạy học ở mức độ trung bình, với cán bộ quản lý $\overline{X} = 2,18$ và giáo viên $\overline{X} = 2,02$. Độ lệch là 0,16. Tại sao có sự khác biệt? Xuất phát từ những cương vị khác nhau nên người được khảo sát có những quan điểm đánh giá khác nhau về mức độ thực hiện các nội dung chương trình dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập, ở cương vị lãnh đạo các nhà quản lý giáo dục thường xem xét vấn đề ở tầm vĩ mô, còn ở cương vị người trực tiếp giảng dạy giáo viên có xu hướng xem xét vấn đề ở tính cụ thể của nó.

2.2.2. Thực trạng mức độ thực hiện các hình thức dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Bảng 2.3. Mức độ thực hiện các hình thức dạy học ở trung tâm

TT	Các hình thức dạy học	Cán bộ quản lý			Giáo viên			Chung		
		Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc
1	Dạy học phát huy tính chủ động tích cực của người học	98	2,2	2	632	2,3	2	730	2,3	2
2	Dạy học phát triển khả năng tự học cho người học	93	2,1	3	604	2,2	3	697	2,2	3
3	Dạy học tạo điều kiện cơ hội học tập cho người học	67	1,5	6	443	1,6	6	509	1,6	6
4	Dạy học tạo ra sự giao lưu tốt giữa người dạy và người học	85	1,9	4	472	1,7	5	577	1,8	5
5	Dạy học nhấn mạnh đến sự luyện tập, hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho người học	75	1,7	5	548	2,0	4	623	2,0	4
6	Dạy học kết hợp được các yếu tố trên	106	2,4	1	659	2,4	1	765	2,4	1
Trung bình			**1,96**			**2,03**			**2,05**	

Nhận xét:

Các hình thức dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập đều được thực hiện ở mức độ *trung bình*, thể hiện điểm trung bình chung của cả 6 hình thức dạy học $\overline{X} = 2,05$ (min = 1; max = 3), dao động điểm $1,6 \leq \overline{X} \leq 2,4$ và cả 6/6 hình thức dạy học chiếm 100% có điểm trung bình $\overline{X} < 2,5$. Điều này nói lên việc thực hiện các hình thức dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học hiện nay ở Phú Thọ còn thấp.

Mức độ thực hiện hình thức "*Dạy học kết hợp được các yếu tố trên*" được đánh giá thực hiện tốt nhất với điểm trung bình $\overline{X} = 2,4$, xếp bậc 1/6.

Hình thức "*Dạy học phát huy tính chủ động tích cực của người học*" được đánh giá mức độ thứ 2/6 với điểm trung bình $\overline{X} = 2,3$

Hình thức "*Dạy học tạo điều kiện cơ hội học tập cho người học"* được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá mức độ thực hiện thấp nhất $\overline{X} = 1,6$, xếp bậc 6/6.

Tại sao như vậy? Có thể giải thích: *Một là,* người học ở các Trung tâm GDNN-GDTX rất đa dạng, phong phú. Do đối tượng người học phong phú như vậy, nên nhu cầu học tập, trình độ văn hóa, khả năng nhận thức, điều kiện học tập, thời gian học tập của họ cũng khác nhau. Do vậy, việc kết hợp các phương pháp trong dạy học ở trung tâm là phù hợp nhất, có như vậy mới phù hợp được với mọi đối tượng người học tại trung tâm, phù hợp với đặc trưng của xã hội học tập là hướng đến người học góp phần xây dựng xã hội học tập. *Hai là,* hiện nay với việc đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học thì phương pháp thuyết trình chưa đáp ứng tốt cho việc xây dựng xã hội học tập. *Ba là,* trước yêu cầu đổi mới GD&ĐT, dạy học lấy người học làm trọng tâm, do đó hình thức dạy học tích cực đã và đang được thực hiện tốt nhất ở các trung tâm, đây cũng là yêu cầu đặt ra cho dạy học ở trung tâm theo hướng xã hội học tập. *Bốn là,* đối tượng người học ở trung tâm đa số là học viên lớn tuổi, chất lượng đầu vào thấp, do vậy hình thức dạy học hướng đến người học theo đổi mới giáo dục vẫn còn ở mức độ thấp.

So sánh giữa hai luồng ý kiến đánh giá cán bộ quản lý và giáo viên về mức độ thực hiện các hình thức dạy học cho thấy có sự phù hợp và thống nhất giữa cán bộ quản lý và giáo viên đều đánh giá thực hiện các hình thức dạy học ở mức độ trung bình với cán bộ quản lý $\overline{X} = 1,96$ và giáo viên $\overline{X} = 2,03$. Độ lệch là 0,07.

2.2.3. Thực trạng mức độ đáp ứng về nguồn lực dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Bảng 2.4. Mức độ đáp ứng về nguồn lực dạy học ở trung tâm

TT	Các nguồn lực dạy học	Cán bộ quản lý			Giáo viên			Chung		
		Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc
1	Nhân lực (người dạy, học)	107	2,4	1	655	2,4	1	754	2,4	1
2	Cơ sở vật chất (phòng học…)	96	2,2	2	594	2,2	2	690	2,2	2
3	Kinh phí tài chính	80	1,8	5	442	1,6	5	522	1,7	4
4	Chương trình dạy và học	89	2,0	3	506	1,9	3	595	1,9	3
5	Phương tiện dạy học (máy chiếu...)	83	1,9	4	469	1,7	4	547	1,7	5
Trung bình			**2,06**			**1,96**			**1,98**	

Nhận xét:

Qua bảng 2.4 cho thấy các nguồn lực dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập đều được đánh giá đáp ứng ở mức độ *trung bình*, thể hiện điểm trung bình chung của cả 5 nguồn lực dạy học $\overline{X} = 1,98$ (min = 1; max = 3) và dao động điểm $1,7 \le \overline{X} \le 2,4$ và cả 5/5 nguồn lực dạy học chiếm 100% có điểm trung bình $\overline{X} < 2,5$.

Mức độ đáp ứng các nguồn lực dạy học *không đồng đều nhau* mà được đánh giá ở các mức độ cao thấp khác nhau. Nguồn lực *"Nhân lực"* được đánh giá đáp ứng tốt nhất với điểm trung bình $\overline{X} = 2,4$, xếp bậc 1/5. Bởi vì, đội ngũ CB, GV, CNV (người dạy) của các trung tâm hầu hết có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, có tinh thần trách nhiệm trong mỗi công việc, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững

vàng. Đối tượng người học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên đa dạng, phong phú, nhu cầu học tập nâng cao trình độ văn hóa, khả năng nhận thức...cao.

Cơ sở vật chất được đánh giá mức độ đáp ứng thứ 2/5 với điểm trung bình $\overline{X} = 2,2$.

Qua nghiên cứu thực tiễn bằng các phương pháp, quan sát, phỏng vấn có thể giải thích thực trạng về mức độ đáp ứng nguồn lực dạy học ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập như sau: *Một là,* hiện nay, cơ sở vật chất của các trung tâm đã được đầu tư tương đối tốt với những dãy nhà cao tầng, các phòng học, phòng chức năng bước đầu đã đáp ứng được yêu cầu của dạy học. Tuy nhiên còn thiếu các phương tiện hiện đại như máy chiếu, phòng thí nghiệm, phòng thực hành...*Hai là,* với chủ trương XHH giáo dục, ngoài những đầu tư của nhà nước, các trung tâm đã huy động sự ủng hộ của người học và các tổ chức xã hội tăng cường thêm cơ sở vật chất phục vụ cho dạy học, nhưng với địa bàn là tỉnh miền núi nghèo, nên việc huy động người học hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất còn gặp nhiều khó khăn; hơn nữa sự tham gia ủng hộ của các doanh nghiệp, tổ chức xã hội rất ít.

Kinh phí tài chính được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá mức độ thực hiện thấp nhất $\overline{X}$ = 1,6, xếp bậc 5/5.

Bởi vì: *Một là,* Trung tâm GDNN-GDTX là đơn vị hành chính sự nghiệp có thu nên kinh phí tài chính nhà nước cấp hạn hẹp, các trung tâm phải tự bù một phần kinh phí trích từ nguồn thu của liên kết đào tạo để chi cho các hoạt động giáo dục của trung tâm. *Hai là,* việc tuyển sinh liên kết mở lớp tại các trung tâm hiện nay gặp rất nhiều khó khăn, số lượng học viên giảm nhiều. Do vậy, việc nguồn lực tài chính của trung tâm để đáp ứng yêu cầu xây dựng xã hội học tập còn gặp nhiều khó khăn. Nếu so sánh giữa hai luồng ý kiến đánh giá cán bộ quản lý và giáo viên về mức độ các nguồn lực dạy học cho thấy có sự phù hợp và thống nhất giữa cán bộ quản lý và giáo viên đều đánh giá thực hiện các nguồn lực dạy học ở mức độ trung bình với cán bộ quản lý $\overline{X}$ = 2,06 và giáo viên $\overline{X}$= 1,96. Độ lệch là 0,1.

2.2.4. Thực trạng thuận lợi, khó khăn khi tổ chức dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Bảng 2.5. Thuận lợi khi tổ chức dạy học ở trung tâm

TT	Nội dung	SL	%
1	Cán bộ quản lý và giáo viên nhận thức rõ về tầm quan trọng của dạy học ở trung tâm trong việc xây dựng xã hội học tập	245	91,7
2	Trình độ, năng lực dạy học của giáo viên phù hợp	310	98,4
3	Giáo viên có ý thức trách nhiệm và thái độ dạy học tốt	311	98,7
4	Môi trường dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tốt	313	99,4
5	Phong trào đổi mới phương pháp dạy học rõ nét ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	275	87,3
6	Các văn bản pháp qui về dạy học và quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên rõ ràng và phù hợp	305	96,8
7	Mối quan hệ giữa cán bộ quản lý và giáo viên trong chỉ đạo hoạt động dạy học thuận lợi	315	100

Nhận xét:

Thuận lợi khi tổ chức dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Thọ đa dạng các ý kiến về thuận lợi từ phía cơ chế, hành chính pháp lý, các nguồn lực của trung tâm, môi trường dạy học ở trung tâm... và mức độ thuận lợi được đánh giá rất cao với số ý kiến đạt từ 87,3% → 100%.

Thuận lợi nhất theo ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên là "*Mối quan hệ giữa cán bộ quản lý và giáo viên trong chỉ đạo hoạt động dạy học thuận lợi*" với 100% ý kiến đồng thuận, "*Môi trường dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tốt*" với 99,4% ý kiến...

Mức độ thuận lợi thấp hơn là "*Phong trào đổi mới phương pháp dạy học rõ nét ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên*" với 87,3% ý kiến.

Những thuận lợi này sẽ giúp nhà nghiên cứu giải thích được thành công của công tác quản lý dạy học ở trung tâm, đồng thời có thêm cơ sở thực tiễn đề xuất các biện pháp quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

Bảng 2.6. Khó khăn khi tổ chức dạy học ở trung tâm

TT	Nội dung	SL	%
1	Cơ sở vật chất và phương tiện dạy học phù hợp còn hạn chế	273	86,7
2	Điều kiện kinh tế của gia đình giáo viên ở trung tâm còn hạn hẹp	195	61,9
3	Giáo viên chưa có nhiều điều kiện để nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn	185	58,7
4	Hiểu biết của giáo viên về xã hội học tập và mối quan hệ giữa dạy học ở trung tâm với xây dựng xã hội học tập còn hạn chế	187	59,4
5	Phương pháp, hình thức dạy học ở trung tâm chưa đa dạng	217	68,9

Nhận xét:

Việc tổ chức dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập vẫn còn gặp nhiều khó khăn như: Cơ sở vật chất và phương tiện dạy học; phương pháp, hình thức dạy học ở trung tâm chưa đa dạng...; mức độ khó khăn được đánh với số ý kiến đạt từ 59,4% → 86,7%.

Yếu tố gây khó khăn nhất theo ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên là *"Cơ sở vật chất và phương tiện dạy học phù hợp còn hạn chế"* với 86,7% ý kiến chỉ ra. Bởi vì, đối với GDTX việc đáp ứng dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập là tương đối tốt, nhưng đối với giáo dục nghề nghiệp chỉ đáp ứng ở mức độ trung bình. Khó khăn tiếp theo là *"Phương pháp, hình thức dạy học ở trung tâm chưa đa dạng"* với 68,9% ý kiến...

Những khó khăn này sẽ là cơ sở giúp nhà nghiên cứu giải quyết và tìm ra cách khắc phục giúp cho công tác quản lý dạy học ở trung tâm được thành công, đồng thời có thêm cơ sở thực tiễn đề xuất các biện pháp quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

2.3. Quản lý dạy học ở các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện tỉnh Phú Thọ theo hướng xây dựng xã hội học tập

2.3.1. Quản lý các yếu tố đầu vào dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

2.3.1.1. Đánh giá thực trạng quản lý chương trình, nội dung dạy học ở trung tâm

Bảng 2.7. Đánh giá thực trạng quản lý chương trình nội dung dạy học ở trung tâm

TT	Biện pháp quản lý	Cán bộ quản lý			Giáo viên			Chung		
		Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc
1	Quán triệt, xác định mục tiêu chương trình, nội dung dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập	84	1,9	3	570	2,1	2	654	2,1	2
2	Chỉ đạo giáo viên bên cạnh tuân thủ chương trình dạy học (phần cứng) cần mềm hóa chương trình bằng các chương trình phụ, chuyên đề gắn với thực tiễn địa phương và phù hợp với người học	102	2,3	1	597	2,2	1	699	2,2	1
3	Thiết kế chương trình dạy học cần có sự tham gia không chỉ cán bộ quản lý, giáo viên mà cần có các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các cơ sở sử dụng lao động	71	1,6	4	408	1,5	4	479	1,5	4
4	Chương trình, nội dung dạy học cần được định kỳ rà soát, cập nhật, bổ sung nhằm đáp ứng với nhu cầu địa phương và nhu cầu người học	98	2,2	2	524	1,9	3	621	2,0	3
Trung bình			**2,0**			**1,93**			**1,95**	

Nhận xét:

Trung tâm GDNN-GDTX là đơn vị giáo dục mang tích đặc thù cao trong ngành giáo dục, tính đặc thù thể hiện ở chương trình, nội dung, đối tượng dạy học và cả đội ngũ làm công tác giảng dạy. Trong đó, quản lý chương trình, nội dung dạy họcở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá mức độ thực hiện *trung bình* với $\overline{X} = 1,95$(min = 1; max = 3) và cả 4/4 (100%) biện pháp quản lý người học chương trình, nội dung dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập được đánh giá với $\overline{X} < 2,5$ ($1,5 \leq \overline{X} \leq 2,2$).

Mức độ thực hiện các biện pháp quản lý trạng quản lý chương trình, nội dung dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở trung tâm được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá thực hiện *không đồng đều nhau* mà ở các mức độ khác nhau: Biện pháp quản lý *"Chỉ đạo giáo viên bên cạnh tuân thủ chương trình dạy học (phần cứng) cần mềm hóa chương trình bằng các chương trình phụ, chuyên đề gắn với thực tiễn địa phương và phù hợp với người học"* được đánh giá thực hiện tốt nhất với điểm trung bình $\overline{X}$ = 2,2 xếp bậc 1/4. Biện pháp *"Thiết kế chương trình dạy học cần có sự tham gia không chỉ cán bộ quản lý, giáo viên mà cần có các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các cơ sở sử dụng lao động"* được đánh giá có mức độ thực hiện thấp nhất với $\overline{X}$ = 1,5 xếp bậc 4/4.

Qua quan sát và phỏng vấn cho thấy: Hiện nay chương trình dạy học vẫn tập trung nhiều theo chương trình qui định phần cứng của Trung tâm GDNN-GDTX theo chương trình quy định (phần cứng) của Bộ GD&ĐT, Bộ LĐ-TB&XH và của các trường Cao đẳng, Đại học liên kết đào tạo. Việc thiết kế các chuyên đề chương trình dạy học đa dạng phù hợp với thực tiễn địa phương còn ít, chưa có sự tham gia của các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các cơ sở tuyển dụng, tập trung nhiều vào giáo viên ở trung tâm.

So sánh giữa hai luồng ý kiến đánh giá cán bộ quản lý và giáo viên về mức độ thực hiện các biện pháp quản lý người dạy theo hướng xây dựng xã hội học tập ở trung tâm, cho thấy có sự phù hợp và thống nhất giữa cán bộ quản lý và giáo viên đều

đánh giá thực hiện các nguồn lực dạy học ở mức độ trung bình, với cán bộ quản lý $\overline{X}$ = 2,0 và giáo viên $\overline{X} = 2,02$. Độ lệch là 0,02.

2.3.1.2. Đánh giá thực trạng quản lý người dạy ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Bảng 2.8. Đánh giá thực trạng quản lý người dạy ở trung tâm

TT	Biện pháp quản lý	Cán bộ quản lý			Giáo viên			Chung		
		Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc
1	Khảo sát đánh giá người dạy để tạo ra sự phù hợp giữa người dạy với chương trình dạy học, giúp cho người học tốt nhất	92	2,1	3	545	2,0	4	637	2,0	4
2	Tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ người dạy nhằm tăng cường nhân lực xây dựng xã hội học tập	100	2.3	2	609	2.2	2	709	2,3	2
3	Đa dạng hóa người dạy theo chuyên đề, tạo điều kiện cho người học học được các chuyên đề chuyên sâu phục vụ nhu cầu xã hội và cá nhân	105	2.4	1	661	2,4	1	766	2,4	1
4	Tạo ra sự phù hợp tay ba: người dạy - người học và nội dung chương trình học hướng đến xây dựng xã hội học tập	82	1.9	4	568	2,1	3	650	2,1	3
Trung bình			**2,18**			**2,18**			**2,18**	

Nhận xét:

Quản lý người dạy ở các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Thọ theo hướng xây dựng xã hội học tập được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá mức độ thực hiện *trung bình* với điểm trung bình $\overline{X}$ = 2,18 (min = 1; max = 3), 100% biện pháp có ý kiến đánh giá $\overline{X}$< 2,5 và dao động điểm $2,0 \le \overline{X} \le 2,4$.

Biện pháp quản lý "*Đa dạng hóa người dạy theo chuyên đề, tạo điều kiện cho người học học được các chuyên để chuyên sâu phục vụ nhu cầu xã hội và cá nhân*" được đánh giá thực hiện tốt nhất với điểm trung bình $\overline{X}$ = 2,4 xếp bậc 1/4. Biện pháp "*Khảo sát đánh giá người dạy để tạo ra sự phù hợp giữa người dạy với chương trình dạy học, giúp cho người học tốt nhất*" được đánh giá có mức độ thực hiện thấp nhất với $\overline{X}$ = 2,0 xếp bậc 4/4.

Tại sao? Qua nghiên cứu thực tiễn cho thấy: *Một là,* hiện nay, với việc sáp nhập Trung tâm dạy nghề, Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp công lập cấp huyện thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thì số lượng giáo viên ở nhiều lĩnh vực đã được nâng lên, ngoài giáo viên dạy BTVH trước đây thì nay các trung tâm có thêm giáo viên dạy nghề, dạy hướng nghiệp… *Hai là,* việc các trung tâm liên kết với các trường Đại học, Cao đẳng trong việc mở lớp thì đồng thời cũng làm đa dạng hóa người dạy. *Ba là,* ngoài việc mở các lớp dài hạn, các trung tâm đã bước đầu mở thêm các lớp ngắn hạn với các chuyên đề chuyên sâu gắn với việc giảng dạy tại các TTHTCĐ để phục vụ nhu cầu học tập của người dân.

Tuy nhiên, việc dạy học tại các trung tâm hiện nay còn thụ động theo các chương trình dạy học theo quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ LĐ-TB&XH. Phỏng vấn bà P.T.N.H - Giám đốc Trung tâm GDNN-GDTX huyện TS đã chỉ ra: "*Việc dạy học tại các trung tâm hiện nay vẫn còn phụ thuộc vào các nội dung soạn sẵn của các nhà viết sách, mà chưa tạo ra được sự phù hợp với yêu cầu của người dân để tạo ra sự phù hợp giữa người dạy với chương trình dạy học, giúp cho người học tốt nhất*".

2.3.1.3. Đánh giá thực trạng quản lý người học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Bảng 2.9. Thực trạng quản lý người học ở trung tâm

TT	Biện pháp quản lý	Cán bộ quản lý			Giáo viên			Chung		
		Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc
1	Khảo sát đánh giá người học để tạo sự phù hợp giữa người học và chuyên đề học, vận dụng được vào thực tế công việc	69	1,6	5	504	1,9	4	573	1,8	4

TT	Biện pháp quản lý	Cán bộ quản lý			Giáo viên			Chung		
		Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc
2	Đánh giá chất lượng người học tạo điều kiện cho người dạy dạy sát đối tượng và tôn trọng người học	97	2,2	2	551	2,0	3	648	2,1	3
3	Khảo sát nhu cầu người học để tạo điều kiện cho người học được học tập phù hợp với mong muốn nguyện vọng và năng lực	87	2,0	3	598	2,2	2	685	2,1	2
4	Hình thành phương pháp tự học, tự bồi dưỡng, tạo điều kiện cho người học có cơ hội, phát huy vai trò của mình với xã hội và học tập suốt đời	81	1,8	4	435	1,6	5	516	1,7	5
5	Tạo điều kiện cho người học chớp thời cơ, cơ hội học tập, học tập suốt đời	107	2,4	1	660	2,4	1	767	2,4	1
Trung bình			**2,0**			**2,02**			**2,01**	

Nhận xét:

Quản lý người học ở các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trong tỉnh Phú Thọ theo hướng xây dựng xã hội học tập được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá mức độ thực hiện trung bình với điểm trung bình $\overline{X}$ = 2,01 (min = 1; max = 3) và cả 5 biện pháp quản lý người học theo hướng xây dựng xã hội học tập được đánh giá với $1,8 \leq \overline{X} \leq 2,4$ (100% biện pháp có ý kiến đánh giá $\overline{X}$< 2,5).

Mức độ thực hiện các biện pháp quản lý người dạy theo hướng xây dựng xã hội học tập ở trung tâm được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá thực hiện *không đồng đều nhau* mà ở các mức độ khác nhau: Biện pháp quản lý *"Tạo điều kiện cho người học chớp thời cơ, cơ hội học tập, học tập suốt đời"* được đánh giá thực hiện tốt nhất với điểm trung bình $\overline{X}$ = 2,4 xếp bậc 1/5. Tiếp theo là biện pháp *"Khảo sát nhu cầu*

người học để tạo điều kiện cho người học được học tập phù hợp với mong muốn nguyện vọng và năng lực" được đánh giá có mức độ thực hiện thứ hai với $\overline{X} = 2,1$, xếp bậc 2/5. Biện pháp *"Hình thành phương pháp tự học, tự bồi dưỡng, tạo điều kiện cho người học có cơ hội, phát huy vai trò của mình với xã hội và học tập suốt đời"* được đánh giá ở mức độ thấp nhất với $\overline{X} = 1,7$ xếp bậc 5/5.

Tại sao? Kết quả nghiên cứu có thể giải thích: *Một là,* với việc nhận thức cao của cán bộ quản lý và giáo viên về việc xây dựng xã hội học tập trong giai đoạn hiện nay, BGĐ các trung tâm đã không ngừng mở thêm các mã ngành mới, đa dạng các hình thức học, thời gian học, phương pháp giảng dạy để phù hợp với từng đối tượng người học, tạo điều kiện cho người học chớp thời cơ, cơ hội học tập, học tập suốt đời. *Hai là,* hiện nay, các trung tâm cùng với việc mở thêm nhiều mã ngành mới, các lớp ngắn hạn, cử giáo viên đi đến các địa bàn trong và ngoài tỉnh điều tra, khảo sát nhu cầu học tập của người dân. Tuy nhiên việc mở các lớp ngắn hạn còn ít; việc điều tra, khảo sát nhu cầu học tập của người dân mới chỉ là hình thức hiệu quả chưa cao. *Ba là,* đối tượng người học tại các trung tâm phong phú, nhưng đại đa số là vừa làm vừa học nên thời gian giành cho tự học, tự bồi dưỡng còn ít; chưa nhận thức đúng đắn về xã hội học tập, chưa phát huy hết vai trò của mình với XH và xã hội học tập. Do vậy, việc quản lý đánh giá người học để hình thành phương pháp tự học, tự bồi dưỡng, tạo điều kiện cho người học có cơ hội, phát huy vai trò của mình với xã hội và học tập suốt đời gặp nhiều khó khăn.

Phỏng vấn bà N.K.T - Giám đốc Trung tâm GDNN-GDTX huyện LT đã trao đổi: Hiện nay, thực trạng quản lý người học ở Trung tâm GDNN-GDTX huyện LT gặp nhiều khó khăn đó là: "*Học viên chưa xác định được vai trò của hoạt động tự học, do đó việc xác định động cơ, thái độ và phương pháp học tập còn hạn chế. Việc sử dụng các kỹ năng tự học cơ bản ở mức độ thấp, sử dụng không thường xuyên. Một số học viên có kỹ năng tự học tương đối tốt nhưng chưa chú ý rèn luyện và phát triển năng lực tự học cho mình*".

So sánh giữa hai luồng ý kiến đánh giá cán bộ quản lý và giáo viên về mức độ thực hiện các biện pháp biện pháp quản lý người học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở trung tâm, cho thấy có sự phù hợp và thống nhất giữa cán bộ quản lý

và giáo viên đều đánh giá thực hiện các nguồn lực dạy học ở mức độ trung bình, với cán bộ quản lý $\overline{X} = 2,0$ và giáo viên $\overline{X}$= 2,02. Độ lệch là 0,02.

2.3.1.4. Đánh giá thực trạng quản lý tài chính, phương tiện cơ sở vật chất cho dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Bảng 2.10. Đánh giá thực trạng quản lý tài chính, phương tiện cơ sở vật chất (các điều kiện đảm bảo) ở trung tâm

TT	Biện pháp quản lý	Cán bộ quản lý			Giáo viên			Chung		
		Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc
1	Lập kế hoạch sử dụng nguồn lực vật chất phục vụ dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập	82	1,9	3	538	2,0	2	620	2,0	3
2	Tổ chức sử dụng kinh phí tài chính, cơ sở vật chất đúng mục đích, tạo điều kiện tổ chức tốt hoạt động dạy và học theo hướng tạo điều kiện cho người học	101	2,3	1	658	2,4	1	759	2,4	1
3	Kiểm tra việc sử dụng tài chính, phương tiện dạy học có đúng mục đích tạo cơ hội cho người học được học tập	92	2,1	2	633	2,3	3	725	2,3	2
4	Tăng cường tự chủ và trách nhiệm xã hội trong việc sử dụng tài chính, nhằm nâng cao cơ hội cho người học, có trách nhiệm với người học trong việc học tập suốt đời	76	1,7	4	528	1,9	4	604	1,9	4
5	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng giáo viên trong việc sử dụng phương tiện dạy học, để tổ chức dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của người học	72	1,6	5	470	1,7	5	512	1,6	5
Trung bình			**1,92**			**2,06**			**2,04**	

Nhận xét:

Cán bộ quản lý và giáo viên đều có nhận thức cao về mức độ cần thiết của các biện pháp quản lý tài chính, phương tiện cơ sở vật chất (các điều kiện đảm bảo) đối với việc xây dựng xã hội học tập. Tuy nhiên, đánh giá mức độ thực hiện của các biện pháp quản lý tài chính, phương tiện cơ sở vật chất (các điều kiện đảm bảo) ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập mới chỉ ở mức *trung bình* được thể hiện ở điểm trung bình $\overline{X} = 2,04$ (min = 1; max = 3) và cả 5/5 (100%) biện pháp quản lý tài chính, phương tiện cơ sở vật chất được đánh giá với $\overline{X} < 2,5$ ($1,6 \leq \overline{X} \leq 2,4$).

Đánh giá thực hiện các biện pháp quản lý tài chính, phương tiện cơ sở vật chất cao nhất là biện pháp *"Tổ chức sử dụng kinh phí tài chính, cơ sở vật chất đúng mục đích, tạo điều kiện tổ chức tốt hoạt động dạy và học theo hướng tạo điều kiện cho người học"* với điểm trung bình $\overline{X} = 2,4$, xếp bậc 1/5. Biện pháp *"Kiểm tra việc sử dụng tài chính, phương tiện dạy học có đúng mục đích tạo cơ hội cho người học được học tập"* được đánh giá có mức độ thực hiện tiếp theo, với $\overline{X} = 2,3$, xếp bậc 2/5.

Phỏng vấn bà L.T.K.P kế toán trưởng Trung tâm GDNN-GDTX VT cho biết: "*Trung tâm GDNN-GDTX là đơn vị hành chính sự nghiệp có thu, kinh phí nhà nước cấp còn hạn hẹp, trung tâm vẫn phải chi một phần kinh phí cho hoạt động của trung tâm từ nguồn thu từ các lớp liên kết. Mặt khác mức thu học phí hiện nay do nhà nước quy định cho các trung tâm không còn phù hợp, thu không đủ chi cho các hoạt động của trung tâm. Do vậy, việc sử dụng kinh phí chi cho các hoạt động của trung tâm còn gặp nhiều khó khăn*".

Đánh giá thấp nhất về mức độ thực hiện biện pháp *"Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng giáo viên trong việc sử dụng phương tiện dạy học, để tổ chức dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của người học"* với điểm trung bình $\overline{X} = 1,6$, xếp bậc 5/5.

Tại sao? Qua quan sát và phỏng vấn cho thấy: *Một là,* việc tổ chức tập huấn bồi dưỡng giáo viên trong việc sử dụng phương tiện dạy học, để tổ chức dạy học chưa thường xuyên, công tác động viên khen thưởng giáo viên thực hiện tốt việc sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học còn nhiều hạn chế, một trong những nguyên nhân là do công tác quản lý việc sử dụng phương tiện dạy học chưa sâu sát, chưa quan tâm đến công tác kiểm tra, đánh giá và nhắc nhở giáo viên thực hiện. *Hai là,* một số giáo

viên chưa có ý thức cao trong việc sử dụng thiết bị dạy học mà vẫn theo lối mòn là dạy chay. Một số giáo viên còn hạn chế kỹ năng sử dụng thiết bị hiện đại trong giảng dạy như kỹ năng sử dụng máy tính, thiết bị dạy học trình chiếu…*Ba là,* công tác quản lý thiết bị chưa chặt chẽ dẫn đến hư hỏng.

Phỏng vấn (bà) N.M.S - cán bộ quản lý Trung tâm GDNN-GDTX TS cho biết: "*Đa số thiết bị dạy học ở trung tâm đã cũ kĩ, lạc hậu. Một số giáo viên chưa thành thạo trong việc sử dụng thiết bị dạy học. Trong quá trình thực hiện, máy móc trục trặc không xử lí được làm ảnh hưởng đến thời gian học tập của học sinh. Do vậy, việc quản lý tài chính, phương tiện cơ sở vật chất (các điều kiện đảm bảo) ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập còn thấp*".

So sánh giữa hai luồng ý kiến đánh giá cán bộ quản lý và giáo viên về mức độ thực hiện các biện pháp quản lý tài chính, phương tiện cơ sở vật chất ở trung tâm, cho thấy có sự phù hợp và thống nhất giữa cán bộ quản lý và giáo viên đều đánh giá thực hiện các biện pháp ở mức độ trung bình, với cán bộ quản lý $\overline{X}$ = 1,92 và giáo viên $\overline{X} = 2,06$. Độ lệch là 0,14.

Bảng 2.11. Bảng tổng hợp quản lý các yếu tố đầu vào của dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở trung tâm

TT	Biện pháp quản lý	Cán bộ quản lý		Giáo viên		Chung	
		$\overline{X}$	Thứ bậc	$\overline{X}$	Thứ bậc	$\overline{X}$	Thứ bậc
1	Quản lý nội dung chương trình dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập	2,0	2	1,93	4	1,95	4
2	Quản lý người dạy theo hướng xây dựng xã hội học tập	2,18	1	2,18	1	2,18	1
3	Quản lý người học theo hướng xây dựng xã hội học tập	2,0	2	2,02	3	2,01	3
4	Quản lý tài chính, phương tiện vật chất (các điều kiện đảm bảo cho dạy học)	1,92	4	2,06	2	2,04	2
Trung bình		**2,03**		**2,05**		**2,05**	

Nhận xét:

Quản lý các yếu tố đầu vào của dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá mức độ thực hiện trung bình với điểm trung bình $\overline{X} = 2,05$ (min = 1; max = 3) và cả 4/4 (100%) biện pháp quản lý các yếu tố đầu vào của dạy học đánh giá với $\overline{X} < 2,5$ ($1,95 \leq \overline{X} \leq 2,18$).

Mức độ thực hiện các biện pháp các yếu tố đầu vào của dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở trung tâm được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá thực hiện *không đồng đều nhau* mà ở các mức độ khác nhau: Biện pháp quản lý *"Quản lý người dạy theo hướng xây dựng xã hội học tập"* được đánh giá thực hiện tốt nhất với điểm trung bình $\overline{X} = 2,18$, xếp bậc 1/4. Biện pháp *"Quản lý nội dung chương trình dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập"* được đánh giá có mức độ thực hiện thấp nhất với $\overline{X} = 1,95$, xếp bậc 4/4.

So sánh giữa hai luồng ý kiến đánh giá cán bộ quản lý và giáo viên về mức độ thực hiện các biện pháp quản lý các yếu tố đầu vào của dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập, cho thấy có sự phù hợp và thống nhất giữa cán bộ quản lý và giáo viên đều đánh giá thực hiện ở mức độ *trung bình*, với cán bộ quản lý $\overline{X} = 2,03$ và giáo viên $\overline{X} = 2,05$. Độ lệch là 0,02.

Có thể biểu diễn quản lý các yếu tố đầu vào của dạy học bằng biểu đồ sau:

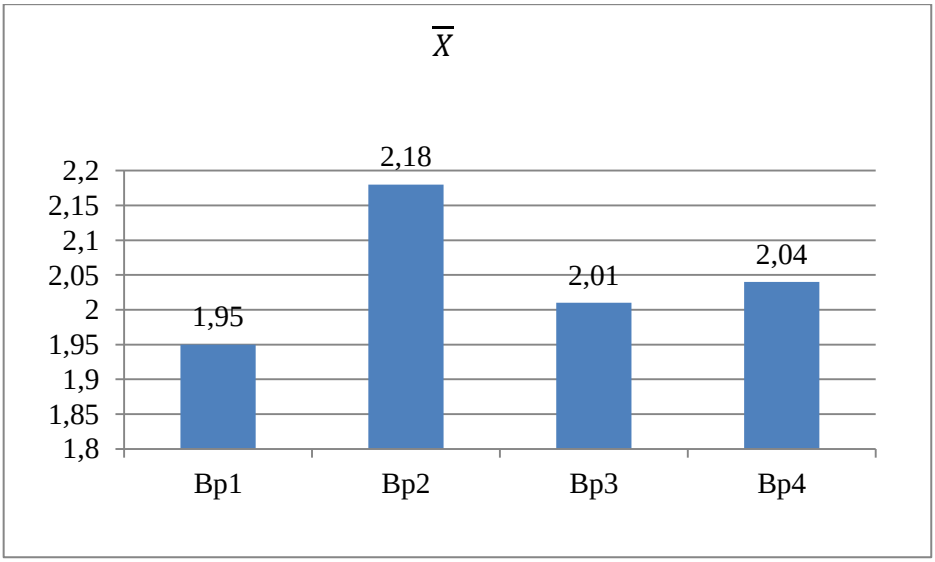

Biểu đồ 2.1. Quản lý các yếu tố đầu vào của dạy học ở trung tâm

2.3.2. Quản lý quá trình dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

2.3.2.1. Đánh giá thực trạng quản lý quá trình giảng dạy của giáo viên ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Bảng 2.12. Đánh giá thực trạng quản lý quá trình giảng dạy của giáo viên ở trung tâm

TT	Biện pháp quản lý	Cán bộ quản lý			Giáo viên			Chung		
		Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc
1	Xác định rõ mục tiêu dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập	97	2,2	4	593	2,2	3	690	2,2	3
2	Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học	105	2,4	1	655	2,4	1	760	2,4	1
3	Tổ chức bồi dưỡng kĩ năng sử dụng phương tiện dạy học hiện đại trong giảng dạy, để giáo viên có thể tạo nhiều cơ hội cho người học lĩnh hội, làm chủ tri thức để phát triển cá nhân	101	2,3	2	624	2,3	2	725	2,3	2
4	Chỉ đạo gắn bài giảng của giáo viên với thực tiễn địa phương	73	1,7	9	455	1,7	9	528	1,7	9
5	Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên	102	2,3	2	588	2,2	3	690	2,2	3

TT	Biện pháp quản lý	Cán bộ quản lý			Giáo viên			Chung		
		Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc
6	Kiểm tra, điều chỉnh hoạt động giảng dạy của giáo viên theo hướng tạo cơ hội, tạo điều kiện cho người học học tập	90	2,0	6	573	2,1	5	663	2,1	5
7	Chỉ đạo giảng dạy của giáo viên theo hướng hình thành nhu cầu, phương pháp tự học, tự bồi dưỡng	93	2,1	5	540	2,0	6	633	2,0	6
8	Tổ chức mối liên hệ chặt chẽ giữa hoạt động giảng dạy của giáo viên với thực tiễn địa phương	72	1,6	10	444	1,6	10	516	1,6	10
9	Dạy học hình thành nhu cầu học tập ở người học	83	1,9	7	520	1,9	7	603	1,9	7
10	Dạy học phát huy hết các điều kiện chủ quan của người học	77	1,8	8	479	1,8	8	556	1,8	8
11	Xây dựng nội dung bài giảng phù hợp với từng loại đối tượng học tập, cộng đồng dân cư, vùng miền	64	1,5	11	413	1,5	11	477	1,5	11
Trung bình			**1,98**			**1,97**			**1,97**	

Nhận xét:

Qua bảng trên cho thấy mặc dù cán bộ quản lý và giáo viên của các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Thọ đều có nhận thức về vai trò của dạy học trong việc xây dựng xã hội học tập, nhưng việc quản lý quá trình giảng dạy của giáo viên ở theo hướng xây dựng xã hội học tập tại các trung tâm này thì mới đạt ở mức *trung bình*, thể hiện điểm trung bình chung của cả 11 biện pháp quản lý $\overline{X}$ =1,97 (min = 1, max = 3) và 11/11 biện pháp quản lý có điểm

trung bình $\overline{X} < 2,5$ (dao động điểm $1,5 \leq \overline{X} < 2,4$), biện pháp quản lý tốt nhất là biện pháp *"Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học"* với $\overline{X} = 2,4$, xếp bậc 1/11. Trên cơ sở thực hiện chỉ đạo đổi mới nội dung, chương trình giáo dục phổ thông của Bộ GD&ĐT, từ nhiều năm qua Sở GD&ĐT Phú Thọ đã chỉ đạo các trung tâm xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai đổi mới phương pháp dạy học tại đơn vị mình. Xác định rõ sự thành công trong việc triển khai đổi mới phương pháp dạy học theo hướng xã hội học tập, Sở GD&ĐT, các trung tâm đã tổ chức tập huấn giáo viên cốt cán cũng như toàn thể GV. Tuy nhiên, việc tập huấn cho giáo viên mà không có sự kiểm tra, giám sát thì hiệu quả sẽ không cao, đặc biệt đối tượng người học tại các trung tâm có nhiều hạn chế về tính tự giác, tự học trong học tập do đó quá trình thực hiện quản lý *"Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học"* mới chỉ ở mức trung bình.

Đứng thứ hai là biện pháp quản lý *"Tổ chức bồi dưỡng kĩ năng sử dụng phương tiện dạy học hiện đại trong giảng dạy, để giáo viên có thể tạo nhiều cơ hội cho người học lĩnh hội, làm chủ tri thức để phát triển cá nhân"* với $\overline{X} = 2,3$, có hai biện pháp quản lý được đánh giá đạt ở mức độ như nhau là *"Xác định rõ mục tiêu dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập"* và *"Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên"* với điểm trung bình $\overline{X} = 2,2$, xếp bậc 3/11.

Biện pháp quản lý *"Xây dựng nội dung bài giảng phù hợp với từng loại đối tượng học tập, cộng đồng dân cư, vùng miền"* được đánh giá thấp nhất với điểm trung bình $\overline{X} = 1,5$, xếp bậc 11/11. Bởi vì, nội dung, chương trình dạy học của giáo viên chủ yếu theo quy định của Bộ GD&ĐT; việc mở các lớp theo chuyên đề tại các trung tâm còn ít, chủ yếu tại các TTHTCĐ với các nội dung xây dựng sẵn chưa có sự phù hợp về nội dung với từng loại đối tượng học tập, đặc thù vùng miền.

Ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên ở các trung tâm có sự phù hợp và thống nhất với nhau về mức độ quản lý quá trình giảng dạy của giáo viên ở theo hướng xây dựng xã hội học tập, với cán bộ quản lý $\overline{X} = 1,98$ và giáo viên $\overline{X} = 1,97$. Độ chênh lệch là 0,01.

2.3.2.2. Đánh giá thực trạng quản lý hoạt động học tập của người học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Bảng 2.13. Thực trạng quản lý hoạt động học tập của người học ở trung tâm

TT	Biện pháp quản lý	Cán bộ quản lý			Giáo viên			Chung		
		Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc
1	Xác định các nội dung học tập phù hợp với lứa tuổi, đối tượng, vùng miền	90	2,0	5	450	1,7	5	540	1,7	5
2	Tổ chức học tập cho người học xuất phát từ nhu cầu học tập của người học	78	1,8	6	440	1,6	6	518	1,6	6
3	Hình thành động cơ, thái độ và nhu cầu học tập suốt đời cho người học	65	1,5	7	414	1,5	7	479	1,5	7
4	Đổi mới cách thức tổ chức học tập, phương pháp học tập lấy người học làm trung tâm	94	2,1	4	522	1,9	4	616	2,0	3
5	Chỉ đạo xây dựng gắn học tập của người học với thực tiễn địa phương	106	2,4	1	629	2,3	1	735	2,3	1
6	Kiểm tra, đánh giá học tập của người học theo hướng xã hội học tập (vận dụng kiến thức, nhu cầu hoàn thiện, tự học...)	95	2,2	3	562	2,1	2	657	2,1	2
7	Xác định hình thức học tập phù hợp với chương trình, đối tượng học tập và hoàn cảnh địa phương	100	2,3	2	534	2,0	3	634	2,0	3
Trung bình			**2,04**			**1,87**			**1,88**	

Nhận xét:

Quản lý các hoạt động học tập của người học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá mức độ thực hiện trung bình với điểm trung bình $\overline{X} = 1,88$ (min = 1; max = 3) và cả 7 biện pháp quản lý hoạt động học tập của người học theo hướng xây dựng xã hội học tập được đánh giá với $1,5 \leq \overline{X} \leq 2,3$ (100% biện pháp có ý kiến đánh giá $\overline{X}$< 2,5).

Mức độ thực hiện các biện pháp quản lý hoạt động học tập của người học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở trung tâm được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá thực hiện *không đồng đều nhau* mà ở các mức độ khác nhau: Biện pháp quản lý *"Chỉ đạo, xây dựng gắn học tập của người học với thực tiễn địa phương"* được đánh giá thực hiện tốt nhất với điểm trung bình $\overline{X}$ = 2,3, xếp bậc 1/7. Tiếp theo là biện pháp *"Kiểm tra, đánh giá học tập của người học theo hướng xã hội học tập (vận dụng kiến thức, nhu cầu hoàn thiện, tự học...)"* được đánh giá có mức độ thực hiện thứ hai với $\overline{X} = 2,1$, xếp bậc 2/7. Biện pháp *"Hình thành động cơ, thái độ và nhu cầu học tập suốt đời cho người học"* được đánh giá ở mức độ thấp nhất với $\overline{X} = 1,5$, xếp bậc 7/7.

Tại sao? Qua quan sát và phỏng vấn cho thấy: *Một là,* học viên chưa xác định được đúng đắn động cơ, thái độ và nhu cầu học tập. *Hai là,* lực học của học viên thấp, tự ti trong học tập. *Ba là,* vấn đề giáo dục thái độ, động cơ trong học tập của học viên đã được triển khai song vẫn còn một số ý kiến cho rằng công tác quản lý vấn đề này vẫn còn nhiều bất cập, điều này được thể hiện ở chỗ học viên mới chỉ dừng lại ở khâu nhận thức, chưa được thể hiện qua hành vi cụ thể. *Bốn là,* việc giáo dục ý thức, tinh thần, thái độ, động cơ học tập đúng đắn cho học viên chưa được thường xuyên, nên kết quả chưa cao.

So sánh giữa hai luồng ý kiến đánh giá cán bộ quản lý và giáo viên về mức độ thực hiện các biện pháp quản lý hoạt động học tập của người học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở trung tâm, cho thấy có sự phù hợp và thống nhất giữa cán bộ quản lý và giáo viên đều đánh giá thực hiện các nguồn lực dạy học ở mức độ trung bình, với cán bộ quản lý $\overline{X} = 2,04$ và giáo viên $\overline{X} = 1,87$. Độ lệch là 0,17.

2.3.2.3. Đánh giá thực trạng quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Bảng 2.14. Thực trạng quản lý kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở trung tâm

TT	Biện pháp quản lý	Cán bộ quản lý			Giáo viên			Chung		
		Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc
1	Xác định mục tiêu, tiêu chí kiểm tra dạy học theo hướng xã hội học tập	84	1,9	5	518	1,9	5	602	1,9	5
2	Tổ chức bộ máy kiểm tra có tính đến các lực lượng xã hội giúp người dạy và học vận dụng kiến thức vào xã hội	86	2,0	4	560	2,1	3	646	2,1	3
3	Chỉ đạo kiểm tra, đánh giá theo hướng nhấn mạnh đến hình thành phương pháp tự học, thực tiễn	91	2,1	3	546	2,0	4	637	2,0	4
4	Đánh giá người học theo hướng (mục đích) tạo điều kiện cho người học có cơ hội tham gia tiếp tục học tập	105	2,4	1	628	2,3	2	733	2,3	2
5	Xác định các tiêu chuẩn đầu ra cụ thể và phù hợp với thực tiễn xã hội (địa phương)	78	1,8	6	459	1,7	6	537	1,7	6
6	Gắn việc ra đề thi với thực tiễn địa phương	73	1,7	7	432	1,6	7	505	1,6	7
7	Phương pháp và qui trình thi cử đảm bảo theo hướng xã hội học tập (học suốt đời, tôn trọng người học, vận dụng thực tiễn)	96	2,2	2	663	2,4	1	759	2,4	1
8	Xây dựng ngân hàng đề thi theo hướng xã hội học tập	66	1,5	8	406	1,5	8	472	1,5	8
Trung bình			**1,95**			**1,93**			**1,94**	

Nhận xét:

Quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá mức độ thực hiện trung bình với điểm trung bình $\overline{X} = 1,94$ (min = 1; max = 3) và cả 8 biện pháp quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được đánh giá với $1,5 \leq \overline{X} \leq 2,4$ (100% biện pháp có ý kiến đánh giá $\overline{X}$< 2,5).

Mức độ thực hiện các biện pháp quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá thực hiện *không đồng đều nhau* mà ở các mức độ khác nhau: Biện pháp quản lý *"Phương pháp và qui trình thi cử đảm bảo theo hướng xã hội học tập (học suốt đời, tôn trọng người học, vận dụng thực tiễn)"* được đánh giá thực hiện tốt nhất với điểm trung bình $\overline{X}$ = 2,4, xếp bậc 1/8. Tiếp theo là biện pháp quản lý *"Đánh giá người học theo hướng (mục đích) tạo điều kiện cho người học có cơ hội tham gia tiếp tục học tập"* được đánh giá có mức độ thực hiện thứ hai với $\overline{X} = 2,3$, xếp bậc 2/8. Biện pháp quản lý *"Xây dựng ngân hàng đề thi theo hướng xã hội học tập"* được đánh giá ở mức độ thấp nhất với $\overline{X} = 1,5$, xếp bậc 8/8.

So sánh giữa hai luồng ý kiến đánh giá cán bộ quản lý và giáo viên về mức độ thực hiện các biện pháp quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập, cho thấy có sự phù hợp và thống nhất giữa cán bộ quản lý và giáo viên đều đánh giá thực hiện các biện pháp quản lý quá trình dạy học ở mức độ trung bình, với cán bộ quản lý $\overline{X} = 1,95$ và giáo viên $\overline{X} = 1,93$. Độ lệch là 0,02.

Bảng 2.15. Bảng tổng hợp kết quả quản lý quá trình dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

TT	Biện pháp quản lý	Cán bộ quản lý		Giáo viên		Chung	
		$\overline{X}$	Thứ bậc	$\overline{X}$	Thứ bậc	$\overline{X}$	Thứ bậc
1	Quản lý giảng dạy của giáo viên	1,98	2	1,97	1	1,97	1
2	Quản lý học tập của học viên	2,04	1	1,87	3	1,88	3
3	Quản lý kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học viên	1,95	3	1,93	2	1,94	2
Trung bình		**1,99**		**1,92**		**1,93**	

Nhận xét:

Quản lý quá trình dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá mức độ thực hiện *trung bình* với điểm trung bình $\overline{X} = 1,93$ (min = 1; max = 3) và cả 3 biện pháp quản lý dạy, học và quản lý kiểm tra đánh giá ở trung tâm được đánh giá với $1,88 \leq \overline{X} \leq 1,97$ (100% biện pháp có ý kiến đánh giá $\overline{X}$< 2,5).

Mức độ thực hiện các biện pháp quản lý quá trình dạy học ở Trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá theo thứ bậc: 1- *"Quản lý giảng dạy của giáo viên"* với $\overline{X}$ = 1,97; 2- "*Quản lý kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học viên*" với $\overline{X}$ = 1,94; 3- *"Quản lý học tập của học viên"* được đánh giá có mức độ thực hiện thứ ba với $\overline{X} = 1,88$.

So sánh giữa hai luồng ý kiến đánh giá cán bộ quản lý và giáo viên về mức độ thực hiện các biện pháp quản lý quá trình dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập, cho thấy có sự phù hợp và thống nhất giữa cán bộ quản lý và giáo viên đều đánh giá thực hiện các biện pháp quản lý quá trình dạy học ở mức độ trung bình, với cán bộ quản lý $\overline{X} = 1,99$ và giáo viên $\overline{X} = 1,92$. Độ lệch là 0,07.

Có thể biểu diễn thực trạng trên bằng biểu đồ:

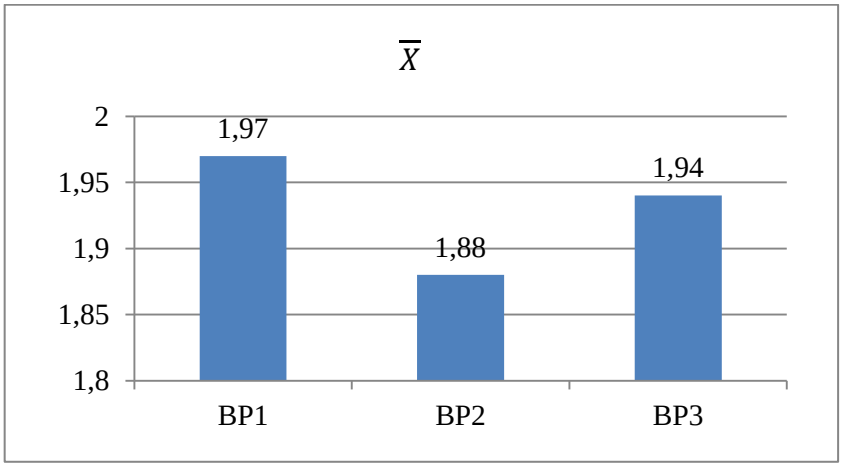

Biểu đồ 2.2. Quản lý quá trình dạy học
ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

2.3.3. Quản lý các yếu tố đầu ra dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

2.3.3.1. Đánh giá thực trạng quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Bảng 2.16. Thực trạng quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ ở trung tâm

TT	Biện pháp quản lý	Cán bộ quản lý			Giáo viên			Chung		
		Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc
1	Lập kế hoạch cấp phát văn bằng chứng chỉ phù hợp với cơ hội việc làm của người học	74	1,7	4	462	1,7	4	536	1,7	4
2	Xác định các loại chứng chỉ phù hợp với thực tiễn ngành nghề địa phương	86	2,0	3	591	2,2	2	677	2,1	2
3	Loại hình văn bằng chứng chỉ tạo cơ hội cho người học có cơ hội học tập trau dồi kiến thức	91	2,1	2	486	1,8	3	577	1,8	3

4	Chứng chỉ đa dạng phù hợp với ngành nghề và các loại đối tượng	103	2,3	1	634	2,3	1	737	2,3	1
5	Tổ chức bộ máy cấp phát chứng chỉ, văn bằng đúng qui định và đa dạng sự tham gia của xã hội	68	1,5	5	430	1,6	5	498	1,6	5
Trung bình			**1,92**			**1,92**			**1,9**	

Nhận xét:

Quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá mức độ thực hiện trung bình với điểm trung bình $\overline{X}$=1,9 (min = 1; max = 3) và cả 5 biện pháp quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ ở trung tâm được đánh giá với $1,6 \leq \overline{X} \leq 2,3$ (100% biện pháp có ý kiến đánh giá $\overline{X} < 2,5$).

Mức độ thực hiện các biện pháp quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá thực hiện *không đồng đều nhau* mà ở các mức độ khác nhau: Biện pháp quản lý *"Chứng chỉ đa dạng phù hợp với ngành nghề và các loại đối tượng"* được đánh giá thực hiện tốt nhất với điểm trung bình $\overline{X}$ = 2,3, xếp bậc 1/5. Tiếp theo là biện pháp quản lý *"Xác định các loại chứng chỉ phù hợp với thực tiễn ngành nghề địa phương"* được đánh giá có mức độ thực hiện thứ hai với $\overline{X} = 2,1$, xếp bậc 2/5. Biện pháp *"Tổ chức bộ máy cấp phát chứng chỉ, văn bằng đúng qui định và đa dạng sự tham gia của xã hội"* được đánh giá ở mức độ thấp nhất với $\overline{X} = 1,6$, xếp bậc 5/5.

So sánh giữa hai luồng ý kiến đánh giá cán bộ quản lý và giáo viên về mức độ thực hiện các biện pháp quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập, cho thấy có sự phù hợp và thống nhất hoàn toàn giữa cán bộ quản lý và giáo viên đều đánh giá thực hiện các biện pháp quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ ở mức độ trung bình, với cán bộ quản lý $\overline{X} = 1,92$ và giáo viên cũng là $\overline{X} = 1,92$.

2.3.3.2. Đánh giá thực trạng quản lý thông tin đầu ra của dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Bảng 2.17. Đánh giá thực trạng quản lý thông tin đầu ra của dạy học ở trung tâm

TT	Biện pháp quản lý	Cán bộ quản lý			Giáo viên			Chung		
		Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc
1	Tổ chức hội nghị khách hàng đánh giá mức độ đáp ứng của học viên với công việc của địa phương.	98	2,2	2	648	2,4	1	746	2,4	1
2	Thiết lập được mối quan hệ giữa trung tâm với các cơ sở sử dụng nhân lực của trung tâm để đánh giá đầu ra, điều chỉnh chương trình, nội dung dạy và học	67	1,5	5	479	1,8	5	546	1,7	5
3	Quản lý kết quả học tập (đối chiếu sản phẩm với mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình đào tạo)	107	2,4	1	581	2,1	2	741	2,4	2
4	Chỉ đạo điều chỉnh nội dung, hình thức dạy học cho phù hợp và đáp ứng với nhu cầu làm việc của người học	75	1,7	4	543	2,0	3	618	2,0	3
5	Tổ chức cho người học tự đánh giá trình độ và có nhu cầu học tiếp tục để đáp ứng nhu cầu xã hội	89	2,0	3	514	1,9	4	603	1,9	4
Trung bình			**1,96**			**2,04**			**2,08**	

Nhận xét:

Quản lý thông tin đầu ra của dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá mức độ thực hiện trung bình với điểm trung bình $\overline{X} = 2,0$ (min = 1; max = 3) và cả 5 biện pháp quản lý thông tin đầu ra của dạy học được đánh giá với $1,7 \leq \overline{X} \leq 2,4$ (100% biện pháp có ý kiến đánh giá $\overline{X}$< 2,5).

Mức độ thực hiện các biện pháp quản lý thông tin đầu ra của dạy học ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá thực hiện *không đồng đều nhau* mà ở các mức độ khác nhau: Các biện pháp quản lý *"Tổ chức hội nghị khách hàng đánh giá mức độ đáp ứng của học viên với công việc của địa phương"* và *"Quản lý kết quả học tập (đối chiếu sản phẩm với mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình đào tạo)"* được đánh giá thực hiện tốt nhất với điểm trung bình $\overline{X}$ = 2,4, xếp bậc 1/5 và 2/5. Tiếp theo là biện pháp quản lý *"Chỉ đạo điều chỉnh nội dung, hình thức dạy học cho phù hợp và đáp ứng với nhu cầu làm việc của người học"* được đánh giá có mức độ thực hiện thứ hai với $\overline{X} = 2,0$, xếp bậc 3/5. Cuối cùng là biện pháp quản lý *"Thiết lập được mối quan hệ giữa trung tâm với các cơ sở sử dụng nhân lực của trung tâm để đánh giá đầu ra, điều chỉnh chương trình, nội dung dạy và học"* được đánh giá ở mức độ thấp nhất với $\overline{X} = 1,7$, xếp bậc 5/5.

So sánh giữa hai luồng ý kiến đánh giá cán bộ quản lý và giáo viên về mức độ thực hiện các biện pháp quản lý thông tin đầu ra của dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập, cho thấy có sự phù hợp và thống nhất giữa cán bộ quản lý và giáo viên đều đánh giá thực hiện các biện pháp quản lý thông tin đầu ra của dạy học ở mức độ trung bình, với cán bộ quản lý $\overline{X} = 1,96$ và giáo viên $\overline{X} = 2,04$. Độ lệch là 0,08.

2.3.3.3. Đánh giá sự phản hồi từ các cơ sở sử dụng sản phẩm dạy học và học viên đã tốt nghiệp ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Bảng 2.18. Đánh giá phản hồi của các cơ sở sử dụng sản phẩm dạy học của trung tâm

TT	Thông tin phản hồi	Cán bộ quản lý			Giáo viên			Chung		
		Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc
1	Phẩm chất làm việc của người học phù hợp với công việc	75	1,7	5	461	1,7	5	536	1,7	5
2	Đã có các kĩ năng làm việc cơ bản	96	2,2	3	586	2,2	2	682	2,2	2
3	Đã có năng lực thực tiễn	87	2,0	4	481	1,8	4	567	1,8	4
4	Người học bước đầu đáp ứng với thị trường sử dụng	104	2,4	1	654	2,4	1	758	2,4	1
5	Mức độ vận dụng kiến thức đã học để làm việc	99	2,3	2	506	1,9	3	639	2,0	3
Trung bình			**2,12**			**2,0**			**2,02**	

Nhận xét:

Phản hồi của các cơ sở sử dụng sản phẩm dạy học của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá ở mức độ *trung bình* với $\overline{X} = 2,02$ (min = 1; max = 3).

Mức độ đáp ứng của các sản phẩm dạy học của trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá có sự khác biệt: "*Người học bước đầu đáp ứng với thị trường sử dụng*" được đánh giá cao nhất với điểm trung bình $\overline{X}$ = 2,4, xếp bậc 1/5; *"Đã có các kĩ năng làm việc cơ bản"* được đánh giá có mức độ đáp ứng thứ hai với $\overline{X} = 2,2$, xếp bậc 2/5. *"Phẩm chất làm việc của người học phù hợp với công việc"* được đánh giá ở mức độ thấp nhất với $\overline{X} = 1,7$, xếp bậc 5/5.

So sánh giữa hai luồng ý kiến đánh giá cán bộ quản lý và giáo viên về mức độ đáp ứng của sản phẩm dạy học từ thông tin phản hồi của các cơ sở sử dụng sản phẩm dạy học của trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập, cho thấy có sự

phù hợp và thống nhất giữa cán bộ quản lý và giáo viên đều đánh giá mức độ đáp ứng của các cơ sở sử dụng sản phẩm dạy học của trung tâm ở mức độ trung bình, với cán bộ quản lý $\overline{X} = 2,12$ và giáo viên $\overline{X} = 2,0$. Độ lệch là 0,12.

Bảng 2.19. Đánh giá thực trạng phản hồi ý kiến của học viên về dạy học ở trung tâm

TT	Thông tin phản hồi	Tốt		Bình thường		Chưa tốt		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Đáp ứng được với yêu cầu của cơ sở sử dụng lao động	61	22,5	161	59,4	49	18,1	2,0	4
2	Hài lòng với những điều đã học được	109	40,2	147	54,2	15	5,6	2,3	2
3	Vẫn bị áp lực công việc cần học tiếp	53	19,6	188	69,4	30	11,0	2,1	3
4	Có nhu cầu học lên tại trung tâm	128	47,2	124	45,8	19	7,0	2,4	1
Trung bình								**2,2**	

Nhận xét:

Sự phản hồi của học viên về dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập được cán bộ quản lý và học viên đánh giá ở mức *trung bình* với điểm trung bình $\overline{X} = 2,2$ (min = 1; max = 3) và cả 4 nội dung phản hồi được đánh giá với $2,0 \le \overline{X} \le 2,4$ (100% biện pháp có ý kiến đánh giá $\overline{X}$< 2,5).

Các nội dung phản hồi của học viên về sản phẩm dạy học ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập đánh giá *không đồng đều nhau* mà ở các mức độ khác nhau: Biện pháp học viên *"Có nhu cầu học lên tại trung tâm"* được đánh giá cao nhất với $\overline{X}$ = 2,4, xếp bậc 1/4. Tiếp theo sự *"Hài lòng với những điều đã học được"* được đánh giá có mức độ thứ hai với $\overline{X} = 2,3$, xếp bậc 2/4. *"Đáp ứng được với yêu cầu của cơ sở sử dụng lao động"* được đánh giá ở mức độ thấp nhất với $\overline{X} = 2,0$, xếp bậc 4/4.

Bảng 2.20. Đánh giá thực trạng các vấn đề cần học thêm của người học ở trung tâm

TT	Biện pháp quản lý	Cán bộ quản lý			Học viên			Chung		
		Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc	Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc
1	Tri thức	89	2,0	3	577	2,1	3	666	2,1	3
2	Kĩ năng nghề nghiệp	99	2,3	2	595	2,2	2	694	2,2	2
3	Năng lực thực hành	106	2,4	1	646	2,4	1	752	2,4	1
4	Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn	85	1,9	4	549	2,0	4	634	2,0	4
Trung bình		**2,2**			**2,2**			**2,2**		

Nhận xét:

Các vấn đề cần học thêm của người học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập được cán bộ quản lý và học viên xác định khá cao với $\overline{X} = 2,2$ (min = 1; max = 3) và cả 4 nội dung cần học thêm có điểm dao động với $2,0 \le \overline{X} \le 2,4$ (100% các nội dung có ý kiến đánh giá $\overline{X}$< 2,5).

Mức độ yêu cầu các vấn đề cần học thêm của người học ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập được cán bộ quản lý và học viên đánh giá *không đồng đều nhau* mà ở các mức độ khác nhau: *"Năng lực thực hành"* được đòi hỏi nhiều nhất với $\overline{X}$ = 2,4, xếp bậc 1/4. Tiếp theo "*Kĩ năng nghề nghiệp"* được đánh giá có mức độ đòi hỏi thứ hai với $\overline{X} = 2,2$, xếp bậc 2/4. *"Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn"* được yêu cầu ở mức độ thấp nhất với $\overline{X} = 2,0$, xếp bậc 4/4.

So sánh giữa hai luồng ý kiến đánh giá cán bộ quản lý và học viên về mức độ thực đòi hỏi các vấn đề cần học thêm của người học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập, cho thấy có sự phù hợp và thống nhất giữa cán bộ quản lý và giáo viên thể hiện với cán bộ quản lý $\overline{X} = 2,2$ và giáo viên $\overline{X} = 2,2$.

2.3.3.4. Đánh giá sự tác động của các thông tin phản hồi tới dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Bảng 2.21. Đánh giá sự tác động của các thông tin phản hồi tới dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở trung tâm

TT	Điều tiết dạy học	Tác động nhiều		Tác động ít		Không tác động		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Hoàn thiện và điều chỉnh nội dung chương trình dạy học	285	90,5	27	8,6	3	0,9	2,89	4
2	Điều chỉnh phương pháp dạy học	275	87,3	38	12,1	2	0,6	2,86	5
3	Tạo môi trường dạy học phù hợp	290	92,1	20	6,3	5	1,6	2,90	2
4	Tạo ra sự hợp tác chặt chẽ giữa người dạy và người học	296	93,9	15	4,8	4	1,3	2,92	1
5	Xã hội hóa dạy học ở các phương diện khác nhau	257	81,6	55	17,5	3	0,9	2,81	8
6	Gắn dạy học của trung tâm với thực tiễn	262	83,2	51	16,1	2	0,7	2,83	7
7	Hoàn thiện các hình thức dạy học phù hợp	278	88,3	31	9,8	6	1,9	2,86	5
8	Xây dựng trung tâm thành một xã hội học tập	292	92,7	15	4,8	8	2,5	2,90	2
Trung bình			88,6		10,0		1,4	2,87	

Nhận xét:

- Tác động của các thông tin phản hồi có tác dụng nhiều trong việc hoàn thiện, điều chỉnh, nâng cao chất lượng dạy học của trung tâm, thể hiện có 88,6% ý kiến đánh giá tác động nhiều, chỉ có 1,4% đánh giá không tác động.

- Tác động của các thông tin phản hồi tập trung vào giúp cho trung tâm *"Hoàn thiện và điều chỉnh nội dung chương trình dạy học"* với 90,5%, "*Tạo môi trường dạy học phù hợp*" có 92,1% ý kiến, "*Tạo ra sự hợp tác chặt chẽ giữa người dạy và người học*" với 93,9% ý kiến....

Bảng 2.22. Bảng kết quả tổng hợp quản lý đầu ra dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	Biện pháp quản lý	Cán bộ quản lý		Giáo viên		Chung	
		$\overline{X}$	Thứ bậc	$\overline{X}$	Thứ bậc	$\overline{X}$	Thứ bậc
1	Quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ theo hướng xây dựng xã hội học tập	1,92	3	1,92	3	1,9	3
2	Quản lý thông tin đầu ra của dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập	1,96	2	2,04	1	2,08	1
3	Quản lý sự phản hồi của các cơ sở sử dụng sản phẩm dạy học của trung tâm	2,12	1	2,0	2	2,02	2
Trung bình		**2,0**		**1,98**		**2,0**	

Nhận xét:

Quản lý đầu ra dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá mức độ thực hiện *trung bình* với điểm trung bình $\overline{X} = 2,0$ (min = 1; max = 3) và cả 3 biện pháp quản lý đầu ra dạy học được đánh giá với $1,9 \le \overline{X} \le 2,08$ (100% biện pháp có ý kiến đánh giá $\overline{X}$< 2,5).

Mức độ thực hiện các biện pháp quản lý đầu ra dạy học ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập được cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá thực hiện theo thứ bậc sau: 1 - *"Quản lý thông tin đầu ra của dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập"* với $\overline{X}$ = 2,08; 2 - "*Quản lý sự phản hồi của các cơ sở sử dụng sản phẩm dạy học của trung tâm" với* $\overline{X}$ = 2,02; 3 - *"Quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ theo hướng xây dựng xã hội học tập"* với $\overline{X} = 1,9$.

So sánh giữa hai luồng ý kiến đánh giá cán bộ quản lý và giáo viên về mức độ thực hiện các biện pháp quản lý đầu ra dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập, cho thấy có sự phù hợp và thống nhất giữa cán bộ quản lý và giáo viên đều đánh giá thực hiện các biện pháp quản lý đầu ra dạy học ở mức độ trung bình, với cán bộ quản lý $\overline{X}$ =2,0 và giáo viên $\overline{X}$= 1,98. Độ lệch là 0,02.

Có thể biểu diễn thực trạng trên bằng biểu đồ:

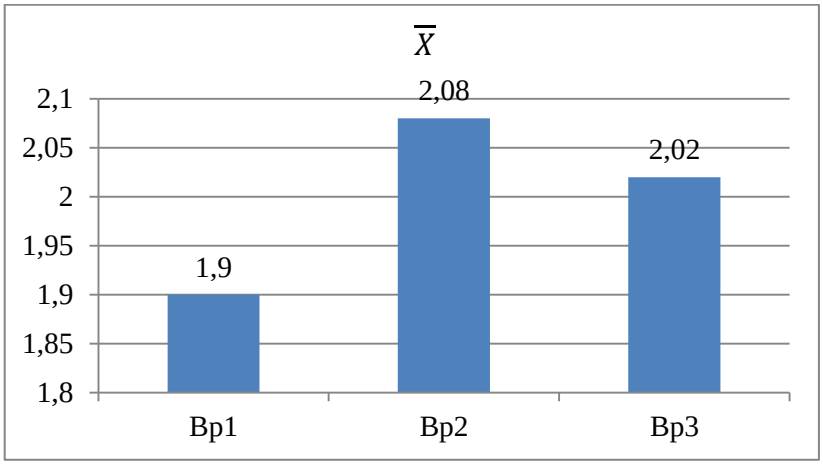

Biểu đồ 2.3. Quản lý các yếu tố đầu ra của dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

2.3.4. Quản lý các yếu tố bối cảnh dạy học

Quản lý các yếu tố bối cảnh dạy học ở trung tâm được xem xét từ góc độ *đánh giá tác động* của các yếu tố bối cảnh đến dạy học bao gồm: tác động của hệ thống chính sách, sự tiến bộ khoa học và công nghệ, điều kiện văn hóa kinh tế xã hội của địa phương, môi trường của trung tâm giáo dục và mối quan hệ giữa trung tâm với cơ sở lao động.

Bảng 2.23. Tác động của các yếu tố bối cảnh đến quản lý dạy học ở trung tâm

TT	Yếu tố	Mức độ						Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc
		Tác động nhiều		Tác động ít		Không tác động				
		SL	%	SL	%	SL	%			
1. Yếu tố về cơ chế chính sách ($\overline{X} = 2,95$)										
1	Chính sách và các văn bản pháp lý của nhà nước đối với dạy học và quản lý ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và xây dựng xã hội học tập	308	97,8	5	1.5	2	0,6	936	3,0	1
2	Cơ chế quản lý giáo dục của nhà nước đối với trung tâm	285	90,5	26	8,3	4	1,2	911	2,9	4
2. Sự phát triển khoa học công nghệ ($\overline{X} = 2,55$)										
3	Sự áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật, phương tiện hiện đại vào kinh tế, quản lý, xã hội ở địa phương	205	65,1	98	31,1	12	3,8	823	2,6	17

4	Sự phát triển khoa học công nghệ trong giai đoạn hiện nay	181	57,5	117	37,1	17	5,4	794	2,5	18
3. Yếu tố thuộc về địa phương ($\overline{X} = 2,8$)										
5	Điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương	228	72,4	79	25,1	8	2,5	850	2,7	14
6	Trình độ dân trí và nhu cầu học tập của cộng đồng dân cư	261	82,9	43	13,7	11	3.4	880	2,8	9
7	Sự ủng hộ và mối quan hệ (gắn kết) của các cấp chính quyền địa phương (lãnh đạo địa phương) với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	288	91,4	24	7,6	3	1	915	2,9	4
8	Nhu cầu kinh tế (nhu cầu của xã hội, của thị trường lao động)	255	81	51	16,2	9	2,8	876	2,8	9
4. Yếu tố thuộc về các cấp quản lý và lãnh đạo trung tâm ($\overline{X} = 2,71$)										
9	Nhận thức của lãnh đạo trung tâm về tầm quan trọng của xã hội học tập và xây dựng xã hội học tập	313	99,4	2	0,6	0	0	943	2,95	2
10	Nhận thức về vị trí, vai trò, mối quan hệ của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên với xây dựng xã hội học tập	311	98,8	2	0,6	2	0,6	939	2,95	2
11	Nhận thức về mối quan hệ giữa dạy học với xây dựng xã hội học tập	233	74	75	23,8	7	2,2	856	2,7	14
12	Nhận thức về hiệu quả, chất lượng dạy học và chất lượng xã hội học tập thông qua quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập	225	71,4	80	25,4	10	3,2	845	2,7	14
13	Tri thức, kinh nghiệm của lãnh đạo trung tâm	175	55,6	121	38,4	19	6	786	2,5	18
14	Kĩ năng và năng lực quản lý dạy học của lãnh đạo trung tâm	184	58,4	108	34,3	23	7,3	791	2,5	18
15	Năng lực thiết kế, xác lập quan hệ của lãnh đạo trung tâm với địa phương	203	64,4	97	30,8	15	4,8	817	2,6	17
16	Sự nhanh nhạy, linh hoạt, sáng tạo của lãnh đạo trung tâm khi hòa nhập với địa phương (xã hội thu nhỏ)	265	84,1	38	12,1	12	3,8	883	2,8	9

5. Yếu tố thuộc về môi trường dạy học ở trung tâm ($\overline{X} = 2,8$)										
17	Văn hóa tổ chức ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	209	66,3	92	29,2	14	4,5	825	2,6	17
18	Điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo cho dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập	295	93,7	15	4,8	5	1,5	920	2,9	4
19	Sự đồng thuận của cán bộ, giáo viên ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên với lãnh đạo trong việc quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập	281	89,2	28	8,9	6	1,9	905	2,9	4
6. Mối quan hệ của trung tâm với các cơ sở lao động, giáo dục của địa phương ($\overline{X}$ = 2,75)										
20	Nhận thức về vai trò của mối quan hệ	218	69,2	70	22,7	27	8,6	821	2,6	17
21	Nội dung quan hệ giữa trung tâm giáo dục với cơ sở lao động, giáo dục	261	82,9	43	13,7	11	3,4	880	2,8	9
22	Hình thức quan hệ của trung tâm giáo dục với cơ sở lao động, giáo dục	268	85,1	14	4,4	33	10,5	865	2,75	13
23	Phương pháp hợp tác của trung tâm giáo dục với cơ sở lao động, giáo dục	285	90,5	11	3,5	19	6,0	896	2,84	8
Trung bình									**2,76**	

Nhận xét:

Mức độ tác động của các yếu tố đến quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập *rất nhiều* thể hiện điểm trung bình chung $\overline{X}$ = 2,76 (Min = 1, Max = 3).

Mức độ tác động của các yếu tố có sự khác biệt theo thứ bậc: 1 - Yếu tố về cơ chế chính sách ($\overline{X} = 2,95$); 2 - Yếu tố thuộc về địa phương và yếu tố thuộc về môi trường dạy học ở trung tâm ($\overline{X} = 2,8$); 4 - Yếu tố mối quan hệ của trung tâm với các cơ sở lao động, giáo dục của địa phương ($\overline{X}$ = 2,75); 5 - Yếu tố thuộc về các cấp quản lý và lãnh đạo trung tâm ($\overline{X} = 2,71$); 6 - Sự phát triển khoa học công nghệ ($\overline{X} = 2,55$).

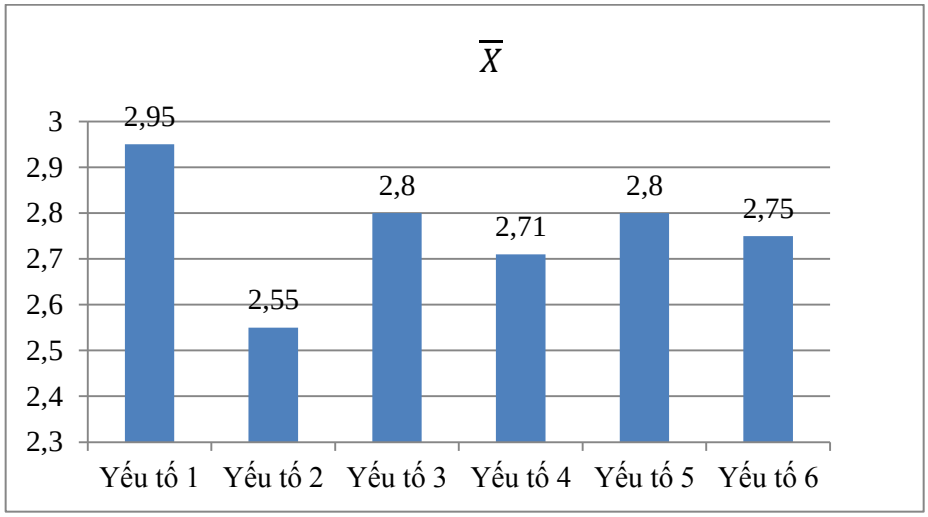

Biểu đồ 2.4. Mức độ tác động của các yếu tố bối cảnh đến quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

2.4. Đánh giá thực trạng quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

2.4.1. Mặt mạnh

- Qua nghiên cứu thực trạng quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo cấp huyện tỉnh Phú Thọ theo hướng xây dựng xã hội học tập, cho thấy những mặt mạnh như sau:

+ Hệ thống các Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện của tỉnh Phú Thọ đã được quan tâm đầu tư phát triển, thể hiện ở những thành quả đã đạt được về quy hoạch mạng lưới và xây dựng các trung tâm, từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên tiến tới đủ về số lượng, mạnh về chất lượng; đầu tư kinh phí cho xây dựng và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho dạy học, nâng cao chất lượng dạy học góp phần xây dựng xã hội học tập.

+ Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trung tâm nhận thức rõ về vai trò của dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trong việc xây dựng xã hội học tập. Các trung tâm có mối liên hệ mật thiết với địa phương nên đã nắm bắt nhanh chóng, kịp thời các nguồn thông tin về tình hình phát triển KT-XH của địa phương, về nhu cầu nguồn nhân lực, nhu cầu học tập nâng cao trình độ của người dân.

+ Một số trung tâm đã chủ động tổ chức các hoạt động giáo dục cho mọi đối tượng người dân trên cơ sở tận dụng những lợi thế các chức năng, nhiệm vụ của mình để góp phần xây dựng xã hội học tập.

+ Nề nếp giảng dạy của giáo viên và học tập của HV tại các trung tâm luôn luôn được đội ngũ lãnh đạo quan tâm theo dõi chỉ đạo, kiểm tra xem đó là cơ sở để nâng cao chất lượng giáo dục, làm nền tảng cho sự phát triển của các trung tâm. Phần lớn giáo viên giảng dạy tại các trung tâm an tâm công tác, nhiệt tình, trách nhiệm và có tâm huyết giảng dạy đối với đối tượng HV Trung tâm GDNN-GDTX.

- Nguyên nhân những mặt mạnh của quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo cấp huyện tỉnh Phú Thọ theo hướng xây dựng xã hội học tập trước hết xuất phát từ những chủ trương của Đảng, Nhà nước về xây dựng xã hội học tập. Đồng thời, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ thông tin - truyền thông đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc cung cấp các nguồn thông tin phục vụ cho dạy học; chỉ đạo của Bộ GD&ĐT về đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, chủ trương về mở rộng hợp tác quốc tế trong giáo dục là nhân tố tích cực, tạo điều kiện cho dạy học ở Trung tâm GDNN-GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập.

+ Thiết bị dạy học nói riêng cũng như CSVC nói chung đã được UBND tỉnh, Sở GD&ĐT, Sở LĐ-TB&XH Phú Thọ quan tâm đầu tư để phục vụ cho công tác giảng dạy.

+ Môi trường giáo dục tốt đã tạo điều kiện thuận lợi cho dạy học ở Trung tâm GDNN-GDTX góp phần xây dựng xã hội học tập.

2.4.2. Mặt yếu

- Trong những năm qua quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo cấp huyện tỉnh Phú Thọ theo hướng xây dựng xã hội học tập vẫn còn những bất cập đó là:

+ Công tác quản lý chủ yếu làm theo kinh nghiệm, năng lực quản lý còn nhiều bất cập; quản lý chỉ đạo chưa chặt chẽ, chưa hiệu quả, đặc biệt là công tác chỉ đạo dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của người học, lấy người học làm trung tâm. Sự chậm trễ đổi mới tư duy trong công tác quản lý cũng ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của trung tâm.

+ Đội ngũ giáo viên các trung tâm còn thiếu về số lượng, giáo viên có kinh nghiệm mũi nhọn còn ít, chất lượng giáo viên không đồng bộ. Một bộ phận không nhỏ giáo viên chưa thực sự cố gắng trong việc đổi mới phương pháp dạy học, nhiều người vẫn quan tâm nhiều đến việc dạy học bằng phương pháp thuyết trình, không chủ động khai thác vốn kinh nghiệm, vốn sống của người học trong quá trình dạy học.

+ Nguồn học viên đa dạng, không đồng đều, chênh lệch về tuổi tác, trình độ, tâm lý và hoàn cảnh cuộc sống khá phức tạp, vừa đi làm vừa đi học, thời gian đầu tư học tập rất hạn chế. Chất lượng đầu vào thấp, kỹ năng hình thành phương pháp tự học, tự bồi dưỡng còn ít, chưa phát huy được vai trò của mình với xã hội và học tập suốt đời.

+ Chương trình, nội dung dạy học còn thụ động, còn ít các chuyên đề chuyên sâu gắn với thực tiễn địa phương và phù hợp với người học. Sự tham gia của các tổ chức xã hội nghề nghiệp đối với chương trình dạy học tại các trung tâm còn chưa đáng kể.

+ Xây dựng mối quan hệ giữa Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (cơ sở giáo dục) với các cơ sở giáo dục, thị trường lao động ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập còn ít.

+ Về cơ sở vật chất, trang thiết bị một số trung tâm còn thiếu, cũ nên ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học, nhất là CSVC phục vụ cho dạy hướng nghiệp và dạy nghề. Quản lý khai thác, sử dụng các phương tiện dạy học hiệu quả còn thấp. Nguồn tài chính của các trung tâm chủ yếu là do người học đóng góp, mức thu học phí hiện nay do nhà nước quy định cho các trung tâm không còn phù hợp, thu không đủ chi cho các hoạt động của trung tâm.

+ Tình hình về đời sống kinh tế, văn hoá - xã hội trên địa bàn tỉnh Phú Thọ còn nhiều khó khăn, hạn chế. Trình độ dân trí (nhất là vùng miền núi) chưa cao, điều kiện kinh tế, việc làm, đời sống người dân chưa thực sự ổn định nên việc đầu tư vào việc học tập còn nhiều hạn chế.

- Những hạn chế trên xuất phát từ một số nguyên nhân sau:

Thứ nhất, do nhận thức chưa sâu sắc của cán bộ quản lý, giáo viên, học viên về xã hội học tập. Một số cán bộ quản lý còn chưa sát sao trong việc chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm, còn có những hạn chế về kinh nghiệm, sự năng động, chưa có biện pháp tích cực trong đổi mới phong cách quản lý nhằm đáp ứng với yêu cầu xây dựng xã hội học tập.

Thứ hai, chưa đa dạng hóa, xã hội hóa người dạy tại các trung tâm; chưa tạo điều kiện cho người học học các chuyên đề chuyên sâu phục vụ nhu cầu xã hội; chưa tạo ra sự phù hợp giữa người dạy - người học - nội dung chương trình để đáp ứng yêu cầu xây dựng xã hội học tập.

Thứ ba, việc tổ chức khảo sát nhu cầu người học để tạo điều kiện cho người dạy dạy sát dối tượng còn hạn chế. Học viên chưa hình thành đúng đắn động cơ, thái độ, nhu cầu học tập suốt đời cho mình.

Thứ tư, việc rà soát, cập nhật bổ sung, điều chỉnh chương trình, nội dung dạy học đáp ứng nhu cầu địa phương và người học chưa được tiến hành thường xuyên. Nội dung dạy học chưa thực sự sát với từng loại đối tượng và vùng miền.

Thứ năm, công tác kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học viên còn chưa gắn với mục tiêu, tiêu chí kiểm tra đánh giá theo hướng xã hội học tập. Việc xây dựng ngân hàng đề thi, ra đề thi gắn với địa phương, phù hợp với thực tiễn địa phương còn ít.

Thứ sáu, phối hợp giữa Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên (cơ sở giáo dục) với các cơ sở giáo dục, thị trường lao động ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập chưa thường xuyên. Công tác tuyên truyền để huy động sự tham gia đa dạng của xã hội trong bộ máy cấp phát văn bằng chứng chỉ còn hạn chế.

Thứ bẩy, CSVC và trang thiết bị hiện đại phục vụ cho hoạt động dạy học còn thiếu thốn, chưa có phòng dạy nghề đạt chuẩn. Nguồn tài chính phục vụ cho hoạt động giáo dục của các trung tâm còn hạn hẹp, cơ chế chính sách đối với người dạy và người học nhằn đáp ứng yêu cầu xây dựng xã hội học tập chưa thỏa đáng, vì vậy chưa khuyến khích đông đảo đội ngũ chuyên gia, giáo viên giỏi, có tay nghề cao tham gia giảng dạy.

Kết luận chương 2

Khảo sát 586 cán bộ quản lý, giáo viên và học viên cho thấy mức độ thực hiện các hình thức dạy học, nội dung dạy học và nguồn lực đảm bảo cho dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở mức độ *trung bình và khá*.

Giám đốc các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên đã áp dụng các biện pháp quản lý hoạt động dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập bao gồm: quản lý các yếu tố đầu vào, quản lý quá trình, quản lý các yếu tố đầu ra, quản lý các yếu tố thuộc về bối cảnh của dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở trung tâm. Mức độ thực hiện các biện pháp quản lý của giám đốc trung tâm được đánh giá ở mức độ *trung bình*. Giữa cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá biện pháp quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập phù hợp và thống nhất với nhau.

Chương 3
BIỆN PHÁP QUẢN LÝ DẠY HỌC Ở TRUNG TÂM GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN THEO HƯỚNG XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP

3.1. Nguyên tắc đề xuất biện pháp

3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn

Mỗi cơ sở giáo dục, nhà trường mang một đặc thù riêng biệt, có những điểm mạnh hay tồn tại không giống nhau. Việc xây dựng các biện pháp quản lý dạy học ở Trung tâm GDNN-GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập phải dựa trên cơ sở thực tiễn. Mỗi cơ sở giáo dục đều có điều kiện vật chất, khả năng tài chính, nguồn nhân lực nhất định, khả năng và trình độ của học viên, đều có thực trạng dạy học và quản lý dạy học đạt ở mức độ khác nhau trong thực tiễn. Vì thế, các biện pháp quản lý dạy học đề xuất phải là những biện pháp phù hợp và xuất phát từ điều kiện hiện có, nhu cầu thực tiễn để giải quyết được những khó khăn trở ngại hiện nay.

3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa

Nguyên tắc này đòi hỏi nhà nghiên cứu khi đề xuất những biện pháp quản lý dạy học mới phải kế thừa được những biện pháp đang thực hiện đặc biệt là những điểm mạnh của các biện pháp đồng thời điều chỉnh bổ sung, phát triển và làm cho các biện pháp đó ngày càng phát triển và hoàn thiện.

3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống

Giáo dục đào tạo của Trung tâm GDNN-GDTX luôn gắn liền với mục tiêu GD&ĐT chung của toàn ngành và đáp ứng kịp thời nhu cầu của toàn xã hội. Xuất phát từ yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao của xã hội về chất lượng giáo dục đào tạo, nhiệm vụ cấp thiết cho các Trung tâm GDNN-GDTX cần có những biện pháp quản lý dạy học phải tính đến các yếu tố đầu vào, quá trình, đầu ra và bối cảnh theo các quan điểm, các thành tố, các nội dung của từng quá trình nhằm hướng đến các biện pháp có hệ thống rõ ràng và có hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, chất lượng dạy học góp phần thực hiện tốt mục tiêu giáo dục, mục tiêu dạy học, trên cơ sở đó nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước góp phần xây dựng xã hội học tập. Mọi hoạt động của trung tâm

đều nằm trong hệ thống chung, có quan hệ chặt chẽ với nhau, cụ thể trong một hệ thống bao gồm đội ngũ lãnh đạo, các phòng ban chức năng, cán bộ quản lý đến đội ngũ giáo viên giảng dạy và đặc thù học viên. Hệ thống này phải xác định được đặc thù riêng, thực trạng hoạt động dạy học. Được xây dựng trên mối tương quan hệ thống thì các biện pháp đề xuất mới phù hợp, đồng bộ và có tính khả thi.

3.2. Biện pháp quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

3.2.1. Nhóm biện pháp quản lý các yếu tố đầu vào dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập

3.2.1.1. Mục đích của nhóm biện pháp

Xây dựng các biện pháp quản lý đầu vào dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập nhằm giúp trung tâm đảm bảo chất lượng các yếu tố đầu vào dạy học, các điều kiện xây dựng xã hội học tập và giúp các nhà quản lý ở trung tâm tăng cường quản lý dạy học trên các yếu tố nâng cao chất lượng dạy học ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập.

3.2.1.2. Nội dung và cách thức thực hiện

Biện pháp 1: Khảo sát nhu cầu và xây dựng, hoàn thiện nội dung chương trình dạy học phù hợp với thực tiễn xã hội (địa phương)

Biện pháp nhằm tạo sự phù hợp giữa người học và chuyên ngành học, vận dụng được vào thực tế, tạo điều kiện cho người dạy xây dựng nội dung chương trình dạy học và dạy sát đối tượng và tôn trọng người học. Tạo điều kiện cho người học được học tập phù hợp với mong muốn nguyện vọng và năng lực đáp ứng nhu cầu "cần gì học nấy". Tạo điều kiện cho người học chớp thời cơ, cơ hội học tập, học tập suốt đời.

Để thực hiện biện pháp này Ban giám đốc trung tâm cần thực hiện một số công việc:

- Phối hợp với trung tâm học tập cộng đồng khảo sát nhu cầu của địa phương trên cơ sở đó xây dựng nội dung chương trình dạy học phù hợp với thực tiễn xã hội (địa phương) và đa dạng hóa các loại hình học tập.

Khảo sát nhu cầu xã hội bao gồm: nhu cầu của nhà nước (tỉnh, huyện), nhu cầu của thị trường lao động, của các cơ sở sử dụng lao động trong huyện và tỉnh; nhu cầu của từng cá nhân, từng người học.

Xác định nhu cầu học tập của xã hội nhằm các mục tiêu: Xác định phạm vi các loại ngành nghề và trình độ cần được dạy học; xác định được chuẩn đầu ra của các chương trình dạy học để dạy học đáp ứng nhu cầu xã hội trong từng giai đoạn; xác định các hình thức dạy học phù hợp và hiệu quả.

- Căn cứ vào nhu cầu của người dân, sắp xếp nội dung chương trình và lên kế hoạch cụ thể cho từng chuyên đề, lĩnh vực đáp ứng nhu cầu của nhân dân nhằm nâng cao dân trí phát triển kinh tế địa phương.

- Nội dung chương trình dạy và học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên bao gồm:

+ Các chương trình dạy học cho lớp đào tạo bồi dưỡng cử nhân.

+ Các chương trình dạy học thí điểm.

+ Các chương trình dạy ngoại ngữ và tin học.

+ Các chương trình dạy nghề phổ thông theo chuyên đề.

Nội dung các chương trình trên vừa phải đảm bảo "phần cứng" trong chương trình bắt buộc và đã được đăng ký với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Lao động Thương binh Xã hội; còn có "phần mềm" cần được xây dựng cho phù hợp với nhu cầu xã hội ở từng địa phương, nhu cầu người học và yêu cầu của các ngành nghề truyền thống. Làm được công việc này vừa đáp ứng được nhu cầu người học, nhu cầu thực tiễn địa phương tạo được công ăn việc làm cho người lao động đồng thời gìn giữ được các bản sắc riêng trong các ngành nghề truyền thống của địa phương.

Biện pháp 2: Tổ chức bồi dưỡng nâng cao chất lượng giáo viên đảm bảo yêu cầu dạy học

Mục đích của biện pháp nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cơ bản của dạy học là người giáo viên ở trung tâm để đảm bảo nguồn lực cho dạy học ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập.

Để thực hiện mục đích trên, Giám đốc trung tâm thực hiện các công việc sau:

- Xây dựng được chiến lược phát triển đội ngũ phù hợp với chiến lược phát triển của đơn vị từ đó sẽ triển khai kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ đội ngũ hàng năm. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học hàng năm của đơn vị cần chỉ rõ nội dung và nhiệm vụ bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ.

- Nghiên cứu kỹ và phổ biến, triển khai các văn bản một cách kịp thời đến đội ngũ cán bộ, giáo viên trung tâm về các kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ đội ngũ của các Sở, của ngành. Chỉ ra các yêu cầu, các nội dung và hình thức bồi dưỡng đối với từng giáo viên.

* *Với đội ngũ giáo viên mới vào nghề*: Kiến thức chuyên môn có thể khá vững, song phương pháp giảng dạy, kinh nghiệm quản lý học viên, xử lý các tình huống sư phạm và hiểu đặc điểm đối tượng người học ở các Trung tâm GDNN-GDTX thì còn rất nhiều hạn chế. Với đội ngũ này cần phải bồi dưỡng cho họ những kỹ năng cần thiết từ việc: Soạn bài theo đúng cấu trúc, nội dung phải chắt lọc đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và phù hợp với đối tượng người học theo phương châm: Tinh giản vững chắc; lựa chọn và biết phối hợp các phương pháp giảng dạy, thực hiện các bước lên lớp, kỹ năng giao tiếp, ứng xử với học viên nhất là học viên lớn tuổi để giúp học viên lĩnh hội, tiếp nhận tri thức một cách tốt nhất; cách ra đề kiểm tra, nhận xét, đánh giá bài kiểm tra, cơ số điểm, tính điểm cuối kỳ, cuối năm...

Hình thức bồi dưỡng có thể là bồi dưỡng tại chỗ, yêu cầu các tổ, nhóm chuyên môn đưa những nội dung này để trao đổi trong các buổi sinh hoạt tổ chuyên môn, chọn cử các giáo viên có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và quản lý học viên giúp đỡ, hướng dẫn giáo viên trẻ. Mặt khác yêu cầu giáo viên trẻ tích cực dự giờ đồng nghiệp để học tập kinh nghiệm hay và rút kinh nghiệm những hạn chế. Bên cạnh đó bản thân đội ngũ giáo viên trẻ phải tích cực tự học, tự bồi dưỡng để có một vốn kiến thức đảm bảo soạn giảng phù hợp đặc điểm đối tượng học viên.

* *Với một bộ phận giáo viên còn hạn chế về trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm* như một số giáo viên mặc dù đã nhiều tuổi song trong quá trình công tác sự phấn đấu vươn lên còn chậm, bên cạnh đó là một bộ phận giáo viên trẻ nhưng năng lực chuyên môn chưa chắc chắn. Bồi dưỡng để nâng cao trình độ và năng lực sư phạm cho đối tượng này rất khó khăn, nếu không tế nhị, khéo léo rất có thể xảy

ra phản tác dụng. Bởi bản thân họ thường có tâm lý ngại va chạm về chuyên môn, không muốn dự giờ người khác và cũng không chịu đi dự giờ đồng nghiệp, trong sinh hoạt chuyên môn ít khi phát biểu bộc lộ chính kiến về chuyên môn, một số khác đã yếu về chuyên môn nghiệp vụ song không chịu đầu tư thời gian, công sức cho chuyên môn. Với những đối tượng này Giám đốc trung tâm vừa khéo léo, vừa kiên quyết đưa họ vào kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên tại chỗ trong suốt năm học bằng những biện pháp mềm dẻo song cương quyết thông qua trao đổi gặp gỡ, động viên để họ tích cực đầu tư thích đáng về thời gian công sức cho chuyên môn, đồng thời giao cho tổ trưởng chuyên môn quan tâm hơn đến các đối tượng này và kịp thời khích lệ sự cố gắng của họ, giúp họ tránh tâm lý tự ti,...

- Tăng cường quản lý chất lượng sinh hoạt của các tổ, nhóm chuyên môn. Tạo được thói quen rút kinh nghiệm nghiêm túc sau mỗi tiết dạy chỉ ra được mặt mạnh, mặt yếu của người dạy để rút kinh nghiệm cho người dạy lẫn người dự. Phân cấp quản lý cho các tổ CM, phát huy vai trò chủ động, tự quản, sáng tạo của tổ chuyên môn.

- Tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, giáo viên đều tham gia học bồi dưỡng hè trực tiếp do Sở Giáo dục và đào tạo mở, đồng thời cử giáo viên tham gia đầy đủ các lớp chuyên đề hội thảo về chuyên môn được triển khai trong năm học đây là điều kiện thuận lợi để giáo viên trao đổi học tập kinh nghiệm ở môi trường rộng và có kế hoạch cho cán bộ quản lý và giáo viên được tiếp tục theo học trình độ thạc sỹ các chuyên ngành theo yêu cầu của trung tâm.

Biện pháp 3: Tăng cường xã hội hóa nguồn lực đảm bảo cho hiệu quả dạy học ở trung tâm

- Nguồn lực đầu tiên là *nhân lực*, trước hết là *người giáo viên giảng dạy* ở trung tâm. Do tính chất của hoạt động dạy học nói chung và dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên với các nộ dung dạy chuyên đề, dạy nghề, dạy hướng nghiệp... Vì vậy người dạy vừa được đào tạo bài bản về trình độ, nghiệp vụ sư phạm nhưng đồng thời để đảm bảo chất lượng dạy học, phù hợp và đáp ứng với thực tiễn, xây dựng xã hội học tập thì cần thiết *đa dạng hóa người dạy*, người giáo viên dạy ở trung tâm có thể bao gồm các kĩ sư nghề nghiệp, thợ cơ khí

tay nghề cao, chuyên gia kinh tế... tham gia giảng dạy các lớp cho học viên: các lớp dạy chuyên đề hướng nghiệp có thể do các kĩ sư nông nghiệp thuộc Phòng nông nghiệp tỉnh, huyện phụ trách. Các lớp dạy nghề thủ công, nghề truyền thống của địa phương huyện, tỉnh... có thể do các nghệ nhân làng nghề truyền thống giảng dạy bên cạnh các thầy cô của trung tâm được đào tạo bài bản với tinh thần người có trình độ hơn người học có thể làm "thầy giáo" dạy học viên ở trung tâm. Bản thân học viên ở trong các lớp ở trung tâm có thể là trợ giảng cho giáo viên trong từng chuyên đề nội dung dạy cụ thể.

Với sự đa dạng của giáo viên cơ hữu và bán cơ hữu của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên như vậy sẽ đảm bảo chất lượng dạy học, sự phù hợp gắn kết thực tiễn giữa nội dung lí thuyết và thực tiễn, nhu cầu xã hội và bước đầu đặt nền móng xây dựng xã hội học tập.

Đa dạng hóa người dạy là một biện pháp quản lý người dạy cơ bản đặc thù ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập.

- *Cơ sở vật chất và phương tiện dạy học* là điều kiện cơ bản về vật chất, công cụ đảm bảo cho sự thành công của dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên. Cơ sở vật chất và phương tiện dạy học ở trung tâm có thể có từ 02 nguồn kinh phí mua sắm, sửa chữa do nhà nước cấp. Kinh phí hàng năm theo con đường chính thức và văn bản nhà nước, nhưng có một nguồn thứ 2 cần được đẩy mạnh ở trung tâm giáo dục là xã hội hóa nguồn lực cơ sở vật chất và phương tiện dạy học tức là huy động các nguồn lực vật chất cho các hoạt động ở trung tâm đặc biệt dạy học ở trung tâm với các nội dung dạy học khác nhau, việc huy động các nguồn lực vật chất này có sự tham gia từ góc độ các lực lượng xã hội ở địa phương trong việc đảm bảo chất lượng dạy học.

Sự đóng góp về cơ sở vật chất kinh phí từ Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện và các cơ quan tổ chức xã hội ở địa phương. Phương tiện thiết bị dạy học cần có sự động viên khuyến khích tự làm thiết bị dạy học của giáo viên.

Xã hội hóa nguồn lực vật chất đảm bảo cho trung tâm có đủ kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ dạy học nâng cao chất lượng dạy học đồng thời tăng cường sự

quan tâm của các lực lượng xã hội, địa phương với dạy học ở trung tâm; mặt khác gắn trung tâm với địa phương xây dựng xã hội học tập.

3.2.1.3. Điều kiện thực hiện nhóm biện pháp

- Có nhận thức đầy đủ và thống nhất của lãnh đạo trung tâm và giáo viên trực tiếp giảng dạy về vai trò của các yếu tố chương trình, người dạy, cơ sở vật chất phục vụ dạy học trong việc nâng cao chất lượng dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

- Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và kinh phí, phục vụ cho công tác quản lý các yếu tố dạy học ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập.

- Có sự ủng hộ và tham gia hiệu quả của địa phương, xã hội, các cơ sở sử dụng lao động đối với các hoạt động dạy học ở trung tâm.

3.2.2. Nhóm biện pháp quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập

3.2.2.1. Mục đích của nhóm biện pháp

Chất lượng dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên phụ thuộc vào các yếu tố nội dung chương trình, người dạy... nhưng sẽ phụ thuộc trực tiếp vào việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện quá trình dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở trung tâm mà Ban giám đốc trung tâm là người điều hành. Quản lý và tổ chức tốt dạy học ở trung tâm sẽ *đảm bảo trực tiếp quyết định trực tiếp* cho chất lượng dạy và học theo hướng xây dựng xã hội học tập. Vì vậy đề xuất, thực hiện tốt các biện pháp tổ chức dạy học có ý nghĩa vô cùng quan trọng, ý nghĩa thực tiễn to lớn trong quản lý toàn bộ quá trình dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

3.2.2.2. Nội dung và cách thức thực hiện

Biện pháp 4: Phân hóa người học và tổ chức dạy học tạo cơ hội học tập cho người học

Biện pháp nhằm tạo ra sự phù hợp giữa dạy học với trình độ nhu cầu người học giúp người học lĩnh hội được tri thức và có cơ hội học tập suốt đời.

Biện pháp quản lý dạy học này đòi hỏi cần thực hiện các nội dung và cách thức sau:

- Đầu năm học, khóa học tiến hành khảo sát chất lượng học viên làm căn cứ để xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với từng đối tượng người học. Chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ cho việc thực hiện kế hoạch phù hợp với đối tượng người học. Phân hóa học viên để có phương pháp dạy phù hợp với khả năng trình độ nhận thức của học viên, từ đó phát huy được tính tích cực tự giác trong việc nhận thức, tiếp thu kiến thức của học viên trung tâm.

- Lên kế hoạch phụ đạo, tổ chức kèm cặp, ôn luyện đối với học viên yếu, bồi dưỡng nâng cao đối với học viên khá giỏi theo các bộ môn học, nội dung học; sắp xếp học viên để xây dựng kế hoạch dạy học sát với đối tượng..

- Đổi mới cải tiến phương pháp giảng dạy, xây dựng hệ thống câu hỏi phù hợp với đối tượng.

- Đánh giá năng lực của từng giáo viên, đánh giá trình độ và hoàn cảnh cụ thể của HV từng lớp, đánh giá mức độ các điều kiện phục vụ cho hoạt động dạy và học có thể dành cho từng môn học, từng lớp học để phân công công việc cụ thể. Lựa chọn các giáo viên có tinh thần trách nhiệm cao, có kinh nghiệm trong giảng dạy, chuyên môn vững vàng, tiến hành phân công giáo viên phù hợp với đặc điểm chung của các khối lớp cố gắng giữ vững ổn định, theo sát từ đầu đến cuối khóa học.

- Thường xuyên kiểm tra điều chỉnh, uốn nắn kịp thời những lệch lạc, nắm bắt các điểm yếu của bộ môn, chuyên đề dạy học để có kế hoạch chỉ đạo ôn tập, bồi dưỡng thêm về những môn đó, sắp xếp thời khoá biểu cho môn học hợp lý. Báo cáo kết quả chất lượng học tập của học viên qua các kỳ kiểm tra. Tổng hợp đánh giá, nhận xét, rút kinh nghiệm và nêu phương hướng tiếp theo kỳ sau.

- Dự giờ thăm lớp thường xuyên, nắm bắt được tình hình phương pháp giảng dạy của thầy, cách thức học tập của học viên từ đó góp ý, rút kinh nghiệm điều chỉnh uốn nắn.

- Giáo viên vận dụng linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học trong một lớp học có nhiều trình độ sẽ phát huy tính tích cực, tinh thần hợp tác của học viên. Nhờ vào những hình thức tổ chức dạy học này, học sinh không chỉ chiếm lĩnh tri thức, kĩ năng mà còn được rèn luyện các phẩm chất, thái độ cần thiết khác.

- Người giáo viên cần tạo mối quan hệ dân chủ giữa thầy và trò, giữa trò và trò để giúp học viên cởi mở, tự tin hơn. Đặc biệt, trong dạy học giáo viên cần tuân thủ quy trình 4 bước, gồm: Điều tra, khảo sát đối tượng HV trước khi giảng dạy; lập kế hoạch dạy học, soạn bài từ việc phân tích nhu cầu của học sinh; trong giờ dạy, giáo viên phải kết hợp nhiều phương pháp dạy học, lựa chọn những hình thức tổ chức dạy học phù hợp với mục tiêu bài học; kiểm tra, đánh giá.

Biện pháp 5: Chỉ đạo đa dạng hóa hình thức dạy học, phương thức dạy học phù hợp với điều kiện địa phương và nhu cầu người học

Hình thức và phương thức dạy học là các thành tố cơ bản của quá trình dạy học góp phần quyết định hiệu quả của hoạt động dạy học. Để chất lượng dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở trung tâm được đảm bảo cần thiết phải đa dạng hóa hình thức và phương thức dạy học phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Đa dạng hóa để tạo cơ hội phát triển chương trình giáo dục, tạo cơ hội học tập phù hợp cho mọi đối tượng có nhu cầu, không phân biệt lứa tuổi, trình độ học vấn và nghề nghiệp, địa vị xã hội, giới tính trong mọi thời gian khác nhau và không gian khác nhau. Bảo đảm cơ hội cho mọi người, nhất là ở vùng nông thôn, vùng khó khăn, các đối tượng diện chính sách được học tập nâng cao kiến thức, trình độ, kĩ năng chuyên môn nghiệp vụ và chất lượng cuộc sống; tạo điều kiện thuận lợi để chuyển đổi nghề nghiệp đối với người lao động.

Biện pháp quản lý dạy học này yêu cầu thực hiện những công việc sau:

- Hoàn thiện mạng lưới Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên với các hình thức học tập, thực hành phong phú, linh hoạt, coi trọng tự học và giáo dục từ xa.

- Phát triển dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên gắn kết chặt chẽ và liên thông với giáo dục chính quy để phát triển tài nguyên con người; tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động được bổ sung kiến thức, kĩ năng nghề nghiệp để có thể *chuyển đổi nghề nghiệp*, thích ứng với sự phát triển kinh tế - xã hội; mở rộng các hình thức học tập phong phú, linh hoạt và *đặc biệt coi trọng tự học*, coi việc thường xuyên học tập, học suốt đời của mỗi cá nhân là yếu tố quyết định xây dựng thành công một xã hội học tập.

- Tiếp tục đa dạng hoá nội dung, chương trình học tập, tích cực biên soạn các loại tài liệu tham khảo cho giáo viên, phù hợp với người học và nhu cầu xã hội: tài liệu học tập cho trung tâm học tập về các lĩnh vực: nông - lâm - ngư nghiệp, pháp luật, kinh tế, văn hoá - xã hội, chăm sóc sức khoẻ, bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, an toàn giao thông, phòng chống ma tuý, HIV/AIDS, giáo dục kỹ năng sống, ... phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tạo điều kiện cho người dân cần gì học nấy, đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng đa dạng của mọi người dân.

- Tổ chức các hình thức học tập, thời gian học linh hoạt theo phương châm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân vừa lao động vừa học tập trên cơ sở đảm bảo chất lượng giáo dục.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, đoàn thể, các doanh nghiệp, cá nhân... đóng trên địa bàn, khai thác, huy động các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) và tạo cơ chế, chính sách để huy động, thu hút các đối tượng người học các chương trình: Chương trình giáo dục đáp ứng yêu cầu của người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ; Chương trình GDTX về ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông…

Biện pháp 6: Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tăng cường tự học suốt đời

Mục đích của biện pháp tạo ra sự phù hợp, sự đáp ứng của dạy học với yêu cầu đổi mới giáo dục. Tạo ra chất lượng dạy học ở trung tâm và hình thành cho người học phương pháp tự học để có công cụ chớp các cơ hội học tập và học tập suốt đời.

Theo tinh thần của đổi mới giáo dục hiện nay thì để nâng cao chất lượng dạy học việc *cốt tử* là đổi mới phương pháp dạy học, đặc biệt với bản chất của xã hội học tập tạo điều kiện, cơ hội cho người học tập suốt đời thì cần thiết trang bị cho người học tính tự chủ, chủ động lĩnh hội tri thức và kĩ năng học tập muốn vậy dạy học ở trung tâm phải đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm. Chỉ có như vậy chất lượng dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập mới được nâng cao.

Thực hiện nội dung chỉ đạo đổi mới phương pháp, Ban giám đốc trung tâm thực hiện các công việc sau:

- Quán triệt các văn bản và tinh thần chỉ đạo về đổi mới phương pháp dạy học của ngành GD&ĐT các cấp cho toàn thể giáo viên; tổ chuyên môn đi sâu vào quản lý đổi mới phương pháp dạy học của giáo viên; tạo môi trường để giáo viên tham gia các kỳ thi giáo viên giỏi các cấp, giao lưu, học tập, thử nghiệp phương pháp dạy học mới; trang bị đồ dùng dạy học và khuyến khích giáo viên làm đồ dùng dạy học làm phương tiện để đổi mới phương pháp dạy học. Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên trực tiếp giảng dạy, tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, hỗ trợ kinh phí cho việc tự học của giáo viên.

- Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm: Làm thay đổi, chuyển biến mạnh về nhận thức trong đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên về đổi mới phương pháp dạy học. Hiện nay vẫn còn một số ít giáo viên chưa hiểu đầy đủ về đổi mới phương pháp dạy học. Có quan niệm cho rằng đổi mới phương pháp dạy học là thay đổi hoàn toàn phương pháp dạy học truyền thống bằng phương pháp dạy học mới khác hẳn phương pháp dạy học truyền thống. Lại có quan niệm cho rằng đổi mới phương pháp dạy học là sử dụng các thiết bị hiện đại trong giờ dạy học như máy vi tính, máy chiếu, các thiết bị nghe nhìn khác,...các cách hiểu trên đều là những cách hiểu còn phiến diện, thậm chí mang tính cực đoan. Thực chất đổi mới phương pháp dạy học là người giáo viên căn cứ vào nội dung kiến thức bài dạy, những phương tiện dạy học có thể có và đặc điểm đối tượng học viên để tìm ra cách tổ chức, hướng dẫn cho học viên chủ động tiếp nhận tri thức mới và biết vận dụng vào kỹ năng làm bài, thực hành, rèn luyện phương pháp tư duy tích cực, phương pháp tự học. Như vậy, việc đổi mới phương pháp không phải là việc làm trong một thời gian nhất định có thể hoàn thành và người giáo viên có thể bằng lòng dừng lại với kết quả đạt được ở một thời điểm nào đó. Đây phải là một công việc của cả một đời dạy học mà mỗi thầy, cô giáo tâm huyết đều theo đuổi, tìm tòi và phấn đấu không ngừng. Để tổ chức thực hiện có hiệu quả biện pháp này Giám đốc trung tâm cần:

- Xây dựng kế hoạch, chương trình về đổi mới phương pháp giảng dạy trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hàng năm của trung tâm.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết từng tháng, từng học kỳ và cả năm học qua các hoạt động.

- Chỉ đạo hội thảo chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học, tổ chức dạy mẫu rút kinh nghiệm cụ thể về những hạn chế, tìm ra nguyên nhân và biện pháp khắc phục đồng thời khai thác triệt để các ưu điểm của phương pháp khi giảng dạy trên lớp.

- Yêu cầu giáo viên tích cực dự giờ những giáo viên dạy giỏi, có nhiều kinh nghiệm trong đổi mới phương pháp để học tập kinh nghiệm và vận dụng cụ thể vào từng tiết, từng bài trong suốt quá trình dạy học. Việc làm này rất có hiệu quả, nó giúp cho những giáo viên còn mơ hồ về đổi mới phương pháp dạy học, định hình được việc đổi mới phương pháp dạy học trong nhận thức và sẽ đi vào giảng dạy cụ thể không còn mấy khó khăn. Tổ chức cho giáo viên đi học tập kinh nghiệm, dự giờ hội thảo, chuyên đề của tỉnh về đổi mới phương pháp dạy học.

- Ban giám đốc tích cực dự giờ đột xuất hay dự giờ hội giảng, chuyên đề để kịp thời nắm bắt thực tế các kế hoạch đã xây dựng, đồng thời có điều chỉnh, uốn nắn kịp thời những lệch lạc, bất cập về đổi mới phương pháp trong điều kiện thực tế của đơn vị về đối tượng người học, giáo viên hay các điều kiện về cơ sở vật chất.

- Chuẩn bị về cơ sở vật chất cho việc đổi mới phương pháp dạy học: các thiết bị phương tiện dạy học, tài liệu tham khảo, các đồ dùng thí nghiệm chuẩn và tự làm phục vụ cho dạy học.

Biện pháp 7: Chỉ đạo tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học tạo điều kiện cho người học học tập trong mọi hoàn cảnh

Công nghệ thông tin trong thời đại đổi mới căn bản toàn diện giáo dục hiện nay là công cụ thực hiện công việc dạy học và giáo dục, đảm bảo cho sự đổi mới và nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục. Đặc biệt đối với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, học tập với mọi đối tượng, lứa tuổi, nghề nghiệp và với việc xây dựng xã hội học tập ở trung tâm, ở địa phương nhằm mục đích hình thành cách thức tự học, kĩ năng tự học để có nhu cầu học tập suốt đời, chớp được các cơ hội học tập thì việc hiểu biết và ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học và quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên là

điều kiện tiên quyết. Có thể nói rằng nếu không áp dụng, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học và quản lý dạy học thì chất lượng dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở trung tâm sẽ không thành hiện thực và không đảm bảo chất lượng.

Ban giám đốc trung tâm cần thực hiện các công việc sau trong chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học và quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên:

- Đẩy mạnh tuyên truyền cho giáo viên thấy rõ hiệu quả và yêu cầu mang tính tất yếu của ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học thông qua việc triển khai các văn bản chỉ đạo của Bộ, Ngành thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn tổ khối, hội thảo chuyên đề và qua việc triển khai các cuộc thi có ứng dụng công nghệ thông tin do ngành tổ chức; phát động sâu rộng thành phong trào và đề ra yêu cầu cụ thể về số tiết ứng dụng công nghệ thông tin - đặc biệt là đối với đổi mới phương pháp dạy học.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng sử dụng máy tính và các phần mềm Tin học với giảng viên là giáo viên công nghệ thông tin và những giáo viên có kỹ năng tốt về Tin học của trung tâm, theo hình thức trao đổi giúp đỡ lẫn nhau, tập trung chủ yếu vào những kỹ năng mà giáo viên cần sử dụng trong quá trình soạn giảng hàng ngày như lấy thông tin, các bước soạn một bài trình chiếu, các phần mềm thông dụng, cách chuyển đổi các loại phông chữ, cách sử dụng một số phương tiện như máy chiếu, máy quay phim, chụp ảnh, cách thiết kế bài kiểm tra,...; tổ chức sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề để trao đổi về kinh nghiệm ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy; đầu tư, trang bị thêm các thiết bị tin học: Máy tính (máy tính để bàn, máy tính xách tay); máy Projecter; máy quay… Tăng cường đầu tư và nâng cấp các phần mềm cho công tác quản lý hành chính, quản lý thư viện, quản lý tài chính và các phần mềm tiện ích khác phục vụ quản lý, dạy và học.

- Hợp tác với các Trung tâm Tin học, các chuyên gia công nghệ thông tin giúp đỡ trung tâm chuyển giao công nghệ, cung cấp các phần mềm hữu ích phục vụ hoạt động dạy và học.

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong dạy học và quản lý. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học càng đem lại những tiện ích giúp giờ dạy thêm hấp dẫn, kênh thông tin thêm phong phú...Vấn đề đặt ra cho các Trung tâm GDNN-GDTX một mặt trang bị mua sắm máy tính, chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, mặt khác là phải có đội ngũ giáo viên có trình độ tin học nhất định để sử dụng thành thạo được thiết bị hiện đại. Do đó, bên cạnh việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm thì việc bồi dưỡng nâng cao trình độ tin học cho đội ngũ là rất cần thiết. Vấn đề này có thể sử dụng ngay đội ngũ giáo viên tin học của trung tâm vào việc mở lớp bồi dưỡng, hướng dẫn cho giáo viên để giúp họ thành thạo trong việc sử dụng tin học vào phục vụ dạy học và quản lý.

- Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy học:

+ Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên và học viên về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đối mới phương pháp dạy học. Quan tâm đầu tư trang thiết bị về công nghệ thông tin phục vụ hoạt động dạy học.

+ Bồi dưỡng giáo viên các bộ môn về công nghệ thông tin để học có thể tổ chức tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy học.

+ Tổ chức hội giảng với các tiết dạy có ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng các bài giảng điện tử hấp dẫn sự chú ý và làm tăng khả năng nhận thức của học viên.

+ Xây dựng ngân hàng đề thi, xây dựng các Website. Khai thác các tri thức qua mạng Internet, sưu tầm tư liệu phục vụ bài giảng.

+ Tổ chức trao đổi kinh nghiệm về ứng dụng công nghệ thông tin giữa các tổ, nhóm chuyên môn hoặc với các trường phổ thông trong và ngoài tỉnh.

+ Tổ chức hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đổi mới phương pháp dạy học. Song, cần nhận thức rõ việc đưa các tiến bộ của công nghệ thông tin vào lớp học không có nghĩa là loại bỏ hoàn toàn các phương pháp dạy học truyền thống hay phủ nhận vai trò của giáo viên.

Bởi vậy, cần phối hợp một cách hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong quản lý và dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

3.2.2.3. Điều kiện thực hiện nhóm biện pháp

- Ban Giám đốc cần quán triệt và thống nhất về nhận thức và hành động cho cán bộ quản lý và giáo viên về tinh thần đổi mới giáo dục trong dạy học (chuyển từ cung cấp tri thức sang hình thành năng lực tư duy cho người học) theo hướng hiện đại, dân chủ và hội nhập, đổi mới hướng đến người học.

- Các cấp quản lý Ủy ban, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo mở các lớp tập huấn bồi dưỡng cho cán bộ, giáo viên trung tâm về đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học.

- Đảm bảo kinh phí, cơ sở vật chất cho các hình thức dạy học theo hướng đổi mới và tạo môi trường thuận lợi cho công tác đổi mới dạy học ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập.

3.2.3. Nhóm biện pháp quản lý các yếu tố đầu ra của dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập

3.2.3.1. Mục đích của nhóm biện pháp

Dù ở bất cứ cấp học nào, đặc biệt là ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thì kết quả đầu ra là quan tâm hàng đầu của trung tâm. Đảm bảo chất lượng đầu ra sẽ là hiệu quả, kết quả của quản lý đầu vào, quá trình dạy học, là sự hiện thực hóa của toàn bộ quá trình quản lý, đặc biệt khẳng định thương hiệu, uy tín của trung tâm tạo nên sự phát triển bền vững của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên. Nhóm các biện pháp quản lý đầu ra dạy học của trung tâm sẽ góp phần đảm bảo chất lượng dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập, góp phần đưa người học, trung tâm thích ứng được với nhu cầu xã hội.

3.2.3.2. Nội dung và cách thức thực hiện

Biện pháp 8: Chỉ đạo sử dụng thông tin phản hồi để phát triển chương trình dạy học

Mục đích của biện pháp nhằm sử dụng có hiệu quả kết quả khảo sát đầu ra, các thông tin phản hồi từ cơ sở sử dụng lao động và từ học viên để phát triển chương trình dạy học tại trung tâm nhằm làm cho chương trình dạy học không ngừng được hoàn thiện, sát với thực tiễn địa phương, nhu cầu của người học. Như

vậy chương trình dạy học thực sự là công cụ, điều kiện tốt nhất trong việc xây dựng xã hội học tập.

Phát triển chương trình dạy học ở trung tâm dựa trên thông tin phản hồi bao gồm cả việc xây dựng, thay đổi, bổ sung liên tục chương trình dạy học ở trung tâm đáp ứng yêu cầu của cá nhân và cộng đồng.

Các công việc cần làm:

- Dựa trên thông tin phản hồi của học viên đã tốt nghiệp ra trường, phản hồi của các cơ sở sử dụng lao động để trả lời câu hỏi và xác định trong bối cảnh hiện nay tình hình của địa phương để xây dựng xã hội học tập thì người học cần gì? muốn học gì? và kiến thức, thái độ, kĩ năng người học cần có.

- Trên cơ sở đó rà soát lại toàn bộ nội dung chương trình dạy học cho các loại hình dạy hướng nghiệp, dạy chuyên đề, dạy bồi dưỡng cấp chứng chỉ cho người học. Các chương trình nội dung dạy học "phần cứng" và phần mềm phù hợp với địa phương và người học. Rà soát các nội dung phù hợp và chưa phù hợp dựa trên thông tin phản hồi. Trong khi rà soát chương trình "phần cứng" chú ý đến 30% phần mềm theo qui định của chương trình có thể bổ sung và phát triển. Đặc biệt khi rà soát xác định các chuyên đề nghề, các nội dung bồi dưỡng theo yêu cầu của thực tiễn địa phương và nhu cầu người học.

- Hoàn thiện, bổ sung chương trình nội dung dạy học mới ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cho phù hợp với thực tiễn và nhu cầu người học. Đặc biết chú ý đến các nội dung dạy học các chương trình dạy nghề của địa phương như "nuôi cá lồng", "kỹ thuật trồng cây" phù hợp với chất đất của địa phương, chương trình bồi dưỡng giáo viên các chuyên đề chuyên sâu về "đổi mới phương pháp dạy học", "dạy học tích hợp", "bồi dưỡng kĩ năng quản lý cho tổ trưởng chuyên môn" các trường tiểu học, THCS...Việc hoàn thiện chương trình này chú ý: a) Bổ sung các nội dung học mới cập nhật để tạo công việc, sự thích ứng với công việc cho người học ở trung tâm tạo cơ hội nâng cao kiến thức và việc làm; b) Tăng cường tính chất thực hành, rèn luyện năng lực thực hành cho người học bên cạnh việc bổ sung, chỉnh sửa các nội dung kiến thức mới phù hợp, khắc phục những hạn chế về kiến thức, kĩ năng làm việc cho người học.

- Thực chất của việc phát triển chương tình dạy học là từ thông tin phản hồi, kết qủa khảo sát đầu ra của dạy học để xác định và hoàn thiện chuẩn đầu ra của dạy học từ mục tiêu kiến thức, thái độ và kĩ năng nghề nghiệp. Từ đó xác định các hình thức học tập cho phù hợp và các điều kiện hỗ trợ cho hoạt động học tập của học viên có hiệu quả.

- Ban hành các văn bản về thay đổi nội dung chương trình dạy học mới kèm theo các tài liệu, học liệu hướng dẫn dạy và học theo các nội dung dạy học mới ở chương trình.

- Tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên (giáo viên cơ hữu, các nghệ nhân, chuyên gia kinh tế...) việc thực hiện nội dung chương trình dạy học được bổ sung và hoàn thiện. Qua đó một lần nữa rút kinh nghiệm thông qua dạy và học của học viên về việc chỉnh sửa chương trình giáo dục thường xuyên đã phù hợp, thích hợp với nhu cầu thực tiễn và nhu cầu của người học.

- Việc tham gia phát triển chương trình dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cần có một bộ phận tham mưu. Ở bộ phận này gồm có các cán bộ cơ hữu và cán bộ lãnh đạo và giáo viên của trung tâm, bên cạnh đó còn có sự tham gia của các lực lượng xã hội như các nghệ nhân làng nghề, các nhà nông có kinh nghiệm, lãnh đạo các địa phương, các cơ sở sử dụng sản phẩm dạy học của trung tâm cùng tham gia, xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chương trình và thẩm định chương trình sẽ làm cho chương trình sát thực tiễn, phù hợp với người học góp phần tạo điều kiện xây dựng xã hội học tập.

Để thực hiện được công việc phát triển chương trình dạy học cần: Có sự thống nhất về nhận thức và chỉ đạo của bộ phận lãnh đạo Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, thông suốt từ cán bộ quản lý và giáo viên; có các văn bản qui định của trung tâm về vấn đề này; có cơ sở vật chất (kinh phí, điều kiện...) đảm bảo cho việc phát triển và thực hiện chương trình; liên tục cập nhật thông tin phản hồi, thông tin kết quả đầu ra của dạy học ở trung tâm về kết quả của việc phát triển chương trình dạy học.

Biện pháp 9: Tổ chức cấp phát văn bằng chứng chỉ tạo điều kiện cơ hội việc làm và cơ hội học tập cho người học

Kết quả học tập của người học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên được thể hiện ở các văn bằng, chứng chỉ mà người học được ghi nhận và cấp phát. Ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo nội dung học tập có các văn bằng chứng chỉ sau:

- Bằng đại học vừa làm vừa học.
- Chứng chỉ hướng nghiệp.
- Chứng chỉ dạy nghề (trồng trọt, chăn nuôi...) do trung tâm đăng ký trong danh mục các nghề với Sở Lao động thương binh xã hội.
- Chứng chỉ giáo dục hướng nghiệp.
- Chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

Các văn bằng chứng chỉ đó do các chủ thể trường đại học, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp phát. Như vậy, nhiệm vụ của trung tâm là tổ chức cấp phát các văn bằng chứng chỉ làm sao để tạo điều kiện việc làm, cơ hội học tập cho mọi người học ở trung tâm và góp phần xây dựng xã hội học tập.

Tổ chức cấp phát văn bằng chứng chỉ trong các yếu tố đầu ra của dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập cần:

- Khảo sát nhu cầu nghề nghiệp của địa phương, nhu cầu người học đề nghị *danh mục các chứng chỉ nghề nghiệp* mà người học và địa phương cần để Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục đào tạo đưa vào danh mục chứng chỉ cần có để cấp phát đáp ứng yêu cầu của địa phương và người học.

- Tổ chức cấp phát văn bằng, đặc biệt các chứng chỉ kịp thời tạo điều kiện cho người học có cơ hội việc làm, cơ hội học tập trong hoạt động nghề nghiệp của mỗi cá nhân.

Ở đây phải nói rằng có *chứng chỉ kịp thời* về mặt thời gian, về *mặt văn bằng* là tạo điều kiện cho người học có công ăn việc làm, nghề nghiệp và thỏa mãn được

nhu cầu học tập xuất hiện mà nhiều khi chỉ chậm trễ về thời gian; sai lệch về loại hình chứng chỉ người học sẽ mất cơ hội việc làm và cơ hội học tập trong cuộc đời.

- Tổ chức cấp phát văn bằng chứng chỉ tại trung tâm yêu cầu trang trọng và có sự tham gia của các lực lượng xã hội, các cơ sở sử dụng lao động. Tổ chức như vậy sẽ tạo ra một hội nghị việc làm, tạo điều kiện cho học viên được tiếp xúc với các cơ sở lao động để quảng bá và tạo điều kiện việc làm cho người học. Thông qua đó chiều ngược lại thông tin phản hồi từ các cơ sở lao động đề nghị bổ sung thêm các chứng chỉ nghề nghiệp mới đáp ứng với nhu cầu địa phương và xã hội.

3.2.3.3. Điều kiện thực hiện nhóm biện pháp

- Ban giám đốc trung tâm cung cấp đầy đủ các văn bản pháp qui về kiểm tra đánh giá dạy học ở trung tâm và văn bằng chứng chỉ cho cán bộ quản lý và giáo viên, học viên.

- Có mối quan hệ, phối hợp tốt giữa Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên với các cơ sở sử dụng lao động, sản phẩm dạy học của trung tâm.

- Đảm bảo về cơ sở vật chất, kinh phí cho các hoạt động quản lý đề ra dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

3.2.4. Nhóm biện pháp điều tiết các tác động bối cảnh (môi trường) đến quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập

3.2.4.1. Mục đích của nhóm biện pháp

Quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên đối với các nhà quản lý đầu vào, quá trình, đầu ra của dạy học được diễn ra trong một bối cảnh (môi trường) xác định. Khi quản lý dạy học phải tính đến các yếu tố bối cảnh này. Quản lý các yếu tố thuộc về bối cảnh quản lý dạy học tức là *điều chỉnh* các tác động của môi trường, của bối cảnh nhằm giảm thiểu mặt hạn chế, tăng cường mặt tích cực của các yếu tố bối cảnh đến quản lý dạy học nhằm nâng cao chất lượng dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

3.2.4.2. Nội dung và cách thức thực hiện

Trong phần này điều tiết tác động của các yếu tố bối cảnh giới hạn bằng 02 nội dung và cách thức: a) Cụ thể hóa và hoàn thiện các văn pháp qui phạm về quản

lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập; b) Xây dựng mối quan hệ hợp tác giữa trung tâm với cơ sở lao động ở địa phương nhằm nâng cao chất lượng dạy học; c) Xây dựng Trung tâm GDNN - GDTX trở thành "Tổ chức biết học hỏi" nâng cao chất lượng dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập.

Biện pháp 10: Cụ thể hóa và hoàn thiện các văn bản pháp qui về quản lý dạy học ở trung tâm phù hợp với thực tiễn địa phương

- Mục đích nhằm quản lý chặt chẽ các hoạt động dạy học của giáo viên trên cơ sở những văn bản quy định thống nhất trong trung tâm. Đội ngũ giáo viên dạy ở Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện hiện nay có chất lượng giảng dạy không đồng đều nhau. Các trung tâm đều có giáo viên hợp đồng, thỉnh giảng từ các trường liên kết. Do đó, một số giáo viên này chưa nắm được quy chế hoạt động dạy học của Trung tâm GDNN-GDTX, chưa nắm được tình hình thực tiễn của địa phương. Do đó Giám đốc trung tâm cần cụ thể hóa các văn bản pháp qui về quản lý dạy học ở trung tâm phù hợp với thực tiễn địa phương.

Để thực hiện biện pháp trên, Ban giám đốc trung tâm cần thực hiện các công việc sau:

- Tổ chức cho cán bộ quản lý và giáo viên của trung tâm nghiên cứu, trao đổi và thảo luận các văn bản pháp qui về quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiêp - Giáo dục thường xuyên. Chỉ ra những điều bất cập, chưa phù hợp và kiến nghị cho việc điều chỉnh hoàn thiện cho phù hợp với thực tế địa phương.

- Cụ thể hóa các văn bản quy định quản lý giáo viên thực hiện chương trình dạy học. Tổ chức cho giáo viên nghiên cứu để nắm vững phần cơ bản của nội dung chương trình. Chương trình dạy học của trung tâm được xây dựng trên cơ sở điều chỉnh chương trình quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ LĐ-TB&XH từ đó lựa chọn nội dung phù hợp với thực tiễn địa phương.

- Xây dựng quy chế trung tâm, quản lý giáo viên về thực hiện soạn giảng, ra vào lớp, dự giờ...cụ thể theo đặc thù của từng trung tâm trên cơ sở quy định chung của các Bộ, Sở, Ban, Ngành có liên quan.

- Lãnh đạo trung tâm cần cung cấp cho giáo viên nội dung, chương trình dạy học của từng ngành học, cấp học, khóa học, môn học...phân phối chương trình của các cấp và các tài liệu có liên quan.

- Hướng dẫn thực hiện chương trình của các Bộ, Sở và các yêu cầu cụ thể của trung tâm. Cung cấp cho giáo viên đầy đủ các văn bản liên quan đến dạy học của trung tâm.

Biện pháp 11: Tổ chức phối hợp tốt giữa trung tâm và các cơ sở sử dụng lao động đảm bảo chất lượng dạy học

Biện pháp quản lý dạy học này nhằm xây dựng mối quan hệ tốt giữa Trung tâm GDNN-GDTX với các cơ sở giáo cơ sở sử dụng sản phẩm dạy học của trung tâm. Thông qua xây dựng mối quan hệ tạo điều kiện cho trung tâm tạo nguồn đầu vào (của người học), thực hiện tốt các nội dung dạy học ở Trung tâm GDNN-GDTX. Nâng cao trách nhiệm, đảm bảo quyền lợi hai bên trong thực hiện liên kết.

Ban giám đốc trung tâm cần thực hiện các công việc:

* *Về phía trung tâm*: Tập huấn, bồi dưỡng xây dựng được năng lực của trung tâm đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu của phương châm khi phát hiện nhu cầu của xã hội, cái mà xã hội và doanh nghiệp cần trong đào tạo cho dù đó là một yếu tố mới bổ sung trong chuẩn đầu ra của một nghề hay cần phải mở ra một ngành nghề mới.

- Thường xuyên, định kỳ có tiếp xúc tìm hiểu nhu cầu, mong muốn của cơ sở sử dụng lao động trong thực hiện liên kết đào tạo để xây dựng chuẩn đầu ra vừa đáp ứng yêu cầu chung của chuẩn vừa có thể đáp ứng các yêu cầu riêng của cơ sở sử dụng lao động. Thực hiện quy trình, hội thảo lấy ý kiến cơ sở sử dụng lao động cho cải tiến chương trình đào tạo có liên quan đến nội dung dạy học.

Thực hiện nghiêm túc hợp đồng, cam kết trách nhiệm của mỗi bên, điều chỉnh, xử lý kịp thời các bất hợp lý nảy sinh đảm bảo cho mỗi bên thực hiện đúng trách nhiệm, tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của các bên như cam kết.

Thực hiện điều tra chất lượng sản phẩm dạy học của trung tâm ở các cơ sở giáo dục. Trao đổi thông tin về nhu cầu đào tạo. Trong cơ chế thị trường, xác định nhu cầu đào tạo là bước khởi đầu quan trọng của việc phát triển chương trình và triển khai các khóa đào tạo. Thật là phi lý khi nói đến đào tạo đáp ứng nhu cầu xã

hội, mà nhà trường không biết nhu cầu đào tạo của xã hội về chất lượng, số lượng cũng như cơ cấu ngành nghề đào tạo là như thế nào?

* *Về phía cơ sở sử dụng lao động*: Tổ chức phối hợp tốt giữa trung tâm và các cơ sở sử dụng lao động đảm bảo chất lượng dạy học nhằm mục đích tăng cường các lực lượng tham gia quản lý dạy học, hỗ trợ người học trong học tập nhằm nâng cao chất lượng dạy học thông qua các công việc; đánh giá chất lượng dạy học và dạy học ở trung tâm; các tổ chức và cơ sở sử dụng lao động có thể tham gia vào quá trình dạy học (xây dựng kế hoạch, tuyển sinh, thực hành, thực tập, đánh giá chất lượng người học); tham gia bồi dưỡng giáo viên; tham gia với trung tâm trong việc xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo và tham gia đánh giá chất lượng dạy học. Nhờ vậy, các chương trình đào tạo của các trung tâm thường xuyên cập nhật được các tiến bộ khoa học và công nghệ mà sản xuất đang áp dụng, tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên tốt nghiệp có cơ hội tìm được việc làm.

- Hướng nghiệp, tư vấn nghề và giới thiệu việc làm. Đây là điều cần thiết đối với trung tâm nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của các khóa đào tạo, hướng nghiệp và tư vấn nghề cho học sinh, sinh viên vào học các ngành nghề phù hợp với nhu cầu cơ sở sử dụng lao động và sắp xếp việc làm cho học sinh tốt nghiệp với sự hỗ trợ của các cơ sở sử dụng lao động.

- Sử dụng đội ngũ chuyên gia thuộc các lĩnh vực (chuyên đề, hướng nghiệp) đa dạng hóa người dạy, tạo điều kiện mọi người ở địa phương (xã hội) cùng dạy và cùng học.

- Thiết kế, điều chỉnh nội dung, chương trình dạy học cho phù hợp với người học, nhu cầu địa phương, cơ sở sử dụng sản phẩm dạy học của trung tâm để các trung tâm căn cứ vào đó xây dựng chương trình đào tạo theo kỹ năng hành nghề đáp ứng nhu cầu của cơ sở sử dụng lao động.

- Tổ chức các hội nghị giới thiệu việc làm, giới thiệu nhân lực cho các cơ sở sử dụng nguồn nhân lực.

- Phát triển mạnh liên kết đào tạo giữa trung tâm với cơ sở sử dụng lao động.

Biện pháp 12: Phát triển môi trường sư phạm ở trung tâm theo hướng "tổ chức biết học hỏi"

Dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập diễn ra trong môi trường sư phạm ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên. Môi trường này là nơi nuôi dưỡng và đồng thời là *bối cảnh* chế ước, qui định hiệu quả các hoạt động trong đó có hoạt động dạy học ở trung tâm. Chất lượng dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập đến đâu tùy thuộc vào sự tính chất và sự điều tiết ảnh hưởng của môi trường sư phạm của trung tâm. Môi trường này có thể bao gồm: Môi trường sư phạm của trung tâm, môi trường vật chất và môi trường tinh thần. Để đảm bảo chất lượng dạy học cần thiết xây dựng tổ chức biết học hỏi ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

Tổ chức biết học hỏi là nơi các cá nhân (thành viên tổ chức) đều làm chủ viêc học của mình, có cơ hội để học tập, các kiến thức được chia sẻ, hoạt động của người dạy và người học đều được kết nối và thống nhất với các hoạt động của nhà trường, các ý tưởng dạy và học được khuyến khích và sự sáng tạo được nuôi dưỡng, tổ chức của trung tâm (nhà trường) liên tục phát triển và thích nghi tốt với môi trường xã hội bên ngoài.

Để xây dựng được trung tâm thành tổ chức biết học hỏi, Ban giám đốc cần tiến hành:

- Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc xây dựng trung tâm thành tổ chức biết học hỏi.

- Tổ chức cơ chế dân chủ công khai trong việc phân công công việc giảng dạy ở trung tâm.

- Xây dựng môi trường sư phạm hợp tác trong trường và ngoài trung tâm với các cơ sở xã hội.

- Thường xuyên đánh giá biểu dương các tác giả cần học tập và chấn chỉnh các yếu kém, hạn chế.

- Cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho giáo viên.

- Huy động sự ủng hộ của cộng đồng xã hội cho mục tiêu phát triển của trung tâm.

- Xây dựng văn hóa nhà trường ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

Về mặt tổ chức dạy học, môi trường dạy học là một trong ba yếu tố tạo thành cấu trúc hoạt động dạy học, chi phối trực tiếp đến chất lượng và hiệu qủa của dạy và học. Môi trường dạy học của trung tâm bao gồm cả môi trường vật chất, đó là cơ sở vật chất của trung tâm bao gồm: Không gian, ánh sáng, âm thanh, nhiệt độ, độ ẩm, sự lưu thông của không khí, hình thức và nội dung bố trí các đồ vật, nơi làm việc của học sinh và giáo viên (lớp học, phòng thực hành, xưởng...).

Môi trường tinh thần (nề nếp học tập, tinh thần làm việc, quan hệ thầy trò...) là môi trường sáng tạo trong đó con người cảm thấy thoải mái diễn tả các ý tưởng của mình và nhận được sự hỗ trợ để phân tích và phát triển các ý tưởng này.

Trung tâm cần thiết xây dựng được môi trường dạy học tích cực như trên sẽ tạo cho học viên cảm giác gần gũi, chủ động việc tìm tòi nội dung của môn học. Xây dựng bầu không khí khích lệ người học học tập, đây là động cơ để học viên phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, thông qua hoạt động này sẽ tạo hứng thú cho quá trình dạy học, các học viên sẽ được trao đổi thông tin, được củng cố, khắc sâu, mở rộng kiến thức các môn học. Qua đó góp phần không nhỏ vào việc rèn luyện tính tổ chức, kỉ luật, nâng cao tinh thần trách nhiệm, lòng nhân ái, tình yêu bạn bè, tinh thần tập thể cho học viên.

3.2.4.3. Điều kiện thực hiện nhóm biện pháp

- Ban giám đốc trung tâm cung cấp đầy đủ các văn bản hành lang pháp lý về quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và tổ chức quán triệt tới toàn thể cán bộ quản lý và giáo viên ở trung tâm.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên ở trung tâm và giữa trung tâm với các yếu tố sử dụng lao động, các lực lượng xã hội ngoài trung tâm.

- Đảm bảo cơ sở vật chất (kinh phí, nhân lực...) cho việc điều tiết các yếu tố ảnh hưởng bối cảnh đến dạy học ở trung tâm

3.3. Mối quan hệ giữa các nhóm biện pháp

4 nhóm biện pháp với 12 biện pháp quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập đề xuất có vị trí khác nhau trong quản lý dạy học. Nhóm biện pháp quản lý các yếu tố đầu vào của dạy học tạo điều kiện, cơ sở, nền tảng cho việc thực hiện quản lý dạy học. Cơ sở nền tảng không tốt, không chắc chắn sẽ làm giảm thiểu hiệu

quả của dạy học, chất lượng dạy học. Nhóm biện pháp quản lý quá trình dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tho hướng xây dựng xã hội học tập tập trung vào tổ chức dạy học trực tiếp quyết định chất lượng, hiệu quả của dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập. Nhóm biện pháp này được thực hiện không tốt sẽ dẫn đến chất lượng dạy học không cao. Nhóm biện pháp quản lý các yếu tố đầu ra của dạy học tham gia quyết định việc tạo ra sản phẩm cuối cùng của dạy học cả về hình thức và nội dung sản phẩm (người học) và nhóm biện pháp quản lý điều tiết tác động của môi trường, bối cảnh là điều kiện có ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng dạy học ở trung tâm. Mỗi nhóm biện pháp quản lý dạy học nêu trên có *vị trí, vai trò riêng* và rất quan trọng trong việc quản lý nâng cao chất lượng dạy học, không thể thiếu biện pháp nào được.

Các biện pháp quản lý dạy học trên có mối quan hệ hữu cơ với nhau trong việc nâng cao chất lượng dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên. Các biện pháp quản lý trên thể hiện các bước đi cụ thể trong quản lý dạy học ở trung tâm vì vậy khi tiến hành không thể "đơn lẻ", "riêng rẽ" từng biện pháp mà phải tiến hành đồng thời các biện pháp quản lý thì mới nâng cao được chất lượng dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở trung tâm.

Để các biện pháp triển khai có hiệu quả ngoài việc thực hiện đồng bộ 12 biện pháp cụ thể thì đòi hỏi các cấp quản lý ở các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên của tỉnh Phú Thọ cần vận dụng một cách linh hoạt, phù hợp với điều kiện của từng đơn vị trung tâm, từng hoàn cảnh địa phương mới đảm bảo hiệu quả cao của chất lượng dạy học. Có Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên với điều kiện đặc thù bên cạnh việc tiến hành đồng thời tất cả các biện pháp quản lý dạy học trên nhưng tùy theo mặt yếu, hạn chế mà *ưu tiên hàng đầu* trong bối cảnh và thời gian hiện tại biện pháp hoặc là chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm hoặc là xây dựng mối quan hệ tích cực giữa trung tâm giáo dục với các cơ sở sử dụng lao động ở địa phương... Làm được như vậy thì chất lượng dạy học ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập sẽ đảm bảo chất lượng.

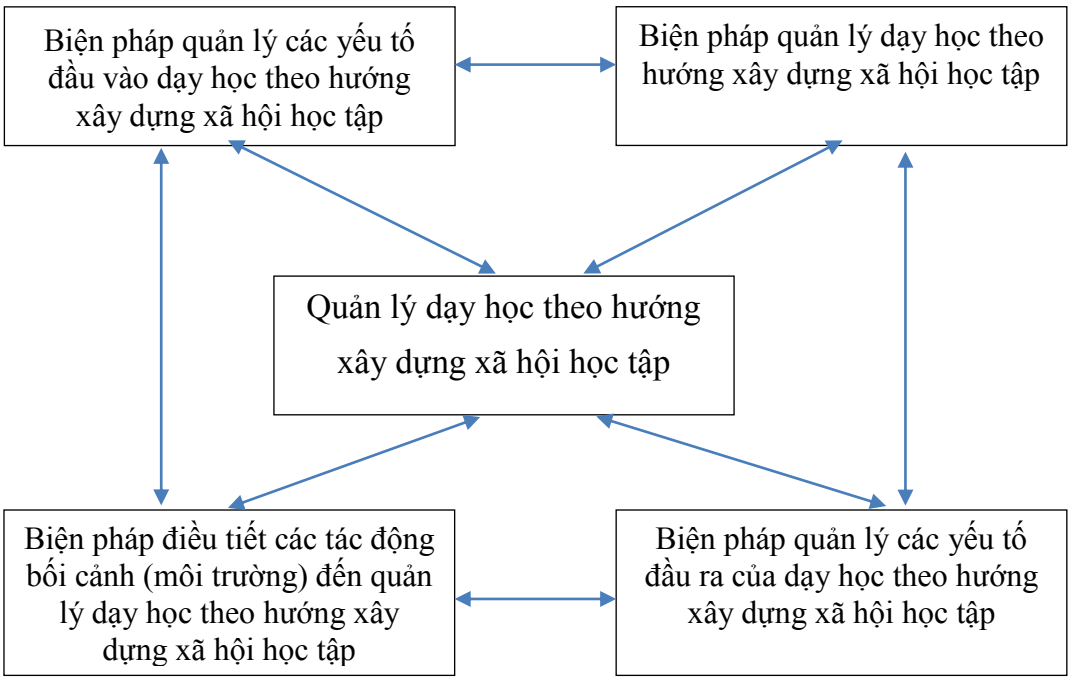

Sơ đồ 3.1. Mối quan hệ giữa các nhóm biện pháp quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập

3.4. Khảo sát nhận thức về sự cần thiết và mức độ khả thi của các biện pháp quản lý dạy học

3.4.1. Mục đích khảo sát

Thông qua ý kiến các chuyên gia, cán bộ quản lý và giáo viên ở các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, đánh giá *tính cần thiết và mức độ khả thi* của 04 nhóm biện pháp theo quá trình dạy học đầu vào, quá trình, đầu ra, bối cảnh với 12 biện pháp quản lý dạy học cụ thể theo hướng xây dựng xã hội học tập để có thể bước đầu đưa các biện pháp ra áp dụng vào quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Thọ.

3.4.2. Mẫu và địa bàn khảo sát

Cán bộ quản lý ở trung tâm và các cơ sở sử dụng lao động, giáo viên cơ hữu và thỉnh giảng của 13 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Thọ.

Bảng 3.1. Mẫu khảo sát tính cần thiết và khả thi của biện pháp quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	Khách thể khảo sát	SL	%
1	Cán bộ quản lý trung tâm và cơ sở sử dụng lao động	44	13,9
2	Giáo viên	271	86,1
Tổng số		315	100,0

3.4.3. Phương pháp khảo sát, tiêu chí và thang đánh giá khảo sát.

* Phương pháp khảo sát được sử dụng bằng phương pháp trưng cầu ý kiến bằng phiếu điều tra, phương pháp toán thống kê, phỏng vấn...

* Tiêu chí đánh giá: Tính cần thiết và khả thi

Tính cần thiết được cho điểm theo nguyên tắc: Rất cần thiết: 3 điểm; Cần thiết: 2 điểm; Không cần thiết: 1 điểm;

Tính khả thi được cho điểm theo nguyên tắc: Rất khả thi: 3 điểm; Khả thi: 2 điểm; Không khả thi: 1 điểm.

* Thang đánh giá

Mức 1(rất cần thiết, rất khả thi): $\overline{X} = 2,5 \rightarrow 3,0$

Mức 2 (cần thiết, khả thi): $\overline{X} = 1,5 \rightarrow 2,49$

Mức 3 (không cần thiết, không khả thi): $\overline{X} < 1,5$

3.4.4. Kết quả khảo sát

3.4.4.1. Kết quả khảo sát tính cần thiết của biện pháp quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Bảng 3.2. Kết quả khảo nghiệm về nhận thức tính cần thiết của biện pháp quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	Biện pháp quản lý	Mức độ						Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc
		Rất cần thiết		Ít cần thiết		Không cần thiết				
		SL	%	SL	%	SL	%			
Nhóm 1: Quản lý các yếu tố đầu vào dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ($\overline{X} = 2,67$)										
1	Khảo sát nhu cầu và xây dựng, hoàn thiện nội dung chương trình dạy học phù hợp với thực tiễn xã hội (địa phương)	267	84.8	37	11.7	11	6.5	886	2.8	3
2	Tổ chức bồi dưỡng nâng cao chất lượng giáo viên đảm bảo yêu cầu dạy học	187	59.4	106	33.7	22	6.9	795	2.5	11
3	Tăng cường xã hội hóa nguồn lực đảm bảo cho hiệu quả dạy học ở trung tâm	231	73.3	76	24.1	8	2.6	853	2.7	5
Nhóm 2: Quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ($\overline{X} = 2,75$)										
4	Phân hóa người học và tổ chức dạy học tạo cơ hội học tập cho người học	291	92.4	20	6.3	4	1.3	917	2.9	1
5	Chỉ đạo đa dạng hóa hình thức dạy học, phương thức dạy học phù hợp với điều kiện địa phương và nhu cầu người học	251	79,7	56	17,8	8	2,5	873	2.77	4
6	Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tăng cường tự học suốt đời	277	87,9	16	5,2	22	6,9	885	2,81	2
7	Chỉ đạo tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học tạo điều kiện cho người học học tập trong mọi hoàn cảnh	189	60,0	105	33,3	21	6,7	798	2,53	8

Nhóm 3: Quản lý các yếu tố đầu ra của dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ($\overline{X} = 2,52$)										
8	Chỉ đạo sử dụng thông tin phản hồi để phát triển chương trình dạy học	185	58,7	112	35,6	18	5,7	797	2,52	9
9	Tổ chức cấp phát văn bằng chứng chỉ tạo điều kiện cơ hội việc làm và cơ hội học tập cho người học	187	59,4	102	32,4	26	8,2	791	2,51	10
Nhóm 4: Điều tiết các tác động bối cảnh (môi trường) đến quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ($\overline{X} = 2,53$)										
10	Cụ thể hóa và hoàn thiện các văn bản pháp qui về quản lý dạy học ở trung tâm phù hợp với thực tiễn địa phương	199	63,2	87	27,6	29	9,2	800	2,54	7
11	Tổ chức phối hợp tốt giữa trung tâm và các cơ sở sử dụng lao động đảm bảo chất lượng dạy học	205	65,2	89	28,3	21	6,7	814	2,58	6
12	Phát triển môi trường sư phạm ở trung tâm theo hướng tổ chức biết học hỏi	201	63,8	65	20,6	49	15,6	782	2,48	12
Trung bình chung									**2,62**	

Nhận xét:

Cán bộ quản lý và giáo viên được khảo sát ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên đánh giá các biện pháp quản lý dạy học ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập có *tính cần thiết cao* thể hiện điểm trung bình chung của 12 biện pháp $\overline{X} = 2,62$ và cả 4 nhóm biện pháp chiếm 100% các biện pháp đều có $\overline{X}$> 2,5 (Min = 1; Max = 3).

Mức độ cần thiết của các nhóm biện pháp quản lý dạy học ở trung tâm *không đồng đều* và xếp theo thứ bậc cần thiết: 1- Quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ($\overline{X} = 2,75$) ; 2- Quản lý các yếu tố đầu vào dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ($\overline{X} = 2,67$) ; 3- Quản lý điều tiết các tác động bối cảnh (môi trường)

đến quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ($\overline{X} = 2{,}53$); 4- Quản lý các yếu tố đầu ra của dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ($\overline{X} = 2{,}52$).

3.4.4.2. Kết quả khảo sát mức độ khả thi của biện pháp quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Bảng 3.3. Kết quả khảo nghiệm về nhận thức tính khả thi của biện pháp quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập.

TT	Biện pháp quản lý	Mức độ						Σ	$\overline{X}$	Thứ bậc
		Rất khả thi		Ít khả thi		Không khả thi				
		SL	%	SL	%	SL	%			
Nhóm 1: Quản lý các yếu tố đầu vào dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ($\overline{X} = 2,55$)										
1	Khảo sát nhu cầu và xây dựng, hoàn thiện nội dung chương trình dạy học phù hợp với thực tiễn xã hội (địa phương)	199	63,2	87	27,6	29	9,2	800	2,54	7
2	Tổ chức bồi dưỡng nâng cao chất lượng giáo viên đảm bảo yêu cầu dạy học	211	67	94	29.8	10	3.2	831	2.6	3
3	Tăng cường xã hội hóa nguồn lực đảm bảo cho hiệu quả dạy học ở trung tâm	189	60	97	30.8	29	9.2	790	2.50	10
Nhóm 2: Quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ($\overline{X} = 2,67$)										
4	Phân hóa người học và tổ chức dạy học tạo cơ hội học tập cho người học	234	74.3	72	22.9	9	2.8	855	2.7	2
5	Chỉ đạo đa dạng hóa hình thức dạy học, phương thức dạy học phù hợp với điều kiện địa phương và nhu cầu người học	275	87.3	28	8.9	12	3.8	893	2.8	1

6	Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tăng cường tự học suốt đời	210	66.7	92	29.2	13	4.1	827	2.6	3
7	Chỉ đạo tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học tạo điều kiện cho người học học tập trong mọi hoàn cảnh	205	65,2	89	28,3	21	6,7	814	2,58	5
Nhóm 3: Quản lý các yếu tố đầu ra của dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ($\overline{X} = 2,52$)										
8	Chỉ đạo sử dụng thông tin phản hồi để phát triển chương trình dạy học	197	62,5	89	28,3	29	9,2	798	2,53	8
9	Tổ chức cấp phát văn bằng chứng chỉ tạo điều kiện cơ hội việc làm và cơ hội học tập cho người học	195	61,9	87	27,6	33	10,5	792	2,51	9
Nhóm 4: Điều tiết các tác động bối cảnh (môi trường) đến quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ($\overline{X} = 2,51$)										
10	Cụ thể hóa và hoàn thiện các văn bản pháp qui về quản lý dạy học ở trung tâm phù hợp với thực tiễn địa phương	199	63,2	98	31,1	18	5,7	811	2,57	6
11	Tổ chức phối hợp tốt giữa trung tâm giáo dục và các cơ sở sử dụng lao động đảm bảo chất lượng dạy học	195	61,9	86	27,3	34	10,8	791	2,50	10
12	Phát triển môi trường sư phạm ở trung tâm theo hướng tổ chức biết học hỏi	185	58,7	86	27,4	44	13,9	771	2,45	12
Trung bình chung									**2,56**	

Nhận xét:

Cán bộ quản lý và giáo viên được khảo sát ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên đánh giá các biện pháp quản lý dạy học ở trung tâm theo hướng xây dựng xã hội học tập có *tính khả thi cao* thể hiện điểm trung

bình chung của 12 biện pháp $\overline{X} = 2{,}56$ và cả 4 nhóm biện pháp chiếm 100% các biện pháp đều có $\overline{X}$> 2,5 (Min = 1; Max = 3).

Mức độ cần thiết của các nhóm biện pháp quản lý dạy học ở trung tâm *không đồng đều* và xếp theo thứ bậc cần thiết: 1- Quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ($\overline{X} = 2{,}67$) ; 2- Quản lý các yếu tố đầu vào dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ($\overline{X} = 2{,}55$) ; 3- Quản lý các yếu tố đầu ra của dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ($\overline{X} = 2{,}52$) ; 4- Quản lý điều tiết các tác động bối cảnh (môi trường) đến quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ($\overline{X} = 2{,}51$).

3.4.4.3. Mối quan hệ giữa tính cần thiết và khả thi của biện pháp quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Bảng 3.4. Mối quan hệ giữa tính cần thiết và khả thi của biện pháp quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	Biện pháp quản lý	Cần thiết		Khả thi	
		$\overline{X}$	Thứ bậc	$\overline{X}$	Thứ bậc
Quản lý các yếu tố đầu vào dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập					
1.	Khảo sát nhu cầu và xây dựng, hoàn thiện nội dung chương trình dạy học phù hợp với thực tiễn xã hội (địa phương)	2,8	3	2,54	7
2.	Tổ chức bồi dưỡng nâng cao chất lượng giáo viên đảm bảo yêu cầu dạy học	2,5	11	2,6	3
3.	Tăng cường xã hội hóa nguồn lực đảm bảo cho hiệu quả dạy học ở trung tâm	2,7	5	2,50	10
Quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập					
4.	Phân hóa người học và tổ chức dạy học tạo cơ hội học tập cho người học	2,9	1	2,7	2
5.	Chỉ đạo đa dạng hóa hình thức dạy học, phương thức dạy học phù hợp với điều kiện địa phương và nhu cầu	2,77	4	2,8	1

TT	Biện pháp quản lý	Cần thiết		Khả thi	
		$\overline{X}$	Thứ bậc	$\overline{X}$	Thứ bậc
	người học				
6.	Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tăng cường tự học suốt đời	2,81	2	2,6	3
7.	Chỉ đạo tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học tạo điều kiện cho người học học tập trong mọi hoàn cảnh	2,53	8	2,58	5
Quản lý các yếu tố đầu ra của dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập					
8.	Chỉ đạo sử dụng thông tin phản hồi để phát triển chương trình dạy học	2,52	9	2,53	8
9.	Tổ chức cấp phát văn bằng chứng chỉ tạo điều kiện cơ hội việc làm và cơ hội học tập cho người học	2,51	10	2,51	9
Điều tiết các tác động bối cảnh (môi trường) đến quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập					
10.	Cụ thể hóa và hoàn thiện các văn bản pháp qui về quản lý dạy học ở trung tâm phù hợp với thực tiễn địa phương	2,54	7	2,57	6
11.	Tổ chức phối hợp tốt giữa trung tâm và các cơ sở sử dụng lao động đảm bảo chất lượng dạy học	2,58	6	2,50	10
12.	Phát triển môi trường sư phạm ở trung tâm theo hướng tổ chức biết học hỏi	2,48	12	2,45	12
Trung bình chung		**2,62**		**2,56**	

- Để thấy được quan hệ giữa tính cần thiết và mức độ khả thi của biện pháp quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập, đề tài sử dụng hệ số tương quan thứ bậc Spiếc man tính toán:

$$r = 1 - \frac{6\Sigma D^2}{N\left(N^2 - 1\right)}$$

Kết quả tính toán r ≈ + 0,54. Với kết quả trên cho phép kết luận tương quan trên là thuận và tương đối chặt chẽ, có nghĩa là giữa tính cần thiết và khả thi có mức

độ phù hợp khá cao, các biện pháp quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập đề xuất cần thiết ở mức độ nào thì cũng có mức độ khả thi tương đối phù hợp và tương ứng. Ví dụ: Biện pháp "*Phân hóa người học và tổ chức dạy học tạo cơ hội học tập cho người học*" có mức độ cần thiết xếp bậc 1/12 và khả thi xếp bậc 2/12 với $\overline{X}$ = 2,9 và 2,7; Biện pháp "*Cụ thể hóa các văn bản pháp quy về quản lý dạy học ở trung tâm phù hợp với thực tiễn địa phương*" có mức độ cần thiết xếp bậc 7/12 và khả thi xếp bậc 6/12 với $\overline{X}$ = 2,54 và 2,57

Có thể biểu diễn mối quan hệ giữa tính cần thiết và khả thi của biện pháp quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập bằng biểu đồ sau:

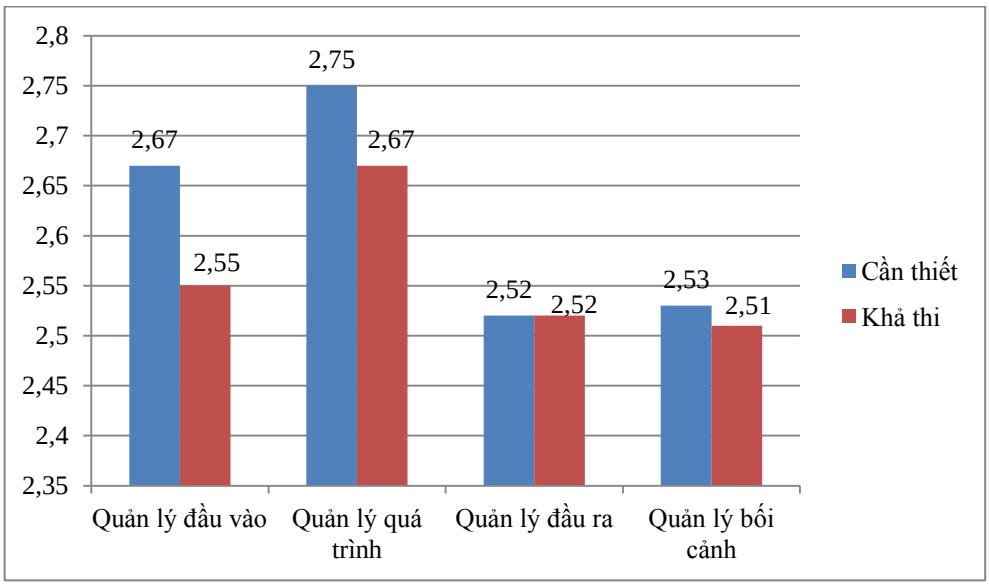

Biểu đồ 3.1. Mức độ cần thiết và khả thi của biện pháp quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập.

3.5. Thực nghiệm

3.5.1. Mục đích thực nghiệm

Mục đích của thực nghiệm nhằm kiểm chứng *hiệu quả* của biện pháp quản lý hoạt động dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập đã được đề xuất trong việc nâng cao chất lượng dạy học và xây dựng xã hội học tập ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Thọ.

3.5.2. Giả thuyết thực nghiệm

Nếu áp dụng 03 biện pháp quản lý dạy học:

Biện pháp 4 "*Phân hóa người học và tổ chức dạy học tạo cơ hội học tập cho người học"*;

Biện pháp 5 "*Chỉ đạo đa dạng hóa hình thức dạy học, phương thức dạy học phù hợp với điều kiện địa phương và nhu cầu người học*";

Biện pháp 6 "*Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tăng cường tự học suốt đời"*.

Thuộc nhóm biện pháp "*Quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập*" thì sẽ nâng cao được chất lượng dạy học và xây dựng xã hội học tập ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

3.5.3. Mẫu và địa bàn thực nghiệm

Thực nghiệm trong luận án được tiến hành theo hình thức thực nghiệm *song hành* bao gồm 02 nhóm: Nhóm đối chứng (không áp dụng biện pháp quản lý dạy học mới) và nhóm thực nghiệm (áp dụng biện pháp quản lý dạy học mới).

Nhóm đối chứng bao gồm 78 khách thể bao gồm: Cán bộ quản lý, giáo viên và học viên học các chuyên đề ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Phù Ninh tỉnh Phú Thọ.

Nhóm thực nghiệm bao gồm 84 khách thể: cán bộ quản lý, giáo viên và học viên học các chuyên đề ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Thanh Thủy tỉnh Phú Thọ.

Hai nhóm đối chứng và thực nghiệm có số khách thể khảo sát cân đối nhau về số lượng, thành phần và giám đốc trung tâm cũng được lựa chọn ngang bằng nhau về trình độ. Cả hai nhóm đều thuộc hai huyện của tỉnh Phú Thọ.

Bảng 3.5. Cơ cấu khách thể khảo sát trong mẫu thực nghiệm

STT	**Nhóm** / **Tiêu chí**	**Đối chứng (26 khách thể)**		**Thực nghiệm (28 khách thể)**		**Tổng số (54 khách thể)**	
		SL	%	SL	%	SL	%
Giới tính							
1.	Nam	10	38,5	9	32,1	19	35,2
2.	Nữ	16	61,5	19	67,9	35	64,8
Thâm niên nghề nghiệp							
3.	Dưới 5 năm	3	11,5	3	10,7	6	11,1
4.	6 - 10 năm	7	26,9	4	14,3	11	20,4

5.	11 - 15 năm	8	30,8	9	32,1	17	31,5
6.	16 - 20 năm	6	23,1	10	35,7	16	29,6
7.	Trên 20 năm	2	7,7	2	7,2	4	7,4
Trình độ đào tạo							
8.	Cao đẳng	2	7,7	3	10,7	5	9,3
9.	Đại học	17	65,4	18	64,3	35	64,8
10.	Sau đại học	7	42,3	7	25,0	14	25,9
Xếp loại công chức, viên chức							
11.	Xuất sắc	5	19,2	5	17,9	10	18,5
12.	Khá	19	73,2	20	71,4	39	72,2
13.	Hoàn thành nhiệm vụ	2	7,6	3	10,7	5	9.3
14.	Không hoàn thành nhiệm vụ	0	0,0	0	0,0	0	0,0
15.	**Học viên**	**52**	**66,7**	**56**	**66,7**	**108**	**66,7**

3.5.4. Tiêu chí và thang đánh giá thực nghiệm

3.5.4.1. Tiêu chí đánh giá

Luận án đánh giá hiệu quả của 03 biện pháp quản lý dạy học cụ thể thông qua 02 chỉ báo:

Tiêu chí 1 đánh giá sự thay đổi của hoạt động dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên:

- Giáo viên nắm chắc chương trình và thiết kế hoạt động dạy học phù hợp.
- Tạo hứng thú học tập cho người học và thể hiện sự quan tâm giữa người dạy và người học.
- Xây dựng bầu không khí khích lệ người học học tập.
- Cơ hội học tập được xuất hiện thường xuyên trong dạy học.
- Giáo viên có phương pháp giảng dạy kích thích, hỗ trợ người học.
- Bài giảng có liên hệ chặt chẽ giữa kiến thức lý thuyết với thực tiễn địa phương.
- Người học chủ động, tích cực, sẵn sàng hợp tác trong giờ học và lĩnh hội được tri thức.
- Phương tiện, cơ sở vật chất phục vụ dạy học được sử dụng tốt trong giảng dạy.

- Môi trường dạy học là môi trường hợp tác chặt chẽ giữa người dạy và người học để tạo ra sản phẩm.

Tiêu chí 2 đánh giá mức độ biểu hiện của xã hội học tập được thể hiện trong dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

- Người có kiến thức và kĩ năng hơn người học có thể làm thầy và người hướng dẫn học tập.

- Mọi người đều có thể học được và có cơ hội học tập.

- Dạy theo nhu cầu và khả năng của người học bên cạnh nội dung, chương trình cứng của quản lý nhà nước.

- Văn bằng chứng chỉ để tìm kiếm việc làm.

- Nâng cao kiến thức để hòa nhập và thích ứng với nhu cầu xã hội.

- Giảng dạy với các phương pháp chuẩn mực đồng thời với các phương pháp người thầy có khả năng, phương tiện và thiết bị có thể có được trong hoản cảnh dạy học cụ thể.

- Học tập dưới sự giảng dạy và hướng dẫn trực tiếp của người dạy đồng thời có thể thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua internet hoặc tự học.

- Linh hoạt thuận tiện cho người dạy và người học.

- Địa điểm dạy học vừa ở trung tâm và có thể ở nơi khác phù hợp theo sự thuận tiện của người dạy và người học.

3.5.4.2. Thang đánh giá

- Đánh giá sự thay đổi của hoạt động dạy học dưới ảnh hưởng của biện pháp quản lý dạy học trong thực nghiệm thông qua 4 mức độ: *Rất thường xuyên, thường xuyên, ít thường xuyên, không có* và cho điểm theo nguyên tắc: 4-3-2-1.

- Đánh giá sự thay đổi của các biểu hiện của xã hội học tập thông qua dạy học ở trung tâm dưới ảnh hưởng của biện pháp quản lý dạy học trong thực nghiệm thông qua 4 mức độ: *Rất rõ, rõ, ít biểu hiện, không hiểu hiện* và cho điểm theo nguyên tắc: 4-3-2-1

- Chuẩn đánh giá: Mức 1: $\overline{X} = 3,25 \rightarrow 4$

Mức 2: $\overline{X} = 2,5 \rightarrow 3,24$

Mức 3: $\overline{X} = 1,75 \rightarrow 2,49$

Mức 4: $\overline{X} < 1,75$

3.5.5. Các giai đoạn thực nghiệm

Giai đoạn chuẩn bị:

- Chuẩn bị và tổ chức các hoạt động dạy học ở cả hai Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên được lựa chọn làm nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm.

- Dùng các phương pháp nghiên cứu đo đạc thực trạng các biểu hiện của chất lượng dạy học, các biểu hiện của xã hội học tập thông qua dạy học ở cả hai nhóm đối chứng và thực nghiệm.

Giai đoạn thực nghiệm:

- Tổ chức thực nghiệm 03 biện pháp thuộc nhóm biện pháp "*Quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập*" ở nhóm thực nghiệm.

- Nhóm đối chứng giữ nguyên biện pháp quản lý hoạt động dạy học cũ, không áp dụng biện pháp quản lý mới.

Thời gian thực nghiệm: Năm học 2014 - 2015

Giai đoạn đo sau thực nghiệm:

- Dùng các phương pháp đánh giá kết quả đo: a) Chất lượng hoạt động dạy học; b) Các biểu hiện của xã hội học tập thông qua dạy học ở cả hai nhóm đối chứng và thực nghiệm.

- So sánh sự khác biệt và mức độ biến đổi dưới ảnh hưởng của biện pháp quản lý dạy học đưa ra thực nghiệm của kết quả đo trước và sau thực nghiệm ở nhóm đối chứng và thực nghiệm, kết quả đo ở nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm về chất lượng hoạt động dạy học và mức độ biểu hiện của các dấu hiệu xã hội học tập thông qua dạy học ở trung tâm. Từ đó khẳng định hiệu quả của biện pháp quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập đã đề xuất cho các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Thọ.

3.5.6. Phương pháp đánh giá thực nghiệm

Để đánh giả hiệu quả của các biện pháp quản lý hoạt động dạy học đưa ra thực nghiệm, luận án sử dụng các phương pháp: Đánh giá bằng *phiếu nhận xét thực nghiệm, quan sát* hoạt động dạy học, giờ dạy của giáo viên và phương pháp *nghiên cứu sản phẩm hoạt động*.

3.5.7. Kết quả thực nghiệm

3.5.7.1. Kết quả đo thực trạng hoạt động dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập trước thực nghiệm

* Kết quả đo hoạt động dạy học ở trung tâm trước thực nghiệm

Bảng 3.6a. Kết quả đo dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX trước thực nghiệm

TT	Tiêu chí đánh giá	Đối chứng						Thực nghiệm						Độ lệch
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Ít thường xuyên	Không có	$\overline{X}$	Thứ bậc	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Ít thường xuyên	Không có	$\overline{X}$	Thứ bậc	
1	Giáo viên nắm chắc chương trình và thiết kế hoạt động dạy học phù hợp	3	12	60	3	**2,19**	1	6	9	63	6	**2,18**	1	**0,01**
2	Tạo hứng thú học tập cho người học và thể hiện sự quan tâm giữa người dạy và người học	3	6	57	12	**2,0**	4	3	9	63	9	**2,07**	3	**0,07**
3	Xây dựng bầu không khí khích lệ người học học tập	3	9	48	18	**1,96**	5	3	6	60	15	**1,96**	5	**0**
4	Cơ hội học tập được xuất hiện thường xuyên trong dạy học	3	6	45	24	**1,85**	8	3	3	57	21	**1,86**	8	**0,01**
5	Giáo viên có phương pháp giảng dạy kích thích, hỗ trợ người học	3	12	57	6	**2,15**	2	3	9	66	6	**2,11**	2	**0,04**

6	Bài giảng có liên hệ chặt chẽ giữa kiến thức lý thuyết với thực tiễn địa phương	3	6	42	27	**1,81**	9	3	3	54	24	**1,82**	9	**0,01**
7	Người học chủ động, tích cực, sẵn sàng hợp tác trong giờ học và lĩnh hội được tri thức	3	6	48	21	**1,88**	7	3	3	63	15	**1,93**	6	**0,05**
8	Phương tiện, cơ sở vật chất phục vụ dạy học được sử dụng tốt trong giảng dạy	6	6	57	9	**2,12**	3	3	6	63	12	**2,0**	4	**0,12**
9	Môi trường dạy học là môi trường hợp tác chặt chẽ giữa người dạy và người học để tạo ra sản phẩm	3	6	51	18	**1,92**	6	3	3	60	18	**1,89**	7	0,03
Trung bình						**1,99**						**1,98**		**0,01**

Nhận xét:

- Nhìn vào bảng 3.6a cho thấy trước thực nghiệm chất lượng dạy học thông qua 9 tiêu chí đánh giá *tương đương* nhau, không có sự khác biệt thể hiện điểm chung bình trung của cả 9 tiêu chí ở nhóm đối chứng và thực nghiệm đều đạt mức độ *trung bình*,$\overline{X}$ nhóm đối chứng = 1,99 và $\overline{X}$ nhóm thực nghiệm = 1,98. Độ lệch của các tiêu chí đánh giá dao động từ 0,01 → 0,12. Sự khác biệt rõ nhất thể hiện ở tiêu chí *"Tạo hứng thú học tập cho người học và thể hiện sự quan tâm giữa người dạy và người học"* nhưng vẫn cùng đạt mức độ *trung bình* ($\overline{X}$ = 2,0 và 2,07).

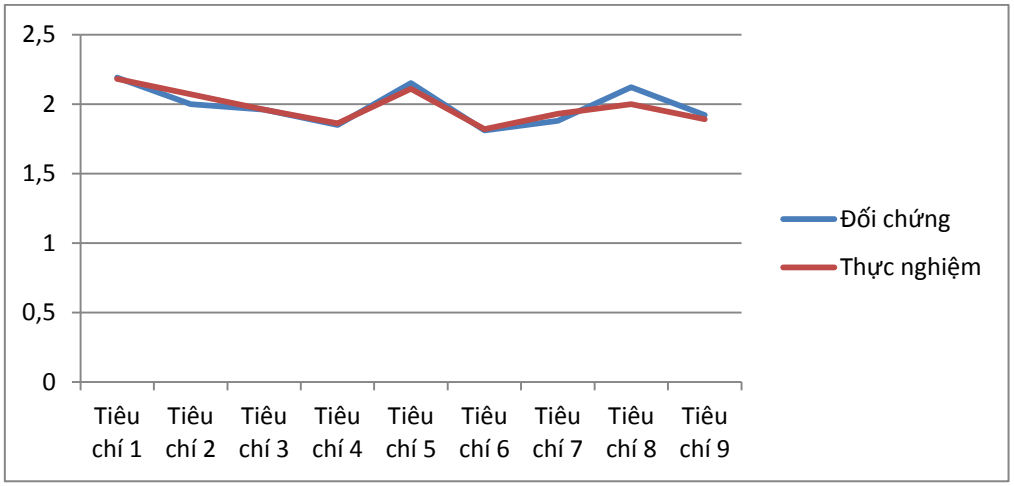

Biểu đồ 3.2. Kết quả đo dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX trước thực nghiệm

Bảng 3.6b. Kết quả đo biểu hiện của xã hội học tập thông qua dạy học trước thực nghiệm

STT	Biểu hiện	Đối chứng						Thực nghiệm						Độ lệch
		Rất rõ	Rõ	Ít biểu hiện	Không biểu hiện	$\overline{X}$	Thứ bậc	Rất rõ	Rõ	Ít biểu hiện	Không biểu hiện	$\overline{X}$	Thứ bậc	
1	Người có kiến thức và kĩ năng hơn người học có thể làm thầy và người hướng dẫn học tập	3	9	51	15	**2,0**	5	3	6	54	21	**1,89**	7	**0,11**
2	Mọi người đều có thể học được và có cơ hội học tập	3	12	54	9	**2,12**	2	6	9	60	9	**2,14**	3	**0,02**
3	Dạy theo nhu cầu và khả năng của người học bên cạnh nội dung, chương trình cứng của quản lý nhà nước	3	6	54	15	**1,96**	6	3	9	60	12	**2,04**	5	**0,08**

4	Văn bằng chứng chỉ để tìm kiếm việc làm	3	9	54	12	**2,04**	4	3	12	60	9	**2,11**	4	**0,07**
5	Nâng cao kiến thức để hòa nhập và thích ứng với nhu cầu xã hội	3	9	45	21	**1,92**	7	3	5	57	18	**1,93**	6	**0,01**
6	Giảng dạy với các phương pháp chuẩn mực đồng thời với các phương pháp người thầy có khả năng, phương tiện và thiết bị có thể có được trong hoàn cảnh dạy học cụ thể	6	9	57	6	**2,19**	1	6	12	60	6	**2,21**	1	**0,02**
7	Học tập dưới sự giảng dạy và hướng dẫn trực tiếp của người dạy đồng thời có thể thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua internet hoặc tự học	3	9	57	8	**2,08**	3	3	15	60	6	**2,18**	2	**0,1**
8	Linh hoạt thuận tiện cho người dạy và người học	3	6	48	21	**1,88**	8	3	6	51	24	**1,86**	8	**0,02**
9	Địa điểm dạy học vừa ở trung tâm và có thể ở nơi khác phù hợp theo sự thuận tiện của người dạy và người học	3	9	39	27	**1,85**	9	3	6	48	27	**1,82**	9	**0,03**
Trung bình						**2,0**						**2,02**		**0,2**

Nhận xét:

- Nhìn vào bảng 3.6b cho thấy trước thực nghiệm các biểu hiện của xã hội học tập thông qua 9 tiêu chí đánh giá *tương đương* nhau, không có sự khác biệt thể hiện điểm trung bình chung của cả 9 tiêu chí ở nhóm đối chứng và thực nghiệm đều đạt mức độ *trung bình*, $\overline{X}$ nhóm đối chứng = 2,0 và $\overline{X}$ nhóm thực nghiệm = 2,02. Độ lệch của các tiêu chí đánh giá dao động từ 0,01 → 0,11. Sự khác biệt rõ nhất thể hiện ở tiêu chí *"Người có kiến thức và kĩ năng hơn người học có thể làm thầy và người hướng dẫn học tập"* nhưng cùng đạt mức độ *trung bình* ($\overline{X}$ = 2,0 và 1,89).

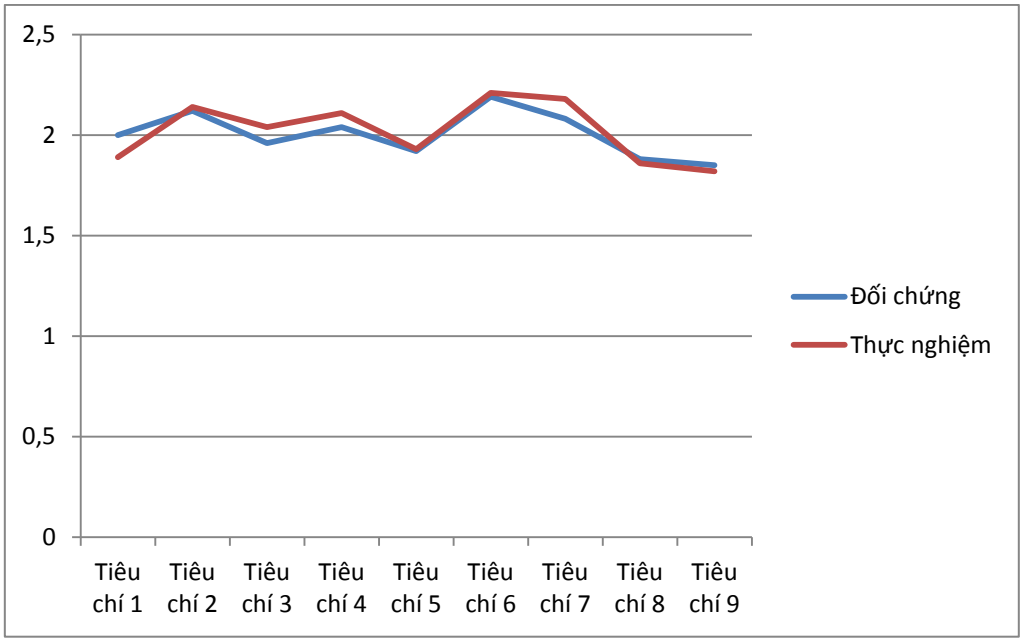

Biểu đồ 3.3. Kết quả đo biểu hiện của xã hội học tập thông qua dạy học trước thực nghiệm

3.5.7.2. Kết quả đo dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở Trung tâm GDNN - GDTX sau thực nghiệm

Bảng 3.7a. Kết quả đo dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX sau thực nghiệm

TT	Tiêu chí đánh giá	Đối chứng						Thực nghiệm						Độ lệch
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Ít thường xuyên	Không có	$\overline{X}$	Thứ bậc	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Ít thường xuyên	Không có	$\overline{X}$	Thứ bậc	
1	Giáo viên nắm chắc chương trình và thiết kế hoạt động dạy học phù hợp	3	12	60	3	**2,19**	1	24	54	6	0	**3,21**	**1**	**1,02**
2	Tạo hứng thú học tập cho người học và thể hiện sự quan tâm giữa người dạy và người học	6	6	54	12	**2,08**	4	21	51	9	3	**3,07**	**3**	**0,99**
3	Xây dựng bầu không khí khích lệ người học học tập	6	3	54	15	**2,0**	5	15	51	12	6	**2,89**	**5**	**0,89**
4	Cơ hội học tập được xuất hiện thường xuyên trong dạy học	3	6	45	24	**1,85**	8	9	48	21	6	**2,71**	**8**	**0,86**
5	Giáo viên có phương pháp giảng dạy kích thích, hỗ trợ người học	3	12	57	6	**2,15**	2	21	54	6	3	**3,11**	**2**	**0,96**
6	Bài giảng có liên hệ chặt chẽ giữa kiến thức lý thuyết với thực tiễn địa phương	3	6	42	27	**1,81**	9	6	48	21	9	**2,61**	**9**	**0,8**
7	Người học chủ động, tích cực, sẵn sàng hợp tác trong giờ học và lĩnh hội được tri thức	3	6	48	21	**1,88**	7	12	51	15	6	**2,82**	**6**	**0,94**

8	Phương tiện, cơ sở vật chất phục vụ dạy học được sử dụng tốt trong giảng dạy	6	6	57	9	**2,12**	3	18	51	9	6	**2,96**	**4**	**0,84**
9	Môi trường dạy học là môi trường hợp tác chặt chẽ giữa người dạy và người học để tạo ra sản phẩm	6	3	51	18	**1,96**	6	12	48	18	6	**2,79**	**7**	**0,83**
Trung bình						**2,00**						**2,91**		**0,91**

Nhận xét: Nhìn vào bảng 3.7a cho thấy sau thực nghiệm chất lượng hoạt động dạy học thông qua 9 tiêu chí đánh giá có sự khác biệt rõ nét thể hiện điểm trung bình chung, $\overline{X}$ nhóm đối chứng = 2,00 và $\overline{X}$ nhóm thực nghiệm = 2,91, với độ lệch giữa 2 nhóm $\overline{X}$ = 0,91. Sự khác biệt thể hiện rõ nét ở tất cả 9 tiêu chí đánh giá hoạt động dạy học dao động từ 0,8 → 1,02. Khác biệt rõ nhất là tiêu chí *"Giáo viên nắm chắc chương trình và thiết kế hoạt động dạy học phù hợp"* $\overline{X}$ nhóm đối chứng = 2,19 ở mức độ *trung bình* còn $\overline{X}$ nhóm thực nghiệm = 3,21 ở mức độ *khá*.

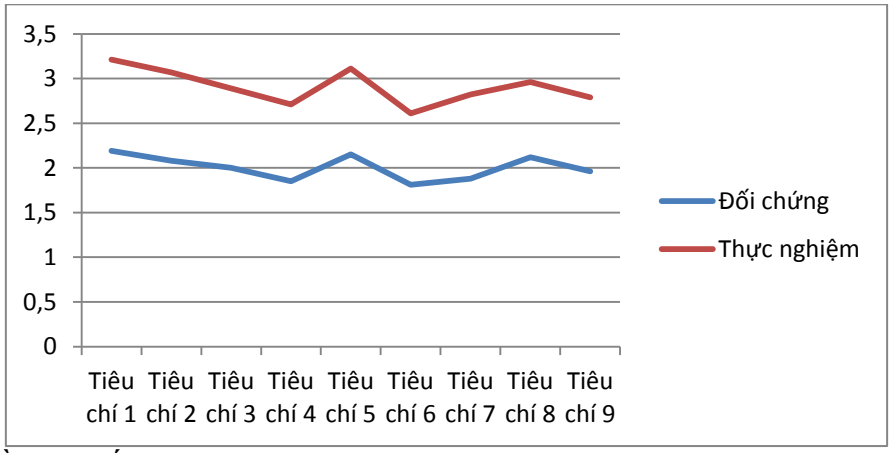

Biểu đồ 3.4. Kết quả đo dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX sau thực nghiệm

Bảng 3.7b. Kết quả đo biểu hiện của xã hội học tập thông qua dạy học sau thực nghiệm

STT	Biểu hiện	Đối chứng						Thực nghiệm						Độ lệch
		Rất rõ	Rõ	Ít biểu hiện	Không biểu hiện	$\overline{X}$	Thứ bậc	Rất rõ	Rõ	Ít biểu hiện	Không biểu hiện	$\overline{X}$	Thứ bậc	
1	Người có kiến thức và kĩ năng hơn người học có thể làm thầy và người hướng dẫn học tập	3	12	51	12	**2,08**	5	12	51	18	3	**2,86**	6	0,78
2	Mọi người đều có thể học được và có cơ hội học tập	6	6	60	6	**2,15**	2	18	54	9	3	**3,04**	3	0,89
3	Dạy theo nhu cầu và khả năng của người học bên cạnh nội dung, chương trình cứng của quản lý nhà nước	3	6	54	15	**1,96**	6	15	51	15	3	**2,93**	5	0,97
4	Văn bằng chứng chỉ để tìm kiếm việc làm	3	9	54	12	**2,04**	4	18	51	12	3	**3,0**	4	0,96
5	Nâng cao kiến thức để hòa nhập và thích ứng với nhu cầu xã hội	3	9	45	21	**1,92**	7	9	51	18	6	**2,75**	7	0,83
6	Giảng dạy với các phương pháp chuẩn mực đồng thời với các phương pháp người thầy có khả năng, phương tiện và thiết bị có thể có được trong hoàn cảnh dạy học cụ thể	6	9	57	6	**2,19**	1	21	57	6	0	**3,18**	1	0,99

7	Học tập dưới sự giảng dạy và hướng dẫn trực tiếp của người dạy đồng thời có thể thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua internet hoặc tự học	3	9	60	6	**2,12**	3	24	51	6	3	**3,14**	2	1,02
8	Linh hoạt thuận tiện cho người dạy và người học	3	6	48	21	**1,88**	8	6	48	24	6	**2,64**	9	0,76
9	Địa điểm dạy học vừa ở trung tâm và có thể ở nơi khác phù hợp theo sự thuận tiện của người dạy và người học	3	9	39	27	**1,85**	9	6	51	21	6	**2,68**	8	0,83
Trung bình						**2,02**						**2,87**		**0,85**

Nhận xét: Nhìn vào bảng 3.7b cho thấy sau thực nghiệm các biểu hiện của xã hội học tập được hình thành thông qua dạy học ở trung tâm có sự khác biệt rõ nét thể hiện điểm trung bình chung, $\overline{X}$ nhóm đối chứng = 2,02 và $\overline{X}$ nhóm thực nghiệm = 2,87, với độ lệch giữa 2 nhóm $\overline{X}$ = 0,85. Sự khác biệt thể hiện rõ nét ở tất cả 9 biểu hiện của xã hội học tập dao động từ 0,76 → 1,02. Khác biệt rõ nhất là *"Giảng dạy với các phương pháp chuẩn mực đồng thời với các phương pháp người thầy có khả năng, phương tiện và thiết bị có thể có được trong hoàn cảnh dạy học cụ thể"* $\overline{X}$ nhóm đối chứng = 2,19 ở mức độ *trung bình* còn $\overline{X}$ nhóm thực nghiệm = 3,18 ở mức độ *khá*.

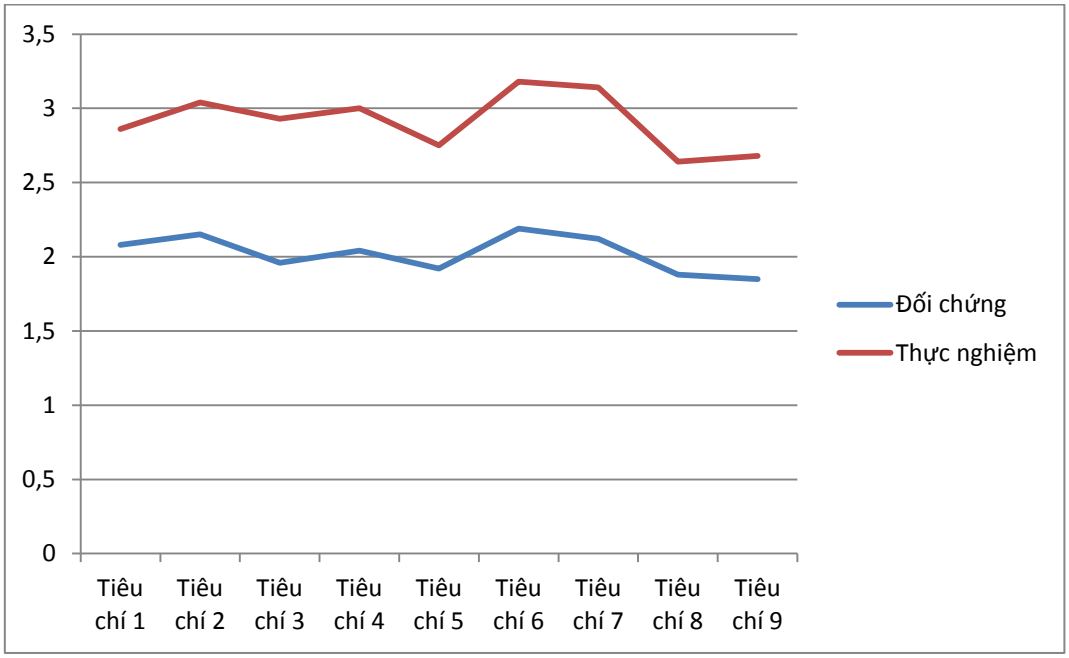

Biểu đồ 3.5. Kết quả đo biểu hiện của xã hội học tập thông qua dạy học sau thực nghiệm

3.5.7.3. Kết luận thực nghiệm

Qua kết quả đo sự biến đổi của chất lượng dạy học và các các biểu hiện xã hội học tập thông qua dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trong hai nhóm đối chứng và thực nghiệm qua hai lần đo (đo trước thực nghiệm và đo sau thực nghiệm) bước đầu có thể kết luận biện pháp quản lý dạy học đưa ra thực nghiệm: "*Phân hóa người học và tổ chức dạy học tạo cơ hội học tập cho người học*"; "*Chỉ đạo đa dạng hóa hình thức dạy học, phương thức dạy học phù hợp với điều kiện địa phương và nhu cầu người học*"; "*Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tăng cường tự học suốt đời"* thuộc nhóm biện pháp "*Quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập*" có hiệu quả cao trong việc nâng cao chất lượng dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Thọ.

Kết luận chương 3

Nghiên cứu lí luận và thực tiễn quản lý hoạt động dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập luận án đề xuất các biện pháp quản lý nhằm nâng cao chất lượng dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Thọ:

Nhóm biện pháp Quản lý các yếu tố đầu vào dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập

- Khảo sát nhu cầu và xây dựng, hoàn thiện nội dung chương trình dạy học phù hợp với thực tiễn xã hội (địa phương).

- Tổ chức bồi dưỡng nâng cao chất lượng giáo viên đảm bảo yêu cầu dạy học.

- Tăng cường xã hội hóa nguồn lực đảm bảo cho hiệu quả dạy học ở trung tâm.

Nhóm biện pháp Quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập

- Phân hóa người học và tổ chức dạy học tạo cơ hội học tập cho người học.

- Chỉ đạo đa dạng hóa hình thức dạy học, phương thức dạy học phù hợp với điều kiện địa phương và nhu cầu người học.

- Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tăng cường tự học suốt đời.

- Chỉ đạo tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học tạo điều kiện cho người học học tập trong mọi hoàn cảnh.

Nhóm biện pháp Quản lý các yếu tố đầu ra của dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập

- Chỉ đạo sử dụng thông tin phản hồi để phát triển chương trình dạy học.

- Tổ chức cấp phát văn bằng chứng chỉ tạo điều kiện cơ hội việc làm và cơ hội học tập cho người học.

Nhóm biện pháp Điều tiết các tác động bối cảnh (môi trường) đến quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập

- Cụ thể hóa và hoàn thiện các văn bản pháp qui về quản lý dạy học ở trung tâm phù hợp với thực tiễn địa phương.

- Tổ chức phối hợp tốt giữa trung tâm và các cơ sở sử dụng lao động đảm bảo chất lượng dạy học.

- Phát triển môi trường sư phạm ở trung tâm theo hướng tổ chức biết học hỏi

Luận án đã thực nghiệm 3 biện pháp: "*Phân hóa người học và tổ chức dạy học tạo cơ hội học tập cho người học*"; "*Chỉ đạo đa dạng hóa hình thức dạy học, phương thức dạy học phù hợp với điều kiện địa phương và nhu cầu người học*"; "*Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tăng cường tự học suốt đời"* thuộc nhóm biện pháp "*Quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập*".

Kết quả thực nghiệm đã khẳng định hiệu quả của các biện pháp quản lý dạy học đưa ra thực nghiệm trong việc nâng cao chất lượng hoạt động dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Luận án trên cơ sở tổng quan theo các hướng: Các công trình nghiên cứu về dạy học; các công trình nghiên cứu về quản lý dạy học và quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập đã xác định được điểm mới của hướng nghiên cứu luận án là quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập.

Nội dung quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập theo mô hình CIPO bao gồm: Quản lý đầu vào *(quản lý người dạy; quản lý người học; quản lý chương trình, nội dung dạy học; quản lý tài chính, phương tiện cơ sở vật chất)*; quản lý quá trình *(quản lý quá trình giảng dạy của giáo viên; quản lý hoạt động học tập của người học; quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập)*; quản lý đầu *ra (quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ; quản lý thông tin đầu ra của dạy học; quản lý sự phản hồi của các cơ sở sử dụng sản phẩm dạy học của trung tâm, ý kiến học viên về dạy học)*; quản lý tác động của bối cảnh *(đánh giá tác động của các yếu tố cơ chế chính sách, sự tiến bộ khoa học công nghệ, môi trường của trung tâm, điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương và mối quan hệ giữa trung tâm với cơ sở lao động của xã hội)*.

1.2. Khảo sát 586 cán bộ quản lý, giáo viên và học viên cho thấy mức độ thực hiện các hình thức dạy học, nội dung dạy học và nguồn lực đảm bảo cho dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở mức độ *trung bình và khá*.

- Giám đốc các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên đã áp dụng các biện pháp quản lý hoạt động dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập bao gồm: quản lý các yếu tố đầu vào, quản lý quá trình, quản lý các yếu tố đầu ra, quản lý các yếu tố thuộc về bối cảnh của dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở trung tâm. Mức độ thực hiện các biện pháp quản lý của Giám đốc trung tâm được đánh giá ở mức độ *trung bình*. Giữa cán bộ quản lý và giáo viên đánh giá biện pháp quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập phù hợp và thống nhất với nhau.

1.3. Nghiên cứu lí luận và thực tiễn quản lý hoạt động dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập luận án đề xuất các biện pháp quản lý nhằm nâng cao chất lượng dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Thọ:

Nhóm biện pháp Quản lý các yếu tố đầu vào dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập

- Khảo sát nhu cầu và xây dựng, hoàn thiện nội dung chương trình dạy học phù hợp với thực tiễn xã hội (địa phương).

- Tổ chức bồi dưỡng nâng cao chất lượng giáo viên đảm bảo yêu cầu dạy học.

- Tăng cường xã hội hóa nguồn lực đảm bảo cho hiệu quả dạy học ở trung tâm.

Nhóm biện pháp Quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập

- Phân hóa người học và tổ chức dạy học tạo cơ hội học tập cho người học.

- Chỉ đạo đa dạng hóa hình thức dạy học, phương thức dạy học phù hợp với điều kiện địa phương và nhu cầu người học.

- Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tăng cường tự học suốt đời.

- Chỉ đạo tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học tạo điều kiện cho người học học tập trong mọi hoàn cảnh.

Nhóm biện pháp Quản lý các yếu tố đầu ra của dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập

- Chỉ đạo sử dụng thông tin phản hồi để phát triển chương trình dạy học.

- Tổ chức cấp phát văn bằng chứng chỉ tạo điều kiện cơ hội việc làm và cơ hội học tập cho người học.

Nhóm biện pháp Điều tiết các tác động bối cảnh (môi trường) đến quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập

- Cụ thể hóa và hoàn thiện các văn bản pháp qui về quản lý dạy học ở trung tâm phù hợp với thực tiễn địa phương.

- Tổ chức phối hợp tốt giữa trung tâm và các cơ sở sử dụng lao động đẩm bảo chất lượng dạy học.

- Phát triển môi trường sư phạm ở trung tâm theo hướng tổ chức biết học hỏi.

Luận án đã thực nghiệm 3 biện pháp: "*Phân hóa người học và tổ chức dạy học tạo cơ hội học tập cho người học*"; "*Chỉ đạo đa dạng hóa hình thức dạy học,*

phương thức dạy học phù hợp với điều kiện địa phương và nhu cầu người học"; "*Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tăng cường tự học suốt đời"* thuộc nhóm biện pháp "*Quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập*".

Kết quả thực nghiệm đã khẳng định hiệu quả của các biện pháp quản lý dạy học đưa ra thực nghiệm trong việc nâng cao chất lượng hoạt động dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với Sở Giáo dục và đào tạo Phú Thọ

Xây dựng chiến lược phát triển các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện (thành phố), cấp tỉnh phù hợp hơn. Phân luồng học sinh hợp lý để giảm gánh nặng chất lượng cho THPT, tăng nguồn tuyển sinh cho Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

Có nội dung và hình thức bồi dưỡng thích hợp nhằm nâng cao năng lực quản lý đặc biệt là quản lý hoạt động dạy của đội ngũ cán bộ quản lý các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, đánh giá biện pháp quản lý hoạt động dạy của Giám đốc trung tâm để uốn nắn kịp thời những hạn chế, đồng thời điều chỉnh giải pháp quản lý hoạt động dạy cho phù hợp với thực tiễn các trung tâm.

Tham mưu với UBND Tỉnh và các Sở, Ban, Ngành liên quan để xây dựng đầu tư CSVC, tăng cường trang thiết bị dạy học, điều kiện hoạt động cho các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện (thành phố).

2.2. Đối với Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

Thực hiện đồng bộ và hiệu quả các nội dung quản lý hoạt động dạy.

Nghiên cứu và triển khai thực hiện 4 nhóm biện pháp quản lý dạy được đề xuất trên đây. Trong đó cần thực hiện đúng những hướng dẫn về nội dung, cách thức và điều kiện thực hiện để đảm bảo hiệu quả của các biện pháp quản lý.

Tích cực tham mưu cho Sở Giáo dục và đào tạo để xây dựng được những nội dung và hình thức bồi dưỡng chuyên môn phù hợp cho giáo viên.

Đề xuất có tính thuyết phục đối với các Sở, Ban, Ngành có liên quan để được đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại phục vụ hoạt động dạy học với các nội dung khác nhau ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

2.3. Đối với các cơ sở xã hội sử dụng sản phẩm của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

- Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với trung tâm, tham gia hoạt động dạy học với trung tâm vừa với tư cách là khách hàng, vừa với tư cách là chủ thể quản lý dạy học ở trung tâm.

- Xác định các nhu cầu nghề nghiệp của địa phương để cùng trung tâm xây dựng các chuyên đề, các nội dung dạy học phù hợp với thực tiễn địa phương và đa dạng hóa các hình thức và phương thức dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LUẬN ÁN

1. Trần Thị Quỳnh Loan (2013), *Nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Thọ*. Tạp chí Giáo dục, số 315, kỳ 1, trang 13.

2. Trần Thị Quỳnh Loan (2013), *Thực tiễn hoạt động dạy học ở trung tâm giáo dục thường xuyên thành phố Việt Trì*. Tạp chí Thiết bị giáo dục, số 96, trang 17.

3. Trần Thị Quỳnh Loan (2016), *Thực trạng quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Thọ theo hướng xây dựng xã hội học tập,* Tạp chí Quản lý giáo dục, số 82, trang 61.

4. Trần Thị Quỳnh Loan (2016), *Thực trạng dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Thọ theo hướng xây dựng xã hội học tập*, Tạp chí Thiết bị Giáo dục Bộ Giáo dục và Đào tạo, số 130, trang 179.

5. Trần Thị Quỳnh Loan (2016), *Đánh giá thực trạng tác động của các yếu tố bối cảnh đến quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập tại các Trung tâm GDNN-GDTX tỉnh Phú Thọ*, Tạp chí Quản lý Giáo dục, số 7, trang 48.

6. Trần Thị Quỳnh Loan (2016), *Biện pháp quản lý dạy học ở trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập*, Tạp chí Thiết bị Giáo dục Bộ Giáo dục và Đào tạo, số 134 tháng 9 năm 2016 (đã được duyệt đăng).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

1. Nguyễn Như Ất, Một số vấn đề lý luận xây dựng xã hội học tập ở nước ta, *Tạp chí Phát triển Giáo dục*, số 11/2003.

2. Nguyễn Như Ất, *Vị trí của giáo dục không chính qui, giáo dục phi chính qui và tự học trong giáo dục nói chung và xã hội học tập*, Báo Giáo dục và Thời đại, Chủ nhật, số 5 và số 7/2004.

3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ II (khoá VIII) về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ III (khoá VIII) về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết số 29-NQTW về đổi mới căn bản toàn diện Giáo dục và Đào tạo,* Hà Nội.

6. Đặng Quốc Bảo (2005), *Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người khai sáng cho tư duy và chiến lược hành động xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam,* Tạp chí Giáo dục, số 114/2005.

7. Nguyễn Hoài Bảo (2012), *"Biện pháp quản lý dạy học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông tại các trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện, tỉnh Đăk Nông"*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học.

8. Bộ GD&ĐT, *Giáo trình về đường lối chính sách dùng cho cán bộ quản lý TTGDTX* - phần 1.

9. Bộ GD&ĐT, *Giáo trình về đường lối chính sách dùng cho cán bộ quản lý Trung tâm GDTX* - phần 3.

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1998), *Chiến lược phát triển GDTX ở Việt Nam đến năm 2020*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

11. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2008), *Kỷ yếu hội thảo nguồn nhân lực quản lý giáo dục thế kỷ 21*, Hà Nội.

12. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2001), *Hệ thống các văn bản qui phạm pháp luật ngành giáo dục đào tạo Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

13. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *Kỷ yếu hội thảo Đổi mới nội dung phương pháp dạy học ở các trường đại học sư phạm*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

14. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1998), *Những vấn đề chiến lược giáo dục trong thời kỳ CNH - HĐH*, Vụ GDTX, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

15. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm GDTX*.

16. Ninh Văn Bình (2005), *Biện pháp quản lý hoạt động dạy học ở trung tâm giáo dục thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng dạy học,* Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

17. Carl Rogers (2001), *Phương pháp dạy học hiệu quả*, Nxb Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh.

18. *C.Mac - Ph.Ăngghen toàn tập* (1993), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

19. Nguyễn Hữu Châu (2005), *Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

20. Nguyễn Phúc Châu (2010), *Quản lý nhà trường*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

21. Nguyễn Văn Châu (2003), *Những biện pháp tăng cường hiệu quả quản lý hoạt động dạy học của hiệu trưởng trường trung học phổ thông*, Luận án tiễn sỹ giáo dục học.

22. Phạm Khắc Chương (2010), *Lịch sử giáo dục thế giới,* Nxb Giáo dục Hà Nội.

23. Tôn Quang Cường (2013), *Tổ chức hoạt động tự học cho sinh viên trong dạy học ở đại học*, Tạp chí Giáo dục số 304, kì 2/2013.

24. *Chiến lược phát triển giáo dục trong thế kỷ XXI kinh nghiệm của các quốcgia Viện nghiên cứu phát triển giáo dục (2002),* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

25. Phạm Tất Dong, "Xây dựng và phát triển một xã hội học tập", Tạp chí Dạy và Học ngày nay, Số 2/2003.

26. Phạm Tất Dong (2004), "*Xây dựngxã hội học tập - một cuộc cách mạng về giáo dục"*, Tạp chí Dạy và Học ngày nay, số 7, số 8/2004.

27. Phạm Tất Dong (2012), *"Xây dựng mô hình xã hội học tập ở Việt Nam"*, Nxb Dân Trí.

28. Phạm Tất Dong (2012), *"Phát triển Giáo dục hướng tới một xã hội học tập"*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

29. Thái Thị Xuân Đào (2011), *Nghiên cứu một số vấn đề lí luận cơ bản của giáo dục học người lớn*, Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, Mã số: B 2009-37-75.

30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), Chỉ thị 40-CT/TƯ ngày 15/06/2006 của Ban Bí thư Trung ương về Xây dựng, *Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục*, Hà nội.

31. Đảng Cộng sản Việt Nam(2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

32. Đanilôp M.A, Lecne I.Ia, Xcatkin M.N... (1980), *Lý luận dạy học của trường phổ thông. Một số vấn đề lý luận dạy học hiện đại (tài liệu dịch),* Nxb Giáo dục, Hà Nội.

33. Nguyễn Minh Đạo (1997), *Cơ sở khoa học của quản lý*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

34. Trần Khánh Đức (2010), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỉ XXI*, Nxb Giáo Dục, Hà Nội.

35. Nguyễn Minh Đường, *Xây dựng một xã hội học tập - yêu cầu tất yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Tạp chí Giáo dục, Số 91, tháng 7/2004.

36. Nguyễn Minh Đường - Hoàng Thị Minh Phương (2015), *Quản lý chất lượng đào tạo và chất lượng nhà trường theo mô hình hiện đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

37. Nguyễn Xuân Đường (2004), *Một số giải pháp chủ yếu nhằm xây dựng xã hội học tập ở Nghệ An*, Tạp chí Giáo dục, số 91/2004.

38. Lê Hoàng Hà (2012), *Quản lý dạy học theo quan điểm dạy học phân hóa ở trường trung học phổ thông Việt Nam hiện nay,* Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

39. Phạm Minh Hạc (1996), *Một số vấn đề về giáo dục và khoa học giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

40. Phạm Minh Hạc (1997), *Xã hội hóa công tác giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

41. Vũ Ngọc Hải, *Xã hội hóa giáo dục-đào tạo, những biện pháp chính ở nước ta*, Tạp chí phát triển giáo dục, Số 1(61)/2004.

42. Vũ Ngọc Hải- Đặng Bá Lâm- Trần Khánh Đức (2002), *Giáo dục Việt Nam đổi mới và phát triển hiện đại hóa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

43. Harold Kootz, Cyri Odonnell, Heinz Weihrich (1997), *Những vấn đề cốt yếu về quản lý*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.

44. Bùi Minh Hiền (chủ biên) - Vũ Ngọc Hải - Đặng Quốc Bảo (2006), *Quản lý giáo dục*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

45. Phó Đức Hoà - Ngô Quang Sơn (2008), *Ứng dụng Công nghệ thông tin trong dạy học tích cực,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.

46. Phó Đức Hòa - Ngô Quang Sơn (2011), *Phương pháp và công nghệ dạy học trong môi trường sư phạm tương tác,* Nxb Đại học sư phạm Hà Nội.

47. Trần Bá Hoành (2013), *Dạy học lấy người học làm trung tâm, nguồn gốc, bản chất, đặc điểm,* Tạp chí Thông tin Khoa học Giáo dục, số 96, 2013.

48. Đặng Vũ Hoạt - Hà Thị Đức (2010), *Lý luận dạy học đại học*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

49. Phạm Quang Huân (2007), *Quản lý quá trình dạy học ở trường phổ thông theo tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể - TQM,* Tạp chí Giáo dục, Hà Nội.

50. Nguyễn Ngọc Hùng (2006), *Các biện pháp đổi mới quản lý dạy học thực hành theo tiếp cận năng lực thực hiện cho sinh viên sư phạm kỹ thuật*, Luận án Tiến sĩ quản lý Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

51. Nguyễn Khắc Hùng (2010), "*Giáo dục thường xuyên trong xã hội học tập ở Việt Nam*", Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

52. Đặng Thành Hưng (2002), *Dạy học hiện đại - Lý luận, biện pháp, kỹ thuật*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

53. Đặng Thành Hưng (2003), *Phương pháp dạy học trong giáo dục người lớn*, Thông tin Khoa học giáo dục, số 98/2003.

54. I.F.Khalamop (1987), *Phát huy tính tích cực học tập của học sinh như thế nào*?, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

55. Iu. N.Kuliukin (1985), *Tâm lí học dạy học người lớn*, Nxb Giáo dục, Matxcova.

56. Jame H.Stronge (2011), *Những phẩm chất của người giáo viên hiệu quả*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

57. Phan Văn Kha (1999), *Quản lý nhà nước về giáo dục đào tạo*, Hà Nội.

58. Mai Công Khanh (2009), *Quản lý dạy học ở trường dự bị đại học dân tộc theo yêu cầu tạo nguồn cán bộ cho miền núi hiện nay*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Quản lý Giáo dục, trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

59. Trần Kiểm (2003), "*Xã hội học tập yêu cầu đổi mới quản lý giáo dục"*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 98/2003.

60. Trần Kiểm (2008), *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

61. Trần Kiểm (2010*), Khoa học tổ chức và quản lý trong giáo dục*, NxbĐại học Sư phạm, Hà Nội.

62. Trần Kiểm (2007), *Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

63. Nguyễn Quang Kính (1992), *Một số định hướng về phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo không chính quy,* Tạp chí Giáo dục và Đào tạo thường xuyên, số 3/1992.

64. Kônđacốp. M.I (1982), *Cơ sở lý luận về khoa học quản lý giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

65. Lecne I.Ia (1977), *Dạy học nêu vấn đề*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

66. Nguyễn Bích Liên (2005), *Thực trạng phát triển giáo dục không chính quy ở Việt Nam,* Thông tin Khoa học giáo dục, số 115/2005.

67. Trần Quỳnh Loan (2013), *Biện pháp tăng cường quản lý dạy ở trung tâm giáo dục thường xuyên thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ*, Tạp chí Thiết bị Giáo dục, Hà Nội.

68. Nguyễn Lộc (2010), *TQM hay là quản lý chất lượng toàn thể trong giáo dục,* Tạp chí Khoa học Giáo dục Hà Nội.

69. *Luật Giáo dục nước CHXHCN Việt Nam* (2005), *Luật Giáo dục sửa đổi 2009*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

70. Hoàng Minh Luật (1998), *Chiến lược phát triển Giáo dục từ xa đến năm 2020*, Tạp chí Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, (số 4), tr. 15-16.

71. Hoàng Minh Luật (1998), *Phát triển tự học là biện pháp quan trọng đảm bảo chất lượng giáo dục thường xuyên, Tự học, tự đào tạo tư tưởng chiến lược trong phát triển giáo dục Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

72. Madeline Hunter, Robin Hunter (2005), *Làm chủ phương pháp giảng dạy*, Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.

73. Lưu Xuân Mới (2009), *Lý luận dạy học hiện đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

74. Nguyễn Thế Mỹ (2008), *Phương pháp dạy học người lớn trong giáo dục thường xuyên*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, thành phố Hà Nội.

75. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường,* Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

76. Quách Tuấn Ngọc (1999), *Đổi mới phương pháp dạy học bằng công nghệ thông tin - xu thế của thời đại*, Tạp chí Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, (số 8), tr. 7-9.

77. Trần Thị Tuyết Oanh (2008), *Giáo dục học,* Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

78. Ô - Kôn (1976), *Những cơ sở của việc dạy học nêu vấn đề*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

79. Nguyễn Ngọc Phú (Chủ biên) (2006), *Tiến tới một xã hội học tập ở ViệtNam*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.

80. *Phương pháp tích cực trong đào tạo người lớn tuổi* (5/1999), Dự án Việt Bỉ.

81. Pievre Goguelin (10/1999), *Phương pháp sư phạm với giáo dục người lớn*, Dự án Việt Bỉ.

82. Ngô Nhật Quang (1972), *Một số đặc điểm của học viên và một số vấn đề trong giảng dạy bổ túc văn hoá*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

83. Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm giáo dục thường xuyên (2007), Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

84. Savin N.V (1983), *Giáo dục học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

85. Sharma, G.D, Shakti R.Ahmed (2001), *Phương pháp dạy học ở Đại học*, trường Đại học Sư phạm, Hà Nội.

86. R.Roi-sinh (1997), *Nền giáo dục cho thế kỷ 21, những triển vọng châu Á - Thái Bình Dương*, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

87. Vũ Trọng Rỹ (1994), *Phương tiện dạy học với việc đổi mới phương pháp dạy học ở trường phổ thông*, Tạp chí Thông tin Khoa học Giáo dục, số 45.

88. Ngô Quang Sơn (2002), *Áp dụng dạy và học tích cực*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.

89. Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "*Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020*".

90. Tài liệu hướng dẫn giáo dục người trưởng thành và giáo dục thường xuyên (9/1999), Dự án Việt- Bỉ.

91. Nguyễn Thị Tính (2005), *"Xây dựng hệ thống giáo dục Việt Nam trên cơ sở triết lí xã hội học tập",* Tạp chí Giáo dục, số 124/2005.

92. Thái Duy Tuyên (2005), *Tổ chức dạy học trên lớp để giúp sinh viên tự học*, Tạp chí Giáo dục, số 123, tháng 10/2005.

93. Thái Duy Tuyên (2010), *Phương pháp dạy học - truyền thống và đổi mới,* Nxb Giáo dục, Hà Nội.

94. Nguyễn Thị Tuyết (2013), *Một số biện pháp quản lý nâng cao chất lượng hoạt động dạy học cấp trung học phổ thông ở trung tâm giáo dục thường xuyên quận Đống Đa, Hà Nội,* Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

95. Phạm Huy Tư (2014), *Quản lý dạy học Tiểu học theo hướng đảm bảo chất lượng tại các trường Tiểu học tỉnh Vĩnh Long*, Luận án tiến sĩ Quản lý Giáo dục, trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

96. Nguyễn Anh Thuấn (2014), *Đánh giá chất lượng quản lý dạy - học của người hiệu trưởng trung học cơ sở,* Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục.

97. Bùi Đức Thiệp (lược thuật) (2001), *Giáo dục nghề nghiệp ở một số nước trên thế giới và yêu cầu phát triển giáo dục nghề nghiệp ở CHND Trung Hoa*, Tạp chí thông tin Khoa học Giáo dục, số 83/2001.

98. *Từ điển tiếng Việt* (2005), Nxb Khoa học Kỹ thuật, Đà Nẵng.

99. Mạc Văn Trang (2005), *Những điều kiện xây dựng xã hội học tập,*Tạp chí Phát triển Giáo dục, số 7/2005.

100. Tô Bá Trượng (2004), *Một số vấn đề về chất lượng giáo dục không chính quy*, Tạp chí Giáo dục, số 92/2004.

101. Võ Ngọc Vĩnh (2013), *Quản lý chất lượng dạy học ở trường trung học phổ thông theo tiếp cận quản lý chất lượng tổng thể,* Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục, Đại học Giáo dục - Đại học quốc gia, Hà Nội.

102. Lê Thuận Vượng (2003), *Giáo dục thường xuyên ở Việt Nam,* Tạp chí Giáo dục, số 63/2003.

TÀI LIỆU TIẾNG ANH

103. Cooper King (2008), *Managing teaching and learning*. Publishing house - Date: Department of Education.

104. Edwards, R. (1997), *Changing Places? Flexibili, lifelong learning and a learning society*, Routledge, London.

105. Delos, J. (1996), *Learning: The Treasure Within*.

106. Dorothy Myers and Robert Stonihill (1993), *School-based management*

107. (www.ed.gov/pubs/or/cosumerguide/baseman.html).

108. Dr. Ali Murtaza, Dr. Abdul Majeed Khan, *Role of Teachers in Managing teaching Learning Situation*, Institute of Interdisciplinary Business Reseach 2011, September 2011, Vol 3, No3.

109. Hiromi *SASAI* (2010), *Research Report on the Change and the Evaluation of the Lifelong Learning Policy of Japan.*

110. Husén, T. (1974), *The Learning Society*, Methuen, London.

111. Husén, T. (1986), *The Learning Society Revisited*, Pergamon, Oxford.

112. Hutchins, R.M (1970), *The Learning Society*, Penguin, Harmondsworth.

113. Mark K.Smith (2004), *The theory and rhetoric of the lerning society*, mạng Yahoo.

114. Ng, P.T. (2012), The Singapore *lerning society: intellectual capital development strategies and its response to the 2008/9 financial crisis',* Int. J. Learning and intellectual capital, vol. 9, nos. 1/2, pp.113-124.

115. Norbert Michel, John Cater, Otmar Varela - Nicholls State University, *Active Versus Passive Teaching Styles: an Empirical Study of Student Learning Outcomes*, Small Bussiness Instutite National Proceedings Vol.33, No.1, 2009.

116. Scho, D.A (1973), *Beyond the Stable - Public and Private learning in a changing Society*, Panguin, Hormondsworth.

117. Taylor. A and F. Hill(1997), "*Quality management in education"* in Harris.

118. Ramsay. W. and Clark E. E. (1990), *New Ideas for Effective School Improvement*, London: Falmer Press, Chapter 2.

119. West-Burnham,J (1992), *Management Quality in schools*, Longman.

120. Wily H. (1991), *School-Based Management and its Linkages with School Effectiveness*, in Mckay, I. and Caldwell. B.J (Eds), *Researching Educational Management Administration: Theory Practice*. ACEA, Chapter 12.

MỤC LỤC PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Mẫu phiếu điều tra dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập

Phụ lục 2: Mẫu phiếu điều tra quản lý dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập

Phụ lục 3: Mẫu phiếu điều tra thông tin phản hồi về quản lý dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập

Phụ lục 4: Phiếu phỏng vấn về vấn đề quản lý dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập

Phụ lục 5: Mẫu phiếu khảo nghiệm về nhận thức tính cần thiết và khả thi của các nhóm biện pháp quản lý dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập

Phụ lục 6: Công thức toán thống kê sử dụng trong luận án

Phụ lục 7: Phiếu đánh giá thực nghiệm quản lý dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập

Phụ lục 8: Phiếu đánh giá thực nghiệm quản lý dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập

Phụ lục 9: Một số chương trình dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX

Phụ lục 10: Một số kết quả nghiên cứu thực trạng và thực nghiệm quản lý dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập

Phụ lục 1

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho cán bộ quản lý, giáo viên)

Để có cơ sở đề xuất các biện pháp quản lý dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập. Thầy cô vui lòng trả lời ý kiến của mình về các nội dung sau (bằng cách đánh dấu X vào ý kiến phù hợp với thầy cô)

Câu 1. Đánh giá mức độ thực hiện các nội dung chương trình dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xã hội học tập

STT	Các nội dung dạy học	Mức độ thực hiện		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1.	Chương trình bồi dưỡng			
2.	Chương trình dạy hướng nghiệp			
3.	Chương trình dạy nghề			
4.	Chương trình dạy chuyên đề chuyên sâu			

Câu 2. Đánh giá mức độ thực hiện các hình thức dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX phù hợp theo hướng xây dựng xã hội học tập

STT	Hình thức dạy học	Mức độ thực hiện		
		Tốt	**Bình thường**	**Chưa tốt**
1	Dạy học phát huy tính chủ động tích cực của người học			
2	Dạy học phát triển khả năng tự học cho người học			
3	Dạy học tạo điều kiện cơ hội học tập cho người học			
4	Dạy học tạo ra sự giao lưu tốt giữa người dạy và người học			
5	Dạy học nhấn mạnh đến sự luyện tập, hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho người học			
6	Dạy học kết hợp được các yếu tố trên			

Câu 3. Đánh giá mức độ đáp ứng về nguồn lực dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	Nguồn lực	Mức độ đáp ứng		
		Đáp ứng tốt	Bình thường	Chưa đáp ứng
1	Nhân lực (người dạy, học)			
2	Cơ sở vật chất (phòng học…)			
3	Kinh phí tài chính			
4	Chương trình dạy và học			
5	Phương tiện dạy học (máy chiếu...)			

Câu 4. Thuận lợi, khó khăn khi tổ chức dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	Nội dung	
	Thuận lợi	
8	Cán bộ quản lý và giáo viên nhận thức rõ về tầm quan trọng của dạy học ở trung tâm trong việc xây dựng xã hội học tập	
9	Trình độ, năng lực dạy học của giáo viên phù hợp	
10	Giáo viên có ý thức trách nhiệm và thái độ dạy học tốt	
11	Môi trường dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX tốt	
12	Phong trào đổi mới PPDH rõ nét ở Trung tâm GDNN - GDTX	
13	Các văn bản pháp qui về dạy học và quản lý dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX rõ ràng và phù hợp	
14	Mối quan hệ giữa cán bộ quản lý và giáo viên trong chỉ đạo hoạt động dạy học thuận lợi	
	Khó khăn	
15	Cơ sở vật chất và phương tiện dạy học phù hợp còn hạn chế	
16	Điều kiện kinh tế của gia đình giáo viên ở trung tâm còn hạn hẹp	
17	Giáo viên chưa có nhiều điều kiện để nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn	
18	Hiểu biết của giáo viên về xã hội học tập và mối quan hệ giữa dạy học ở trung tâm với xây dựng xã hội học tập còn hạn chế	
19	Phương pháp, hình thức dạy học ở trung tâm chưa đa dạng	

Xin Thầy (Cô) cho biết thông tin cá nhân:

Họ và tên: .....

Chức vụ: .....

Nơi công tác: .....

Thâm niên nghề nghiệp :.....

Thâm niên quản lý : .....

Xin chân thành cảm ơn !

Phụ lục 2

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho cán bộ quản lý, giáo viên)

Để có cơ sở đề xuất các biện pháp quản lý dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập. Thầy cô vui lòng trả lời ý kiến của mình về các nội dung sau (bằng cách đánh dấu X vào ý kiến phù hợp với thầy cô)

Câu 1. Đánh giá thực trạng quản lý người dạy ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	Nội dung quản lý	Mức độ đáp ứng		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Khảo sát đánh giá người dạy để tạo ra sự phù hợp giữa người dạy với chương trình dạy học, giúp cho người học tốt nhất			
2	Tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ người dạy nhằm tăng cường nhân lực xây dựng xã hội học tập			
3	Đa dạng hóa người dạy theo chuyên đề, tạo điều kiện cho người học học được các chuyên đề chuyên sâu phục vụ nhu cầu xã hội và cá nhân			
4	Tạo ra sự phù hợp tay ba: người dạy - người học và nội dung chương trình học hướng đến xây dựng xã hội học tập			

Câu 2. Đánh giá thực trạng quản lý người học ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	Nội dung quản lý	Mức độ đáp ứng		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Khảo sát đánh giá người học để tạo sự phù hợp giữa người học và chuyên ngành học, vận dụng được vào thực tế công việc			
2	Đánh giá chất lượng người học tạo điều kiện cho người dạy dạy sát đối tượng và tôn trọng người học			

3	Khảo sát nhu cầu người học để tạo điều kiện cho người học được học tập phù hợp với mong muốn nguyện vọng và năng lực			
4	Hình thành phương pháp tự học, tự bồi dưỡng, tạo điều kiện cho người học có cơ hội, phát huy vai trò của mình với xã hội và học tập suốt đời			
5	Tạo điều kiện cho người học chớp thời cơ, cơ hội học tập, học tập suốt đời			

Câu 3. Đánh giá thực trạng quản lý chương trình, nội dung dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	**Nội dung quản lý**	**Mức độ đáp ứng**		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Quán triệt, xác định mục tiêu chương trình, nội dung dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập			
2	Chỉ đạo giáo viên bên cạnh tuân thủ chương trình dạy học (phần cứng) cần mềm hóa chương trình bằng các chương trình phụ, chuyên đề gắn với thực tiễn địa phương và phù hợp với người học			
3	Thiết kế chương trình dạy học cần có sự tham gia không chỉ CBQL, giáo viên mà cần có các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các cơ sở sử dụng lao động			
4	Chương trình, nội dung dạy học cần được định kỳ rà soát, cập nhật, bổ sung nhằm đáp ứng với nhu cầu địa phương và nhu cầu người học			

Câu 4. Đánh giá thực trạng quản lý tài chính, phương tiện cơ sở vật chất (các điều kiện đảm bảo) ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	Nội dung quản lý	Mức độ đáp ứng		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Lập kế hoạch sử dụng nguồn lực vật chất phục vụ dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập			
2	Tổ chức sử dụng kinh phí tài chính, CSVC đúng mục đích, tạo điều kiện tổ chức tốt hoạt động dạy và học theo hướng tạo điều kiện cho người học			
3	Kiểm tra việc sử dụng tài chính, phương tiện dạy học có đúng mục đích tạo cơ hội cho người học được học tập			
4	Tăng cường tự chủ và trách nhiệm xã hội trong việc sử dụng tài chính, nhằm nâng cao cơ hội cho người học, có trách nhiệm với người học trong việc học tập suốt đời			
5	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng giáo viên trong việc sử dụng phương tiện dạy học, để tổ chức dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của người học			

Câu 5. Đánh giá thực trạng quản lý quá trình giảng dạy của giáo viên ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập

STT	Nội dung quản lý	Mức độ đáp ứng		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Xác định rõ mục tiêu dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập			
2	Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học			

3	Tổ chức bồi dưỡng kĩ năng sử dụng phương tiện dạy học hiện đại trong giảng dạy, để giáo viên có thể tạo nhiều cơ hội cho người học lĩnh hội, làm chủ tri thức để phát triển cá nhân			
4	Chỉ đạo gắn bài giảng của giáo viên với thực tiễn địa phương			
5	Tổ chức sinh hoạt TCM theo hướng nghiên cứu bài học nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên			
6	Kiểm tra, điều chỉnh hoạt động giảng dạy của giáo viên theo hướng tạo cơ hội, tạo điều kiện cho người học học tập			
7	Chỉ đạo giảng dạy của giáo viên theo hướng hình thành nhu cầu, phương pháp tự học, tự bồi dưỡng			
8	Tổ chức mối liên hệ chặt chẽ giữa hoạt động giảng dạy của giáo viên với thực tiễn địa phương			
9	Dạy học hình thành nhu cầu học tập ở người học			
10	Dạy học phát huy hết các điều kiện chủ quan của người học			
11	Xây dựng nội dung phù hợp với từng loại đối tượng học tập, cộng đồng dân cư, vùng miền			

Câu 6. Đánh giá thực trạng quản lý hoạt động học tập của người học ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập

STT	**Nội dung quản lý**	**Mức độ đáp ứng**		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Xác định các nội dung học tập phù hợp với lứa tuổi, đối tượng, vùng miền			
2	Tổ chức học tập cho người học xuất phát từ nhu cầu học tập của người học			
3	Hình thành động cơ, thái độ và nhu cầu học tập suốt đời cho người học			

4	Đổi mới cách thức tổ chức học tập, phương pháp học tập lấy người học làm trung tâm			
5	Chỉ đạo xây dựng gắn học tập của người học với thực tiễn địa phương			
6	Kiểm tra, đánh giá học tập của người học theo hướng xã hội học tập (vận dụng kiến thức, nhu cầu hoàn thiện, tự học...)			
7	Xác định hình thức học tập phù hợp với chương trình, đối tượng học tập và hoàn cảnh địa phương			

Câu 7. Đánh giá thực trạng quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	**Nội dung quản lý**	**Mức độ đáp ứng**		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Xác định mục tiêu, tiêu chí kiểm tra dạy học theo hướng xã hội học tập			
2	Tổ chức bộ máy kiểm tra có tính đến các lực lượng xã hội giúp người dạy và học vận dụng kiến thức vào xã hội			
3	Chỉ đạo kiểm tra, đánh giá theo hướng nhấn mạnh đến hình thành phương pháp tự học, thực tiễn			
4	Đánh giá người học theo hướng (mục đích) tạo điều kiện cho người học có cơ hội tham gia tiếp tục học tập			
5	Xác định các tiêu chuẩn đầu ra cụ thể và phù hợp với thực tiễn xã hội (địa phương)			
6	Gắn việc ra đề thi với thực tiễn địa phương			
7	Phương pháp và qui trình thi cử đảm bảo theo hướng xã hội học tập (học suốt đời, tôn trọng người học, vận dụng thực tiễn)			
8	Xây dựng ngân hàng đề thi theo hướng xã hội học tập			

Câu 8. Đánh giá thực trạng quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập?

TT	Nội dung quản lý	Mức độ đáp ứng		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Lập kế hoạch cấp phát văn bằng chứng chỉ phù hợp với cơ hội việc làm của người học			
2	Xác định các loại chứng chỉ phù hợp với thực tiễn ngành nghề địa phương			
3	Loại hình văn bằng chứng chỉ tạo cơ hội cho người học có cơ hội học tập trau dồi kiến thức			
4	Chứng chỉ đa dạng phù hợp với ngành nghề và các loại đối tượng			
5	Tổ chức bộ máy cấp phát chứng chỉ, văn bằng đúng qui định và đa dạng sự tham gia của xã hội			

Câu 9. Đánh giá thực trạng quản lý thông tin đầu ra của dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	Nội dung quản lý	Mức độ đáp ứng		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Tổ chức hội nghị khách hàng đánh giá mức độ đáp ứng của học viên với công việc của địa phương.			
2	Thiết lập được mối quan hệ giữa trung tâm với các cơ sở sử dụng nhân lực của trung tâm để đánh giá đầu ra, điều chỉnh chương trình, nội dung dạy và học			
3	Quản lý kêt quả học tập (đối chiếu sản phẩm với mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình đào tạo)			
4	Chỉ đạo điều chỉnh nội dung, hình thức dạy học cho phù hợp và đáp ứng với nhu cầu làm việc của người học.			
5	Tổ chức cho người học tự đánh giá trình độ và có nhu cầu học tiếp tục để đáp ứng nhu cầu xã hội			

Câu 10. Đánh giá thực trạng quản lý phản hồi của các cơ sở sử dụng sản phẩm dạy học của Trung tâm GDNN - GDTX

TT	Nội dung quản lý	Mức độ đáp ứng		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Phẩm chất làm việc của người học phù hợp với công việc			
2	Đã có các kĩ năng làm việc cơ bản			
3	Đã có năng lực thực tiễn			
4	Người học bước đầu đáp ứng với thị trường sử dụng			
5	Mức độ vận dụng kiến thức đã học để làm việc			

Câu 11. Đánh giá thực trạng quản lý sự phản hồi của ý kiến học viên về dạy học ở trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	Nội dung quản lý	Mức độ đáp ứng		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Đáp ứng được với yêu cầu của cơ sở sử dụng lao động			
2	Hài lòng với những điều đã học được			
3	Vẫn bị áp lực công việc cần học tiếp			
4	Có nhu cầu học lên tại trung tâm			

Câu 12. Đánh giá thực trạng quản lý các vấn đề cần học thêm của người học ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	Nội dung quản lý	Mức độ đáp ứng		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Tri thức			
2	Kĩ năng nghề nghiệp			
3	Năng lực thực hành			
4	Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn			

Câu 13. Đánh giá sự tác động của các thông tin phản hồi tới dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở Trung tâm GDNN - GDTX

TT	Điều tiết dạy học	Tác động nhiều	Tác động ít	Không tác động
1	Hoàn thiện và điều chỉnh nội dung chương trình dạy học			
2	Điều chỉnh phương pháp dạy học			
3	Tạo môi trường dạy học phù hợp			
4	Tạo ra sự hợp tác chặt chẽ giữa người dạy và người học			
5	XHH dạy học ở các phương diện khác nhau			
6	Gắn dạy học của trung tâm với thực tiễn			
7	Hoàn thiện các hình thức dạy học phù hợp			
8	Xây dựng trung tâm thành một xã hội học tập			
Trung bình				

Câu 14. Tác động của các yếu tố bối cảnh đến quản lý dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	Yếu tố	Mức độ		
		Ảnh hưởng nhiều	Ít ảnh hưởng	Không ảnh hưởng
1. Yếu tố về cơ chế chính sách				
1	Chính sách và các văn bản pháp lý của nhà nước đối với dạy học và quản lý ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và xây dựng xã hội học tập			
2	Cơ chế quản lý giáo dục của nhà nước đối với trung tâm			
2. Sự phát triển khoa học công nghệ				
3	Sự áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật, phương tiện hiện đại vào kinh tế, quản lý, xã hội ở địa phương			

4	Sự phát triển khoa học công nghệ trong giai đoạn hiện nay			
3. Yếu tố thuộc về địa phương				
5	Điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương			
6	Trình độ dân trí và nhu cầu học tập của cộng đồng dân cư			
7	Sự ủng hộ và mối quan hệ (gắn kết) của các cấp chính quyền địa phương (lãnh đạo địa phương) với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên			
8	Nhu cầu kinh tế (nhu cầu của xã hội, của thị trường lao động)			
4. Yếu tố thuộc về các cấp quản lý và lãnh đạo trung tâm				
9	Nhận thức của lãnh đạo trung tâm về tầm quan trọng của xã hội học tập và xây dựng xã hội học tập			
10	Nhận thức về vị trí, vai trò, mối quan hệ của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên với xây dựng xã hội học tập			
11	Nhận thức về mối quan hệ giữa dạy học với xây dựng xã hội học tập			
12	Nhận thức về hiệu quả, chất lượng dạy học và chất lượng xã hội học tập thông qua quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập			
13	Tri thức, kinh nghiệm của lãnh đạo trung tâm			
14	Kĩ năng và năng lực quản lý dạy học của lãnh đạo trung tâm			
15	Năng lực thiết kế, xác lập quan hệ của lãnh đạo trung tâm với địa phương			
16	Sự nhanh nhạy, linh hoạt, sáng tạo của lãnh đạo trung tâm khi hòa nhập với địa phương (xã hội thu nhỏ)			

5. Yếu tố thuộc về môi trường dạy học ở trung tâm				
17	Văn hóa tổ chức ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên			
18	Điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo cho dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập			
19	Sự đồng thuận của cán bộ, giáo viên ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên với lãnh đạo trong việc quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập			
6. Mối quan hệ của trung tâm với các cơ sở lao động, giáo dục của địa phương				
20	Nhận thức về vai trò của mối quan hệ			
21	Nội dung quan hệ giữa trung tâm giáo dục với cơ sở lao động, giáo dục			
22	Hình thức quan hệ của trung tâm giáo dục với cơ sở lao động, giáo dục			
23	Phương pháp hợp tác của trung tâm giáo dục với cơ sở lao động, giáo dục			
Trung bình				

Xin Thầy (Cô) cho biết thông tin cá nhân:

Họ và tên: .....

Chức vụ: .....

Nơi công tác: .....

Thâm niên nghề nghiệp :.....

Thâm niên quản lý :.....

Xin chân thành cảm ơn !

Phụ lục 3

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho học viên đã tốt nghiệp)

Để có cơ sở đề xuất và hoàn thiện các biện pháp quản lý dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập. Anh (Chị) vui lòng trả lời ý kiến của mình về các nội dung sau (bằng cách đánh dấu X vào ý kiến phù hợp với Anh (Chị))

Câu 1. Đánh giá thực trạng quản lý sự phản hồi của ý kiến học viên về dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	Nội dung quản lý	Mức độ đáp ứng		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Đáp ứng được với yêu cầu của cơ sở giáo dục			
2	Hài lòng với những điều đã học được			
3	Vẫn bị áp lực công việc cần học tiếp			
4	Có nhu cầu học lên tại trung tâm			

Câu 2. Đánh giá thực trạng quản lý các vấn đề cần học thêm của người học ở Trung tâm GDNN - GDTX theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	Nội dung quản lý	Mức độ đáp ứng		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Tri thức			
2	Kĩ năng nghề nghiệp			
3	Năng lực thực hành			
4	Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn			

Xin Anh (Chị) và các bạn cho biết thông tin cá nhân:

Họ và tên: .....Chức vụ: .....

Nơi công tác: .....

Thâm niên nghề nghiệp :.....

Thâm niên quản lý : .....

Xin chân thành cảm ơn !

Phụ lục 4

PHIẾU PHỎNG VẤN

(Dành cho chuyên gia)

Họ và tên: .....

Cơ quan: .....

Ngày phỏng vấn: .....

Nội dung phỏng vấn: .....

1. Về việc xây dựng xã hội học tập hiện nay

.....

.....

.....

2. Về dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

.....

.....

.....

3. Về quản lý dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

.....

.....

.....

Người phỏng vấn

Phục lục 5

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên)

Để nâng cao chất lượng dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập, thầy (cô) vui lòng trả lời ý kiến của mình về tính cần thiết và khả thi của các biện pháp quản lý dạy học theo hướng xã hội học tập (*Bằng cách đánh dấu X vào ý kiến phù hợp với thầy cô*).

TT	Biện pháp quản lý dạy học	Cấp thiết			Khả thi		
		Rất cần thiết	Ít cần thiết	Không cần thiết	Rất khả thi	Ít khả thi	Không khả thi
Quản lý các yếu tố đầu vào dạy học theo hướng xây dựng XHHT							
1.	Khảo sát nhu cầu và xây dựng, hoàn thiện nội dung chương trình dạy học phù hợp với thực tiễn xã hội (địa phương)						
2.	Tổ chức bồi dưỡng nâng cao chất lượng giáo viên đảm bảo yêu cầu dạy học						
3.	Tăng cường xã hội hóa nguồn lực đảm bảo cho hiệu quả dạy học ở trung tâm						
Quản lý dạy học theo hướng xây dựng XHHT							
4.	Phân hóa người học và tổ chức dạy học tạo cơ hội học tập cho người học						
5.	Chỉ đạo đa dạng hóa hình thức dạy học, phương thức dạy học phù hợp với điều kiện địa phương và nhu cầu người học						
6.	Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tăng cường tự học suốt đời						

7.	Chỉ đạo tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học tạo điều kiện cho người học học tập trong mọi hoàn cảnh						
Quản lý các yếu tố đầu ra của dạy học theo hướng xây dựng XHHT							
8.	Chỉ đạo sử dụng thông tin phản hồi để phát triển chương trình dạy học						
9.	Tổ chức cấp phát văn bằng chứng chỉ tạo điều kiện cơ hội việc làm và cơ hội học tập cho người học						
Quản lý tác động bối cảnh dạy học theo hướng xây dựng XHHT							
10.	Cụ thể hóa và hoàn thiện các văn bản pháp qui về quản lý dạy học ở trung tâm phù hợp với thực tiễn địa phương						
11.	Tổ chức phối hợp tốt giữa trung tâm và các cơ sở sử dụng lao động đảm bảo chất lượng dạy học						
12.	Phát triển môi trường sư phạm ở trung tâm theo hướng tổ chức biết học hỏi						

Xin Thầy (Cô) cho biết thông tin cá nhân:

Họ và tên: .....

Chức vụ: .....

Nơi công tác: .....

Thâm niên nghề nghiệp :.....

Thâm niên quản lý : .....

Xin chân thành cảm ơn !

Phụ lục 6

CÁC CÔNG THỨC TOÁN THỐNG KÊ

Hệ số tương quan thứ bậc Spiecman $r = 1 - \frac{6\Sigma D^2}{N(N^2-1)}$

Trong đó: r - hệ số tương quan

D - hiệu số thứ bậc giữa hai đại lượng so sánh

N - số đơn vị được nghiên cứu

Kết luận: r mang dấu dương là tương quan thuận

r mang dấu âm là tương quan nghịch

$r = 0,7 \rightarrow 1$ (rất chặt chẽ)

$r = 0,5 \rightarrow 0,69$ (tương đối chặt chẽ)

$r < 0,5$ (tương quan lỏng)

Mối quan hệ giữa tính cần thiết và khả thi của biện pháp quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

TT	Biện pháp quản lý	Cần thiết		Khả thi	
		$\overline{X}$	Thứ bậc	$\overline{X}$	Thứ bậc
Quản lý các yếu tố đầu vào dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập					
1.	Khảo sát nhu cầu và xây dựng, hoàn thiện nội dung chương trình dạy học phù hợp với thực tiễn xã hội (địa phương)	2,8	3	2,54	7
2.	Tổ chức bồi dưỡng nâng cao chất lượng giáo viên đảm bảo yêu cầu dạy học	2,5	11	2,6	3
3.	Tăng cường xã hội hóa nguồn lực đảm bảo cho hiệu quả dạy học ở trung tâm	2,7	5	2,50	10
Quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập					
4.	Phân hóa người học và tổ chức dạy học tạo cơ hội học tập cho người học	2,9	1	2,7	2
5.	Chỉ đạo đa dạng hóa hình thức dạy học, phương thức dạy học phù hợp với điều kiện địa phương và nhu cầu người học	2,77	4	2,8	1

TT	Biện pháp quản lý	Cần thiết		Khả thi	
		$\overline{X}$	Thứ bậc	$\overline{X}$	Thứ bậc
6.	Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tăng cường tự học suốt đời	2,81	2	2,6	3
7.	Chỉ đạo tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học tạo điều kiện cho người học học tập trong mọi hoàn cảnh	2,53	8	2,58	5
Quản lý các yếu tố đầu ra của dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập					
8.	Chỉ đạo sử dụng thông tin phản hồi để phát triển chương trình dạy học	2,52	9	2,53	8
9.	Tổ chức cấp phát văn bằng chứng chỉ tạo điều kiện cơ hội việc làm và cơ hội học tập cho người học	2,51	10	2,51	9
Điều tiết các tác động bối cảnh (môi trường) đến quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập					
10.	Cụ thể hóa và hoàn thiện các văn bản pháp qui về quản lý dạy học ở trung tâm phù hợp với thực tiễn địa phương	2,54	7	2,57	6
11.	Tổ chức phối hợp tốt giữa trung tâm và các cơ sở sử dụng lao động đảm bảo chất lượng dạy học	2,58	6	2,50	10
12.	Phát triển môi trường sư phạm ở trung tâm theo hướng tổ chức biết học hỏi	2,48	12	2,45	12
	Trung bình chung	**2,62**		**2,56**	

Kết quả tính toán r ≈ + 0,54. Với kết quả trên cho phép kết luận tương quan trên là thuận và tương đối chặt chẽ, có nghĩa là giữa tính cấp thiết và khả thi có mức độ phù hợp khá cao

Phụ lục 7

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THỰC NGHIỆM

(Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên trung tâm)

Dưới ảnh hưởng của biện pháp quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, hoạt động dạy học có sự thay đổi theo hướng nâng cao chất lượng dạy học. Thầy cô đánh dấu X vào nội dung dưới đây của dạy học phù hợp với ý kiến cá nhân.

TT	Tiêu chí đánh giá	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Ít thường xuyên	Không có
1.	Giáo viên nắm chắc chương trình và thiết kế hoạt động dạy học phù hợp				
2.	Tạo hứng thú học tập cho người học và thể hiện sự quan tâm giữa người dạy và người học				
3.	Xây dựng bầu không khí khích lệ người học học tập				
4.	Cơ hội học tập được xuất hiện thường xuyên trong dạy học				
5.	Giáo viên có phương pháp giảng dạy kích thích, hỗ trợ người học				
6.	Bài giảng có liên hệ chặt chẽ giữa kiến thức lý thuyết với thực tiễn địa phương				
7.	Người học chủ động, tích cực, sẵn sàng hợp tác trong giờ học và lĩnh hội được tri thức				
8.	Phương tiện, cơ sở vật chất phục vụ dạy học được sử dụng tốt trong giảng dạy				
9.	Môi trường dạy học là môi trường hợp tác chặt chẽ giữa người dạy và người học để tạo ra sản phẩm				

Thông tin cá nhân

Họ và tên: .....

Thâm niên nghề nghiệp:.....

Thuộc Trung tâm GDNN - GDTX.....

Xin chân thành cảm ơn!

Phụ lục 8

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THỰC NGHIỆM

(Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên trung tâm)

Dưới ảnh hưởng của biện pháp quản lý dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập ở trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, các biểu hiện của xã hội học tập được thể hiện rõ nét thông qua hoạt động dạy học ở trung tâm. Thầy cô đánh dấu X vào các biểu hiện dưới đây phù hợp với ý kiến cá nhân.

TT	Biểu hiện	Rất rõ	Rõ	Ít biểu hiện	Không biểu hiện
1.	Người có kiến thức và kĩ năng hơn người học có thể làm thầy và người hướng dẫn học tập				
2.	Mọi người đều có thể học được và có cơ hội học tập				
3.	Dạy theo nhu cầu và khả năng của người học bên cạnh nội dung, chương trình cứng của quản lý nhà nước				
4.	Văn bằng chứng chỉ để tìm kiếm việc làm				
5.	Nâng cao kiến thức để hòa nhập và thích ứng với nhu cầu xã hội				
6.	Giảng dạy với các phương pháp chuẩn mực đồng thời với các phương pháp người thầy có khả năng, phương tiện và thiết bị có thể có được trong hoàn cảnh dạy học cụ thể				
7.	Học tập dưới sự giảng dạy và hướng dẫn trực tiếp của người dạy đồng thời có thể thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua internet hoặc tự học				
8.	Linh hoạt thuận tiện cho người dạy và người học				
9.	Địa điểm dạy học vừa ở trung tâm và có thể ở nơi khác phù hợp theo sự thuận tiện của người dạy và người học				

Thông tin cá nhân

Họ và tên: .....

Thâm niên nghề nghiệp: .....

Thuộc trung tâm GDNN - GDTX .....

Xin chân thành cảm ơn!

Phụ lục 9

UBND HUYỆN THANH THỦY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TT GDNN-GDTX THANH THỦY	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH DẠY NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP

Tên nghề: May công nghiệp

Trình độ đào tạo: Sơ cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Có sức khỏe, trình độ học vấn phù hợp với nghề cần học

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 05

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Chứng chỉ sơ cấp nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp:

- Kiến thức:

+ Trình bày được kiến thức các môn cơ bản như: Vật liệu may; An toàn lao động; Vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ để thực hiện các nhiệm vụ cơ bản của nghề may công nghiệp.

+ Hiểu được tính chất cơ bản của một số nguyên vật liệu sản xuất ra các sản phẩm may.

+ Biết được nguyên lý vận hành đảm bảo an toàn, tính năng, tác dụng và bảo quản một số thiết bị cơ bản trên dây truyền may công nghiệp.

+ Nắm được phương pháp may chi tiết và lắp giáp các chi tiết trên sản phẩm may thông dụng; kiểm tra được sản phẩm đạt chất lượng theo yêu cầu may công nghiệp.

+ Hiểu rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của lao động nghề may công nghiệp về an toàn, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ.

+ Nắm được kỷ luật lao động và tác phong công nghiệp.

- Kỹ năng:

+ Sử dụng thành thạo các thiết bị, dụng cụ phụ trợ trên dây truyền may công nghiệp như máy may 1 kim; máy vắt sổ 2 kim 5 chỉ; máy cuốn ống; máy thùa khuyết; máy đính cúc.

+ Vận hành thiết bị an toàn và đúng quy trình kỹ thuật để thực hiện may các đường may cơ bản như đường vắt sổ, đường may can, đường may viền, đường may

cuốn, đường may mí, đường may lộn, đường may diễu, đường may tra, thùa khuyết, đính cúc đúng yêu cầu kỹ thuật.

+ May các chi tiết trên sản phẩm áo sơ mi hoặc quần âu như may ly chiết, may nẹp, may túi, may thép tay, may măng séc, may cổ, may cửa khóa quần, may cạp quần đạt yêu cầu chất lượng của tài liệu kỹ thuật.

+ May lắp ráp các cụm chi tiết trên sản phẩm áo sơ mi hoặc quần âu như may vai, tra cổ, tra tay, may sườn, tra măng séc, tra cạp quần, may giàng quần, may đũng, thùa khuyết đính cúc đạt yêu cầu chất lượng của tài liệu kỹ thuật.

+ Có khả năng làm việc độc lập trên các công đoạn lắp giáp sản phẩm sơ mi quần âu.

+ Thực hiện các biện pháp an toàn và vệ sinh công nghiệp trong sản xuất.

- Thái độ:

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật, thái độ học tập và rèn luyện nghiêm túc.

+ Có tinh thần trách nhiệm với công việc.

2. Cơ hội việc làm:

- Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo sơ cấp nghề may công nghiệp, học viên có thể trực tiếp tham gia sản xuất trên các dây truyền may của các Doanh nghiệp hoặc làm việc độc lập tại các cơ sở do cá nhân tự tổ chức sản xuất.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 03 tháng

- Thời gian học tập: 11 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 440 giờ

- Thời gian ôn và kiểm tra hết môn học, mô đun và kết thúc khóa học: 40 giờ (trong đó kiểm tra kết thúc khóa học: 04 giờ)

2. Phân bố thời gian học tối thiểu:

Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 400 giờ

Thời gian học lý thuyết: 52 giờ

Thời gian học thực hành: 348 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã môn học, mô đun	Tên các mô đun trong môn học	Tổng thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 01	Các vấn đề cơ bản về may công nghiệp	48	24	21	3
MĐ 02	Vận hành thiết bị may	24	4	19	1
MĐ 03	May các đường may máy cơ bản	40	4	35	1
MĐ 04	May áo sơ mi	160	12	140	8
MĐ 05	May quần âu	128	8	112	8
Tổng cộng		**400**	**52**	**327**	**21**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO

(Nội dung chi tiết có phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY NGHỀ TRÌNH ĐỘ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP

1. Hướng dẫn sử dụng các môn học, mô đun đào tạo nghề, thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề:

- Chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề được xác định dựa trên phiếu phân tích nghề, phân tích công việc nghề may công nghiệp.

- Căn cứ nội dung phiếu phân tích nghề để xác định kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết phải đưa vào chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo.

2. Hướng dẫn kiểm tra kết thúc khóa học:

TT	Mô đun kiểm tra	Hình thức	Thời gian
1	May hoàn chỉnh một túi áo ngực của áo sơ mi nam	Thực hành	02 giờ

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Đã ký)
Nguyễn Văn Uyển

UBND HUYỆN THANH THỦY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TT GDNN-GDTX THANH THỦY	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH DẠY NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP

Tên nghề: Nuôi cá lồng

Trình độ đào tạo: Sơ cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Có sức khỏe, trình độ học vấn phù hợp với nghề cần học

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 03

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Chứng chỉ sơ cấp nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản nhất về nuôi cá lồng thương phẩm, dinh dưỡng và thức ăn cho cá, bệnh ở cá và cách phòng bệnh.

- Kỹ năng:

+ Học viên làm được những thao tác trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng bệnh cho cá.

- Thái độ:

+ Có tinh thần trách nhiệm, lòng ham mê công việc.

2. Cơ hội việc làm:

- Sau khi học song học viên được cấp chứng chỉ có cơ hội làm việc công tác tại địa phương, trang trại, tư nhân.

- Từ những kiến thức đã học học viên có thể mở những lồng cá góp phần phát triển kinh tế hộ gia đình và địa phương.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 03 tháng

- Thời gian học tập: 12 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 434 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn và thi tốt nghiệp: 46 giờ (trong đó thi tốt nghiệp: 06 giờ)

2. Phân bố thời gian học tối thiểu:

Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 434 giờ

Thời gian học lý thuyết: 50 giờ

Thời gian học thực hành: 384 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã mô đun	**Tên các mô đun trong môn học**	**Tổng thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra*
MĐ 01	Ding dưỡng và thức ăn cho cá	60	15	44	1
MĐ 02	Kỹ thuật nuôi cá lồng thương phẩm	314	25	288	1
MĐ 03	Bệnh ở động vật thủy sản	60	10	49	1
Ôn tập		40	5	35	
Thi tốt nghiệp		6			6
Tổng số		480	55	416	9

* Ghi chú: *Thời gian kiểm tra được tích hợp giữa lý thuyết với thực hành được tính bằng giờ thực hành.*

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO

(Nội dung chi tiết có phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY NGHỀ TRÌNH ĐỘ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP

1. Hướng dẫn sử dụng các môn học, mô đun đào tạo nghề, thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề:

- Chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo nghề được xác định dựa trên phiếu phân tích nghề, phân tích công việc nghề nuôi cá lồng.

- Căn cứ nội dung phiếu phân tích nghề để xác định kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết phải đưa vào chương trình chi tiết của các môn học, mô đun đào tạo.

2. Hướng dẫn kiểm tra kết thúc khóa học:

STT	Mô đun kiểm tra	Hình thức	Thời gian
1	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề: MĐ 01, MĐ 02, MĐ 03 - Thực hành nghề: MĐ 04, MĐ 05	 Viết Thực hành	 01 giờ 02 giờ
2	Bài kiểm tra tốt nghiệp: Kỹ năng chế biến một món ăn chính trong bữa tiệc mặn	Thực hành	06 giờ

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Đã ký)

Nguyễn Văn Uyển

UBND HUYỆN THANH THỦY
TT GDNN-GDTX THANH THỦY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP NGHỀ

Tên nghề: Kỹ thuật chế biến món ăn

Trình độ đào tạo: Sơ cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Có sức khỏe, trình độ học vấn phù hợp với nghề kỹ thuật chế biến món ăn.

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 05

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Sơ cấp nghề

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- *Kiến thức*

+ Trang bị cho người học kiến thức chuyên môn về kỹ thuật chế biến món ăn tổ chức và phục vụ khách ăn uống tại các nhà hàng, khách sạn và các cơ sở kinh doanh ăn uống khác và tại gia đình với các hình thức phục vụ đa dạng phong phú (ăn theo thực đơn, chọn món, buffet, các loại tiệc, các hình thức phục vụ khác…). Đáp ứng các yêu cầu chất lượng, an toàn, chu đáo và lịch sự…

- *Kỹ năng*

+ Người học có được khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc; có đạo đức, sức khoẻ, lương tâm nghề nghiệp, có ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có khả năng tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ của nghề nấu ăn. Người học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

+ Người học có khả năng quản lý và tô chức thục hiện các hoạt động nâu ăn trong nhà hàng, tại gia đình…..

2. Cơ hội việc làm

Sau khi học xong chương trình, người học có thể đảm đương được các vị trí bếp trưởng, quản lí và các vị trí khác trong nhà hàng tùy theo khả năng của cá nhân, lượng kiến thức được đào tạo và yêu cầu công việc.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học.

- Thời gian đào tạo: 03 tháng
- Thời gian học tập: 12 tuấn
- Thời gian thực học: 480 giờ
- Thời gian ôn thi và tốt nghiệp: 24 giờ (trong đó thi TN: 06 giờ)
- Chương trình dạy nghê trình độ sơ cấp nghề kỹ thuật nuôi cá lồng được sử dụng cho các khóa dạy nghề với các đối tượng nông thôn để chuyển đổi nghề hoặc cho những người có nhu cầu học.

- Chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp nghề kỹ thuật nuôi cá lồng được xác định là 04 mô đun, thời gian thực học là ba tháng, bao gôm những kiến thức, kỹ năng cơ bản nhất về kỹ thuật nuôi cá lồng, các mô đun có mối liên hệ chặt chẽ với nhau theo thứ tự đã sắp xếp;

- Để giảng dạy các mô đun này, các giáo viên cần có chuyên môn vững, năng lực thực hành tốt và được tập huấn về phương pháp dạy theo mô đun.

- Giáo viên cần kêt hợp phương pháp thuyết trình, thảo luận, làm mẫu để người học làm theo.

- Việc phân bổ thời gian cho từng phần trong bài phải được theo đúng bản phân bổ thời gian của bài.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

STT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	MĐ1	Viết	45 phút
2	MĐ2, MĐ3	Thực hành	90 phút
3	Thi tốt nghiệp	Thực hành	6 giờ

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Tiến Quang

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN CẤP MẦM NON

HƯỚNG DẪN TÍCH HỢP
NỘI DUNG GIÁO DỤC BẢO VỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO VIỆT NAM VÀO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON

I. MỤC ĐÍCH:

- Giúp giáo viên mở rộng hiểu biết về biển, đảo Việt Nam.
- Nội dung giáo dục về tài nguyên và môi trường, biển, hải đảo cho trẻ MN.
- Nguyên tắc xây dựng nội dung giáo dục về tài nguyên và môi trường, biển, hải đảo cho trẻ MN.
- Hướng dẫn tích hợp nội dung giáo dục về tài nguyên, môi trường, biển, hải đảo và chương trình giáo dục MN.

II. NỘI DUNG CHÍNH

Phần I. Biển, hải đảo Việt Nam

Phần II. Nội dung GD tài nguyên môi trường biển, hải đảo.

Phần III. Nguyên tắc xây dựng nội dung giáo dục về tài nguyên và môi trường, biển, hải đảo cho trẻ MN.

Phần IV. Hướng dẫn tích hợp nội dung GD về tài nguyên và môi trường biển, hải đảo vào chương trình GDMN.

Phần V. Thực hành soạn HĐGD có tích hợp nội dung GD về tài nguyên và môi trường biển, hải đảo.

Phần I. Biển, Đảo Việt Nam:

Nêu quan niệm về:

- Biển
- Đảo
- Quần đảo

Thủy vực và Đại dương thế giới: Thủy vực là một vùng trũng bất kỳ trên bề mặt Trái Đất có chứa nước thường xuyên, bất kể nước ngọt, nước lợ hoặc nước mặn, với hình thái với quy mô khác nhau.

- Đại dương thế giới là toàn bộ các thủy vực có chứa nước mặn của Trái Đất và không phân biệt ranh giới. Như vậy, trên hành tinh của chúng ta chỉ tồn tại duy nhất một đại dương thế giới.

BIỂN: Biển là một loại hình thủy vực nước mặn của đại dương thế giới, nằm sát các đại lục và ngăn cách với đại dương ở phía ngoài bởi hệ thống đảo và bán đảo, và ở phía trong bởi bờ đại lục (còn gọi là bờ biển).

ĐẢO: *Theo công ước 1982*

Đảo là một vùng đất tự nhiên có nước bao bọc, khi thủy triều lên vùng đất này vẫn ở trên mặt nước.

QUẦN ĐẢO: Là một số tổng thể các đảo, kể cả các bộ phận của các đảo, các vùng nước tiếp liền và các thành phần tự nhiên khác có liên quan với nhau chặt chẽ đến mức tạo thành về thực chất một thể thống nhất về địa lý, kinh tế và chính trị hay được coi như thế về mặt lịch sử.

TẦM QUAN TRỌNG CỦA BIỂN ĐÔNG:

- Biển Đông được bao bọc bởi 9 nước Việt Nam, Trung Quốc, Phi-líp-phin, In đô nê xia, Bờ- ru-nây, Ma -lai-xia, Xing-ra-po, Thái Lan, Căm-pu-chia và 1 vùng lãnh thổ Đài Loan

- Là một khu vực có tầm quan trọng chiến lược đối với các nước khu vực Châu Á-Thái Bình Dương và các quốc gia khác trên thế giới.

Phần II. Nội dung GD tài nguyên môi trường biển, hải đảo.

Câu 1: Khái quát về biển đảo Việt Nam:

- Đường bờ biển dài 3260 km, Có nhiều biển đẹp.

a. Nhận biết vùng biển Việt Nam thông qua tên gọi, vị trí địa lí và một vài đặc điểm nổi bật của một số bãi biển nổi tiếng ở Việt Nam.

Trà Cổ (Quảng Ninh), Vịnh Hạ Long(Quảng Ninh), Sầm Sơn(Thanh Hoá), Biển Cửa Lò (Nghệ An), Vịnh Nha Trang(Khánh Hoà), Vũng Tàu(Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu)

Biển Đồ Sơn, tỉnh Hải Phòng

Biển Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

b. Nhận biết đảo nổi tiếng Việt Nam thông qua tên gọi, một vài đặc điểm nổi bật, vị trí địa lý của một số đảo lớn của Việt Nam.

Đảo và quần đảo Việt Nam:

- Quần đảo Hoàng Sa: là một huyện thuộc tỉnh Đà Nẵng có khoảng 30 đảo , bãi san hô và mỏ đá ngầm nhỏ ở Biển Đông

- Quần đảo Trường Sa: là huyện đảo thuộc tỉnh Khánh Hoà khoảng 100 đảo nhỏ bãi ngầm, bãi san hô…nguồn lợi thuỷ hải sản phong phú…tiềm năng dầu mỏ và khí đốt chưa được xác định rõ.

- Đảo Phú Quốc: tỉnh Kiên Giang .Được mệnh danh là **Đảo Ngọc** là hòn đảo lớn nhất trong hệ thống đảo VN .Năm 2006 được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới.

- Côn đảo:Vùng Tàu . Là hòn đảo du lịch với những bãi tắm hoang sơ tuyệt đẹp nước trong xanh mát lạnh, bãi cát dài phẳng mịn. Có vườn quốc gia Côn đảo là 1 trong 2 vườn quốc gia duy nhất ở VN bảo tồn cả rừng lẫn biển.

- Đảo Cồn cỏ (Quảng Trị) :là 1 trong những hòn đảo đẹp hiếm của miền trung.

- Đảo Cát Bà (Vịnh Hạ Long) được công nhận là khu vườn quốc gia năm 1989, khu dự trữ sinh quyển năm 2005.

Câu 2: Tài Nguyên và môi trường biển, hải đảo VN.

- Sinh vật biển: cung cấp nguồn lợi hải sản rất quan trọng. Khoảng 11.000 loài sinh vật cư trú trong đó: 6.000 loài rong biển, 657 loài phù du sinh vật, 2.400 loài cá(có giá trị kinh tế 130 loài), 653 loài rong biển, 537 loài thực vật phù du, 225 loài tôm biển….ngành khai thuỷ sản trở thành 1 trong những ngành kinh tế chủ đạo giá trị xuất khẩu đứng thứ 3 cả nước. Cung cấp nguyên liệu để làm thuốc chữa bệnh cho con người (Rong, tảo).

- Tài nguyên khoáng, dầu mỏ, khí tự nhiên:

+ Dầu khí là tài nguyên lớn nhất ở thềm lục địa nhiều bể trầm tích như: bể Cửu Long, Nam Côn Sơn…

+ Cung cấp nguồn năng lượng sạch.

+ Tiềm năng to lớn về quặng sa khoáng:titan, thiếc, vàng, sắt, thạch cao, đất hiếm, cát đen….

+ Gió giúp tàu thuyền chạy trên biển.

+ Biển có các mỏ dầu.

- Tiềm năng du lịch:

Biển VN có tiềm năng du lịch rất lớn như :nghỉ ngơi, dưỡng bệnh, tắm biển, du lịch sinh thái…với nhiều bãi biển đẹp kết hợp với thắng cảnh đẹp trên đất liền: Phong Nha, Bích Động, Non nước…các di tích lịch sử: Cố Đô Huế, phố cổ Hội An, Tháp Chàm, nhà thờ Phát Diệm……

- Tiềm năng giao thông hàng hải biển - phát triển các nghề:

Biển VN có tiềm năng vô cùng to lớn cho ngành giao thông hàng hải biển, có thể xây dựng được nhiều cảng biển. Nhiều cảng biển có tổng sản lượng hàng hóa vận chuyển đạt trên 50 triệu tấn.

- Phát triển các nghề:

+ Nghề nuôi tôm, cua, cá...

+ Nghề đánh bắt đánh cá

+ Chế biến hải sản thành nước mắm, tôm, cá đông lạnh

+ Nghề làm muối từ nước biển

Câu 3: Một số nguyên nhân gây ô nhiễm/làm ảnh hưởng biển, hải đảo:

- Do rác thải: rác thải của mọi người khi đi du lịch xả xuống biển, do rác thải của các khu công nghiệp, rác thải sinh hoạt của người dân không được xử lý đổ thẳng ra biển.

- Do tràn dầu: tàu bè đi lại trên biển làm tràn dầu, hoặc những vụ chìm tàu, đắm tàu do bão, lốc...

- Do chặt phá cây: con người chặt phá cây trồng ven biển

- Do con người khai thác cạn kiệt tài nguyên biển: đánh bắt cá tùy tiện, khai thác các loài tảo, rong biển quá mức ... làm cạn kiệt tài nguyên biển, một số loài động thực vật biển có nguy cơ bị tuyệt chủng…

Phần III. Nguyên tắc xây dựng nội dung giáo dục về tài nguyên và môi trường, biển, hải đảo cho trẻ MN.

1. Nguyên tắc 1: Đảm bảo tính mục tiêu:

Nội dung giáo dục về tài nguyên và môi trường, biển hải đảo phải đảm bảo góp phần giáo dục ở trẻ tình yêu, lòng tự hào và ý thức bảo vệ, giữ gìn biển, đảo quê hương Việt Nam, hướng đến thực hiện mục tiêu giáo dục MN, phát triển nhân cách toàn diện, hài hòa ở trẻ.

2. Nguyên tắc 2: Đảm bảo tính khoa học:

- Nội dung giáo dục trẻ mẫu giáo về tài nguyên và môi trường, biển hải đảo được xây dựng phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, nhu cầu và kinh nghiệm của trẻ.

- Nội dung giáo dục trẻ mẫu giáo về tài nguyên và môi trường biển, hải đảo được xây dựng theo hướng tích hợp nhẹ nhàng, hợp lý trong các chủ đề, các hoạt động, không gây quá tải trong thực hiện chương trình GDMN.

3. Nguyên tắc 3: Đảm bảo tính hệ thống:

Nội dung giáo dục đảm bảo tính phát triển, mở rộng dần theo hướng đồng tâm, phát triển: từ gần đến xa, từ đơn giản đến phức tạp, gắn với thực tế của địa phương nơi trẻ sống.

Phần IV. Hướng dẫn tích hợp nội dung GD về tài nguyên và môi trường biển, hải đảo vào chương trình GDMN.

Trong chương trình giáo dục mầm non, nội dung giáo dục của các lĩnh vực được thực hiện qua các chủ đề, giáo viên có thể tích hợp nội dung giáo dục về tài nguyên môi trường biển, hải đảo vào một số chủ đề phù hợp.

Chủ đề	Nội dung tích hợp	Hoạt động
Nghề nghiệp	*Tên gọi, công cụ, sản phẩm và ý nghĩa của một số nghề* Nghề nuôi hải sản. Nghề đánh bắt hải sản. Chế biến hải sản thành nước mắm, tôm, cá đông lạnh. Nghề làm muối. *Một số nguyên nhân gây ô nhiễm MT biển, hải đảo* Do con người khai thác cạn kiệt tài nguyên biển: đánh bắt cá tuỳ tiện,	Khám phá khoa học: Trò chuyện về nghề làm muối; đánh bắt hải sản ở biển; nuôi cá, tôm; chế biến hải sản.... Trò chơi: Xếp tranh về quy trình làm muối.

	khai thác các loài rong, tảo biển quá mức… Do rác thải từ hoạt động của các nghề đánh, bắt cá, nuôi tôm, cá, chế biến hải sản thành nước mắm, tôm, cá đông lạnh không được xử lý đổ thẳng ra biển. *Quan tâm đến bảo vệ môi trường* Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng", "sai", "tốt" "xấu".	Trò chuyện nghề đánh bắt và nuôi thuỷ sản. Trò chơi chọn hình ảnh đúng sai (hành động bảo vệ môi trường biển).
Nước và hiện tượng tự nhiên	** Một số hiện tượng tự nhiên: Cát, nước biển, sóng biển, bão biển.* ** Ý thức, hành vi giữ gìn bãi biển, nước biển sạch, trong lành.*	Khám phá khoa học: nước biển, cát, sóng biển... Trò chuyện về nước biển và sóng biển; "Tạo sóng biển bằng tay"; "Tai ai tinh" (phân biệt âm thanh tự nhiên: mưa, gió, sóng biển). Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao về biển, đảo Việt Nam. Làm bộ sưu tập (cắt, dán trảnh ảnh) về biển, đảo. Trò chuyện về nước biển và sóng biển; "Tạo sóng biển bằng tay"; "Tai ai tinh" (phân biệt âm thanh tự nhiên: mưa, gió, sóng biển). Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao về biển, đảo Việt Nam.
Giao thông	** Một số phương tiện giao thông trên biển : tàu, thuyền, ca nô.* ** Lợi ích về giao thông biển.* Đường giao thông trên biển giúp mọi người đi lại giữa các vùng, các nước và vận chuyển hàng hóa... ** Ý thức của trẻ khi tham gia giao thông trên biển.*	Vẽ, tô màu, cắt dán tranh ảnh về giao thông trên biển, đảo. Tạo hình thuyền buồm bằng các nguyên liệu: lá cây, sơ mướp, bẹ chuối.... Làm bộ sưu tập (cắt, dán) phương tiện giao thông trên biển. Trò chơi: chon hành vi đúng/sai khi tham gia giao thông trên sông, biển

Thế giới động vật, thực vật	** Một số độngvật, thực vật sống ở biển (các loài, tôm, cua, rong biển...)* ** Ích lợi của động vật, thực vật ở biển:* - Cung cấp thức ăn giàu chất dinh dưỡng : cá thu, tôm, cua. - Cung cấp nguyên liệu để làm thuốc chữa bệnh : rong, tảo. ** Ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường biển, đảo.*	KPKH: Du lịch dưới lòng đại dương Trò chơi ”Ai chọn nhanh nhất những động vật, thực vật có từ biển”. Làm đồ chơi từ vỏ ốc, sò biển.Ghép hình con vật ở biển bé thích bằng lá cây. Tạo thảm cỏ, vườn hoa trên bờ biển. Làm đồ chơi từ vỏ ốc, sò biển.Ghép hình con vật ở biển bé thích bằng lá cây. Tạo thảm cỏ, vườn hoa trên bờ biển.
Quê hương, đất nước	** Nhận biết về biển, hải đảo Việt Nam.* – Tên gọi, vị trí địa lí và một vài đặc điểm nổi bật của một số vùng biển (khu du lịch biển) nổi tiếng ở Việt Nam. ** Ích lợi của biển, hải đảo.* – Cung cấp thức ăn giàu chất dinh dưỡng cho con người: cá thu, tôm, cua. – Cung cấp nguyên liệu để làm thuốc chữa bệnh cho con người: rong, tảo. – Khu du lịch nổi tiếng để tham quan, nghỉ ngơi, tắm mát – Phát triển các nghề . – Giao thông biển. – Cung cấp nguồn năng lượng sạch. – Cung cấp các mỏ dầu. ** Nguyên nhân làm ô nhiễm môi trường biển,hải đảo.* – Do rác thải : rác thải của mọi người khi đi du lịch xả xuống biển, do rác thải của các khu công nghiệp, rác thải sinh hoạt của người dân không được xử lí đổ thẳng ra biển.	Khám phá khoa học: Nhận biết biển, đảo Việt Nam Khám phá khoa học: Du lịch biển Việt Nam; Khám phá khoa học: Trò chuyện về môi trường biển bị ô nhiễmKhám Khám phá khoa học: Xem phim tài liệu (tranh, ảnh, mô hình) về biển, đảo Việt Nam. Hoạt động Âm nhạc : Nghe, hát, múa, vận động theo nhạc các bài hát về biển, đảo quê hương. Tô màu, làm sách tranh du lịch biển quê em

** Có thể tích hợp nội dung giáo dục về tài nguyên môi trường biển, hải đảo vào những hoạt động (thời điểm) nào trong ngày và các hoạt động giáo dục nào trong CTGDMN (theo các lĩnh vực GD)?*

- Các hoạt động giáo dục trẻ diễn ra trong một ngày tại trường mầm non được bắt đầu từ khi đón trẻ đến khi trả trẻ về với bố mẹ:

+ Trong thời gian đón, trả trẻ

+ Hoạt động học

+ Chơi, hoạt động ở các góc

+ Chơi, hoạt động ngoài trời

+ Chơi, hoạt động chiều

- Nội dung giáo dục về tài nguyên và môi trường biển, hải đảo được tích hợp phù hợp trong tất cả các lĩnh vực giáo dục: Giáo dục phát triển Thể chất; Giáo dục phát triển Nhận thức; Giáo dục phát triển Ngôn ngữ; Giáo dục phát triển Thẩm mỹ; Giáo dục phát triển Tình cảm, kỹ năng xã hội.

- Trong từng thời điểm diễn ra hoạt động, giáo viên luôn có ý thức lồng ghép các hoạt động có nội dung giáo dục về tài nguyên và môi trường biển, hải đảo một cách *hợp lý, tự nhiên nhằm giúp trẻ hình thành thái độ, thói quen và kĩ năng sống tích cực*.

* Gợi ý *các hoạt động (thời điểm) trong ngày và các hoạt động giáo dục (theo các lĩnh vực GD) trong CTGDMN như sau:*

H Đ TRONG NGÀY	**HOẠT ĐỘNG TÍCH HỢP**
Hoạt động trong thời gian đón, trả trẻ	– GV trò chuyện với trẻ và cho trẻ xem phim tài liệu (tranh, ảnh, mô hình) về biển, đảo Việt Nam. – GV cho trẻ xem tranh, ảnh về biển, đảo, hải đảo của Việt Nam. – GV tổ chức cho trẻ đọc lại các bài thơ : về chú Hải quân, về biển.
Hoạt động học	– HĐ âm nhạc : Nghe, hát, múa, vận động theo nhạc các bài hát về biển, đảo quê hương. – Khám phá khoa học : + Nghề làm muối; Nghề nuôi tôm, cua, cá ; Chế biến hải sản thành nước mắm và tôm, cá đông lạnh. + Du lịch biển Việt Nam. – Phát triển ngôn ngữ

	+ Trò chuyện về môi trường biển, đảo. + Xem phim tài liệu (tranh, ảnh, mô hình) về Đảo Trường Sa. + Kể chuyện, đọc thơ, ca dao về biển, đảo, hải đảo Việt Nam, Trường Sa, Hoàng sa. – Tạo hình : + Làm thuyền buồm bằng lá cây (Phương tiện giao thông không tràn dầu gây ô nhiễm môi trường biển). + Vẽ, tô màu, cắt dán tranh, ảnh về giao thông trên biển, đảo.
Chơi, hoạt động ở các góc	- Xem tranh, ảnh, mô hình về biển, đảo. - Trò chơi: chọn hành động đúng về bảo vệ môi trường biển; ”xếp tranh về quy trình làm muối”; “Tai ai tinh” ”phân biệt âm thanh của biển’. Vẽ, tô màu, cắt dán tranh, ảnh về các phương tiện giao thông trên biển. ”Chọn động vật, thực vật có ở biển”. Làm sách tranh (cắt, dán trảnh ảnh) về biển, đảo Việt Nam. Làm đồ chơi từ vỏ ốc, sò biển.
Chơi, hoạt động ngoài trời	- Tạo thảm cỏ, vườn hoa trên bãi biển. - Ghép hình con vật biển từ lá cây vỏ sò, ốc.Chơi với cát, nước, sỏi , gió. - Chơi với vỏ ốc, vỏ sò biển - Đi dạo trên bờ biển, tham gia nhặt rác trên bờ biển (nếu trường ở gần biển). - Chơi trò chơi : “Tạo sóng biển bằng tay”.
Hoạt động chiều	- Làm đồ chơi từ vỏ ốc, sò biển. - Làm sách tranh (cắt, dán trảnh ảnh) về biển, đảo Việt Nam. - Hát, múa, vận động theo nhạc các bài hát về biển, đảo quê hương.

- ***Lưu ý:***

- Các hoạt động được giới thiệu trong tài liệu là những gợi ý dựa vào đó để giáo viên tham khảo hoặc có thể thiết kế hoạt động tương tự nhằm đạt mục đích giáo dục và chuyển tải được nội dung đến với trẻ.

- Trên cơ sở các hoạt động đã được thiết kế giáo viên lựa chọn và đưa vào tổ chức ở các thời điểm trong ngày cho phù hợp với nội dung đã xây dựng theo Chương trình giáo dục mầm non.

- Khi tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ thực hiện, giáo viên có thể thay thế đồ dùng, học liệu phù hợp với điều kiện của lớp, trường và của địa phương nơi trẻ sống.

- Giáo viên dựa vào đặc điểm phát triển tâm lứa tuổi lựa chon nội dung tích hợp cho phù hợp với độ tuổi sao cho đảm bảo các nguyên tắc đã nêu trên. Việc đưa nội dung giáo dục này mang tính chất lồng ghép vào các chủ đề trong chương trình, không làm nặng nề thêm chương trình giáo dục trẻ.

Các hoạt động từ đón trẻ- trả trẻ. Phù hợp với các lĩnh vực giáo dục.Trong từng thời điểm diễn ra hoạt động trong ngày. GV có ý thức lồng ghép GD tài nguyên biển, hải đảo VN một cách tự nhiên nhằm giúp trẻ hình thành thái độ thói quen, kỹ năng sống tích cực.

Tóm lại: các hoạt động trên mang tinh chất gợi ý. Tùy theo điều kiện GV lựa chọn nội dung tích hợp vào các chủ đề cho phù hợp .

Phần V. Thực hành soạn HĐGD có tích hợp nội dung GD về tài nguyên và môi trường biển, hải đảo.

• Nhóm 1: Soạn 1 hoạt động học có tích hợp nội dung GDBV tài nguyên biển và hải đảo.3T

• Nhóm 2: Soạn 1 hoạt động góc có tích hợp nội dung GDBV tài nguyên biển và hải đảo.5T

• Nhóm 3: Soạn 1 hoạt động chieu có tích hợp nội dung GDBV tài nguyên biển và hải đảo.4T

• Nhóm 4: Soạn 1 H Đ ngoài trời có tích hợp nội dung GDBV tài nguyên biển và hải đảo.NT

- Các nhóm cử đại diện trình bày và đóng góp ý kiến bổ sung.

- Báo cáo viên tổng hợp lại ý kiến của các nhóm.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN

CẤP TIỂU HỌC

Giáo viên: Đ/c Lê Thị Khánh Vân

Chuyên đề: giới thiệu về Thông tư 26/2012/TT-BGD&ĐT ngày 10/7/2012 của Bộ GD&ĐT V/v "Ban hành Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên".

Thời gian: 5 buổi cho 5 nhóm module

Đối tượng: Giáo viên Tiểu học trên địa bàn thành phố Việt Trì.

I. CÁC VĂN BẢN PHÁP QUY VỀ BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN GIÁO VIÊN MẦM NON, PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

- Thông tư 26/2012 ban hành Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Thông tư ban hành Chương trình bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên mầm non (TT36), tiểu học (TT32), trung học cơ sở(TT31), trung học phổ thông (TT30), giáo dục thường xuyên (TT33)

II. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUY CHẾ ĐỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN GIÁO VIÊN MẦM NON, PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

- Để triển khai thực hiện Quy chế bồi dưỡng thường xuyên hiệu quả và có nền nếp, cần thực hiện các yêu cầu sau:

1. Về nội dung bồi dưỡng

- Chú ý mỗi giáo viên MN, TH, THCS, THPT, GDTX phải đảm bảo thời lượng BDTX là 120 tiết/năm học. Đây là quy định bắt buộc, nếu không đủ thời lượng này thì GV chưa được công nhận hoàn thành chương trình BDTX năm học. Thời lượng đó được xác định cho mỗi nội dung bồi dưỡng như sau:

+ Nội dung 1: Là nội dung đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học theo từng cấp học: MN, TH, THCS, THPT, GDTX, thời lượng khoảng 30 tiết.

+ Nội dung 2: Là nội dung đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục địa phương theo năm học và nội dung bồi dưỡng do các dự án thực hiện, thời lượng khoảng 30 tiết

+ Nội dung 3: Nội dung đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp liên tục của GV, thời lượng khoảng 60 tiết.

* Thời lượng của mỗi nội dung có thể thay đổi để phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ từng năm học.

2. Hình thức BDTX: Được quy định ở Điều 5, bao gồm 3 hình thức BDTX (tự học, tập trung, học tập từ xa). Tuy nhiên, để thực hiện tốt, có kết quả, các hình thức BDTX cần được nhấn mạnh ở các cụm từ như sau:

Tự giác và nghiêm túc - Khoa học và phù hợp - Linh hoạt, thiết thực và hiệu quả

3.Tài liệu BDTX: Được quy định tại Điều 6. Để bảo đảm tài liệu cho nội dung bồi dưỡng 2 cho GV ở mỗi cấp học, các sở giáo dục và đào tạo cần chú ý các khâu: Lựa chọn nội dung, người viết, thẩm định, tiến độ biên soạn, hướng dẫn sử dụng...

Tài liệu BDTX (cả 3 ND) cần được cung cấp đủ, kịp thời cho giáo viên theo hình thức tủ sách dùng chung của nhà trường hoặc cấp phát cho từng GV.

4 . Kế hoạch BDTX: Đây là khâu quan trọng nhất đối với mỗi GV, trường học, phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo. Kế hoạch được xây dựng cho từng năm học.

Sở, phòng cần phải hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện kế hoạch của GV, trường học. Quy định cụ thể thời gian xây dựng kế hoạch và báo cáo kế hoạch. Trong KH của GV, cần phải có mục đăng ký các mô đun bồi dưỡng tự chọn trong năm; KH của trường, phòng, sở phải có tổng hợp đăng ký các mô đun bồi dưỡng tự chọn của GV.

Các Sở GD&ĐT phải thực hiện việc báo cáo kế hoạch BDTX về Bộ trong tháng 6 hằng năm.

5. Xây dựng đội ngũ báo cáo viên

Thực hiện theo Điều 9, tuy nhiên cần chú ý:

- Năng lực, trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, cơ cấu theo môn học, cấp học, độ tuổi, sức khỏe, số lượng...

- Sau khi lựa chọn được báo cáo viên, sở giáo dục và đào tạo ra quyết định phê duyệt.

- Báo cáo viên cần được tập huấn phương pháp tập huấn cho GV ở địa phương theo đúng đặc thù của từng cấp học.

- Báo cáo viên cần được tham gia vào kiểm tra, đánh giá việc thực hiện BDTX và đánh giá kết quả BDTX của GV.

- Báo cáo viên cần được cung cấp và cập nhật những thay đổi, những vấn đề mới về thực hiện nhiệm vụ năm học, nhiệm vụ chuyên môn hay tổ chức giáo dục của trường học.

- Báo cáo viên cần giữ ổn định lâu dài. Tuy nhiên, cần bổ sung thay thế những báo cáo viên không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ báo cáo viên, đồng thời được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định. Được động viên, khen thưởng kịp thời.

6. Triển khai kế hoạch BDTX

Thực hiện theo Điều 11. Yêu cầu của việc triển khai là tránh hình thức, chung chung. Đối với các trường, hiệu trưởng phải giám sát, đôn đốc, nhắc nhở quá trình thực hiện kế hoạch của từng GV; đồng thời đảm bảo các điều kiện trong khả năng của nhà trường để giáo viên thực hiện kế hoạch BDTX. Phòng, Sở giám sát các cơ sở trực thuộc.

7. Đánh giá và công nhận kết quả BDTX

Thực hiện theo Điều 12, 13, 14, 15. Lưu ý việc đánh giá và công nhận kết quả BDTX phải bảo đảm chính xác, khách quan, công bằng và công khai, có tác dụng động viên, khuyến khích giáo viên tích cực, tự học, tự bồi dưỡng.

8. Tổ chức thực hiện

- Tổ chức hội nghị triển khai Quy chế: Sở triển khai tới Phòng GD&ĐT, trường THPT, TTGDTX, trường sư phạm tỉnh; Phòng GD&ĐT triển khai tới trường MN, TH, THCS; Trường triển khai tới GV.

- Chỉ đạo, quản lý chặt chẽ công tác BDTX của từng trường, từng giáo viên. Tiến hành thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất công tác BDTX và cấp chứng chỉ.

- Lựa chọn các cơ sở giáo dục (TTGDTX, trường sư phạm...) để thực hiện nhiệm vụ BDTX theo hình thức bồi dưỡng tập trung.

- Tham mưu với UBND tỉnh bố trí kinh phí BDTX giáo viên hàng năm.

- Kết thúc năm học thì tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết công tác BDTX của năm và triển khai kế hoạch BDTX của năm học tiếp theo.

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

ĐẶC ĐIỂM TÂM SINH LÝ CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ

A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Lứa tuổi học sinh THCS (lứa tuổi thiếu niên) là một giai đoạn chuyển tiếp trong sự phát triển của con người diễn ra giữa giai đoạn trẻ em và tuổi trường thành. Đây là lứa tuổi có bước nhảy vọt về thể chất lẫn tinh thần, cho phép tạo nội dung cơ bản và sự khác biệt đặc thù về mọi mặt phát triển: thể chất, tri tuệ, giao tiếp, tình cảm, đạo đức... của các em. Bởi vậy giáo viên cần nắm được vị trí và ý nghĩa của giai đoạn phát triển tâm lí thiếu niên, những khó khăn, thuận lợi trong sự phát triển tâm, sinh lí cửa HS THCS để giảng dạy, giáo dục HS.

Module này gồm các nội dung sau:

1, Khái quát về giai đoạn phát triển của lứa tuổi HSTHCS.

2, Hoạt động giao tiếp của HS THCS.

3, Phát triển nhận thúc của HS THCS.

4, Phát triển nhân cách của HS THCS.

B. MỤC TIÊU

*** Về kiến thức:** Nắm được vị trí, ý nghĩa của giai đoạn phát triển tuổi HS THCS trong sự phát triển cả đời người, những biến đổi mạnh mẽ về mọi mặt của sự phát triển lứa tuổi: về thể chất, về nhận thúc, về giao tiếp, về nhân cách...

*** Về kĩ năng:** Vận dụng các hiểu biết về đặc điềm tâm, sinh lí của HS THCS, những thuận lợi và khó khăn của lúa tuổi vào việc giảng dạy và giáo dục HS có hiệu quả.

*** Về thái độ:** Thái độ thông cảm, chia sẻ và giúp đỡ HS THCS, đặc biệt với HS cá biệt do các em đang trong giai đoạn phát triển quá độ với nhiều khó khăn.

C. NỘI DUNG

<u>Hoạt động 1:</u> Tìm hiểu khái quát vẽ giai đoạn phát triển của lứa tuổi học sinh trung học cơ sở

THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Vị trí, ý nghĩa cùa giai đoạn tuối học sinh trung học cơ sở trong sự phát triển con người.

*** Tuổi thiếu niên có vị trí và ý nghĩa đặc biệt trong quá trình phát triển của cả đời người, được thể hiện ở những điểm sau:**

Thứ nhất: Đây là thời kì quá độ từ tuổi thơ sang tuổi trưởng thành, thời kì trẻ ở "***nga ba đường***" của sự phát triển. Trong đó có rất nhiều khả năng, nhiều phương án, nhiều con đường để mỗi trẻ em trở thành một cá nhân. Trong thời kì này, nếu sự phát triển được định hướng đúng, được tạo thuận lợi thì trẻ em sẽ trở thành cá nhân thành đạt, công dân tốt. Ngược lại, nếu không được định hướng đúng, bị tác động bởi các yếu tố tiêu cực thì sẽ xuất hiện hàng loạt nguy cơ dẫn trẻ em đến bên bờ của sự phát triển lệch lạc về nhận thức, thái độ, hành vi và nhân cách.

Thứ hai: Thời kì mà tính tích cực xã hội của trẻ em được phát triển mạnh mẽ, đặc biệt trong việc thiết lập các quan hệ bình đẳng với người lớn và bạn ngang hàng, trong việc lĩnh hội các chuẩn mực và giá trị xã hội, thiết kế tương lai của mình và những kế hoạch hành động cá nhân tương ứng.

***Thứ ba*:** Trong suốt thời kì tuổi thiếu niên đều diễn ra sự cấu tạo lại, cải tổ lại, hình thành các cấu trúc mới về thể chất, sinh lí, về hoạt động, tương tác xã hội và tâm lí, nhân cách, xuất hiện những yếu tố mới của sự trưởng thành. Từ đó hình thành cơ sở nền tảng và vạch chiều hướng cho sự trưởng thành thực thụ của cá nhân, tạo nên đặc thù riêng của lứa tuổi.

Thứ tư: Tuổi thiếu niên là giai đoạn khó khăn, phức tạp và đầy mâu thuẫn trong quá trình phát triển.

2. Các điều kiện phát triển tâm lí của học sinh

a. Sự phát triển cơ thể

- Sự phát triển chiều cao và trọng lượng
- Sự phát triển của hệ xương
- Sự phát triển của hệ cơ

- Sự phát triển cơ thể thiếu niên diễn ra không cân đối

- Sự phát triển của tuyến sinh dục(hiện tượng dậy thì)

- Đặc điểm về hoạt động của não và thần kinh cấp cao của thiếu niên.

** Tóm lại, cơ thể thiếu niên đang chịu một phụ tải đáng kể do sự phát triển nhảy vọt về thể chất trong sự cải tổ giải phẫu sinh lí cơ thể do hoạt động mạnh của các tuyến nội tiết dẫn tới hiện tương dậy thì ở thiếu niên. Những mâu thuẫn tạm thời chỉ diễn ra trong quá trình cải tổ về mặt giải phẫu sinh lí trong một thời gian ngắn. Đền cuối tuổi thiếu niên, sự phát triển về thể chất sẽ êm ả hơn.*

b. Điều kiện xã hội

- Vị thế của thiếu niên trong xã hội

- Vị thế của thiếu niên trong gia đình

- Vị thế của thiếu niên trong nhà trường

** Tóm lại, sự thay đổi điều kiện sống, điều kiện hoạt động của thiếu niên ở trong gia đình, nhà trường, xã hội mà vị tri của thiếu niên được nâng lên. Thiếu niên ý thức được sự thay đổi và tích cực hoạt động để phù hợp với sự thay đổi đó. vì thế đặc điểm tâm lí, nhân cách của HS THCS hình thành và phát triển phong phú hơn so với các lứa tuổi trước.*

<u>Hoạt động 2:</u> Tìm hiểu hoạt động giao tiếp của học sinh THCS

?1. Trình bày đặc trưng trong giao tiếp của HS THCS với người lớn và các kiểu quan hệ của người lớn với thiếu niên. Từ đó rút ra kết luận sư phạm cần thiết trong việc giáo dục HS THCS ở xã hội hiện đại.

?2. Trình bày đặc trưng trong giao tiếp của HS THCS với nhau, từ đó rút ra kết luận sư phạm cần thiết.

* Giao tiếp là hoạt động chủ đạo ở lứa tuổi thiếu niên. Giao tiếp của thiếu niên là một hoạt động đặc biệt. Qua đó, các em thực hiện ý muốn làm người lớn, lĩnh hội các chuẩn mực đạo đức- xã hội của các mối quan hệ. Lứa tuổi thiếu niên có những thay đổi rất cơ bản trong giao tiếp của các em với người lớn và với bạn ngang hàng.

1. Giao tiếp giữa thiếu niên với người lớn

a. Đặc trưng trong giao tiếp giữa thiếu niên với người lớn

<u>Thứ nhất:</u> Tính chủ thể trong quan hệ giữa trẻ với người lớn rất cao, thậm chí cao hơn mức cần thiết. Các em có nhu cầu được tôn trọng cao trong quá trình

giao tiếp với người lớn. Các em luôn đòi hỏi được bình đẳng, tôn trọng, được đối xử như người lớn, được hợp tác, cùng hoạt động với người lớn.

Thứ hai: Trong quan hệ với người lớn, ở thiếu niên thường xuất hiện nhiều mâu thuẫn.

Thứ ba: Trong tương tác với người lớn, thiếu niên có xu hướng cường điệu hoá các tác động của người lớn trong ứng xử hằng ngày

b. Các kiểu quan hệ của người lớn với thiếu niên

Có hai kiểu ứng xử điển hình của người lớn trong quan hệ với thiếu niên:

- Kiểu ứng xử dựa trên cơ sở người lớn thấu hiểu sự biến đổi trong quá trình phát triển thể chất và tâm lí của thiếu niên. Từ đó có sự thay đổi nhận thúc, thái độ và hành vi phù hợp với sự phát triển tâm lí của các em. Trong kiểu ứng xử này, người lớn thường tôn trọng cá tính và sự phát triển của trẻ.

- Kiểu ứng xử dựa trên cơ sở người lớn vẫn coi thiếu niên là trẻ nhỏ, vẫn giữ thái độ ứng xử như với trẻ nhỏ. Trong kiều ứng xử này, người lớn vẫn thường áp đặt tư tưởng, thái độ và hành vi đối với các em như đối với trẻ nhỏ. Quan hệ này thường chứa đựng mâu thuẫn và dễ dẫn đến xung đột giữa người lớn và trẻ em

=> Trong gia đình, nhà trường và trong cộng đồng, nếu người lớn biết “làm bạn" với các em thì quan hệ giữa người lớn với các em sẽ rất tốt đẹp, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lành mạnh nhân cách của trẻ.

2. Giao tiếp giữa thiếu niên với nhau

a. Ý nghĩa và tầm quan trọng của giao tiếp bạn bè đối với sự phát triển nhân cách thiếu niên

Ở tuổi thiếu niên, giao tiếp với bạn đã trở thành một hoạt động riêng và chiếm vị trí quan trọng trong đời sống các em. Nhiều khi giá trị này cao đến mức đẩy lui học tập xuống hàng thứ hai và làm các em sao nhãng cả giao tiếp với người thân. Khác với giao tiếp với người lớn (thường diễn ra sự bất bình đẳng), giao tiếp của thiếu niên với bạn ngang hàng là hệ thống bình đẳng và đã mang đặc trưng của quan hệ xã hội giữa các cá nhân độc lập.

b. Chức năng của giao tiếp với bạn ngang hàng ở tuổi thiếu niên

- Chức năng của giao tiếp với bạn ngang hàng ở tuổi thiếu niên
- Chức năng học hỏi:
- Chức năng tiếp xúc xúc cảm
- Chức năng thể hiện và khẳng định nhân cách cá nhân

- Bạn bè giúp nâng cao lòng tự trọng của thiếu niên

- Bạn bè giúp nâng cao lòng tự trọng của thiếu niên

Bạn bè đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển tâm lí tình cảm, ứng xử của HS THCS. Giao tiếp với các bè cùng giới và khác giới trong thời niên thiếu mở đầu cho cuộc sống trưởng thành ngoài xã hội.

c. Một số đặc điểm giao tiếp của thiếu niên với bạn ngang hàng

- Nhu cầu giao tiếp với bạn ngang hàng phát triển mạnh
- Trong cuộc sống hằng ngày, các em không thể không có bạn.
- Quan hệ với bạn của thiếu niên là hệ thống độc lập và bình đẳng
- Quan hệ với bạn của thiếu niên là hệ thống yêu cầu cao và máy móc
- Sắc thái giới tính trong quan hệ với bạn ở thiếu niên

Giao tiếp là hoạt động chủ đạo của lứa tuổi thiếu niên - HS THCS. Sự phát triển trong giao tiếp của thiếu niên nói lên bước quá độ từ giao tiếp của trẻ con sang giao tiếp của người trưởng thành.

<u>Hoạt động 3</u>: Tìm hiểu sự phát triển nhận thức của học sinh trung học cơ sở

1. Sự phát triển cấu trúc nhận thức của học sinh trung học cơ sở

Đặc điểm đặc trưng trong sự phát triển cấu trúc nhận thức của HS THCS là *sự hình thành và phát triển các tri thức lí luận,* gắn *với các mệnh đề.*

2. Sự phát triển các hành động nhận thức của học sinh trung học cơ sở

- *Sự phát triển trí giác*
- *Sự phát triển trí nhớ*
- *Sự phát triển chú ý*
- *Sự phát triển tư duy*
- *Sự phát triển tưởng tượng và ngôn ngữ*

<u>Hoạt động 4</u>: Tìm hiểu sự phát triển nhân cách của học sinh trung học cơ sở

1. Sự phát triển mạnh mẽ của tự ý thức

a. Ý nghĩa của tự ý thức đối với học sinh trung học cơ sở

Sự hình thành tự ý thức là một trong những đặc điểm đặc trung trong sự phát triển nhân cách của thiếu niên. Mức độ phát triển về chất của tự ý thức sẽ ảnh

hưởng đến toàn bộ đời sống tâm lí của thiếu niên, đến tính chất hoạt động của các em cũng như việc hình thành mối quan hệ của thiếu niên với những người khác.

b. Tự nhận thức về bản thân

Những biến đổi về thể chất, những biến đổi trong hoạt động học tập, những biến đổi về vị thế của thiếu niên trong gia đình, nhà trường, xã hội... đã tác động đến thiếu niên, làm các em nảy sinh nhận thức mới. Đó là nhận thức về sự trưởng thành của bản thân, xuất hiện "cảm giác mình là người lớn". Các em cảm thấy mình không còn là trẻ con nữa. Các em cũng cảm thấy mình chưa thực sự là người lớn nhưng các em sẵn sàng muốn trở thành người lớn.

c. Mức độ tự ý thức của HS trung học cơ sở

Không phải toàn bộ những phẩm chất nhân cách đều được thiếu niên ý thức cùng một lúc. Bước đầu, các em nhận thức được hành vi của mình. Tiếp đến là nhận thức các phẩm chất đạo đức, tính cách và năng lực trong các phạm vi khác nhau (trong học tập: chú ý, kiên trì... rồi đến những phẩm chất thể hiện thái độ với người khác: tình thương, tình bạn, tính vị tha, sự ân cần, cởi mở...), tiếp đến những phẩm chất thể hiện thái độ đối với bản thân: khiêm tốn, nghiêm khắc hay khoe khoang, dễ dãi... Cuối cùng mới là những phẩm chất phức tạp, thể hiện mối quan hệ nhiều mặt của nhân cách (tình cảm trách nhiệm, lương tâm, danh dự...).

d. Mức độ tự ý thức của HS trung học cơ sở

- Nhu cầu nhận thức bản thân của HS THCS phát triển mạnh. Các em có xu thế độc lập đánh giá bản thân. Nhưng khả năng tự đánh giá của HS THCS lai chưa tương xứng với nhu cầu đó. Do đó, có thể có mâu thuẫn giữa mức độ kì vọng của các em với thái độ của những người xung quanh đối với các em. Nhìn chung các em thường tự thấy chưa hài lòng về bản thân. Ban đầu đánh giá của các em còn dựa vào đánh giá của những người có uy tín, gần gũi với các em. Dần dần, các em sẽ hình thành khuynh hương độc lập phân tích và đánh giá bản thân.

- Động lực thúc đẩy sự phát triển tự ý thức của HS THCS: là nhu cầu về vị trí của các em trong gia đình, xã hội, nhu cầu muốn chiếm được vị trí trong nhóm bạn, muốn được sự tôn trọng, yêu mến của bạn bè.

** Tuy nhiên tự đánh giá của HS THCS còn có nhiều hạn chế:*

- Các em nhận thức và đánh giá được các mẫu hình nhân cách trong xã hội nhưng chưa biết rèn luyện để có được nhân cách theo mẫu hình đó.

- HS THCS có thái độ đánh giá hiện thực khách quan rất thẳng thắn, mạnh mẽ, chân thành và dứt khoát nhưng chưa biết phân tích mặt phức tạp của đời sống, mặt phức tạp trong quan hệ xã hội.

e. Tự giáo dục của học sinh trung học cơ sở

Do khả năng đánh giá và tự đánh giá phát triển, HS THCS đã hình thành một phẩm chất nhân cách quan trọng là *sự tự giáo dục*

2. Sự phát triển nhận thức đạo đức và hành vi ứng xử của học sinh trung học cơ sở

Sự hình thành nhận thức đạo đức nói chung và lĩnh hội tiêu chuẩn của hành vi đạo đức nói riêng là đặc điểm tâm lí quan trọng trong lứa tuổi thiếu niên. Tuổi HS THCS là tuổi hình thành thế giới quan, lí tưởng, niềm tin đạo đức, những phán đoán giá trị...

Cùng với sự phát triển của tự ý thức, với nguyện vọng vươn lên làm người lớn, *ý chí của HS THCS có những thay đổi.*

Trong khi giáo dục đạo đức cho HS THCS, cần chú *ý* đến sự hình thành những cơ sở đạo đức ở tuổi thiếu niên. Nhìn chung trình độ nhận thức đạo đức của HS THCS là cao. Các em hiểu rõ những khái niệm đạo đức như tính trung thực, kiên trì, dũng cảm, tính độc lập...

<u>Hoạt động 5:</u> Tổng kết

1. Tóm tắt về đặc điểm tâm, sinh lí của học sinh trung học cơ sở

- Vị trí, vai trò của giai đoạn phát triển HS THCS
- Sự phát triển thể chất của HS THCS
- Sự phát triển giao tiếp của HS THCS
- Sự phát triển nhận thức cảu HS THCS
- Sự phát triển nhân cách của HS THCS

2. Vấn đề giáo dục học sinh trung học cơ sở trong xã hội hiện đại

* Để giáo dục HS THCS đạt hiệu quả, cần phải tính đến những thuận lợi và khó khăn của lứa tuổi trong sự phát triển.

+ **Về thuận lợi**:

- Do điều kiện sống trong xã hội được năng cao mà hiện nay sức khỏe của thiếu niên được tăng cường.

- Do bùng nổ của khoa học công nghé mà lượng thông tin, trí thức đến với các em rất phong phú.

- Xã hội, nhà trường và gia đình đều rất quan tâm đến sự phát triển của trẻ em nói chung và HS THCS nói riêng. Sự kết hợp giáo dục giữa nhà trườngg, gia đình và xã hội đã giúp cho các em có được cơ hội, điều kiện giáo dục toàn diện hơn (ngay cả với những em có hoàn cánh khó khăn).

+ Về khó khăn:

- Do gia tốc phát triển mà sự dậy thì của thiếu niên đến sớm hơn. Cơ thể các em phát triển mạnh mẽ nhưng mức trưởng thành về xã hội và tâm lí lại diễn ra chậm hơn. Điều này ảnh hướng đến việc giáo dục HS THCS. Việc dậy thì sớm cùng ảnh hương đến hoạt động học của các em, làm các em bị phân tâm trong học tập do có những rung cảm mới, quan hệ mới với bạn khác giới.

- Do nội dung học tập ngày càng mở rộng, quá tải nên HS THCS chủ yếu bận học (học ở lớp chính khoá, học thêm...), ít có những nghĩa vụ và trách nhiệm khác với gia đình

- Khó khăn cơ bản của lứa tuổi HS THCS là xây dung mối quan hệ giữa người lớn với các em sao cho ổn thoả và xây dựng quan hệ lành mạnh, trong sáng với bạn, đặc biệt với bạn khác giới.

3. Một số lưu ý trong công tác giáo dục học sinh trung học cơ sở

- Nhà trường và gia đình nên gần gũi, chia sẻ với HS; tránh để các em thu nhận những thông tin ngoài luồng; tránh tình trạng phân hoá thái độ đối với môn học, học lệch để các em có được sự hiểu biết toàn diện, phong phú.

- Cần giúp HS THCS hiểu được các khái niệm đạo đức một cách chính xác khắc phục những quan điểm không đúng ở các em.

- Nhà trưởng cần tổ chức những hoạt động tập thể lành mạnh, phong phú để HS THCS được tham gia và có được những kinh nghiệm đạo đức đúng đắn, hiểu rõ các chuẩn mực đạo đức và thực hiện nghiêm túc theo các chuẩn mực đó, để các em có được sự phát triển nhân cách toàn diện.

- Người lớn (cha mẹ, thầy cô giáo) cần tôn trọng tính tự lập của HS THCS và hướng dẫn, giúp đỡ để các em xây dựng được mối quan hệ đúng mực, tích cực với người lớn và mối quan hệ trong sáng, lành mạnh với bạn bè.

- Có thể thành lập phòng tâm lí học đường trong trường hoặc cụm trường (theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng chăm lo cho sự nghiệp giáo dục) để HS THCS được sự trợ giúp thường xuyên về tâm lí và những vấn đề khó khăn của lứa tuổi.

UBND HUYỆN THANH SƠN **TT GDNN - GDTX THANH SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /KH- TT	*Thanh Sơn, ngày 02 tháng 6 năm 2016*

KẾ HOẠCH
HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP VÀ NGHỀ PHỔ THÔNG

Căn cứ vào Hướng dẫn tại văn bản số 8608/ BGDĐT-GDTrH ngày 16 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện Hoạt động giáo dục Nghề phổ thông lớp 11; Công văn số 10945/BGDĐT-GDTrH ngày 27 tháng 11 năm 2008 về việc hướng dẫn thi và cấp giấy chứng nhận nghề phổ thông; Công văn số 3119/BGDĐT-GDCN ngày 17/6/2014 về việc phối hợp và thực hiện giáo dục hướng nghiệp nghề của Bộ GDĐT. Trung tâm GDNN-GDTX phối hợp với phòng GD&ĐT xây dưng kế hoạch hoạt động giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông như sau:

A. NHIỆM VỤ GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP.

1. Thực hiện chương trình hoạt đông giáo dục hướng nghiệp.

Cơ sở giáo dục nghiêm túc thực hiện chương trình hoạt động giáo dục hướng nghiệp (HĐGDHN) cho học sinh; HĐGDHN được thực hiện theo chương trình giáo dục phổ thông ban hành theo Quyết định số 16/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ GD&ĐT.

a/ Đối với trường THCS (lớp 9): Tiếp tục thực hiện nội dung HĐGDHN với thời lượng 9 tiết/năm học, sau khi đưa một số nội dung HĐGDHN tích hợp sang hoạt động ngoài giờ lên lớp (HĐGDNGLL) ở 2 chủ điểm sau:

- "Truyền thống nhà trường" chủ điểm tháng 9;
- "Tiến bước lên Đoàn" chủ điểm tháng 3.

Trung tâm GDNN-GDTX phối hợp với phòng GD&ĐT hướng dẫn các trường THCS trên địa bàn xây dựng kế hoạch, thực hiện nội dung tích hợp sát với thực tiễn địa phương và điều kiện của trường. Căn cứ vào thực tiễn và học lực của học sinh, các cơ sở giáo dục tập trung hướng nghiệp cho học sinh lựa chọn con đường học lên THPT, BTTHPT, trung cấp chuyên nghiệp (TCCN), học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động.

Các Trung tâm GDNN-GDTX phối hợp với phòng GD&ĐT tổ chức tập huấn cho giáo viên và hướng dẫn triển khai hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho các trường THCS trên địa bàn; đẩy mạnh công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh lớp 9 THCS nhằm giúp học sinh lựa chọn các ban học phù hợp ở trường THPT, lựa chọn các nghề ở các trường nghề, TCCN phù hợp với năng lực của học sinh, góp phần thực hiện sự phân luồng học sinh THCS.

b/ Đối với Trung tâm GDNN-GDTX (lớp 10, lớp 11, lớp 12): Tiếp tục thực hiện nội dung HĐGDHN với thời lượng 9 tiết/năm học. HĐGDHN (do giáo viên phụ trách HĐGDNGLL) thực hiện ở 3 chủ đề sau:

- "Thanh niên với học tập, rèn luyện vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước", chủ đề tháng 9;
- "Thanh niên với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc", chủ đề tháng 12;
- "Thanh niên với vấn đề lập nghiệp", chủ đề tháng 3.

2. Phân công thực hiện.

Trung tâm GDNN-GDTX xây dựng kế hoạch, hướng dẫn giáo viên thực hiện sát với thực tiễn địa phương và điều kiện của Trung tâm; làm tốt việc hướng nghiệp học sinh lựa chọn con đường học tiếp sau THPT (Đại học, Cao đẳng, TCCN, học nghề) hoặc đi vào cuộc sống lao động. Việc tổ chức thực hiện HĐGDHN, Trung tâm có thể tổ chức học riêng theo lớp, theo khối; có thể giao cho giáo viên hoặc mời chuyên gia, nhà quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp giảng dạy.

Phòng GD&ĐT, Trung tâm, các trường THCS tổ chức cho giáo viên, cán bộ công nhân viên học tập, nghiên cứu các văn bản của Đảng, Nhà nước về công tác giáo dục hướng nghiệp nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về ý nghĩa, nội dung, tầm quan trọng và biện pháp thực hiện giáo dục hướng nghiệp cho học sinh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác giáo dục hướng nghiệp.

Trung tâm GDNN-GDTX tổ chức tập huấn cho giáo viên các cơ sở giáo dục về HĐGDHN. Mỗi cơ sở giáo dục thành lập một tổ tư vấn hướng nghiệp, thành phần gồm: Một lãnh đạo phụ trách, các giáo viên chủ nhiệm (tất cả giáo viên chủ nhiệm lớp cuối cấp), giáo viên Công nghệ, trưởng các tổ chức đoàn thể, tổ tư vấn hướng nghiệp giúp lãnh đạo cơ sở giáo dục thực hiện tốt công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh nhằm giúp học sinh các lớp, nhất là học sinh lớp 12 định hướng nghề nghiệp có hiệu quả, tổ tư vấn hướng nghiệp có chế độ sinh hoạt định kỳ như các tổ, nhóm chuyên môn khác. Đối với giáo viên được phân công thực hiện HĐGDHN

được tính giờ dạy học như các môn học; việc tham gia điều hành Hoạt động giáo dục tập thể (chào cờ đầu tuần và sinh hoạt lớp cuối tuần) là thuộc nhiệm vụ quản lý của Ban giám đốc, Ban Giám hiệu và giáo viên chủ nhiệm lớp, không tính là giờ dạy học.

Phòng GD&ĐT, Trung tâm GDNN-GDTX tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương huy động các doanh nghiệp, các lực lượng kinh tế - xã hội của toàn xã hội tham gia vào quá trình giáo dục hướng nghiệp cho học sinh phổ thông.

Trưởng phòng GD&ĐT, Giám đốc Trung tâm GDNN-GDTX chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá kết quả công tác giáo hướng nghiệp của các đơn vị.

B. HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ PHỔ THÔNG.

I. Các vấn đề chung.

1. Mục tiêu của hoạt động giáo dục Nghề phổ thông.

a/ Về kiến thức: Giáo dục cho học sinh hiểu được một số kiến thức cơ bản về công cụ, kỹ thuật, quy trình công nghệ và an toàn lao động, vệ sinh môi trường đối với một số nghề phổ thông (NPT), biết được các đặc điểm và yêu cầu của nghề đó.

b/ Về kỹ năng: Hình thành cho học sinh một số kỹ năng cơ bản về nghề nghiệp, kỹ năng sử dụng công cụ, kỹ năng thực hành kỹ thuật theo quy trình công nghệ để làm ra sản phẩm theo yêu cầu của giáo dục dục NPT, biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

c/ Về thái độ: Có thái độ đúng về nghề và phát triển hứng thú kỹ thuật, biết vận dụng kiến thức, kỹ năng vào lao động, hình thành thói quen làm việc có kế hoạch, tuân thủ quy trình kỹ thuật và đảm bảo an toàn lao động, bước đầu có tác phong công nghiệp trong nghề nghiệp, giữ vệ sinh môi trường, có ý thức tìm hiểu nghề và lựa chọn nghề nghiệp cho bản thân.

2. Yêu cầu của hoạt động giáo dục Nghề phổ thông.

Thông qua giáo dục NPT giúp học sinh tìm hiểu các lĩnh vực nghề nghiệp phổ biến trong xã hội để định hướng nghề nghiệp và thấy rõ sự phù hợp của năng lực bản thân với yêu cầu của từng nghề cụ thể; được rèn luyện các kỹ năng, tác phong lao động cần thiết.

Học sinh được vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học ở môn Công nghệ và các môn khác vào thực tiễn cuộc sống và sản xuất trong các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ … phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế địa phương.

Giáo dục NPT góp phần rèn luyện phẩm chất, thói quen lao động có kế hoạch, có kỹ thuật, có kỷ luật và ý thức đảm bảo an toàn lao động, giữ vệ sinh môi trường.

II. Tổ chức thực hiện.

1. Hoạt động giáo dục Nghề phổ thông.

a/ Hoạt động giáo dục NPT cho học sinh cấp THCS.

Tùy vào điều kiện cụ thể về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, đặc điểm của địa phương, căn cứ vào nhu cầu học tập của gọc sinh, hoạt động giáo dục NPT cho học sinh THCS được thực hiện như sau:

Tổ chức hoạt động giáo dục NPT đối với học sinh lớp 8 dưới hình thức dạy học tự chọn.

- Thực hiện 3 tiết/tuần, cả năm học 70 tiết .
- Thời gian: Từ tháng 9/2016 đến tháng 3/2017.
- Việc đánh giá được thực hiện bằng cho điểm các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và tính điểm trung bình môn học kỳ, cả năm như môn học khác (quy định Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT).

Trung tâm GDNN-GDTX phối hợp chặt chẽ với phòng GD&ĐT để tổ chức tập huấn cho giáo viên dạy NPT, quản lý chặt chẽ việc thực hiện chương trình dạy Nghề ở các trường THCS và tổ chức thi NPT cho học sinh THCS có nhu cầu.

b/ Hoạt động giáo dục NPT cho học sinh cấp THPT.

Trung tâm GDNN-GDTX thực hiện hoạt động giáo dục NPT ở lớp 11, hoạt động giáo dục NPT thực hiện theo chương trình do Bộ GDĐT ban hành (Văn bản số 8608/GDĐT-GDTrH ngày 16 tháng 8 năm 2007 của Bộ GDĐT, văn bản số 7777/BGDĐT-GDTX ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Bộ GDĐT) và Văn bản số 1993/GDĐT-TrH ngày 17 tháng 9 năm 2008 của Sở GDĐT.

Căn cứ việc đăng ký chọn học nghề của học sinh Trung tâm GDNN-GDTX xây dựng kế hoạch, tiến hành sắp xếp lớp với số lượng phù hợp và bố trí giáo viên tham gia giảng dạy.

- Thực hiện 3 tiết/tuần, cả năm học 105 tiết .
- Thời gian: Từ tháng 9/2016 đến tháng 6/2017

Việc đánh giá kết quả học NPT được thực hiện bằng cho điểm các loại bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và tính điểm trung bình như môn học, được xếp loại theo quy định tại Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT.

Giám đốc Trung tâm GDNN-GDTX chịu trách nhiệm đánh giá kết quả hoạt động giáo dục NPT ở đơn vị mình. Sở GDĐT quản lý chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch, chương trình dạy Nghề phổ thông và tổ chức kiểm tra, thanh tra việc dạy, học NPT.

2. Hồ sơ quản lý chuyên môn các lớp dạy nghề phổ thông.

Do đặc thù riêng trong việc hình thành các lớp học sinh học nghề phổ thông, giáo viên phụ trách các lớp dạy nghề phổ thông phải thiết lập Sổ gọi tên-ghi điểm, Sổ đầu bài, Phiếu học NPT, các hồ sơ giảng dạy liên quan … và có trách nhiệm ghi lại kết quả học tập của học sinh vào các loại sổ sách chung và học bạ học sinh theo lớp học phổ thông.

3. Cấp Giấy chứng nhận.

Việc tổ chức thi và cấp Giấy chứng nhận Nghề phổ thông thực hiện theo văn bản số 10945/ BGDĐT-GDTrH ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ GDĐT.

4. Kinh phí cho hoạt động giáo dục Nghề phổ thông.

Kinh phí chi cho hoạt động giáo dục Nghề phổ thông thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Nơi nhận: **GIÁM ĐỐC**

- UBND huyện (để báo cáo);
- PGD&ĐT (để phối hợp)
- Trưởng PGD&ĐT, Giám đốc TT(để chỉ đạo)
- Tổ GV-ĐTN- HN (để thực hiện)
- Lưu: VP, GDTX, GDTrH.

Phạm Thị Ngọc Hoa

UBND HUYỆN THANH SƠN
TT GDNN - GDTX THANH SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Sơn, ngày 18 tháng 2 năm 2016

HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP
Chủ đề tháng 3:
THANH NIÊN VỚI VẤN ĐỀ LẬP NGHIỆP

I. Mục tiêu hoạt động

Hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của việc lựa chọn nghề nghiệp, biết đánh giá bản thân để lựa chọn nghề phù hợp.

Tích cực tham gia hoạt động với những câu hỏi, câu trả lời cụ thể liên quan tới vấn đề lựa chọn nghề.

II. Nội dung và hình thức

1. Nội dung

Thế nào là sự lựa chọn nghề đúng đắn.

Những yêu cầu của sự lựa chọn nghề: Khi chọn nghề, nên xem xét bản thân có đầy đủ năng lực, phẩm chất đạo đức để theo đuổi nghề mình chọn hay không?

Vai trò củ gia đình và bạn bè trong công việc lựa chọn nghề nghiệp của mình.

+ Phối hợp với trung tâm tổ chức giáo dục Đoàn viên thanh niên có ý thức đúng đắn về sự lựa chọn nghề của thanh niên hiện nay.

+ Tổ chức các hoạt động giúp thanh niên tìm hiểu các nghề nhằm định hướng cho tương lai.

Giới thiệu một số nghề trong xã hội: Bưu Chính viễn thông, công nghệ thực phẩm, các trường trung cấp nghề trong và ngoài tỉnh.

2. Hình thức

Thảo luận

Trò chơi

III. Công tác chuẩn bị

1. Giáo viên

- Chuẩn bị tư liệu về một số ngành nghề
- Cung cấp một số câu hỏi giúp học sinh thảo luận: (gợi ý)

+ Nêu các ngành nghề mà bạn thích, vì sao?

+ Theo bạn khi muốn chọn một nghề thì cần những yếu tố nào?

+ Nếu cha mẹ ép phải theo một nghề mà bạn yêu không yêu thích thì bạn sẽ xử sự ra sao?

+ Trong giới trẻ ngày nay lựa chọn nghề theo "Phong trào" suy nghĩ của bạn như thế nào về xu hướng nào?

2. Học sinh

- Cán bộ lớp và ban chấp hành chi đoàn chương trình buổi thảo luận (sau khi GV gợi ý)
- Phổ biến nội dung thảo luận để cả lớp chuẩn bị ý kiến tham gia trao đổi.
- Cử 02 người điều khiển chương trình
- Chuẩn bị các tiết mục xen kẽ trong cuộc thi (văn nghệ, tiểu phẩm)

IV. Hình thức hoạt động

1. Tuyên bố lí do

Kính thưa các thầy cô giáo, thưa tất cả các bạn. Nói tới thanh niên là nói tới mùa xuân của đất nước, là tương lai của Tổ quốc; nói tới thanh niên là nói tới tuổi trẻ sinh lực dồi dào, nhiều mơ ước và khát vọng, có ý và có hoài bão làm việc lớn.

Ngay khi còn tuổi nhỏ, thiếu niên cũng đã thường có những mơ ước, tự mình đã muốn sau này lớn lên sẽ làm gì, sẽ trở thành một người như thế nào? Song việc chọn nghề với thanh niên khi đã lớn khôn lại đòi hỏi một sự cân nhắc thận trọng, ngày càng có sự tham dự nhiều hơn của lí trí. Phải chọn nghề nào phù hợp chẳng những với sở thích mà còn với năng lực, trình độ của mình cũng như điều kiện, hoàn cảnh kinh tế của gia đình cho phép thỏa mãn được. Đó là chưa kể đến yếu tố xã hội, phải tùy thuộc yêu cầu của xã hội, nhu cầu của thị trường và của đời sống. Do vậy, không phải mọi ước mơ đẹp đều có thể thực hiện được, không phải mọi nguyện vọng chủ quan đều trở thành hiện thực khi tuổi trẻ vào đời. Hướng dẫn chọn nghề là một vấn đề nghiêm túc mà gia đình, nhà trường, đoàn thể, xã hội phải cùng chia sẻ trách nhiệm trong việc hướng dẫn tuổi trẻ vào đời. Chính vì vậy mà chúng ta tổ chức buổi hoạt động ngoài giờ lên lớp với chủ đề "THANH NIÊN VỚI VẤN ĐỀ LẬP NGHIỆP"

2. Thành phần tham dự

GVCN, tập thể lớp.

3. Trò chơi tập thể

GVCN hướng dẫn

4. **Thảo luận**: Nội dung vấn đề "THANH NIÊN VỚI VẤN ĐỀ LẬP NGHIỆP"

5. Hái hoa dân chủ

Luật chơi:

Tất cả học sinh trong lớp đều tham gia trò chơi. Một thành viên lên tham gia hái bong bóng (chọn bong bóng mình yêu thích) sau đó làm theo yêu cầu của câu hỏi. Nếu trả lời đúng trong vòng 10 giây sẽ nhận được một phần quà, nếu trả lời chưa đúng thì mời thành viên khác.

6. Hiểu ý đồng đội

Luật chơi:

Chia lớp ra thành nhóm (2 nhóm) lần lượt từng nhóm cử đại diện lên tham gia trò chơi với gợi ý của chương trình, người lên tham gia chỉ được dùng hành động để diễn tả gợi ý cho đồng đội của mình đoán (không được nói). Nếu trong vòng 15 giây nhóm đoán ra thì được 10 điểm, không đoán ra thì đội bạn được đoán 1 lần nếu đúng thì được 5 điểm. Sai không có điểm.

7. Kết luận

GVCN nhận xét về buổi hoạt động ngoài giờ lên lớp (trao phần thưởng nếu có)

Phục lục 10

MỘT SỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU LUẬN ÁN

1. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG QUẢN LÝ DẠY HỌC THEO HƯỚNG XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP

Số lượng và cơ cấu giáo viên

ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh Phú Thọ

TT	Tên trung tâm	Số lượng	Cơ cấu	
			CBQL	GV
1	TTGD nghề nghiệp – GDTX Cẩm Khê	32	4	28
2	TTGD nghề nghiệp – GDTX Đoan Hùng	28	5	23
3	TTGD nghề nghiệp – GDTX Hạ Hòa	22	4	18
4	TTGD nghề nghiệp – GDTX Lâm Thao	21	2	19
5	TTGD nghề nghiệp – GDTX Phù Ninh	30	4	26
6	TTGD nghề nghiệp – GDTX Thị xã Phú Thọ	26	4	22
7	TTGD nghề nghiệp – GDTX Tân Sơn	19	3	16
8	TTGD nghề nghiệp – GDTX Tam Nông	26	4	22
9	TTGD nghề nghiệp – GDTX Thanh Ba	12	2	10
10	TTGD nghề nghiệp – GDTX Thanh Sơn	23	3	20
11	TTGD nghề nghiệp – GDTX Thanh Thủy	22	3	19
12	TTGD nghề nghiệp – GDTX Yên Lập	30	4	26
13	TTGD nghề nghiệp – GDTX Việt Trì	24	2	22
Tổng		**315**	**44**	**271**

Vai trò của dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trong việc xây dựng xã hội học tập

TT	Mức độ	Cán bộ quản lý		Giáo viên		Chung	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Rất quan trọng	44	100	245	90.4	289	91.7
2	Quan trọng	0	0	26	9.6	26	8.3
3	Bình thường	0	0	0	0	0	0
4	Không quan trọng	0	0	0	0	0	0

Đánh giá mức độ thực hiện các nội dung chương trình dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xã hội học tập

TT	Biện pháp quản lý	CBQL (44)			GIÁO VIÊN (271)		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
		SL	SL	SL	SL	SL	SL
1	Chương trình bồi dưỡng	18 40,9	17 36,6	9 20,5	47 17,3	163 60,1	61 22,6
2	Chương trình dạy hướng nghiệp	21 47,7	17 38,6	6 13,7	61 22,5	175 64,6	35 12,9
3	Chương trình dạy nghề	16 36,4	18 40,9	10 22,7	55 20,3	173 63,8	43 18,9
4	Chương trình dạy chuyên đề chuyên sâu	11 25,0	18 10,9	15 34,1	39 14,4	145 53,5	87 32,1
Trung bình							

Đánh giá mức độ thực hiện các hình thức dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	Biện pháp quản lý	CBQL			GIÁO VIÊN		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
		SL	SL	SL	SL	SL	SL
1	Dạy học phát huy tính chủ động tích cực của người học	19 43,1	16 36,4	9 20,5	141 52,0	79 29,2	51 18,8
2	Dạy học phát triển khả năng tự học cho người học	17 38,6	15 34,1	12 27,3	139 51,3	55 20,3	77 28,4
3	Dạy học tạo điều kiện cơ hội học tập cho người học	8 18,2	15 34,1	21 47,7	51 18,8	175 64,6	45 16,6
4	Dạy học tạo ra sự giao lưu tốt giữa người dạy và người học	11 25,0	17 38,6	16 36,4	31 11,4	139 51,3	101 37,3

5	Dạy học nhấn mạnh đến sự luyện tập, hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho người học	7 15,9	9 20,5	28 63,6	35 12,9	102 37,6	134 49,5
6	Dạy học kết hợp được các yếu tố trên	18 40,9	26 59,1	0 0	147 54,3	93 34,3	31 11,4
Trung bình							

Đánh giá mức độ đáp ứng về nguồn lực dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	**Biện pháp quản lý**	**CBQL**			**GIÁO VIÊN**		
		Tốt	**Bình thường**	**Chưa tốt**	**Tốt**	**Bình thường**	**Chưa tốt**
		SL	SL	SL	SL	SL	SL
1	Nhân lực (người dạy, học)	20 45,5	15 34,0	9 20,5	141 52,1	102 37,6	28 10,3
2	Cơ sở vật chất (phòng học…)	19 42,2	14 31,8	11 25,0	89 32,8	145 53,5	37 13,7
3	Kinh phí tài chính	7 15,9	10 22,7	27 61,4	35 12,9	101 37,3	135 49,8
4	Chương trình dạy và học	12 27,3	21 47,7	11 25,0	39 14,4	157 57,9	75 27,7
5	Phương tiện dạy học (máy chiếu...)	8 18,2	18 40,9	18 40,9	29 10,7	140 51,7	102 37,6
Trung bình							

Thuận lợi, khó khăn khi tổ chức dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	Nội dung	SL	%
	Thuận lợi		
1	Cán bộ quản lý và giáo viên nhận thức rõ về tầm quan trọng của dạy học ở trung tâm trong việc xây dựng xã hội học tập	245	91,7
2	Trình độ, năng lực dạy học của giáo viên phù hợp	310	98,4
3	Giáo viên có ý thức trách nhiệm và thái độ dạy học tốt	311	98,7
4	Môi trường dạy học ở trung tâm giáo dục thường xuyên tốt	313	99,4
5	Phong trào đổi mới phương pháp dạy học rõ nét ở trung tâm giáo dục thường xuyên	275	87,3
6	Các văn bản pháp qui về dạy học và quản lý dạy học ở trung tâm giáo dục thường xuyên rõ ràng và phù hợp	305	96,8
7	Mối quan hệ giữa cán bộ quản lý và giáo viên trong chỉ đạo hoạt động dạy học thuận lợi	315	100
	Khó khan		
8	Cơ sở vật chất và phương tiện dạy học phù hợp còn hạn chế	273	86,7
9	Điều kiện kinh tế của gia đình giáo viên ở trung tâm còn hạn hẹp	195	61,9
10	Giáo viên chưa có nhiều điều kiện để nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn	185	58,7
11	Hiểu biết của giáo viên về xã hội học tập và mối quan hệ giữa dạy học ở trung tâm với xây dựng xã hội học tập còn hạn chế	187	59,4
12	Phương pháp, hình thức dạy học ở trung tâm chưa đa dạng	217	68,9

Đánh giá thực trạng quản lý người dạy ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	Biện pháp quản lý	CBQL			GIÁO VIÊN		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
		SL	SL	SL	SL	SL	SL
1	Khảo sát đánh giá người dạy để tạo ra sự phù hợp giữa người dạy với chương trình dạy học, giúp cho người học tốt nhất	9 20,5	23 52,3	12 27,2	36 13,3	102 37,6	133 49,1
2	Tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ người dạy nhằm tăng cường nhân lực xây dựng xã hội học tập	21 47,7	14 31,8	9 20,5	92 33,9	134 49,5	45 16,6
3	Đa dạng hóa người dạy theo chuyên đề, tạo điều kiện cho người học học được các chuyên đề chuyên sâu phục vụ nhu cầu xã hội và cá nhân	21 47,7	19 43,2	4 9,1	117 43,2	115 42,4	39 14,4
4	Tạo ra sự phù hợp tay ba: người dạy - người học và nội dung chương trình học hướng đến xây dựng xã hội học tập	7 15,9	22 5,0	15 34,1	31 11,4	143 52,8	97 35,8
Trung bình							

Đánh giá thực trạng quản lý người học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	Biện pháp quản lý	Mức độ					
		CBQL			GIÁO VIÊN		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
		SL	SL	SL	SL	SL	SL
1	Khảo sát đánh giá người học để tạo sự phù hợp giữa người học và chuyên đề học, vận dụng được vào thực tế công việc	7 15,9	11 25,0	26 59,1	41 15,1	151 55,7	79 29,2
2	Đánh giá chất lượng người học tạo điều kiện cho người dạy dạy sát đối tượng và tôn trọng người học	17 38,6	19 43,2	8 18,2	45 16,6	191 70,5	35 12,9
3	Khảo sát nhu cầu người học để tạo điều kiện cho người học được học tập phù hợp với mong muốn nguyện vọng và năng lực	12 27,3	19 43,2	13 29,5	91 33,6	145 53,5	35 12,9
4	Hình thành phương pháp tự học, tự bồi dưỡng, tạo điều kiện cho người học có cơ hội, phát huy vai trò của mình với xã hội và học tập suốt đời	9 20,5	19 43,2	16 36,3	31 11,5	102 37,6	138 50,9
5	Tạo điều kiện cho người học chớp thời cơ, cơ hội học tập, học tập suốt đời	21 47,7	21 47,7	2 4,6	129 47,6	131 48,3	11 4,1
Trung bình							

Đánh giá thực trạng quản lý chương trình, nội dung dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	Biện pháp quản lý	Mức độ					
		CBQL			GIÁO VIÊN		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
		SL	SL	SL	SL	SL	SL
1	Quán triệt, xác định mục tiêu chương trình, nội dung dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập	9 20,5	22 5,0	13 29,5	49 18,1	201 74,2	21 7,7
2	Chỉ đạo giáo viên bên cạnh tuân thủ chương trình dạy học (phần cứng) cần mềm hóa chương trình bằng các chương trình phụ, chuyên đề gắn với thực tiễn địa phương và phù hợp với người học	19 43,2	20 45,5	5 11,3	91 33,6	144 53,1	36 13,3
3	Thiết kế chương trình dạy học cần có sự tham gia không chỉ CBQL, giáo viên mà cần có các tổ chức xã hội nghề nghiệp, các cơ sở sử dụng lao động	8 18,2	11 25,0	25 56,8	31 11,4	75 27,7	165 60,9
4	Chương trình, nội dung dạy học cần được định kỳ rà soát, cập nhật, bổ sung nhằm đáp ứng với nhu cầu địa phương và nhu cầu người học	17 38,6	20 45,5	7 15,9	71 26,2	111 40,9	89 32,9
Trung bình							

Đánh giá thực trạng quản lý tài chính, phương tiện cơ sở vật chất (các điều kiện đảm bảo) ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	Biện pháp quản lý	Mức độ					
		CBQL			GIÁO VIÊN		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
		SL	SL	SL	SL	SL	SL
1	Lập kế hoạch sử dụng nguồn lực vật chất phục vụ dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập	9 20,5	20 45,4	15 34,1	55 20,3	157 57,9	59 21,8
2	Tổ chức sử dụng kinh phí tài chính, CSVC đúng mục đích, tạo điều kiện tổ chức tốt hoạt động dạy và học theo hướng tạo điều kiện cho người học	18 40,9	24 54,5	2 4,6	127 46,9	133 49,1	11 4,0
3	Kiểm tra việc sử dụng tài chính, phương tiện dạy học có đúng mục đích tạo cơ hội cho người học được học tập	15 34,1	18 40,9	11 25,0	110 40,6	142 52,4	19 7,0
4	Tăng cường tự chủ và trách nhiệm xã hội trong việc sử dụng tài chính, nhằm nâng cao cơ hội cho người học, có trách nhiệm với người học trong việc học tập suốt đời	9 20,5	14 31,8	21 47,7	45 16,6	167 61,6	59 21,8
5	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng giáo viên trong việc sử dụng phương tiện dạy học, để tổ chức dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của người học	8 18,2	12 27,3	24 54,5	37 13,7	125 46,1	109 40,2
Trung bình							

Đánh giá thực trạng quản lý quá trình giảng dạy của giáo viên ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	Biện pháp quản lý	Mức độ					
		CBQL			GV		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
		SL	SL	SL	SL	SL	SL
1	Xác định rõ mục tiêu dạy học theo hướng xây dựng xã hội học tập	16 36,4	21 47,7	7 15,9	91 33,5	140 51,7	40 14,8
2	Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học	20 45,5	21 47,7	3 6,8	125 46,1	134 49,5	12 4,4
3	Tổ chức bồi dưỡng kĩ năng sử dụng phương tiện dạy học hiện đại trong giảng dạy, để giáo viên có thể tạo nhiều cơ hội cho người học lĩnh hội, làm chủ tri thức để phát triển cá nhân	18 40,9	25 56,8	1 2,3	120 44,3	113 41,7	38 14,0
4	Chỉ đạo gắn bài giảng của giáo viên với thực tiễn địa phương	8 18,2	13 29,5	23 52,3	41 15,2	102 37,6	128 47,2
5	Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên	21 47,7	16 36,4	7 15,9	97 35,8	123 45,4	51 18,8
6	Kiểm tra, điều chỉnh hoạt động giảng dạy của giáo viên theo hướng tạo cơ hội, tạo điều kiện cho người học học tập	14 31,8	18 40,9	12 27,3	50 18,5	202 74,5	19 7,0

7	Chỉ đạo giảng dạy của giáo viên theo hướng hình thành nhu cầu, phương pháp tự học, tự bồi dưỡng	17 38,6	15 34,1	12 27,3	59 21,8	151 55,8	61 22,4
8	Tổ chức mối liên hệ chặt chẽ giữa hoạt động giảng dạy của giáo viên với thực tiễn địa phương	9 20,5	10 22,7	25 56,8	27 9,9	119 43,9	125 46,2
9	Dạy học hình thành nhu cầu học tập ở người học	11 25,0	17 38,6	16 36,4	68 25,1	113 41,7	90 33,2
10	Dạy học phát huy hết các điều kiện chủ quan của người học	10 22,7	13 29,6	21 47,7	35 12,9	138 50,9	98 36,2
11	Xây dựng nội dung phù hợp với từng loại đối tượng học tập, cộng đồng dân cư, vùng miền	5 11,4	10 22,7	29 65,9	33 12,2	76 28,0	162 59,8
Trung bình							

Đánh giá thực trạng quản lý hoạt động học tập của người học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	**Biện pháp quản lý**	**Mức độ**					
		CBQL			**GIÁO VIÊN**		
		Tốt	**Bình thường**	**Chưa tốt**	**Tốt**	**Bình thường**	**Chưa tốt**
		SL	SL	SL	SL	SL	SL
1	Xác định các nội dung học tập phù hợp với lứa tuổi, đối tượng, vùng miền	12 27,3	22 50,0	10 22,7	39 14,4	101 37,3	131 48,3
2	Tổ chức học tập cho người	11	12	21	35	103	133

	học xuất phát từ nhu cầu học tập của người học	25,0	27,3	47,7	12,9	38,0	49,1
3	Hình thành động cơ, thái độ và nhu cầu học tập suốt đời cho người học	6 13,6	9 20,5	29 65,9	33 12,2	77 28,4	161 59,4
4	Đổi mới cách thức tổ chức học tập, phương pháp học tập lấy người học làm trung tâm	18 40,9	14 31,8	12 27,3	45 16,7	161 59,4	65 23,9
5	Chỉ đạo xây dựng gắn học tập của người học với thực tiễn địa phương	21 47,7	20 45,5	3 6,8	123 45,4	112 41,3	36 13,3
6	Kiểm tra, đánh giá học tập của người học theo hướng xã hội học tập (vận dụng kiến thức, nhu cầu hoàn thiện, tự học...)	15 34,1	21 47,7	8 18,2	51 18,8	189 69,8	31 11,4
7	Xác định các hình thức học tập phù hợp với chương trình, đối tượng học tập và hoàn địa phương	19 43,2	18 40,9	7 15,9	45 16,7	173 63,8	53 19,5
Trung bình							

Đánh giá thực trạng quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	Biện pháp quản lý	Mức độ					
		CBQL			GV		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
		SL	SL	SL	SL	SL	SL
1	Xác định mục tiêu, tiêu chí kiểm tra dạy học theo hướng xã hội học tập	10 22.7	20 45,5	14 31,8	68 25,2	111 40,9	92 33,9
2	Tổ chức bộ máy kiểm tra có tính đến các lực lượng xã hội khác giúp người dạy và học vận dụng kiến thức vào xã hội	11 25,0	20 45,5	13 29,5	49 18,1	191 70,5	31 11,4
3	Chỉ đạo kiểm tra, đánh giá theo hướng nhấn mạnh đến hình thành phương pháp tự học, nhu cầu xã hội	14 31,8	19 43,2	11 25,0	61 22,5	155 51,2	55 20,3
4	Đánh giá người học theo hướng (mục đích) tạo điều kiện cho người học có cơ hội tham gia tiếp tục học tập	19 43,2	23 52,3	2 4,5	115 42,4	127 46,9	29 10,7
5	Xác định các tiêu chuẩn đầu ra cụ thể và phù hợp với thực tiễn xã hội (địa phương)	11 25,0	12 27,3	21 47,7	37 13,7	114 42,1	120 44,2
6	Gắn việc ra đề thi với thực tiễn địa phương	9 20,5	11 25,0	24 54,5	30 11,2	101 33,3	140 51,5
7	Phương pháp và qui trình thi cử đảm bảo theo hướng xã hội học tập (học suốt đời, tôn trọng người học, vận dụng thực tiễn)	17 38,6	18 40,9	9 20,5	130 48,0	132 48,7	9 3,3
8	Xây dựng ngân hàng đề thi theo hướng xã hội học tập	6 13,7	10 22,7	28 63,6	28 10,3	79 29,2	164 60,5
Trung bình							

Đánh giá thực trạng quản lý cấp phát văn bằng chứng chỉ ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	Biện pháp quản lý	Mức độ					
		CBQL			GV		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
		SL	SL	SL	SL	SL	SL
1	Lập kế hoạch cấp phát văn bằng chứng chỉ phù hợp với cơ hội việc làm của người học	9 20,5	12 27,3	23 52,2	26 9,6	139 51,3	106 39,1
2	Xác định các loại chứng chỉ phù hợp với thực tiễn ngành nghề địa phương	10 22,7	13 29,5	21 47,8	89 32,8	142 52,4	40 14,8
3	Loại hình văn bằng chứng chỉ tạo cơ hội cho người học có cơ hội học tập trau dồi kiến thức	15 34,1	17 38,6	12 27,3	67 24,7	81 29,9	123 45,4
4	Chứng chỉ đa dạng phù hợp với ngành nghề và các loại đối tượng	19 43,2	21 47,7	4 9,1	129 47,6	105 38,7	37 13,7
5	Tổ chức bộ máy cấp phát chứng chỉ, văn bằng đúng qui định và đa dạng sự tham gia của xã hội	7 15,9	10 22,7	27 61,4	25 9,2	121 44,6	125 46,2
Trung bình							

Đánh giá thực trạng quản lý thông tin đầu ra của dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	Biện pháp quản lý	Mức độ					
		CBQL			GV		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
		SL	SL	SL	SL	SL	SL
1	Tổ chức hội nghị khách hàng đánh giá mức độ đáp ứng của học viên với công việc của địa phương	17 38,6	20 45,5	7 15,9	117 43,2	143 52,8	11 4,0
2	Thiết lập được mối quan hệ giữa trung tâm với các cơ sở sử dụng nhân lực của trung tâm để đánh giá đầu ra, điều chỉnh chương trình, nội dung dạy và học	5 11,4	13 29,5	26 59,1	31 11,4	139 51,3	101 37,3
3	Quản lý kêt quả học tập (đối chiếu sản phẩm với mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình đào tạo)	20 45,5	23 52,2	1 2,3	109 40,2	145 53,5	17 6,3
4	Chỉ đạo điều chỉnh nội dung, hình thức dạy học cho phù hợp và đáp ứng với nhu cầu làm việc của người học.	9 20,5	13 29,5	22 50,0	59 21,8	151 55,8	61 22,4
5	Tổ chức cho người học tự đánh giá trình độ và có nhu cầu học tiếp tục để đáp ứng nhu cầu xã hội	12 27,3	21 47,7	11 25,0	55 20,3	133 49,1	83 30,6
Trung bình							

Đánh giá thực trạng quản lý phản hồi của các cơ sở sử dụng sản phẩm dạy học của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

TT	Biện pháp quản lý	Mức độ					
		CBQL			GV		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
		SL	SL	SL	SL	SL	SL
1	Phẩm chất làm việc của người học phù hợp với công việc	9 20,5	13 29,5	22 50,0	31 11,4	128 47,2	112 41,4
2	Đã có các kĩ năng làm việc cơ bản	18 40,9	16 36,4	10 22,7	98 36,2	119 43,9	54 19,9
3	Đã có năng lực thực tiễn	11 25,0	21 47,7	12 27,3	37 13,7	136 50,2	98 36,1
4	Người học bước đầu đáp ứng với thị trường sử dụng	19 43,2	22 50,0	3 6,8	127 46,9	129 27,6	15 5,5
5	Mức độ vận dụng kiến thức đã học để làm việc	17 38,7	21 47,7	6 13,6	63 23,2	109 40,2	99 36,6
Trung bình							

Đánh giá thực trạng quản lý sự phản hồi của ý kiến học viên về dạy học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	Biện pháp quản lý	Mức độ					
		CBQL			GV		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt	Tốt	Bình thường	Chưa tốt
		SL	SL	SL	SL	SL	SL
1	Đáp ứng được với yêu cầu của cơ sở sử dụng lao động	15 34,0	20 45,5	9 20,5	61 22,5	161 59,4	49 18,1

2	Hài lòng với những điều đã học được	20 45,5	21 47,7	2 4,5	109 40,2	147 54,2	15 5,6
3	Vẫn bị áp lực công việc cần học tiếp	11 25,0	24 54,5	9 20,5	53 19,6	188 69,4	30 11,0
4	Có nhu cầu học lên tại trung tâm	16 36,4	22 50,0	6 13,6	128 47,2	124 45,8	19 7,0
Trung bình							

Đánh giá thực trạng quản lý các vấn đề cần học thêm của người học ở Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên theo hướng xây dựng xã hội học tập

TT	**Biện pháp quản lý**	**Mức độ**					
		CBQL			**GIÁO VIÊN**		
		Tốt	**Bình thường**	**Chưa tốt**	**Tốt**	**Bình thường**	**Chưa tốt**
		SL	SL	SL	SL	SL	SL
1	Tri thức	13 29,5	19 43,2	12 27,3	65 23,9	176 64,9	30 11,2
2	Kĩ năng nghề nghiệp	19 43,2	17 38,6	8 18,2	103 38,0	118 43,5	50 18,5
3	Năng lực nghề nghiệp	20 45,5	22 50,0	2 4,5	122 45,0	131 48,3	18 6,7
4	Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn	9 20,5	23 52,2	12 27,3	63 23,2	152 56,1	56 20,7
Trung bình							

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM

Kết quả đo chất lượng dạy học ở Trung tâm GDNN – GDTX trước thực nghiệm

STT	Tiêu chí đánh giá	Đối chứng									
		Cao		Trung bình cao		Trung bình		Thấp		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Giáo viên nắm chắc chương trình và thiết kế hoạt động dạy học phù hợp	1	3,8	4	15,4	20	77	1	3,8	2,19	**1**
2	Tạo hứng thú học tập cho người học và thể hiện sự quan tâm giữa người dạy và người học	1	3,8	2	7,7	19	73,1	4	15,4	2,0	**4**
3	Xây dựng bầu không khí khích lệ người học học tập	1	3,8	3	11,5	16	61,6	6	23,1	1,96	**5**
4	Cơ hội học tập được xuất hiện thường xuyên trong dạy học	1	3,8	2	7,7	15	57,7	8	30,7	1,85	**8**
5	Giáo viên có phương pháp giảng dạy kích thích, hỗ trợ người học	1	3,8	4	15,4	19	73,1	2	7,7	2,15	**2**
6	Bài giảng có liên hệ chặt chẽ giữa kiến thức lý thuyết với thực tiễn địa phương	1	3,8	2	7,7	14	53,9	9	34,6	1,81	**9**
7	Người học chủ động, tích cực, sẵn sàng hợp tác trong giờ học và lĩnh hội được tri thức	1	3,8	2	7,7	16	61,6	7	26,9	1,88	**7**

8	Phương tiện, cơ sở vật chất phục vụ dạy học được sử dụng tốt trong giảng dạy	2	7,7	2	7,7	19	73,1	3	11,5	2,12	**3**
9	Môi trường dạy học là môi trường hợp tác chặt chẽ giữa người dạy và người học để tạo ra sản phẩm	1	3,8	2	7,7	17	65,4	6	23,1	1,92	**6**
Trung bình										**1,99**	

STT	**Tiêu chí đánh giá**	**Thực nghiệm**									
		Cao		**Trung bình cao**		**Trung bình**		**Thấp**		$\overline{X}$	**Thứ bậc**
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Giáo viên nắm chắc chương trình và thiết kế hoạt động dạy học phù hợp	2	7,1	3	10,8	21	75	2	7,1	2,18	1
2	Tạo hứng thú học tập cho người học và thể hiện sự quan tâm giữa người dạy và người học	1	3,6	3	10,7	21	75	3	10,7	2,07	3
3	Xây dựng bầu không khí khích lệ người học học tập	1	3,6	2	7,1	20	71,4	5	17,9	1,96	5
4	Cơ hội học tập được xuất hiện thường xuyên trong dạy học	1	3,6	1	3,6	19	67,8	7	25	1,86	8
5	Giáo viên có phương pháp giảng dạy kích thích, hỗ trợ người học	1	3,6	3	10,7	22	78,6	2	7,1	2,11	2

6	Bài giảng có liên hệ chặt chẽ giữa kiến thức lý thuyết với thực tiễn địa phương	1	3,6	1	3,6	18	64,2	8	28,6	1,82	9
7	Người học chủ động, tích cực, sẵn sàng hợp tác trong giờ học và lĩnh hội được tri thức	1	3,6	1	3,6	21	75	5	17,9	1,93	6
8	Phương tiện, cơ sở vật chất phục vụ dạy học được sử dụng tốt trong giảng dạy	1	3,6	2	7,1	21	75	4	14,3	2,0	4
9	Môi trường dạy học là môi trường hợp tác chặt chẽ giữa người dạy và người học để tạo ra sản phẩm	1	3,6	1	3,6	20	71,4	6	21,4	1,89	7
Trung bình										**1,98**	

Kết quả đo chất lượng dạy học ở Trung tâm GDNN - GDTX sau thực nghiệm

STT	Tiêu chí đánh giá	Đối chứng									
		Cao		Trung bình cao		Trung bình		Thấp		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Giáo viên nắm chắc chương trình và thiết kế hoạt động dạy học phù hợp	1	3,8	4	15,4	20	77	1	3,8	2,19	**1**
2	Tạo hứng thú học tập cho người học và thể hiện sự quan tâm giữa người dạy và người học	2	7,7	2	7,7	18	69,2	4	15,4	2,08	**4**
3	Xây dựng bầu không khí khích lệ người học học tập	2	7,7	1	3,8	18	69,2	5	19,3	2,0	**5**
4	Cơ hội học tập được xuất hiện thường xuyên trong dạy học	1	3,8	2	7,7	15	57,7	8	30,7	1,85	**8**
5	Giáo viên có phương pháp giảng dạy kích thích, hỗ trợ người học	1	3,8	4	15,4	19	73,1	2	7,7	2,15	**2**
6	Bài giảng có liên hệ chặt chẽ giữa kiến thức lý thuyết với thực tiễn địa phương	1	3,8	2	7,7	14	53,9	9	34,6	1,81	**9**
7	Người học chủ động, tích cực, sẵn sàng hợp tác trong giờ học và lĩnh hội được tri thức	1	3,8	2	7,7	16	61,6	7	26,9	1,88	**7**

8	Phương tiện, cơ sở vật chất phục vụ dạy học được sử dụng tốt trong giảng dạy	2	7,7	2	7,7	19	73,1	3	11,5	2,12	**3**
9	Môi trường dạy học là môi trường hợp tác chặt chẽ giữa người dạy và người học để tạo ra sản phẩm	2	7,7	1	3,8	17	65,4	6	23,1	1,96	**6**
Trung bình										**2,00**	

STT	**Tiêu chí đánh giá**	**Thực nghiệm**									
		Cao		**Trung bình cao**		**Trung bình**		**Thấp**		$\overline{X}$	**Thứ bậc**
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Giáo viên nắm chắc chương trình và thiết kế hoạt động dạy học phù hợp	8	28,6	18	64,3	2	7,1	0	0	3,21	**1**
2	Tạo hứng thú học tập cho người học và thể hiện sự quan tâm giữa người dạy và người học	7	25	17	60,7	3	10,7	1	3,6	3,07	**3**
3	Xây dựng bầu không khí khích lệ người học học tập	5	17,9	17	60,7	4	14,3	2	7,1	2,89	**5**
4	Cơ hội học tập được xuất hiện thường xuyên trong dạy học	3	10,7	16	57,2	7	25	2	7,1	2,71	**8**

5	Giáo viên có phương pháp giảng dạy kích thích, hỗ trợ người học	7	25	18	64,3	2	7,1	1	3,6	3,11	**2**
6	Bài giảng có liên hệ chặt chẽ giữa kiến thức lý thuyết với thực tiễn địa phương	2	7,1	16	57,2	7	25	3	10,7	2,61	**9**
7	Người học chủ động, tích cực, sẵn sàng hợp tác trong giờ học và lĩnh hội được tri thức	4	14,3	17	60,7	5	17,9	2	7,1	2,82	**6**
8	Phương tiện, cơ sở vật chất phục vụ dạy học được sử dụng tốt trong giảng dạy	6	21,5	17	60,7	3	10,7	2	7,1	2,96	**4**
9	Môi trường dạy học là môi trường hợp tác chặt chẽ giữa người dạy và người học để tạo ra sản phẩm	4	14,3	16	57,2	6	21,4	2	7,1	2,79	**7**
Trung bình										**2,91**	

Kết quả đo biểu hiện của xã hội học tập thông qua dạy học trước thực nghiệm

STT	Biểu hiện	Đối chứng									
		Rất rõ		Rõ		Ít biểu hiện		Không biểu hiện		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Người có kiến thức và kĩ năng hơn người học có thể làm thầy và người hướng dẫn học tập	1	3,8	3	11,5	17	65,4	5	19,3	2,0	5
2	Mọi người đều có thể học được và có cơ hội học tập	1	3,8	4	15,4	18	69,3	3	11,5	2,12	2
3	Dạy theo nhu cầu và khả năng của người học bên cạnh nội dung, chương trình cứng của quản lý nhà nước	1	3,8	2	7,7	18	69,2	5	19,3	1,96	6
4	Văn bằng chứng chỉ để tìm kiếm việc làm	1	3,8	3	11,5	18	69,2	4	15,4	2,04	4
5	Nâng cao kiến thức để hòa nhập và thích ứng với nhu cầu xã hội	1	3,8	3	11,5	15	57,8	7	26,9	1,92	7
6	Giảng dạy với các phương pháp chuẩn mực đồng thời với các phương pháp người thầy có khả năng, phương tiện và thiết bị có thể có được trong hoàn cảnh dạy học cụ thể	2	7,7	3	11,5	19	73,1	2	7,7	2,19	1

7	Học tập dưới sự giảng dạy và hướng dẫn trực tiếp của người dạy đồng thời có thể thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua internet hoặc tự học	1	3,8	3	11,5	19	73,2	3	11,5	2,08	3
8	Linh hoạt thuận tiện cho người dạy và người học	1	3,8	2	7,7	16	61,6	7	26,9	1,88	8
9	Địa điểm dạy học vừa ở trung tâm và có thể ở nơi khác phù hợp theo sự thuận tiện của người dạy và người học	1	3,8	3	11,5	13	50	9	34,7	1,85	9
Trung bình										**2,0**	

STT	**Biểu hiện**	**Thực nghiệm**									
		Rất rõ		**Rõ**		**Ít biểu hiện**		**Không biểu hiện**		$\overline{X}$	**Thứ bậc**
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Người có kiến thức và kĩ năng hơn người học có thể làm thầy và người hướng dẫn học tập	1	3,6	2	7,1	18	64,3	7	25	1,89	7
2	Mọi người đều có thể học được và có cơ hội học tập	2	7,1	3	10,7	20	71,5	3	10,7	2,14	3
3	Dạy theo nhu cầu và khả năng của người học bên cạnh nội dung, chương trình cứng của quản lý nhà nước	1	3,6	3	10,7	20	71,4	4	14,3	2,04	5

4	Văn bằng chứng chỉ để tìm kiếm việc làm	1	3,6	4	14,3	20	71,4	3	10,7	2,11	4
5	Nâng cao kiến thức để hòa nhập và thích ứng với nhu cầu xã hội	1	3,6	2	7,1	19	67,9	6	21,4	1,93	6
6	Giảng dạy với các phương pháp chuẩn mực đồng thời với các phương pháp người thầy có khả năng, phương tiện và thiết bị có thể có được trong hoàn cảnh dạy học cụ thể	2	7,1	4	14,3	20	71,5	2	7,1	2,21	1
7	Học tập dưới sự giảng dạy và hướng dẫn trực tiếp của người dạy đồng thời có thể thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua internet hoặc tự học	1	3,6	5	17,9	20	71,4	2	7,1	2,18	2
8	Linh hoạt thuận tiện cho người dạy và người học	1	3,6	2	7,1	17	60,7	8	28,6	1,86	8
9	Địa điểm dạy học vừa ở trung tâm và có thể ở nơi khác phù hợp theo sự thuận tiện của người dạy và người học	1	3,6	2	7,1	16	57,2	9	32,1	1,82	9
Trung bình										**2,02**	

Kết quả đo biểu hiện của xã hội học tập thông qua dạy học sau thực nghiệm

STT	Biểu hiện	Đối chứng									
		Rất rõ		Rõ		Ít biểu hiện		Không biểu hiện		$\overline{X}$	Thứ bậc
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Người có kiến thức và kĩ năng hơn người học có thể làm thầy và người hướng dẫn học tập	1	3,8	4	15,4	17	65,4	4	15,4	2,08	5
2	Mọi người đều có thể học được và có cơ hội học tập	2	7,7	2	7,7	20	76,9	2	7,7	2,15	2
3	Dạy theo nhu cầu và khả năng của người học bên cạnh nội dung, chương trình cứng của quản lý nhà nước	1	3,8	2	7,7	18	69,2	5	19,3	1,96	6
4	Văn bằng chứng chỉ để tìm kiếm việc làm	1	3,8	3	11,5	18	69,3	4	15,4	2,04	4
5	Nâng cao kiến thức để hòa nhập và thích ứng với nhu cầu xã hội	1	3,8	3	11,5	15	57,7	7	27	1,92	7
6	Giảng dạy với các phương pháp chuẩn mực đồng thời với các phương pháp người thầy có khả năng, phương tiện và thiết bị có thể có được trong hoàn cảnh dạy học cụ thể	2	7,7	3	11,5	19	73,1	2	7,7	2,19	1

7	Học tập dưới sự giảng dạy và hướng dẫn trực tiếp của người dạy đồng thời có thể thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua internet hoặc tự học	1	3,8	3	11,5	20	77	2	7,7	2,12	3
8	Linh hoạt thuận tiện cho người dạy và người học	1	3,8	2	7,7	16	61,5	7	27	1,88	8
9	Địa điểm dạy học vừa ở trung tâm và có thể ở nơi khác phù hợp theo sự thuận tiện của người dạy và người học	1	3,8	3	11,5	13	50	9	34,7	1,85	9
Trung bình										**2,02**	

STT	**Biểu hiện**	**Thực nghiệm**									
		Rất rõ		**Rõ**		**Ít biểu hiện**		**Không biểu hiện**		$\overline{X}$	**Thứ bậc**
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Người có kiến thức và kĩ năng hơn người học có thể làm thầy và người hướng dẫn học tập	4	14,3	17	60,7	6	21,4	1	3,6	2,86	6
2	Mọi người đều có thể học được và có cơ hội học tập	6	21,4	18	64,3	3	10,7	1	3,6	3,04	3
3	Dạy theo nhu cầu và khả năng của người học bên cạnh nội dung, chương trình cứng của quản lý nhà nước	5	17,9	17	60,6	5	17,9	1	3,6	2,93	5

4	Văn bằng chứng chỉ để tìm kiếm việc làm	6	21,4	17	60,7	4	14,3	1	3,6	3,0	4
5	Nâng cao kiến thức để hòa nhập và thích ứng với nhu cầu xã hội	3	10,7	17	60,7	6	21,5	2	7,1	2,75	7
6	Giảng dạy với các phương pháp chuẩn mực đồng thời với các phương pháp người thầy có khả năng, phương tiện và thiết bị có thể có được trong hoàn cảnh dạy học cụ thể	7	25	19	67,9	2	7,1	0	0	3,18	1
7	Học tập dưới sự giảng dạy và hướng dẫn trực tiếp của người dạy đồng thời có thể thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua internet hoặc tự học	8	28,6	17	60,7	2	7,1	1	3,6	3,14	2
8	Linh hoạt thuận tiện cho người dạy và người học	2	7,1	16	57,2	8	28,6	2	7,1	2,64	9
9	Địa điểm dạy học vừa ở trung tâm và có thể ở nơi khác phù hợp theo sự thuận tiện của người dạy và người học	2	7,1	17	60,8	7	25	2	7,1	2,68	8
Trung bình										**2,91**	